VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

cái văn cái vẽ và cái đẹp
võ đình
duyên anh, cuối đời
đỗ tiến đức
trả lời ông trần văn tích về truyện kiều
nguyễn quảng tuân
vấn nạn của bill
nguyễn trung hối
gửi n.b.t.
khoa hữu

truyện
hoàng nga ● lê minh hà ● hoàng mai đạt
trần hoài thu ● nguyễn quí đức ● hoài ziang duy
huy văn ● điệp mỹ linh ● nguyễn thị thanh bình
thơ
nguyễn xuân thiệp - đinh nguyên - kiêm thêm
hoàng lộc - đặng hiền - hoàng bích đào - huỳnh liễu ngạn
nguyễn mạnh trinh - nguyễn đức thanh - vạn giả
ngũ an - nguyễn thanh châu - nguyễn hàn thu

SỐ 131 ● THÁNG 3 NĂM 1997

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper, Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Phone: (714) 894-8535
Xin lưu ý: Bắt đầu từ tháng 7.1996, zip code Văn Học là 92842,
thay thế zip code cũ 92642

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 131 ● tháng 3, 1997

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
VÕ ĐÌNH	3	cái văn cái vẽ và cái đẹp
NGUYỄN XUÂN THIỆP	11	*trong vườn tôi hoa phù dung vẫn nở*
NGUYỄN THẾ VIỆT	12	từ phương pháp tiếp cận...
ĐỊNH NGUYÊN	21	*bốn mùa*
NGUYỄN QUẢNG TUẤN	22	trả lời ông Trần văn Tích
NGUYỄN TRUNG HỐI	26	vấn nạn của bill
KHOA HỮU	41	*gửi n.b.t.*
HOÀNG NGA	44	đêm huyễn mộng
KIÊM THÊM	52	*khi từ biệt sài gòn*
LÊ MINH HÀ	54	cái bát
HOÀNG LỘC	59	*đọc lại hoàng hạc lâu*
HOÀNG MAI ĐẠT	60	con ư trán, bố xanh xao
ĐẶNG HIỀN	64	*tuyệt nhiên*
TRẦN HOÀI THƯ	65	xóm slum
HOÀNG BÍCH ĐÀO	70	*dòng sông và tôi*
NGUYỄN QUÍ ĐỨC	71	đám cưới
NGUYỄN MẠNH TRINH	76	*mưa buổi sáng trên xa lộ phía nam*
HOÀI ZIANG DUY	78	cơn gió chạy vòng
NGỮ AN	84	*năm bài ngũ ngôn*
HUY VĂN	85	chiến trường xa lắc
NGUYỄN THANH CHÂU	94	*bến sông xưa, chiều nào*
NGUYỄN HÀN THƯ	94	*núi*
NGUYỄN ĐỨC THANH	94	*mưa*
HUỲNH LIỄU NGẠN	95	*trời mưa*
VẠN GIÃ	95	*cát bụi*
ĐIỆP MỸ LINH	96	tìm vết chân xưa
ĐỖ TIẾN ĐỨC	108	duyên anh, cuối đời
NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	126	trả lời phỏng vấn, truyện ngắn
NGUYỄN QUỐC TRỤ	141	tạp ghi
VĂN HỌC	153	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 1997
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1997

thư tòa soạn
Văn Học

Văn Học số Tân niên 1997 mở đầu năm thứ mười ba tạp chí này hàng tháng đều đặn đến với bạn đọc. Và cũng như mười hai năm qua, Ban Chủ biên hy vọng quí văn hữu và bạn đọc tiếp tục yểm trợ cho tạp chí văn chương thân quen này.

Cho phù hợp với không khí thoải mái và dư âm của hai cái Tết vừa qua, nội dung số báo này chú trọng đến phần sáng tác nhiều hơn những bài biên khảo.

Về văn, có đóng góp của những cây bút từng được bạn đọc yêu mến như Nguyễn Trung Hối, Hoàng Nga, Lê Minh Hà, Hoàng Mai Đạt, Trần Hoài Thư, Nguyễn Quí Đức, Hoài Ziang Duy, Huy Văn, Điệp Mỹ Linh, Nguyễn thị Thanh Bình. Mỗi nhà văn từ kinh nghiệm sống và cảm nhận riêng tư của mình ghi lại một mảnh đời. Xin bạn đọc nghe họ kể câu chuyện của họ, và khi nghe xong từng ấy câu chuyện, bạn đọc sẽ thấy cuộc sống quanh ta phong phú hơn, những người vô danh ta thường gặp đáng yêu hơn.

Về thơ, có đóng góp của Nguyễn Xuân Thiệp, Định Nguyên, Khoa Hữu, Kiêm Thêm, Hoàng Lộc, Đặng Hiền, Hoàng Bích Đào, Nguyễn Mạnh Trinh, Ngữ An, Nguyễn Thanh Châu, Nguyễn Hàn Thư, Nguyễn Đức Thanh, Huỳnh Liễu Ngạn, Vạn Giả, mỗi nhà thơ có một nét riêng. Đặc biệt trên số này Văn Học lại có dịp giới thiệu những bài thơ đầy máu lệ của Khoa Hữu, một bạn thơ còn ở quê nhà.

Mục mới "Văn liệu" cũng khởi đăng trên số này như đã loan báo hồi cuối năm, giới thiệu những văn liệu liên quan tới hai nhà văn Duyên Anh và Nguyễn thị Thanh Bình.

Mùa Xuân đã về. Văn chương nở hoa bằng những sáng tác mới. Xin gửi bao nhiêu đóa hoa xuân xinh đẹp ấy cho tất cả bạn đọc.

cái văn cái vẽ và cái đẹp

Võ Đình

Loay hoay vậy mà đã bốn mươi năm cầm cọ. Có khi tôi ngồi lẩn thẩn tự hỏi: Hội họa là cái chi hè? Chỉ khi người ta về già mới tự hỏi như vậy. Còn trẻ, người ta phăng phăng tiến tới, đầu óc đầy đặc những sáng tác với sáng tạo, tư tưởng với kỷ thuật, hình tượng với bố trí. Về già, người ta mới hỏi một câu cắc cớ như vậy. Nhưng không sao, hỏi rồi bỏ qua. Không cần trả lời nhưng vẫn vơ nhớ lại dăm ba kỷ niệm thời nhỏ dại về cái vẫn được gọi là hội họa. Chẳng hạn : Bà con cô bác đến nhà chơi đều bị thằng nhỏ...vẽ chân dung, vẽ với cái que quẹt trên mặt đất. Chẳng hạn lấy mủ cây sầu đông trộn với bột màu, giả làm sơn dầu. Chẳng hạn : *Hụt* học vẽ với cô M. H.

Số là, hồi ấy, tôi mới mười hai, mười ba, một hôm cha mẹ tôi ngồi uống nước nói chuyện. Cha tôi nói: " Bữa mô rảnh rảnh, mình dắt con ra ngoài cô M. H. cho nó học vẽ " . Mẹ tôi nói : " Mình nói phải, để đó tui lo." Cha tôi lại nói : " Cho con hắn ra ngoài nớ, dọn dẹp quét tước cho Cô mà học vẽ." Chữ cô nghe có vẻ gần gũi vì hình như cô M. H. và mẹ tôi có bà con gần xa chi đó. Tôi nghe cha nói, thích lắm, thấy mình đã mon men đến đứng trước cánh cửa nghệ thuật rồi. Được là đệ tử cô M. H. một vinh dự quá lớn lao.

Đầu thập niên 40 ở Huế, ngoài phố lớn, có một cửa tiệm được đông đảo thị dân ngưỡng mộ: tiệm cô M. H. và ba người anh em trai của cô. Bốn anh chị em đều mang những danh hiệu hai chữ đẹp đẽ: Tên con gái thì mỹ miều, tên con trai thì oai vệ. Bốn anh em cô M. H. nổi tiếng tài hoa. Họ chụp ảnh chân dung, họ vẽ truyền thần phong cảnh ...Trên đường đến trường hay về nhà, tôi khoái dừng lại nhìn vô gian hàng gắn kính của tiệm cô M. H. Thích thú vô kể. Thường được thấy một vài chân dung hay phong cảnh sơn dầu: Thiếu nữ xinh đẹp, mặc áo tím hay áo trắng, tóc chải phồng trước trán, ngón tay móc hờ trên giải nón, mắt ngước lên xa xăm

..., giòng sông lờ lững, tháp chùa ẩn hiện sau cành trúc, cành phượng, thành cổ rêu phong trong ánh tà huy, v. v. . .

Khi cha tôi nói "dọn dẹp quét tước cho cô mà học vẽ", tôi hết sức mừng rỡ, thấy câu chuyện học vẽ thật là quan trọng. Nghĩ rằng học vẽ cũng như học võ, hay đi tu. Phải tầm sư học đạo. Lên núi, lên chùa, lạy từ cổng lạy vô chưa chắc Thầy đã nhận cho làm đệ tử. Phải thức khuya dậy sớm, phải gánh nước nấu cơm, phải quét sân cuốc đất, rồi may ra thầy mới dạy cho đôi điều. Tôi sẵn sàng vác chổi ra hầu sư mẫu ngoài phố.

Mẹ tôi nói "để tui lo". Ngày tháng trôi qua, mẹ đâu có lo. Bây giờ , râu tóc đã bạc, nghĩ lại, tôi nghiệm ra rằng mẹ không "lo" chẳng phải vì mẹ vô tâm. Mẹ không "lo" vì có lẽ trong thâm tâm, người đàn bà ít học mà hết sức tinh tế đó đã ngờ rằng "ngoài cô M. H." không phải là nơi cho đứa con trai yêu qúi học vẽ. Nếu quả vậy thì mẹ tôi đã "ngờ" rất phải. Tôi không bao giờ được cái vinh hạnh cầm chổi quét phòng vẽ cho cô M. H. , hay cơ hội rửa cọ, chùi sơn cho các họa sĩ anh em của cô. Ở cái tuổi dễ bị ảnh hưởng nhất, tôi đã suýt học vẽ với cô M. H. Trong đời, tôi cũng đã đôi lần từng biết cái may sự rủi. Tôi có thể nói rằng một trong những cái may lớn nhất trong đời tôi là đã không học vẽ với anh em cô M. H. Hú viá

Không được (nhìn lui lại, nghĩ nên thay chữ được với chữ bị) học vẽ với cô M. H. , nhưng vài năm sau, tôi lại được (hay bị) đi Tây ! Trên chiếc tàu thủy khổng lồ xuyên đại dương lênh đênh cả tháng từ bến Sài gòn về biển Nam Hải, ra Ấn Độ dương, lên Hồng hải, vô Địa Trung hải, đến Marseille, Pháp quốc, tôi và dăm mống đồng hành du học sinh ngày ngày lên đứng lơ láo trên boong tầu...ngóng về cố quốc. Một hôm, thay vì ngóng về cố quốc, tôi chúi mũi vào cuốn sách nhỏ mới lượm được sáng đó ở chân cầu thang dưới hầm tầu. (Về sau, mới biết rằng cuốn sách nhỏ ấy thuộc loại sách mỹ thuật mỏng tanh, rẻ mạt, nhắm đến từng lớp đại chúng, do nhà Fernand Nathan ở Paris ấn hành). Cuốn sách có nhiều ảnh đen trắng tranh Picasso. Picasso ? ! Ở Huế, tôi từng nghe tên nhà đại danh họa. Chỉ nghe tên thôi, chưa bao giờ được thấy dù là tranh in lại trong sách. Thế mà khi xem cuốn sách nhỏ sáng đó, tôi đã bàng hoàng xúc động. Một thứ xúc động lạ lùng, chưa từng được biết. Tôi nhìn các ảnh trắng đen in lại tranh Picasso (có thể bị coi là in ấn thô thiển nếu xét theo tiêu chuẩn ngày nay) mà lòng dạ bồi hồi khôn tả.

Ở tuổi mới lớn, mười sáu mười bảy, trái tim tôi đã từng đắm đuối với những câu thơ đẹp , như "Trăng nhập vào giây cung nguyệt lạnh" của Xuân Diệu, như "Chiều mưa trên bãi nước sông đầy" của Huy Cận, như "Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong" của Thâm Tâm. Con mắt tôi đã từng

ngẩn ngơ vì ngón tay người con gái móc hờ trên giải nón bài thơ, vì giòng sông lờ lững dưới chân tháp cổ trong tranh anh em cô M. H. Lỗ tai tôi đã rừng mê mẩn với nào là "Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng" của Văn Cao, nào là "Đêm nay thu sang cùng heo may" của Nguyễn văn Thương, nào là "Ngoài hiên giọt mưa thu thánh thót rơi" của Đặng Thế Phong ...Tôi đã từng xao xuyến vì những câu thơ, vì những bức tranh, vì những điệu nhạc lời ca ... Tuy còn non dại, tôi cũng không phải hoàn toàn là kẻ xa lạ với những xúc cảm gọi là văn học nghệ thuật. Vậy mà hôm ấy, trên boong tầu, giữa đại dương, nhìn những bức tranh Picasso in lại trong sách (sau này nhớ lại mới biết đó là những tác phẩm ở thời kỳ bí hiểm nhất trong đời cầm cọ của ông: "Lập thể Phân tích" và "Lập thể Tổng hợp") tôi đã bước chân vào một thế giới dị biệt với tất cả những gì tôi đã có kinh nghiệm trước đó. Nỗi xúc cảm lạ thường, dữ dội, hết sức bất ngờ.

Như có nói trên, tôi đã đôi lần biết đến sự may rủi ở đời. Một trong những cái may lớn nhất trong đời tôi là đã không học vẽ với anh em cô M. H. . Nhưng đó, thật ra, mới chỉ là một nửa của cái may. Nửa kia là tôi đã được biết nỗi xúc động khi nhìn ngắm những đường ngang nét dọc, những mảng đậm nhạt của Picasso. Nỗi xúc động, sau này tôi mới biết, là một thứ xúc động thẩm mỹ nguyên chất, trọn vẹn. Nỗi xúc động đã dạy cho tôi đôi điều cốt tủy trong nghệ thuật tạo hình. Đó là, thứ nhất, cái đẹp trong một bức tranh, chính là cái đã gây nên xúc động trong ta khi ta nhìn ngắm tranh; cái đẹp đó không phát xuất từ đề tài của bức tranh, không dính dấp đến những ý tưởng phụ thuộc của đề tài đó. Cái đẹp đó phát xuất từ cái cách người họa sĩ bố trí bức họa và sử dụng đường nét mầu sắc để diễn đạt và giải quyết cách bố trí đó. Và, thứ hai, vẽ, không nhất thiết phải có hình thể, nói cách khác, không nhất thiết phải vẽ chân dung, phong cảnh, tĩnh vật, hay phải sử dụng những yếu tố thuộc về "thực tại", "hiện thực", v.v...Thực tại của bức tranh mới là đáng kể. Người họa sĩ tạo nên thực tại nầy, và chỉ có thực tại nầy mới gây nên nỗi xúc động thẩm mỹ trong ta.

Trong mấy chục năm qua, tôi đã lắm lúc nhớ lại những tấm tranh sơn dầu sơn nước của anh em cô M. H. Nhớ lại như những ràng buộc thắm thiết với một thời nhỏ dại, như nhớ lại cây sầu đông trước ngõ hay bụi chuối sau nhà. Tuy nhiên tôi vẫn phải kêu lên: hú viá ! Tôi đã may mắn không học vẽ với anh em cô M. H. Cô gái xinh đẹp mà e ấp, quyến rũ mà xa vời trong tranh của họ, cũng như giòng sông lãng đãng khói sương, tháp chùa ẩn hiện sau khóm trúc cành phượng, dãy thành cổ rêu phong trong "bóng tịch dương", tất cả đều là "Huế, đẹp và thơ". Ai cũng yêu, cũng mến. Ai cũng đều thấy như vậy. Nhưng tất cả những thứ làm nên

"Huế, đẹp và thơ" ấy chẳng có liên quan gì đến hội họa cả. Chẳng những không ăn nhằm gì đến hội họa, những "đẹp và thơ" ấy còn có thể gây nên phương hại cho cái nhìn ngắm của kẻ xem tranh. Cái "đẹp và thơ" đó có thể che lấp mất thực tại của bức tranh, và tạo nên ảo tưởng cho người nhìn tranh là đã thấy được tranh. Cái đẹp của thế giới thực tại bên ngoài, thế giới của tất cả mọi người, làm cho người xem tranh tưởng lầm đó là cái đẹp của tranh. Giòng sông trong mù, đẹp. Cô gái mộng mơ , đẹp. Nhưng giòng sông đẹp hay cô gái xinh không thể tạo nên cái đẹp cho bức tranh nếu bức tranh được dàn dựng trong một bố trí khuôn sáo, ước lệ, hay được cấu tạo bởi một bút pháp kém cỏi, tầm thường.

Ngược lại, thật may mắn cho màng Mona Lisa. Tuyệt tác của Leonardo da Vinci, cả thế giới đều biết, đều ngưỡng mộ. Bao nhiêu mực đã chảy để bàn vào tán ra về nụ cười -"hình như là" nụ cười - của La Joconde. Đẹp, thì thật ra người mẫu cũng đâu phải là một giai nhân tuyệt sắc. Còn vì sao nàng mỉm cười, nàng chỉ mỉm cười với ai, lúc nào, cái mỉm cười có ngụ ý gì, tựu trung chẳng phải là điều quan trọng. Quan trọng chăng là cách bố trí và nét cọ của da Vinci, nghệ thuật siêu đẳng của da Vinci. Năm thế kỷ trước đó, phóng bút vẽ vài thân trúc gầy với dăm ba chiếc lá xơ xác, Tô Đông Pha đã mở cánh cửa lớn đưa hội họa Trung Quốc vào con đường "văn-nhân-họa" , giã từ lối vẽ vốn đã lâu đời phụ thuộc vào phận sự trình diễn, kể chuyện. Rồi gần một ngàn năm sau họ Tô, chỉ với những mảng mầu nâu, xám, vàng xỉn, những mầu sắc u tối, nghèo nàn, khắc khổ, những đường ngang dọc, những nét chéo xiên có tính cách kỷ hà vô hình thể, Pablo Picasso đã cấu tạo nên được một ngôn ngữ tạo hình độc đáo, diễn đạt được một quan niệm mới mẻ về không gian và thực tại, làm cho cõi lòng người xem tranh xúc động như chưa từng trước đó.

.....

Tôi không biết cô M.H. và các anh em cô có còn tại thế và được bình an không. Tôi chỉ mong rằng nếu tình cờ đọc phải những giòng này, các cô chú sẽ thông cảm cho đứa bé ngày xưa nay cũng đã trở thành một ông già sáu mươi mấy tuổi. Những bức tranh của cô chú, nằm sau tấm kính lớn của gian hàng trên con đường đầy bóng phượng, con đường lớn nhất của cố đô Huế, đã cho đứa bé của nửa thế kỷ về trước những giây phút thú vị thần tiên. Vâng, đồng nhất cái đẹp của đất nước quê hương với cái đẹp mỹ thuật, cái đẹp trong hội họa, là một lầm lẫn nghiêm trọng, tôi xin thưa. Tuy vậy, tôi vẫn tôn trọng sự lầm lẫn ấy. Trân trọng vì thông cảm. "Huế, đẹp và thơ" , mấy ai cưỡng lại được ! "Huế., đẹp và thơ" , biết bao người, trong mấy thế hệ qua, đã sung sướng thỏa thuê trong sự lầm lẫn ấy.

Sự lầm lẫn ấy vô tội. Xem ra, lại đáng yêu. Hay nói theo lối Huế, "dễ

thương"! Sự lầm lẫn của thi sĩ Nam Trân, thời tiền chiến, mới là đáng trách.

Thi sĩ thấy chiếc "thuyền nan đủng đỉnh sau hàng phượng", trên thuyền có "cô gái Kim Long yểu điệu chèo", thế là thi sĩ vội vàng "xuống thuyền", và biện bạch "rằng Thơ thấy Đẹp phải tìm theo". Mấy câu thơ vô duyên !

Và cũng vô tội, Đáng tội chăng là ông Nam Trân tự cho mình là Thơ (vì ông là thi sĩ). Đáng tội chăng là theo ông, cô gái đẹp chèo thuyền là Đẹp, và Thơ thấy Đẹp ắt "phải tìm theo". Những ý tưởng ngô nghê, liều lĩnh. Thi sĩ Nam Trân chạy theo cô gái Kim Long xinh đẹp (Ca dao: Kim Long mấy ả mỹ miều / Trẫm thương trẫm nhớ trẫm liều trẫm đi), được, mặc ông , ông cứ việc, chúc ông may mắn. Cớ gì ông phải ví von rằng ông "tìm theo" cô gái yểu điệu như thể Thơ "tìm theo" Đẹp ?

Chuyện ông Nam Trân là chuyện xa xưa. Gần gũi chúng ta hơn có ông Võ Phiến. Một nhà văn lớn: tài hoa, sâu sắc, kiên trì. Trong cuốn *Sống và Viết* (Văn Mới, Los Angeles, 1996) xuất bản gần đây của ông có bài tạp luận *Cái Văn Cái Vẽ* (tr. 79). Tôi khoái cái nhan đề của bài này. Ông Võ Phiến nói về chuyện văn (chương) và chuyện vẽ (họa). Ông gộp hai chuyện đó lại thành Cái Văn Cái Vẽ. Mới liếc qua, hay người đọc vô ý có thể tưởng lầm cái đề là Cái Văn Cái Vẻ (Vẻ với dấu hỏi). Văn Võ Phiến có nhiều nét đặc sắc, trong số đó có nét ...tinh quái: tôi ngờ rằng tác giả cố tình "mập mờ" như vậy.

Cô Kiều đẹp là thế, ông viết, nhưng "mình có vài ba chỗ yếu: thích má lúm đồng tiền ; hai bên má Kiều có được đồng tiền nào chăng ? Thích mắt gái một mí , có đuôi (...) cô Kiều (...) có thế chăng ? v. v..."Tả người tả cảnh như Nguyễn Du là nhất" vậy mà cụ chỉ cho biết rằng Kiều có "mắt như nước mùa thu, mày như núi mùa xuân, má đỏ hơn hoa, tóc xanh hơn liễu, v.v...Cái gì cũng mơ mơ, hồ hồ. " Nói chơi chơi, ông Võ Phiến làm sáng tỏ ý niệm căn bản về cái đẹp. Thứ nhất, câu thơ Nguyễn Du đẹp không phải nhờ ở cái đẹp của đề tài. Không đẹp vì núi mùa xuân hay nước mùa thu đẹp. Và nhất là không đẹp vì...cô Kiều đẹp. Thứ hai, Kiều đẹp như vậy đó, chắc gì chàng trai nào cũng mê, cũng thích. Anh đàn ông có thể mê cái má lúm đồng tiền hơn, hay thích con mắt một mí có đuôi hơn. Nghĩa là trong sự yêu thích mê say ở thế giới con người, "bá nhân bá bao tử"! Yêu thích một câu thơ dở có thể là một cái "tội". Yêu thích một con người nhan sắc kém cỏi không phải là một cái "tội". Huống hồ yêu con mắt một mí có đuôi hơn yêu con mắt như "nước mùa thu", yêu cái má lúm đồng tiền hơn yêu đôi mày như "núi mùa xuân". Cụ Nguyễn Du biết thế cho nên cụ lửng lơ, cụ chỉ tả Kiều "như vầy, như vầy" , cụ để mặc cho ta

lựa chọn, cụ để mặc cho ta tưởng tượng. Và vì thế mới có tranh minh họa Kiều. Thi sĩ là người thì họa sĩ cũng là người. Họa sĩ A vẽ Kiều của họa sĩ A. Họa sĩ B vẽ Kiều của họa sĩ B. Không ai vẽ Kiều với "làn thu thủy, nét xuân sơn" cả, bởi vì Kiều của các họa sĩ (nghĩa là Kiều thấy được với con mắt) không còn là Kiều của Nguyễn Du nữa. Kiều của các họa sĩ là Kiều của họ, quần chúng đọc sách xem tranh thích hay không thích, khen hay chê, tùy. Tranh minh họa là thế, chứ không như ông Võ Phiến tưởng: "cái tả của cụ (Nguyễn Du) (cũng như mọi nhà văn nhà thơ) không thỏa mãn được một số đòi hỏi. Các họa sĩ biết chỗ ấy. Họ muốn tiếp tay." Oan cho các họa sĩ quá. Họ đâu có vô công rồi nghề đến các mức vác cọ đi "tiếp tay" một cách vô bổ như thế.

Ông Võ Phiến lại viết: "Người viết vẽ bằng lời, vẽ một chân dung lên giấy thành muôn vạn bản chân dung trong trí người đọc. Người họa sĩ (cũng là một độc giả) đem cái chân dung hình thành trong trí mình đặt trên khung vải, như thế là chỉ đưa ra một bản trong muôn bản, là làm rõ ra nhưng nghèo đi cái bản vẽ bằng lời." Quả có vậy. Tuy nhiên, ở đây có đôi điều mù mờ cần được "minh họa". Dựa lời thì dễ mất ý, chúng ta đều biết.

Hội họa Đông Tây, cổ kim đều trải qua thời kỳ mang tính cách "minh họa". Thời kỳ sự phân biệt giữa nhà minh họa và nhà họa sĩ còn hết sức lấn cấn. Nói chung chung, nhà minh họa lệ thuộc vào đề tài, họa sĩ được tự do độc lập hơn. Cũng nói chung chung, nhà họa sĩ được "coi trọng" hơn vì tác phẩm của họ được coi như sáng tạo hơn, thâm thúy hơn. Thực tế không giản dị như vậy. Sự đánh giá, thật ra, nằm ở trình độ nghệ thuật, chứ không phải ở lãnh vực nghề nghiệp. Có những họa phẩm có tính cách minh họa nhưng vì trình độ nghệ thuật vượt bực cho nên khía cạnh minh họa được quên đi và giá trị sáng tạo được đề cao. Ngược lại, có những họa sĩ vẽ những tranh gọi là sáng tạo, nhưng vì trình độ nghệ thuật thấp kém nên tác phẩm lại bị xem như những bức minh họa tầm thường. Chung qui, nghệ thuật vẫn là quan trọng hơn cả.

"Người họa" của ông Võ Phiến "đem cái chân dung thành hình trong trí mình đặt lên khung vải" bị ông chê là "làm rõ ra nhưng nghèo đi cái bản vẽ bằng lời". Bị chê là đáng kiếp. Bởi vì chỉ có "người họa" xoàng mới lẩn thẩn dùng đến cái "chân dung thành hình trong trí". Chỉ có "người họa" tồi mới làm công việc sao chép đó. Lịch sử Đông Tây không hiếm những tác phẩm, tuy có tính minh họa (một câu chuyện, một tuồng tích, hay một bản văn, một bài thơ) nhưng vì trình độ nghệ thuật cao nên đã được khắc sâu vào tâm trí của bao nhiêu thế hệ khách thưởng ngoạn. Chẳng những thế, các tác phẩm "minh họa" tuyệt luân này cơ hồ chiếm cứ ngay cả phần đất nguyên là của đề tài. Chẳng hạn, trong trí óc và tâm hồn

kẻ yêu chuộng nghệ thuật Le Radeau de la Méduse (hiện treo trong bảo tàng viện Louvre ở Paris) của Géricault còn rùng rợn, hãi hùng, ma quái hơn cả L'Odyssée của Homère !

Đó chỉ là chuyện của thế kỷ mười chín trở về trước. Những thập niên đầu của thế kỷ hai mươi của chúng ta, hội họa từ bỏ hẳn công việc, chẳng những minh họa mà còn diễn đạt thực tại của thế giới bên ngoài: Thời đại của hội họa trừu tượng. Trước đó, hội họa chẳng bao giờ phí công "dùng cọ dịch chữ ra mầu, dịch lời ra nét" như ông Võ Phiến đã viết trong Cái Văn Cái Vẽ . Bây giờ, hội họa lại càng tự túc, tự mãn hơn, hỗn hào hơn với cả Tạo Hóa: Hội họa tạo nên thực tại của một thế giới khác.

Người ta kể rằng Flaubert có thói quen đọc những gì mới viết cho bà quản gia (ít học) nghe. Có gì bà không hiểu, Flaubert viết lại. Flaubert khó tính, đối với cả chính mình, điều đó cả nước Pháp văn học lấy làm hãnh diện. Flaubert không chịu để cho nhà xuất bản in tranh minh họa vào sách ông cũng là điều dễ hiểu thôi. Điều khó hiểu là nhà Charpentier đã đề nghị mời nhà minh họa nào để bị Flaubert từ chối và dằn mặt như vậy. Không biết cái câu tác giả của *Madame Bovary* tuyên bố nguyên văn tiếng Pháp như thế nào, chỉ thấy trong bài *Cái Văn Cái Vẽ* ông Võ Phiến dịch ra tiếng Việt: "minh họa là phản văn chương". Nếu Flaubert có nói như vậy thật thì đáng tiếc cho Flaubert không được gặp một nhà minh họa tài ba. Flaubert không may mắn như St. John Perse. Khi ấn hành tập Oiseaux (Bird) song ngữ của thi hào này, nhà Bollingen đã mời Braque thực hiện cho mấy thủ ấn họa tuyệt vời. Cái vẽ của Braque không làm "sáng tỏ" gì lời thơ của St. John Perse. Ở đây cái vẽ không phục vụ cái văn. Cái vẽ không làm đầy tớ cái văn. Cái văn cái vẽ làm bạn tri kỷ đồng hành. Cái văn cái vẽ ôm ấp nhau cùng trong một bìa sách. Và kẻ hưởng lợi là không ai khác ngoài chúng ta.

*

Võ Phiến là một văn tài thượng hạng. Nguyễn Hưng Quốc đừng tưởng chỉ có mình ông mới "mê giọng văn Võ Phiến, ngôn ngữ Võ Phiến, trước khi chú ý những gì Võ Phiến nói" (Nguyễn Hưng Quốc, *Võ Phiến*, Văn Nghệ, 1996, tr. 32). Bản thân tôi, nhân viết bài này, đọc lại cuốn *Sống và Viết*, đặc biệt bài *Cái văn cái vẽ*, mới nhận ra rằng đàn anh cầm bút của mình đã...cả vú lấp miệng em ! Thật ra, ông Võ Phiến có nói gì oan ức cho người vẽ thì người vẽ cũng hoan hỉ chấp nhận thôi. Viết hay như ông, viết gì cũng được người đọc thích thú, huống hồ ông chỉ "nghĩ bâng quơ đôi điều là vì lo lắng cho cái văn. Nghệ thuật ngôn ngữ bằng chữ viết là đứa em út trong đại gia đình nghệ thuật (...) ấy vậy mà gần đây nó bị các nghệ thuật bằng âm thanh và hình sắc lấn át thấy rõ. Trên truyền thanh truyền

hình, hàng ngày cái hình cái tiếng nó lấn cái chữ, lấn chết bỏ. Đứa em út trong gia đình bị uy hiếp tơi bời, đáng tiếc quá. "

...

*

Tôi nhỏ hơn ông Võ Phiến đến gần cả chục tuổi. Vậy mà loay hoay cũng đã bốn mươi năm cầm cọ rồi. Về già, như tôi đã nói ở trên, người ta mới hỏi một câu cắc cớ như hội họa là cái gì...Tôi đoán chừng cũng có lúc ông Võ Phiến đã tự hỏi "văn chương là cái gì". Vâng, hội họa là nghệ thuật của con mắt, nghệ thuật bằng hình sắc, cũng như văn chương là nghệ thuật bằng ngôn ngữ, bằng chữ viết. Chúng ta đều biết như vậy. Tuy nhiên, phải chăng đến một lúc nào đó trong đời chúng ta không còn coi sự khác biệt về phương tiện là quan trọng nữa. Quan trọng chăng là lẽ huyền bí của đất trời. Có gì quan trọng chăng là sự kỳ diệu của niềm xúc cảm, là nét ẩn mật của nổi xôn xao mà nghệ thuật cống hiến cho con người. Kiếp nhân sinh lắm ê chề, chỉ vì nhờ có nghệ thuật mà cuộc đời vẫn huê dạng, mà sự sống càng gấm hoa. Nhà thẩm-mỹ-học người Anh, Bernard Berenson, thuộc vào hạng sư tổ: Ông thường hà tiện chữ nghĩa lắm. Vậy mà ông có lần huyênh hoang rằng không có nghệ thuật thì thế giới này chỉ là rừng núi hoang dã thôi.

Ông Võ Phiến viết "nghệ thuật bằng âm thanh và hình sắc". Tôi không muốn dành lời của các nghệ sĩ âm thanh. Tôi chỉ khẳng định rằng hội họa, nghệ thuật bằng hình sắc, chẳng những không bao giờ "lấn át" nghệ thuật bằng ngôn ngữ, bằng chữ viết, mà chính nó còn bị "cái hình" trên truyền hình, trên sách báo, "lấn chết bỏ". Tuy có chen có lấn đó, nhưng giữa "cái hình" đó và hội họa có một cách biệt nghìn trùng. Đó cũng là cái cách biệt giữa những lời rêu rao bán bột giặt, thuốc nhuận trường, ống xịt chống mồ hôi, nước súc miệng và câu văn tiếng nói của Võ Phiến.❐

Hoa Bang, 12-1996.

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Xin bạn đọc yểm trợ tạp chí Văn Học bằng cách:

- Ghi danh mua báo dài hạn (phiếu mua báo ở trang cuối)
- Mua báo năm tặng cho các bạn thân yêu văn chương
- Giới thiệu tạp chí Văn Học với thân nhân, bạn bè.
- Đóng góp bài vở, ý kiến để nội dung tạp chí càng ngày càng phong phú và trang nhã.

trong vườn tôi hoa phù dung đã nở

NGUYỄN XUÂN THIỆP

trong vườn tôi hoa phù dung đã nở
ngày rất hồng và chim hót rất xanh
cửa nhà ai sáng nay vừa mới mở
người trở về gọi mẹ gọi tên anh

vườn quên lãng đã phục hồi trí nhớ
kìa hãy nhìn lên
những cây khô vàng óng nhựa đầu cành
những búp non thơm mùi nắng mới
đăm chú gà đứng rũ lông
trên hàng giậu đàn bướm hoang bay tới
và trẻ con nô nức đậy đồng

thôi hãy xếp ưu phiền vào một góc
mở bàn tay cho tiếng hát lên cao
người đã về cuộc đời thay áo mới
hãy hong khô vết máu những năm nào

và hãy nhìn kìa
bàn tay ai quét lại bức tường rêu xám
sơn lại những bờ rào
may lại rèm cửa
trong căn nhà của chúng ta
có tiếng nói thì thầm bên bếp lửa
này mẹ này cha
này chồng này vợ
chỉ thiếu mặt những người đã chết
nhưng họ ở quanh đây
trong chiếc bình pha lê nước mưa trong vắt
trong gối chăn vừa mới đem phơi
trên từng bức tranh trên từng kệ sách
trên dấu bụi vàng trên lớp sơn phai
người đã về
người đã về cùng với sớm mai
nắng đã ấm những căn nhà gỗ
và
trong vườn tôi hoa phù dung đã nở.

Từ phương pháp tiếp cận đến việc lý giải sự xuất hiện một lưu phái văn học.

Nguyễn Thế Việt

Văn học dân tộc là một bộ phận quan trọng trong nền văn hóa dân tộc. Những cộng đồng có cùng quan hệ tòng thuộc với một trung tâm văn hóa nào đó sẽ giống nhau ở một số đặc trưng cơ bản nào đó. (Lịch sử tư tưởng, trình độ tư duy, lịch sử phát triển của ý thức hình tượng trong văn học nghệ thuật...). Khi lịch sử nhân loại chưa có những phương tiện thông tin hiện đại để tạo điều kiện dễ dàng cho sự giao lưu văn hóa, thì đường viền ranh giới giữa các trung tâm văn hóa lớn của thế giới càng đậm nét. Hậu quả của tình trạng đó là: lịch sử phát triển ý thức hình tượng trong văn học nghệ thuật nói riêng, lịch sử phát triển của các chuyên ngành trong lĩnh vực sản xuất những giá trị tinh thần nói chung của một cộng đồng nào đó, còn có lý do rủi may là nó tòng thuộc trung tâm văn hóa nào. Và từ đó, nó tiến hóa hay phản tiến hoá, nó vận động hay ngưng đọng ngoài lý do bên trong của bản thân, còn chịu sự quy định may rủi của các mối quan hệ tòng thuộc kể trên.

Văn học thời kỳ trung đại ở Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc quy luật này. Một mặt do ý thức độc lập tự chủ, cha ông ta đã xây dựng được một nền văn học dân tộc độc đáo, có sự đóng góp riêng vào nền văn hóa dân tộc (đặc biệt là nền văn học dân gian). Mặt khác do sự chi phối của khu vực ảnh hưởng của nền văn minh Hoa Hạ (Trung Quốc) của lịch sử tư tưởng triết học mang tính kinh viện xa rời thực tiễn của Nho giáo, nền văn học dân tộc (đặc biệt là dòng văn học bác học) đã gánh chịu một hậu quả nghiêm trọng, đó là sức ỳ, là sự ngưng đọng , tĩnh tại trong một thời gian khá dài của lịch sử văn học Việt Nam thời phong kiến.

Trên địa hạt văn học nghệ thuật, học thuyết Khổng giáo và các chi phái của nó đã kìm hãm, làm băng hoại sự vận động tự nhiên của lịch sử

ý thức hình tượng. Chứng cớ rõ rệt là sự ít phát triển về tư duy lý thuyết trong tiến trình :"tái sản xuất mở rộng" những giá trị tinh thần, giá trị thẩm mỹ của các khu vực văn hóa , văn học. Mãi đến một vài thế kỷ gần đây, thỉnh thoảng mới có ít học giả nào đó ngậm ngùi về cái lối văn chương cử tử kiểu Tàu này: "...Phương chi bọn hậu sinh chúng tôi, sinh ra sau buổi loạn ly, thơ văn dần dần lả lướt, hơn nữa từ nhỏ cầm bút viết văn, động một tý là tuân theo khuôn sáo khoa cử thời Lê mạt, cho nên vuông tròn cong thẳng, hết đỗi đi ngược lại với văn thơ của người xưa. Tiêm nhiễm lâu rồi mà muốn thay đổi nó, nếu không có cái kiến thức đúng đắn, cái cứ liệu xác đáng, thì ít ai có thể nhổ khỏi nó". (Nhữ Bá Sỹ. *Gốc ,ngọn , nguồn và dòng của văn chương* trong *Từ trong di sản*...Nhà xuất bản Tác phẩm mới,trang 137).

Ngót mươi thế kỷ trôi qua, ngoài sự phá hoại trực tiếp, nghiêm trọng của chính sách :"nhổ tận gốc" của các Hoàng đế Trung Hoa, còn phải cần kể đến sự phá hoại ngấm ngầm, đục ruỗng từ bên trong của các học thuyết tư tưởng mà các Hoàng đế Trung Hoa đã truyền bá trong quá trình bành trướng. Biểu hiện cao độ của sự trì trệ ngưng đọng về tư duy lý thuyết trên lĩnh vực văn học là hai phạm trù kinh viện:" Văn dĩ tải đạo" và " Thi dĩ ngôn chí"đã là cái khuôn chật chội của ngót mươi thế kỷ văn học phong kiến ở Việt Nam. Kéo theo tuyên ngôn văn chương có tính "mệnh lệnh" này là một hệ thống quan điểm thẩm mỹ bảo thủ: Đề cao cổ, khinh miệt kim ; đề cao cái "khuôn mẫu" khinh miệt mọi hoạt động sáng tạo.

Thực tế ấy, dẫn đến tình trạng là: có những thời kỳ lịch sử, do đứng trên quan điểm thực tiễn độc lập , tiến bộ, có những hiện tượng văn học đột xuất xuất hiện như một sự "khai sáng" hoàn toàn bất ngờ đối với các dòng ý thức và kiểu tư duy lý thuyết kể trên (văn học thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX là một ví dụ điển hình), sẽ đặt các nhà nghiên cứu trước một tình trạng không dễ dàng lý giải. Cần phải có những khái niệm mới, một khi bản thân sự vật đã :"nhảy vọt" khỏi "độ" cũ của nó; và chứa đựng một bản chất khác hẳn trước. Tất nhiên, tên gọi mới của một lưu phái vừa xuất hiện như một hiện tượng lạc loài của "kiểu" thẩm mỹ truyền thống không quan trọng bằng sự lý giải nó đề ra những hệ thống lý thuyết căn bản có từ lưu phái này để bổ sung cho kho tàng lý luận phương pháp luận sáng tác vốn dĩ chưa lấy gì làm phong phú trong nền văn học các nước phương Đông. Mặt khác, quan trọng hơn, (dù không ít kẻ trên thực tế đã tỏ thái độ hoài nghi và dửng dưng) cần đối chiếu so sánh với một số hiện tượng văn học trên thế giới để khẳng định một giả định: Có hay không có sự xuất hiện một phương pháp sáng tác mới trong lịch sử văn học Việt Nam thời phong kiến? Nếu có, tên gọi của nội hàm mới là gì, có gì tương

đồng và bất tương đồng với nội hàm cùng khái niệm của một số hiện tượng văn học thế giới, khác biệt về trung tâm văn hóa ảnh hưởng.

Có một thực tế đáng lưu ý là sự xuất hiện của hàng loạt khái niệm được dùng khi phải tiếp cận giai đoạn văn học thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX. Những khái niệm này vốn được chuyển từ các hiện tượng văn học khác của nhân loại vào nước ta một cách hồn nhiên. Có thể kể hàng loạt cách dùng khác nhau trong những quan niệm không giống nhau của các khái niệm: tính chân thực, khuynh hướng hiện thực chủ nghĩa hoặc chủ nghĩa hiện thực để chỉ đặc điểm của một trào lưu. Tương tự như thế, các bài giảng văn ở hầu khắp các cấp học, khái niệm điển hình, tính cách, phong cách được chuyển dùng rộng rãi cho hiện tượng văn học kể trên mà rất ít thấy một sự xác định các khái niệm đó đáng kể của người sử dụng.

Khoảng trên dưới vài thập niên lại đây, bắt đầu xuất hiện những dự định nghiêm túc: Cần lý giải xem, có hay không có chẳng hạn, sự hiện diện của chủ nghĩa hiện thực với tư cách là một lưu phái văn học trong văn học Việt Nam thế kỷ XVIII- nửa đầu thế kỷ XIX. Nếu có thì sự hiện diện này là một quá trình nẩy sinh tự nó hay là kết quả sự giao lưu phức tạp của nhiều hiện tượng văn học ? Nó mang những đặc trưng dị biệt hay tương đồng nào với lưu phái văn học hiện thực phê phán phương Tây thế kỷ XIX? Những đóng góp mới của sự hiện diện này vào kho tàng lý luận phương pháp luận sáng tác.

Việc định danh một phương pháp sáng tác thường bắt đầu từ việc giới hạn khái niệm được định danh đó. Tuy nhiên , phương pháp nói chung và phương pháp sáng tác của chủ nghĩa hiện thực nói riêng không phải là những tư duy tư biện trừu tượng đột xuất phi thực tiễn mà rõ ràng, nó phải được rút ra từ các hiện tượng văn học. Những suy lý trừu tượng đột xuất của một lưu phái văn học bao giờ cũng được đặt trong mối quan hệ với các lưu phái khác. Nói cách khác, bản chất chứa đựng trong khái niệm chỉ có thể được xác định qua những biến tướng "bất thường", "bất trị" của nó trong bao gương mặt thiên hình vạn trạng của các hiện tượng văn học. Khó có thể tìm ra một định nghĩa vừa có tính xác định cao mà lại gọn gàng dễ hiểu.Chính những biến tướng " bất thường", "bất trị" đó, buộc các nhà nghiên cứu phải ứng dụng phép loại trừ khi khảo sát nó trong mối liên hệ so sánh với các phương pháp sáng tác không thuộc chủ nghĩa hiện thực.

Lý luận về vấn đề chủ nghĩa hiện thực trong văn học các nước phương Tây về căn bản đã vượt qua thời kỳ thăng trầm. Đến nay, do ý thức được sự chế ước của quan niệm chật chội về "điều kiện nảy sinh" và "kiểu thức phản ánh"có trong các khuynh hướng nghiên cứu ba thập niên về trước

(Xem Con-rat: Chủ nghĩa hiện thực với văn học phương Đông. Tạp chí *Những vấn đề văn học* số 1 năm 1957), chủ nghĩa hiện thực được xác định như là sự hiện diện của một kiểu nhận thức thực tại trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. Lõi đặc trưng để khu biệt là tinh thần phân tích đối với khách thể phản ánh, nhằm hướng tới sự khám phá, sản xuất những giá trị nhân văn tiềm tàng trong sự vận động có tính quy luật của thực tại. Vượt lên cấp cảm giác-vật thể chủ nghĩa hiện thực hướng tới sự nắm bắt thần thái của sự vận động lịch sử nằm ngay trong các mối liên hệ nhân quả phức tạp của tồn tại xã hội. Nói cách khác , đứng trên quan điểm lý thuyết phản ánh, kiểu nhận thức thực tại của chủ nghĩa hiện thực được xác định qua tác phẩm ở hai cấp độ: cấp chi tiết và cấp chỉnh thể.Trong đó cấp chi tiết là điều kiện, cấp chỉnh thể là mục đích hướng tới.

Cũng như thế nếu xét mối quan hệ giữa yếu tố chất liệu và cấu trúc của tác phẩm, chủ nghĩa hiện thực được xác định không chỉ ở cấp độ ngôn ngữ, mà chủ yếu là ở cấp độ siêu ngôn ngữ.

Cuối cùng việc kiểm tra đặc trưng của một lưu phái nào đó, thuộc chủ nghĩa hiện thực hay không, người ta thường khảo sát mối liên hệ cơ bản: Nhà văn (với tư cách là chủ thể sáng tạo) với nguyên hình xã hội (với tư cách là khách thể phản ánh) được bộc lộ khách quan trong tác phẩm(khách thể được phản ánh).

*

Một điều đáng chú ý trong việc nghiên cứu về sự xuất hiện của chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX là xu hướng tiếp cận đơn tuyến đối với đối tượng khảo sát. Đã xuất hiện những bài báo và một vài chuyên luận quan tâm đến vấn đề kể trên trong vòng mươi năm lại đây. Tuy nhiên chỗ gặp nhau và chỗ chưa gặp nhau của các khuynh hướng nghiên cứu trên cùng một phạm vi đề tài này không chủ yếu nằm ở quan điểm khẳng định hay phủ định, mà chủ yếu là sự không gặp nhau của các hệ quy chiếu lý thuyết, trong quá trình tiếp cận đối tượng nghiên cứu. Muốn cho chứng cớ được biện minh hùng hồn, mỗi ý kiến đều níu kéo về phía mình những quan điểm của các nhà kinh điển (phát biểu ở trường hợp cá biệt này hay trường hợp cá biệt khác) với cách nhấn mạnh theo chủ kiến này hay chủ kiến khác. Nhưng vấn đề là ở chỗ, khái niệm của chủ nghĩa hiện thực được xác định một cách đơn tuyến (chẳng hạn sự quy chiếu thật thà một vài đặc trưng nào đó của chủ nghĩa hiện thực phê phán trong văn học Pháp thế kỷ XIX để so sánh với những đặc trưng có trong văn học nước ta giai đoạn này) không cho phép một sự lý giải đầy sức thuyết phục mà chỉ càng đẩy bạn đọc đến sự nghi ngại ngờ vực. Vả chăng bản thân nội hàm khái niệm cũng cần được xác

định dưới ánh sáng của các quan điểm lý thuyết khác nhau và trên nhiều hiện tượng văn học khác nhau mới có thể làm sáng tỏ được vấn đề.

Khác với sự xuất hiện của chủ nghĩa hiện thực phê phán trong văn học phương Tây thế kỷ XIX, khuynh hướng hiện thực trong văn học Việt Nam thời kỳ này xuất hiện trong sự ly khai nửa vời với các phạm trù thẩm mỹ "quy phạm" của truyền thống văn học cổ điển Á Đông. Khi khảo sát giai đoạn văn học này, nhiều ý kiến dừng lại một cách tập trung ở hai tác phẩm *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái và *Truyện Kiều* của Nguyễn Du (Xem: Đỗ Đức Dục: *Tính cách điển hình trong Hoàng Lê nhất thống chí*. Tạp chí Văn học 9-1968 - *Suy nghĩ về vấn đề sự xuất hiện của chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam*. Tạp chí Văn học 4-1971. Lê Đình Ky: *Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực của Nguyễn Du*.).Chú ý hai tác phẩm này, các nhà nghiên cứu đã đụng đầu vào hai điểm chốt hóc hiểm của hiện tượng. Nếu lý giải được vấn đề thì coi như về căn bản đã giải quyết xong các tiền đề lý luận cho việc tiếp cận cả trào lưu văn học này.

Thoạt tiên, một số ý kiến nhận ra chân dung lạc loài của *Hoàng Lê nhất thống chí* trong truyền thống thẩm mỹ quy phạm cổ điển của Văn học Việt Nam thời phong kiến. Những nhận định thiên về :"kiểu thức phản ánh"thì đều nhất trí là có sự hiện diện của khái niệm tính cách điển hình và hoàn cảnh điển hình trong tập truyện ký chữ Hán này.Thêm vào đó là sự xuất hiện của bút pháp tả chân (cấp chi tiết) với sự miêu tả tài tình thần thái nhịp điệu của không khí một thời đại (cấp chỉnh thể). Tuy nhiên, nếu dừng vấn đề ở đó, chưa đủ và chưa rạch ròi. Chỉ cần xét *Hoàng Lê nhất thống chí* trong mối quan hệ giữa khuynh hướng chính trị tư tưởng, định kiến giai cấp, dự dồ tác phẩm..., và nguyên tắc trí tuệ của nhà chép sử; mối quan hệ giữa hệ thống hình tượng hoạt động độc lập và thiên kiến khuynh hướng tình cảm của tác giả xét từ góc độ là nhà văn; mối quan hệ giữa nguyên hình xã hội (vốn có giá trị điển hình tự thân nó) và điển hình văn học v.v...sẽ đặt ra hàng loạt vấn đề phức tạp nhưng đầy hứng thú cho phạm trù lý thuyết đang được quan tâm. Tại sao, trong cùng một tác phẩm, có những chương có sức "dồn nén" rất lớn không khí một thời đại, lại đứng bên cạnh những đoạn liệt kê tủn mủn thiếu chọn lọc ? Tại sao sự xuất hiện của cảm giác lịch sử thiên tài đằng sau những trang viết, lại đứng bên cạnh những thái độ rất mâu thuẫn nhau trong cách đánh giá những nhân vật lịch sử trung tâm của các tác giả dòng họ Ngô Thì ? Như vậy có nghĩa là việc đặt ra vấn đề mức độ sáng tạo của tác giả trước nguyên mẫu thực tại đa dạng, sinh động với bao sự kiện dồn nén gấp gáp của cơn bão lốc lịch sử thế kỷ XVIII là một dự án nghiêm túc. Từ đó nẩy sinh vấn đề, kiểu

nhận thức thực tại trong *Hoàng Lê nhất thống chí* là sự xuất hiện một cách tự giác của một kiểu tư duy đầy cá tính sáng tạo của bản thân người viết, hay đây chỉ là do gợi ý lịch sử, đặc trưng thể loại và nhiều nguyên nhân phức tạp khác cùng hội tụ trong hình tượng nghệ thuật? Nếu không gỡ ra được vấn đề này thì không thể tìm ra một giải pháp đúng cho vấn đề phương pháp luận sáng tác trong *Hoàng Lê nhất thống chí*.

Các quan điểm khác nhau nếu như có triển vọng dễ gặp nhau trong cách nhìn về *Hoàng Lê nhất thống chí*, thì ngược lại ở một hiện tượng văn học đột xuất khác là *Truyện Kiều* thì lại không dễ gì khẳng định trước như thế.

Kiệt tác văn học tầm cỡ thế giới này, xưa nay tỏ ra bướng bỉnh đối với mọi cách tiếp cận, mọi hệ thống lý thuyết. Chối từ mọi trừu tượng đơn tuyến, *Truyện Kiều* thường tung ra cho con người những đáp số nhân sinh " cãi lộn" nhau, tồn tại trên cùng một bản thể nghệ thuật và đáp số nào cũng có cái lý dung nạp của nó. Điều này chỉ càng khẳng định thêm một chân lý là thiên tài đẻ ra phương pháp chứ không thể nói ngược lại trong mọi trường hợp, mặc dù đối với người cầm bút, phương pháp có một ý nghĩa chỉ đạo cực kỳ quan trọng.

Thoáng nhìn một cách khái quát, có thể nhận ra nghịch lý giữa nhận thức lý thuyết về thực tại của Nguyễn Du và "số phận"độc lập của các nhân vật với giá trị tự thân nó của hệ thống hình tượng. Một mặt biểu hiện ra như vậy vẫn chỉ là tiểu thuyết "luận đề"của chủng loại truyện Nôm, lộ rõ trong "đường ray dự đồ" nhất quán từ đầu đến cuối tác phẩm, mặt khác số phận vốn có của nhân vật vẫn vận động hợp lý theo quy luật riêng của nó.

Về phương diện đạo lý, cũng nổ ra xung đột giữa một bên dường như vẫn chỉ là một sự tường minh cho lược đồ đạo lý muôn thuở của văn học phong kiến: "trung-hiếu-tiết-nghĩa", mặt khác là những phát hiện rất tinh vi những nghịch lý trong ứng xử thực tiễn để tạo ra những giá trị nhân văn mới mà bản thân lược đồ đạo lý kể trên không thể kham nổi nữa.

Về mối quan hệ giữa cấp chi tiết và cấp chỉnh thể cũng xảy ra hiện tượng kể trên. Bút pháp ước lệ tượng trưng, vốn chất liệu cổ truyền trong "bảng pha màu" mới của Nguyễn Du không có gì cản trở đến sức sáng tạo và giá trị chân thực của tác phẩm.

Hiện tượng "cãi lộn" nhau giữa những quan niệm về giá trị của truyền thống và sự chối từ mọi cách tiếp cận đơn tuyến xảy ra hầu khắp trên tất cả các bình diện nội dung cũng như nghệ thuật trong *Truyện Kiều*. Vấn đề là ở chỗ cần chỉ các mối quan hệ và nguyên nhân căn bản đã tạo nên sự hiện diện độc đáo của *Truyện Kiều*. Từ đó chỉ ra đặc trưng đầy phức tạp

của sự xuất hiện chủ nghĩa hiện thực trong lòng một phương pháp phi hiện thực chủ nghĩa (nếu có) ở trong *Truyện Kiều*. Vấn đề sẽ không đơn giản chút nào, khi tiếp cận phải một đối tượng tuy mang những nét đặc trưng của chủ nghĩa hiện thực phát triển, nhưng lại bị ken dày bao bọc bởi những biến tướng của hiện tượng đang tung "hoả mù" làm rối những suy lý sáng suốt.

Dù sao , mọi lý thuyết về phương pháp đều không thay được việc phải xử lý mổ xẻ trực tiếp đối tượng nghiên cứu. Trong phạm vi bài viết này không thể giải quyết các vấn đề phức tạp kể trên. Tuy vậy chúng tôi thấy cần đưa ra cách lý giải về một khía cạnh nhỏ trong hàng loạt vấn đề chưa giải quyết, coi như một ví dụ có ý nghĩa soi sáng cho các giả định đã nêu.

Quá trình chúng ta tiếp cận phương pháp sáng tác của Nguyễn Du, cũng đồng thời là quá trình soi sáng, lý giải một phần căn bản cá tính sáng tạo và thiên tài trí tuệ của ông. Nguyên nhân nẩy sinh độc đáo của thiên tài nghệ thuật trong *Truyện Kiều* trên thực tế là sự hội tụ phức tạp các tiền đề vừa có tính xã hội, vừa có tính cá nhân cá biệt trong đó. *Truyện Kiều* , phân biệt với những đặc trưng quy phạm của hệ thống thẩm mỹ cổ điển Việt Nam không chỉ ở sự khác biệt của một kiểu nhận thức thực tại, mà chủ yếu là sự khác biệt của một cấp nhận thức thực tại mới. Nghĩa là sự xuất hiện của một bước nhảy vọt về phương diện trí tuệ cũng như trình độ thẩm mỹ. Lý giải điều này cần chú ý đến trực quan thiên tài của Nguyễn Du được gợi ý từ một tác phẩm trong đó hoàn cảnh xã hội có nét mới không tương đồng với xã hôi phong kiến Việt Nam. Đó là xã hội phong kiến tiền tư bản (Triều Minh ,Trung Quốc) mà nổi bật hơn cả là quy trình vận hành của đồng tiền đang xéo nát mọi quan niệm về giá trị nhân văn. Khái niệm "tha hoá" nẩy sinh từ sự đảo lộn mọi giá trị cố hữu trong xã hội từ khi xuất hiện sự vận hành của đồng tiền và lối sống thị dân. Từ mục đích, con người bị đẩy xuống hàng phương tiện và đồng tiền từ phương tiện nhảy lên vũ đài ngự trị con người một cách ngạo mạn đắc thắng. Hãy chú ý chu trình vận hành của những "lạng vàng" "lạng bạc"trong *Truyện Kiều*, nẩy sinh ra hàng loạt kiểu người xa lạ với mô hình xã hội phong kiến. Một lời "rỉ tai" với băng nhân (một kiểu người của xã hội đồng tiền) và một hiệu quả đầy nghịch lý: Toàn xã hội xôn xao cả lên. Rồi sự xuất hiện một lô một lốc kẻ bán người mua, người trung gian manh mối. Cuộc cãi vã "lịch sự" để thăng giáng về giá cả trong nhà Vương Viên ngoại... Ngay từ tác phẩm nguồn gốc, Thanh Tâm tài nhân tỏ ra rất sành trên lĩnh vực am hiểu lược đồ vận hành của đồng tiền. Đồng tiền đã đánh bật con người khỏi cội rễ lâu bền của nó. Một nếp sống thị dân với những hiệu

buôn người mọc lên nhan nhản. Chủ hãng buôn nắm trong tay một lực lượng đáng kể đủ kiểu người để duy trì sự tồn tại đã đành, quan trọng hơn, còn nắm trong tay cả một hệ thống lý thuyết khoa học có tính chất chuyên môn hẹp của loại nghề mãi dâm. (Học thuyết bảy chữ tám nghề của Tú Bà là một ví dụ). Khi đồng tiền vận hành thì mọi quan hệ tòng thuộc cộng đồng bị phá vỡ. Con người trở nên "vô danh" hoàn toàn và giũ sạch trơn trách nhiệm làm người của nó trong cửa hàng buôn bán nhân phẩm. Ở đấy đạo lý không có đất để len vào mà tồn tại. Ngang giá nghĩa là sự thoả thuận của hai phía, nghĩa là sự chối từ mọi quan niệm về giá trị đằng sau những hành vi bán mua. Nguyễn Du đã tiếp thu mặt trái của đồng tiền từ tác phẩm gốc một cách tâm đắc. Tất cả những đặc điểm này bộc lộ tinh vi sâu sắc trong *Truyện Kiều*. Chỉ có điều, sự kiện, không gian, thời gian xảy ra câu chuyện ở một nước đang còn tồn tại đạo Khổng song song với sự cạnh tranh tích lũy nguyên thủy tư bản, nên những quy luật mới mẻ trên tạm thời "xoa tay nhún nhường"dưới những tên gọi hoa mỹ có tính giềng mối, đạo đức trong những cuộc bán mua vô liêm sỉ. (Hành vi đi mua người cho nhà thổ của Giám sinh họ Mã giấu dưới tung tích một tên thư sinh đi tìm vợ lẽ. Hiện tượng "đánh đĩ" giữa pháp luật phong kiến và sự tha hóa của đồng tiền có trong nhiều chi tiết của *Truyện Kiều*...) Mặc dù vậy không vì thế mà "chân tướng nghề nghiệp"của giống "ruồi xanh" không xuất đầu lộ diện. Đó là điệu "ngồi tót sổ sàng" của Mã Giám Sinh trong màn mua bán không "ăn nhập"chút nào với vẻ lúng túng sợ sệt ở màn sau, khi phải đối chứng với mụ chủ vốn Tú Bà - một kiểu "vợ" lạ đời của y. Đó là thủ thuật "tân trang" để đánh lừa khách làng chơi loé ra trong tâm trạng Mã Giám Sinh khi gã dự định cướp trinh tiết của Thúy Kiều. Kể đến là cái dáng khi đon đả mời chào , khi đùng đùng nổi giận trên những "vai kép" rất khác nhau của mụ Tú trong mối quan hệ với vật bán và kẻ mua. Không khí chung của toàn bộ *Truyện Kiều* là nhịp sống gấp gáp quay cuồng, tranh cướp với thời gian và cơ hội của cửa hàng kinh doanh nhân phẩm trước cơn lốc điên đảo của vàng bạc.

Mười lăm năm trời Kiều bị tung vào cơn lốc của đồng tiền, không quá khứ , không tương lai, mọi đường dây liên hệ tòng thuộc với cộng đồng bị cắt đứt (trừ một vài khoảnh khắc bên cạnh Thúc Sinh và Từ Hải). Bên trong cái "lồng ấp" lầu xanh cách ly khỏi mọi quan hệ tòng thuộc cộng đồng, con người có cơ lột hết mặt nạ làm người để hoành hàng phạm tội một cách hồn nhiên. Ấy thế mà Nguyễn Du vẫn phát hiện đúng cái "màng cách" của nhân vật Thuý Kiều với môi trường. Phẩm giá mà Kiều cố níu giữ để chống lại sự tha hóa của môi trường một cách cô đơn và tuyệt vọng tự thân nó là những giá trị nhân văn rất nổi bật.

Xuất hiện khái niệm "tha hóa" thì cũng đồng thời xuất hiện liên minh đối tuyến để chống lại sự "tha hóa". Đó là những ứng xử văn hóa siêu việt của Từ Hải, Kim Trọng trong quan hệ với Thúy Kiều. Ở các nhân vật nảy sinh "liên minh trận tuyến" này có đặc trưng bao trùm là sự phát kiến ra những quan niệm về giá trị nhân văn tinh vi sâu sắc (và đã từng được bảo vệ chắc chắn bởi thanh gươm nghĩa hiệp của Từ Hải). Những quan niệm về giá trị này xuất hiện trên cơ sở sự tiếp thu những chuẩn mực văn hóa truyền thống một cách sáng tạo trong quan hệ xã hội mới.

Như thế nghĩa là, những đột biến về cấp nhận thức thực tại của Nguyễn Du ngoài những nguyên nhân xã hội trực tiếp ở Việt Nam còn có sự gợi ý từ lam bản *Truyện Kiều* là *Kim Vân Kiều truyện*. Trong đó sự ý thức về quá trình hủy hoại những quan hệ truyền thống giữa con người và con người một khi xuất hiện "ma lực" của đồng tiền là một đặc trưng rất nổi bật. Như thế cũng còn có nghĩa là, xã hội *Truyện Kiều* không chỉ đơn thuần mang trong đó sinh khí xã hội Việt Nam thế kỷ XVIII như một số quan niệm lâu nay mà cần thấy trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có bóng dáng xã hội thời Minh (Trung Quốc) được tiếp thu chủ yếu ở mặt trái của đồng tiền thời kỳ tích lũy nguyên thủy tư bản, khi đồng tiền đã có những chu kỳ vận hành khá hoàn chỉnh trên đất nước này.

Tóm lại, trên đây mới chỉ là một kiến giải được hiểu như là một ví dụ trong hàng loạt vấn đề đã nêu còn cần được tiếp tục giải quyết. Không thấy điều này, sẽ khó lý giải tại sao ở một nước phong kiến như Việt Nam lại có thể xuất hiện một "cấp" nhận thức tồn tại đột biến kiểu Nguyễn Du. Lẽ dĩ nhiên là không chia tách nguyên nhân này ra khỏi hàng loạt nguyên nhân chi phối khác trong cùng một vấn đề. Nghiên cứu phương pháp tiếp cận, cũng như vài gợi ý bước đầu nhằm lý giải hiện tượng văn học thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX ở nước ta, bài viết này mới chỉ dừng lại như là một cách đặt vấn đề cho những nội dung còn cần được tiếp tục tranh luận.❐

tìm mua tìm đọc

Những bài dã sử Việt

biên khảo sử học của Tạ Chí Đại Trường

Thanh Văn xuất bản, Văn Nghệ phát hành

Sách dày 430 trang, giá 18 Mỹ kim

Bốn mùa
Định Nguyên

Chôn em trong lục bát xanh
Mùa xuân dỗ ngọt cuộc tình ta đau
Quanh đời son phấn xôn xao
Trong thơ bướm trắng bay vào hồn không

Chôn em trong lục bát hồng
Gió mùa hạ đỏ cháy nồng hu hao
Đem thơ hạ huyệt non cao
Bầy chim trốn tuyết phương nào để tang

Chôn em trong lục bát vàng
Chiều thu xây mộ cho hoàng hôn xưa
Suởi lòng ngọn lửa phần thư
Vì em lá rụng hết từ đêm qua

Chôn em trong lục bát ngà
Đêm đông trắng xóa hồn ma tuyết về
Tóc trầm, ngực ngải, môi mê
Đọc câu thần chú lá bồ đề bay

Chôn em trong lục bát say
Sáu lời, tám chữ chua cay, mặn nồng
Bổ đôi một trái bồ hòn
Phần ai nấy giữ cho tròn ca đao.

Trả lời ông Trần Văn Tích về thời điểm Nguyễn Du viết truyện Kiều

Nguyễn Quảng Tuân

Tạp chí *Văn Học* số 127, ra tháng 11 năm 1996, có đăng bài của ông Trần Văn Tích viết để trao đổi với tôi về thời điểm Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* .

Ông đã căn cứ vào bài viết của tôi in trong quyển *Truyện Kiều, khảo đính và chú giải* (1) từ trang 15 đến trang 24 để bác bỏ lập luận của tôi.

Tiếc rằng ông đã không đọc kỹ bài tôi viết nên mới nhận định ngay rằng tôi *"phải có óc mạo hiểm rất đáng phục mới dám khẳng định"* là *"vị thi bá làng Tiên Điền đã thai nghén cuốn truyện nôm để đời của mình vào giai đoạn hậu sứ trình Trung Quốc"*.

Sự thực thì trong bài *"Nguyễn Du đã viết Truyện Kiều vào thời kỳ nào?"* tôi đâu có khẳng định Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* sau khi đi sứ về mà *"chỉ muốn đem chính quyển Truyện Kiều ra để chứng minh rằng Nguyễn Du đã viết tác phẩm ấy sau khi đi sứ nhà Thanh về"* như quyển *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện* đã chép: *"Nguyễn Du giỏi quốc âm. Đi sứ nhà Thanh về thì có Bắc hành thi tập và Thúy Kiều truyện hành thế."*

Tôi không chỉ căn cứ vào quyển *Truyện Kiều* mà còn căn cứ vào bài *Tựa Kim Vân Kiều án* của Nguyễn Văn Thắng để bênh vực cho thuyết trên và tôi đã ghi chú "xem từ trang 411". (2)

Ý kiến này - tôi cũng đã ghi rõ - là của Lê Thước, một người đã bắt đầu nghiên cứu *Truyện Kiều* từ năm 1922.

Nếu ông Trần Văn Tích đọc thêm bài *"Cần phải xác định lại giá trị bài Tựa Kim Vân Kiều án"* (3) thì ông sẽ nhận thấy tôi đã rất thận trọng khi chủ trương theo thuyết của Lê Thước cho rằng : *"Nguyễn Du đã viết Truyện Kiều sau khi đi sứ nhà Thanh về"* và bác thuyết của Đào Duy Anh cho rằng *"Nguyễn Du đã viết Truyện Kiều trước khi đi sứ nhà Thanh"*.

Ở đây tôi chỉ xin vắn tắt nhắc lại:

Đào Duy Anh đã căn cứ vào bài *Tựa Kim Vân Kiều án* để cho rằng:

1- Nguyễn Văn Thắng là người đồng thời với Nguyễn Du nên những lời ông nói về sách của Nguyễn Du rất có thể đáng tin.

2- Nguyễn Văn Thắng được đọc sách của Nguyễn Du lúc bị hạ ngục mùa đông năm Canh Dần (1830) ông đã gọi Nguyễn Du là quan Đông các.

3- Nguyễn Văn Thắng cho rằng: "Xưa nhà Ngũ Vân lâu bên Tàu in bản Thực lục đã lưu hành khắp chỗ từ trước đến nay."

Vì ba lẽ ấy, ông cho rằng Nguyễn Du đã viết *Truyện Kiều* khi mới bắt đầu ra làm quan với nhà Nguyễn, khoảng từ 1802 đến 1809.

Đối với sách *Đại Nam Chính biên Liệt truyện*, ông cho rằng:

1- Sách *Liệt truyện sơ tập* soạn ở đời Tự Đức, sau khi Nguyễn Du mất đến 30 năm cũng có thể chép sai.

2- Sách *Liệt truyện sơ tập* không chép theo tên chính là *Bắc hành tạp lục* và *Đoạn trường tân thanh* mà lại chép theo khẩu truyền là *Bắc hành thi tập* và *Thúy Kiều truyện*.

Căn cứ vào hai lý do ấy ông cho rằng *Liệt truyện* tuy là quốc sử cũng không đủ cho ta tin, ông nghi ngờ là *Đại Nam Chính biên Liệt truyện* đã chép sai nhưng bài *Tựa Kim Vân Kiều án* còn nhiều điểm chép sai hơn. Cụ thể là:

1- *Sai lầm về nhà xuất bản:* Nhà Quán Hoa Đường đã xuất bản Kim Vân Kiều truyện chứ không phải nhà Ngũ Vân Lâu.

2- *Sai lầm về tên sách:* Sách gọi là Kim Vân Kiều truyện chứ không phải là Thực lục.

3- *Sai lầm về chức vụ của Nguyễn Du:* Các bản Kim Vân Kiều tân truyện đều ghi là Lễ tham Nguyễn hầu soạn, không có bản nào ghi là Đông các Học sĩ Nguyễn Du soạn cả.

4- *Sai lầm về số câu trong Truyện Kiều:* Truyện của Nguyễn Du viết dài 3254 câu chứ không phải là 1575 liên (tức 3150 câu).

5- *Sai lầm khi cho rằng bản thực lục của nhà Ngũ Vân Lâu bên Tàu đã lưu hành khắp chỗ từ trước đến nay:* Sự thực thì bản Kim Vân Kiều của Quán Hoa Đường đâu có lưu hành khắp chỗ như vậy. Chính ngay vua Minh Mạng đã phải viết rằng:

Thánh Thán bất phùng, hàn yên tán mạn .

(Thánh Thán không gặp, khói hương tàn lạnh.)

Những sự sai lầm ấy là do Nguyễn Văn Thắng chỉ *nghe* nói lại chứ không phải đã thực đọc thấy nên mới viết trong bài *Tựa* rằng:

" Mỗ sinh không gặp thời, phải thất học, nhưng từng được nghe về

Kim Vân Kiều quốc ngữ truyện: Xưa nhà Ngũ Vân Lâu bên Tầu in bản Thực lục đã lưu hành khắp chỗ từ trước đếùn nay. Kíp đến quan Đông Các nước ta phu diễn ra quốc âm, truyền rộng ở đời, nhiều người đã được tai nghe mắt thấy..."

Căn cứ vào những sai lầm mà Nguyễn Văn Thắng đã *nghe* được ấy, chúng tôi nhận thấy giả thiết của Đào Duy Anh cho rằng Nguyễn Du đã viết *Truyện Kiều* trước khi đi sứ là không đúng.

Nếu *Truyện Kiều* đã được "truyền rộng ở đời, nhiều người đã được tai nghe mắt thấy" trước khi Nguyễn Du đi sứ thì làm gì các quan chép sử lại không biết, gia đình con cháu lại không biết mà *Đại Nam chính biên Liệt truyện* và *Gia phả* vẫn chép là *"sau khi đi sứ về Nguyễn Du mới có Bắc hành thi tập và Truyện Kiều hành thế "*.

Chúng tôi, vì vậy, mới nghiên cứu lại bài *Tựa Kim Vân Kiều án* của Nguyễn Văn Thắng và mới căn cứ thêm vào quyển *Truyện Kiều* để chứng minh rằng Nguyễn Du đã viết tác phẩm ấy sau khi đi sứ về.

Các câu thơ Kiều mà chúng tôi dẫn ra, ông Trần Văn Tích cho rằng Nguyễn Du đã mượn ý ở các câu thơ chữ Hán của Trung Quốc chứ không phải đã thực sự sáng tác nhân cuộc đi sứ đã mắt thấy tai nghe. Điều nhận xét ấy của ông Trần Văn Tích cũng chỉ là suy đoán chứ cũng không thể lấy đâu làm bằng cứ, dù ông có dẫn giải qua cả văn học thế giới ở phần mở đầu.

Theo thiển ý chúng tôi thì Nguyễn Du đã phải trông thấy thực cảnh rồi mới viết ra được những câu tả phác họa thật chính xác như câu:

Rừng thu từng biếc chen hồng (c. 917)

hoặc câu:

Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san. (c. 1520)

Cảnh *rừng phong* ở nước ta không có nên hồi đó các cụ ta ít người được trông thấy, cứ cho *cây phong* là cây bàng. Chính sau này Đào Duy Anh trong *Hán Việt từ điển* và Lê Văn Hoè trong *Truyện Kiều* chú giải cũng vẫn còn giảng cây phong là cây bàng.

Kiều Oánh Mậu khi hiệu đính *Truyện Kiều* cũng chỉ vì chưa thấy cảnh rừng phong về mùa thu nên đã sửa câu 917 là:

Rừng thu rỗ biếc ố hồng

và đã giảng:

"Rỗ biếc" là lốm đốm biếc như nốt người lên đậu. *ố hồng* là sắc đỏ lan khắp một chòm, hóa ra sắc hơi vàng. "

Sự sửa chữa lại câu thơ như vậy cho ta thấy Kiều Oánh Mậu cũng như nhiều nhà nho khác xưa chưa được đi xa, chưa được thấy rộng như Nguyễn Du nên mới có sự lầm lẫn.

Riêng chúng tôi, khi chưa có dịp sang thăm nước Canada, *xứ sở của cây phong*, cũng chưa hình dung được chính xác cảnh:

Rừng thu từng biếc chen hồng

Nay có dịp được qua thăm nước Canada vào đúng mùa thu tôi mới thấy được cảnh:

Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.

Và mới hiểu được thấu đáo chữ *"nhuốm"* mà Nguyễn Du đã dùng để tả cảnh lá phong đổi màu dần từ xanh sang vàng, sang đỏ hoặc sang hồng. Tôi lại càng tin rằng Nguyễn Du phải trông thấy cảnh ấy thì mới tả được một cách phác họa tài tình như vậy.

Tôi cũng ở qua mùa đông lạnh lẽo có tuyết rơi trắng xoá nên lại càng thấy câu:

Nửa rèm tuyết ngậm, bốn hè trăng thâu. (c. 1242)

mà Nguyễn Du tả là đúng với thực cảnh mắt thấy.

Nếu bất cứ câu thơ mào của Nguyễn Du hay của một nhà thơ Việt Nam nào khác mà cứ bắt buộc phải là phỏng theo một câu thơ cổ của Trung Quốc thì thật là vô lý và như vậy vô tình đã phủ nhận tài năng sáng tác của tổ tiên chúng ta.

*

Chúng tôi chỉ xin trao đổi vắn tắt như trên với ông Trần Văn Tích và để chấm dứt bài trao đổi này, chúng tôi xin minh xác lại rằng chúng tôi không khẳng định Nguyễn Du đã viết truyện Kiều sau khi đi sứ nhà Thanh về mà chỉ cốt chứng minh là *Đại Nam chính biên Liệt truyện* và *Gia phả họ Nguyễn Tiên Điền* đã chép đúng là *Nguyễn Du đã viết Truyện Kiều sau khi đi sứ về*, không có sự sai lầm gì cả.❐

---

(1) *Truyện Kiều*, Nguyễn Quảng Tuân khảo đính và chú giải. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội - Hà Nội 1995.

(2) Sách đã dẫn ở trên

(3) Bài này đã đăng trên *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (10) năm 1990.

vấn nạn của bill

Nguyễn Trung Hối

Hai đứa chúng tôi cứ ngồi yên như thế thật lâu. Không gian im ắng hẳn. Chỉ nghe mơ hồ tiếng ve rừng kêu ra rả xa xa và tiếng vài con chim nhỏ hót thánh thót trong bụi cây ven bờ. Con sông nhỏ nước chảy lặng lờ, nhấp nhô phản chiếu ánh nắng vàng chói mắt. Bên kia sông, chen lẫn trong rừng cây xanh ngắt ngút ngàn, lác đác có một vài cây màu lá đang chuyển sang vàng. Lại một mùa hè sắp đi qua và mùa thu đã trở về. Tự nhiên trong tôi gờn gợn một nỗi buồn. Nỗi buồn khi mùa nghỉ hè đã hết, dầu cho bây giờ tôi không còn bé bỏng nữa. Ngày kia, phải, đúng ngày kia thôi, tôi lại phải trở về với sách đèn...

"Làm sao bây giờ, Ông T.?"

Tiếng nói của Bill nhẹ như một cơn gió thoảng cũng đủ phá tan cái bầu không khí tĩnh lặng đáng quý này. Tôi thích những giây phút tĩnh lặng ấy, nó mang sự thư giãn cho tâm hồn và đó thường là thời gian để tôi miệt mài lang thang theo các nẻo tiềm thức để rồi cuối cùng bao giờ cũng đến tại một vùng trời bao la mịt mờ sương khói, một nơi thật xa, không hề có tên gọi mà gần gũi thân thương với tôi vô cùng.

Bill ngồi nghiêng góc với dòng sông, ánh sáng hắt lên từ mặt nước sơn vàng nửa khuôn mặt nó, bóng loáng như được tẩm dầu. Đôi mắt ốc nhồi của nó nhìn tôi chăm chắm như chờ đợi câu trả lời. Tôi biết thời gian không còn bao nhiêu nữa. Tôi biết Bill rất nóng lòng với vấn nạn gần như nan giải của tình cảm nó lúc này. Đó chính là mối tình của nó với Jane, em gái của người tôi yêu, ở tại một địa phương có truyền thống thâm sâu và nặng nề về sự phân biệt chủng tộc, dầu cho nhân loại sắp bước vào thiên niên kỷ thứ ba và Hoa Kỳ đã có hai đời tổng thống liên tục xuất thân là người miền Nam nhưng đặc biệt ưu đãi đối với những người da màu.

Sinh viên ưu tú William Armstrong, không hề có họ hàng quen biết

gì với Louis Armstrong và Lance Armstrong - Bill đã khẳng định với tôi nhiều lần như thế - không biết hát và thổi kèn trumpet, cũng không có một tí năng khiếu nào về thể thao, nhưng tuyệt đỉnh xuất sắc trong lãnh vực vi tính, bộ môn mà chúng tôi đang theo học. Trí thông minh thiên phú của Bill đã làm cho nhiều giáo sư cũng phải ganh tị.

Bill lại có vốn sinh ngữ tuyệt vời. Nó có thể nói tiếng Tây Ban Nha như một thằng Mễ, đấu tiếng Pháp như dân Paris, còn đặc biệt về tiếng Việt thì Bill đáng là bậc thầy của tôi. Tôi không biết nó học với ai và từ bao giờ mà có thể nhớ hàng trăm câu ca dao, đọc thuộc lòng mấy đoạn Kiều, thuộc ba bài thơ mùa thu của Yên Đổ, Đôi Mắt Người Sơn Tây của Quang Dũng, Nước Non Ngàn Dặm của Tố Hữu...

Biết tôi gốc Huế, có lần nó đã đọc cho tôi nghe và phân tích "nhịp điệu của hình ảnh và âm thanh" trong câu thơ độc nhất mà tôi còn nhớ của nhà thơ cộng sản nói trên. Đó là câu

"Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên.."

Bill không phải là dân lai. Ban đầu tôi những tưởng gặpĩ lại một Randy, nhưng không phải, cha đen mẹ đen một trăm phần trăm. Gặp một người bạn Mỹ nói tiếng Việt sõi như Bill, tôi quý nó là phải thôi. Giá nó có một chút gì của Louis và của Lance thì hoàn toàn. Vì tôi vốn thích jazz và xem Lance như thần tượng. Tôi vẫn thường tập xe đạp và là tay đua có hạng ở thành phố nơi tôi cư ngụ. Còn nhạc jazz thì khỏi phải nói. Nếu đêm nào tôi không đến được quán rượu có ban nhạc jazz của những người da trắng thì tôi nằm nhà nghe Louis hát "Back O ' Town Blues", "Someday You 'll Be Sorry", "Six Fo ot Four", v.v...

Tuy sinh ra và lớn lên ở đất nước này, nhưng nhờ sự giáo dục nghiêm khắc của gia đình, nhất là nhờ bà nội của chúng tôi, của mẹ, chúng tôi được học tiếng Việt chu đáo. Khi ở nhà, một trong hai anh em tôi, anh tôi và tôi, đứa nào lỡ buột miệng ra một tiếng "no" hoặc "what" là bị mẹ bắt quỳ ngay. Vì bà nội không muốn chúng tôi bị mất gốc. "Người An Nam thì phải giữ tiếng nói của An Nam", nội thường răn dạy chúng tôi như thế. Cho nên, ngoài những sách báo tiếng Việt mẹ gửi mua thường xuyên ở Cali, lâu lâu ông cậu của chúng tôi là giáo sư ở Sài Gòn còn gửi sang cho chúng tôi hàng thùng sách báo mới xuất bản. Tôi không bao giờ phải học bài hay làm bài của trường lúc ở nhà. Vì chúng tôi đã mất hết thì giờ vào việc học tiếng Việt. Chúng tôi cũng để cho Bill tự do sử dụng sách báo tiếng Việt của chúng tôi. Bill tiếp thu rất nhanh, còn hiểu sâu sắc và nhớ thật kỹ nữa. Thỉnh thoảng chúng tôi thảo luận về một đề tài nào đó và bao giờ Bill cũng thật sự xuất sắc. Và tôi thường non kém hơn Bill nhiều lắm. Họa hoằn đôi lúc tôi giúp nó sửa lại một từ phát âm không chuẩn,

hoặc tinh nghịch bày cho Bill những tiếng Huế "chay" tôi nghe bà nội nói và ghi nhớ. Đó là những tiếng như : "cái cươi", cái trấp bả", "cái bụ"... và một vài câu đặc biệt như : " răng tra ri ?", "chạ chạ lục lác nà !" Tôi dám chắc, nếu tôi không "dịch" các chữ ấy ra tiếng Bắc hay Nam bộ, nhiều người Việt Nam cũng không hiểu nghĩa là gì, thế nhưng Bill nhớ hết và thường thực hành mỗi khi có dịp

"Thế nào hả ?" Bill lặp lại câu hỏi.

"Thì từ từ đã, Willie." Tôi hoãn binh

"Gọi tôi là Bill, Ông T."

"Bill hay Willie thì cũng thế, nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ ! Mày cũng biết thành kiến của người dân xứ này đối với người da màu tụi mày như thế nào rồi. Luôn luôn báo chí, truyền thanh và mọi văn bản hành chính đều nhắc nhở "không có sự phân biệt chủng tộc"...Nhưng đó chỉ là trên báo chí, truyền thanh và các văn bản hành chính thôi, thật sự thì vấn đề này vẫn còn tồn tại. Tao nhớ một nhà văn nào đó đã nói, hình như là Robert James Waller thì phải, đại khái là khi người ta tiến đến điểm tối hậu của dòng tiến hóa thì mới nhận ra rằng đó là một con đường không kết quả. Thoạt mới nghe thì tưởng như là vô lý, nhưng nghĩ lại thì thấy không phải là không có lý...

Bill ngồi căng mắt ra nhìn tôi, không nói gì. Về các lãnh vực khác nó có thể góp ý một cách hùng hồn, đôi khi trở thành hùng biện nữa. Nhưng vấn đề tình cảm của nó thì Bill hình như bất lực. Nó hoàn toàn trông cậy ở tôi. Nhiều lúc, đêm đã khuya, tôi bóp trán ngồi trước máy vi tính, tìm đến tư liệu mà tôi đặt tên là "Vấn nạn của Bill", máy hiện lên chữ "Trống rỗng". Cố gắng mày mò lắm thì đôi khi màn ảnh hiện lên câu "Cái gì thế này?" hoặc là những tiếng chuông báo hiệu sai lầm, để rồi cuối cùng tôi lại bấm CD cho tiếng trumpet của Louis vẳng lên. Tôi thật mâu thuẫn và ngu ngốc, không muốn hỏi ai lại đi hỏi máy, trong khi máy cũng chỉ là sản phẩm của con người..

Một đôi lần, ngồi nói chuyện với ông bà Taft, tôi hết lời ca ngợi tài năng của Bill. Kate biết dụng ý của tôi cho nên sau đó lần nào cô cũng tỏ ý không bằng lòng. Cô thường nói đại ý :

"Anh hãy liệu lấy thân phận của anh đã, đừng có mà xía vào chuyện của người khác. Ba mẹ em vẫn hận người Việt Nam. Anh có thể làm khó thêm cho chuyện tụi mình."

"Ba mẹ em hận người Việt Nam."

Phải rồi. Tôi nhớ hôm chúng tôi gặp nhau lần đầu tiên, cô cũng đã nói câu ấy

Kỳ nghỉ đông năm nào chúng tôi cũng về nhà thăm nội và mẹ. Một

đêm, trời mưa thật lớn, tôi lái xe từ một thành phố bên cạnh trở về nhà. Qua khúc quanh của ngọn đồi giáp ranh giữa hai thành phố, tôi nhìn thấy trong ánh đèn pha chiếu sáng và qua màn mưa dày đặc bóng một người đang đứng đón xe để quá giang. Tôi thấy hai chiếc xe chạy trước xe tôi đã chạy qua luôn, mặc cho người đón xe chới với gọi theo. Đây là một địa điểm đã từng gây nhiều chuyện không hay cho những người lái xe. Cách đây hơn một năm, ba cha con một gia đình nọ đã bị bắn chết mà hai đứa bé chỉ mới bốn năm tuổi. Bốn tháng trước một ông giáo đã phải ra tòa vì bị ghép tội bức hiếp một nữ sinh trên xe của mình. Theo điều tra của cảnh sát thì cả hai vụ đều do nguyên nhân vì lòng tốt của người lái xe đã dừng lại cho người lỡ bước quá giang...Cho nên, tôi nghĩ ở Mỹ, nhất là ở nơi này, chuyện cho người quá giang xe cần phải được xét lại. Tốt nhất là mình cứ chạy thẳng luôn như hai chiếc xe kia, không cần nhân đạo, nhân điếc gì sốt !

Tôi đã định bụng làm thế, nhưng khi chạy qua mặt người đón xe, tôi thấy rõ đó là một cô gái trẻ, mặc dầu mưa rất lớn tôi cũng nhận thấy là cô ta đang khóc, đành rằng khó phân biệt đâu là nước mắt và đâu là nước mưa. Lòng trắc ẩn không cho phép tôi chạy thẳng, mà chạy qua cô một quãng xa mới ngừng lại, chờ cho cô chạy đến. Trong lúc ấy, tôi cảnh giác nhìn kỹ hai bên đường, nghĩ rằng nếu thấy xuất hiện một người thứ hai, dầu là phụ nữ hay trẻ con, tôi cũng sẽ nhấn ga chạy luôn. Nhưng không có ai. Chỉ một mình cô gái mà thôi.

Cô đến gần xe, tay nắm vào chốt cửa sắp sửa kéo ra thì tôi quay cửa kiếng xuống và bảo cô:

"Cô ngồi ghế sau đi !

Tôi thấy cần phải cẩn thận như thế là hơn. Cô gái mở cửa leo lên băng ghế sau, nước mưa từ người cô chảy ròng ròng xuống xe tôi. Tuy mặt mày tái đi vì lạnh và đôi mắt còn hằn rõ nét kinh hoàng, tôi cũng nhận thấy ngay là cô ta rất đẹp. Tóc nửa vàng nửa nâu, mũi cao vừa phải, đôi mắt hiền từ dưới hàng mi dài...Đây không phải là hạng gái đứng đường dầu cho cái jumper cô đang mặc là để ngụy trang đi nữa

"Cám ơn ông. " Tiếng nói xen lẫn với tiếng va chạm nho nhỏ của hai hàm răng đang đánh nhịp

"Không có chi." Tôi đáp theo phản xạ tự nhiên.

Cô ta có chiếc răng khểnh thật có duyên. Nhưng đa số các thiếu nữ Mỹ ngày nay đều có đôi hàm răng đều và đẹp vì đã được các nha sĩ chăm sóc từ bé. Nếu không được thế thì họ cũng nhổ hết và chịu mang răng giả. Cô này vẫn để răng mọc tự nhiên, vô trật tự, tức là không giàu.

Thấy cô rét run, tôi bảo:

"Cô có thể bị cảm lạnh nếu không cởi bỏ bộ quần áo ướt ấy đi. Trong chiếc túi đeo lưng của tôi trên ghế có bộ quần áo vừa mới giặt sạch đấy. Cam đoan với cô là tôi không nhìn vào kính chiếu hậu trong khi cô thay áo quần đâu!"

"Nhưng ai cấm ông quay đầu lại ?" Cô gái lý sự.

"Ồ, không. Người lái xe không được làm cái chuyện ấy. Cô yên tâm đi !"

Một lát, tôi nghe tiếng sột soạt của quần áo ướt. Cô ta đang thay áo. Và bây giờ thì cô ta đang trần truồng...Tôi nghĩ thế và thấy rạo rực trong lòng.

"Bây giờ cô có thể la lên là tôi hiếp cô và cô sẽ được nổi tiếng. Người ta sẽ tin ngay, vì mỗi ngày ở nước Mỹ này có đến 1,870 người phụ nữ bị hãm hiếp, nghĩa là 1.3 vụ mỗi phút."

Tôi như bị mất, không hiểu sao tôi lại buột miệng nói như thế. Mắt tôi vẫn nhìn thẳng vào con đường trắng xóa nước mưa trước mặt trong vùng sáng của ánh đèn pha, hình dung bờ vai tròn lẳn và bộ ngực của cô ta như thế nào. Có tiếng cười khẩy rồi tiếng cô gái nói :

"Cảnh sát sẽ không ngu ngốc gì tin lời của tôi khi bắt gặp bộ quần áo ướt sũng nước mưa này, trừ khi tôi liệng chúng xuống đường. Nhưng khổ thay đây lại là bộ áo quần mà tôi thích nhất. " Một lát sau, xen lẫn trong tiếng thở hổn hển có vẻ bực bội có lẽ vì cái áo hay cái quần của tôi làm sao đó khiến tiếng nói của cô khó khăn hơn : " Vả lại , nổi tiếng kiểu ấy thì cũng không lấy gì làm vinh hạnh cho lắm. "

Tôi cũng cười khẩy : "Tôi thường thấy các cô gái Mỹ làm bất cứ chuyện gì để được nổi tiếng, kể cả phơi bày tất cả những cái gì là...gia bảo của mình trên báo Genesic, Leg Action, Playboy, Penhouse...mặc dầu địa vị của họ trong xã hội không phải là tầm thường. "

" Ông đừng nên vơ đũa cả nắm ! À, mà ông cũng ghê gớm quá nhỉ ? Tôi nghĩ ông không lớn hơn tôi mấy tuổi , thế mà mấy cái tạp chí ấy cũng biết cả."

"Lạy Chúa ! Con là một người đàn ông. Con không bao giờ có thể như Chúa được. " Tôi nói với vẻ trịnh trọng trang nghiêm như thật.

Cô gái bật cười : "Ông kịch lắm ! Và ông đã cuỗm câu ấy ở một cuốn sách nào đấy phải không ? Tôi nhớ là tôi đã đọc nó rồi."

"Đúng. Trong cuốn "Những Con Chim Trong Bụi Mận Gai" của Colleen McCullough, trang 410 , dòng thứ nhất và thứ hai."

"Kinh khủng ! Ông đọc sách mà còn nhớ cả số trang và số dòng nữa. Đúng là một con mọt sách."

"D o sự trùng hợp ngẫu nhiên thôi ."

"Nghĩa là sao ?"

"Là vì tôi vừa đọc lại nó tức thì trước khi lái xe đi và gặp cô. "

Im lặng. Cô gái có vẻ băn khoăn. Tôi bắt gặp đôi mắt của cô nhìn tôi trong kính chiếu hậu và cô cứ giữ thẳng thắn cái nhìn ấy. Đoạn cô hỏi với vẻ ngập ngừng :

"Ông không hỏi tại sao tôi phải đón xe ở nơi ấy sao ?"

Tôi cười : "Thì cô lỡ đường vậy thôi. Cô yên tâm, vì không biết xui hay may mắn là cô gặp một người chưa bao giờ biết đặt câu hỏi . Tôi nghĩ một ngày nào đó, nếu cần tự khắc cô sẽ nói cho tôi biết, vội gì phải hỏi."

"Tại sao tự nhiên tôi lại nói cho ông biết ?" Cô gái hỏi và hình như cô lại cười khẩy.

"Vì tôi linh cảm như thế."

Cô ta lại hỏi :

"Do đâu mà ông lại cóùụ linh cảm như thế ?"

"Làm sao mà tôi biết được. Có thể do bản năng tự nhiên trong tôi mách bảo, có thể do phong cách khác thường của cô, một cô gái dễ thương, hiền hậu, tuy có hơi lý sự một chút, có một góc cạnh tình cảm hơi bí ẩn...nhưng không phải là người chỉ gặp một lần là thôi. "

Một lát sau cô gái nói :

"Tôi đã thay xong quần áo. Bây giờ ông có thể ngừng xe lại một phút cho tôi lên ngồi ghế trước được chứ ?"

"Được thôi." Tôi đạp thắng cho xe ngừng lại, với tay mở cửa xe rồi chờ cho cô gái bước lên buộc xong dây an toàn, tôi mới cho xe chạy tiếp.

Mưa vẫn không ngớt. Không gian bao la một màn trắng đục và ẩm ướt. Nước mưa từ hai bên sườn đồi đổ xuống đường chảy cuồn cuộn như thác lũ. Có nhiều quãng đường lênh láng mặt nước đục ngầu. Tôi mở đài địa phương để nghe thông tin về dường sá. Một giọng ca trong trẻo chợt vang lên trong máy. Tôi để yên như thế và lắng tai nghe thích thú. Thấy tôi có vẻ say mê bài ca, cô gái hỏi :

"Ai hát thế ?"

"Một cô bé có chiếc răng khểnh cũng xinh như cô vậy. Tên cô ta là Jewel, còn bài ca là bài "Ai sẽ cứu rỗi linh hồn em?"

"Ông có vẻ sành cả âm nhạc nữa nhỉ ?"

" Ngược lại thì có. Cũng chỉ vì gặp may thôi."

"Nghĩa là...?"

"Thì cô hỏi trúng tủ ngay cô ca sĩ mà tôi biết... Còn xui gặp cô ca sĩ khác và bài ca khác thì tôi cũng đành chịu."

Cô gái cười : "Anh nói dóc khéo lắm, và có duyên nữa."

"Cám ơn."

Tiếng nói của cô có phần thân mật hơn :

"Tên anh là gì?"

"Bạn tôi thường gọi tôi là T."

"Cái tên đặc biệt nhỉ ? Một lát : "Anh không hỏi tôi tên là gì sao?"

"Tôi nghĩ rồi thế nào cô cũng nói thôi. Vả lại, tôi không bao giờ quen đặt câu hỏi."

"Kể cả những lúc anh không hiểu một vấn đề gì?"

"Đúng. Tôi không thích những người nói chuyện, thuyết trình viên, thầy cô giáo, mỗi khi nói hay giảng xong bài học là hỏi : "Có ai hỏi gì không?" hoặc "Có câu hỏi nào không?" Làm như họ cố ý tiết kiệm lời nói, còn thì để dành lại chờ có ai hỏi mới trả lời."

"Và anh không bao giờ đặt câu hỏi?"

"Không."

"Thế thì anh giỏi quá rồi."

"Trái lại là khác. Tôi thường chậm chạp, dốt nát, ngu độn...Nhưng nếu có vấn đề gì tôi không hiểu, thì tôi tự tìm kiếm, tra cứu lấy, chứ không hỏi ai bao giờ. Tôi nghĩ làm như thế thì tôi sẽ nhớ lâu hơn."

Cô gái gật gù cái đầu :"Có thể như thế lắm...Tên tôi là Kate, bạn bè thường gọi là Kat."

Tôi lẩm bẩm :" Kat hay Cat là con miu. Trông cô vừa nhu mì như con mèo, vừa có cánh tay lông lá như cánh tay mèo...Chân tay mà lông lá thế này (tôi cầm lấy cánh tay trái của cô để trần, vì tay áo của tôi dài và rộng nên cô đã xăn lên) thì huống chi là..."

"Thôi !" Cô ta la lên. Ông ăn nói kinh khiếp thật."

Tôi cười, trong khi hai má của Kate thì đỏ ửng lên Cô ngồi nhích ra xa tôi, mặt làm nghiêm. Một lúc sau, Kate lại hỏi :

"Ông không hỏi tôi ở đâu để đưa tôi về sao?"

Tôi nói :

"Tôi đã bảo là tôi không biết đặt câu hỏi. Hơn nữa, để từ từ xem. Chúng ta phải đi ăn một cái gì cho ấm bụng đã. Tôi đói quá rồi và chắc chắn cô cũng thế. Sau đó, tôi cũng cần biết nhà cô ở đâu vì bộ áo quần cô đang mặc "khổ thay đấy là bộ áo quần mà tôi thích nhất."

Nghe tôi lặp lại y chang lời của cô lúc nãy, Kate cười rất tươi. Tự nhiên tôi lại thấy yêu cái răng khểnh của cô.

Tôi đưa Kate đến tiệm ăn quen thuộc nằm sâu trong rừng cọ nhiệt đới. "Chỗ này là chỗ nào?" Kate hỏi. "Một tiệm ăn tuyệt vời. Ở đây không có nhạc jazz nhưng có cô ca sĩ ở Hollywo od về hát. Tôi có thằng bạn thân họ Armstrong nhưng đếch biết thổi kèn, chán mớ đời..."

"William Armstrong hả ? Là bạn của anh sao?"

"Thế thì cô biết nó rồi."

"Là bạn của Jane, em tôi. Nhưng tôi không thích nó. Chúng tôi không thích dân da đen."

Tôi như nhai nhầm miếng ớt chỉ thiên, đâm ra cay cú :

"Cô cũng bày đặt bắt chước tổ tiên của tôi kỳ thị chủng tộc này nọ."

Kate có vẻ vui mừng vì gặp gỡ người cùng quan niệm :

"Tổ tiên của anh cũng kỳ thị chủng tộc, cũng ghét dân da đen?"

"Không . Họ ghét dân da trắng. Họ gọi dân da trắng là...là...bạch man đấy ! "

Kate trợn mắt vì ngạc nhiên nhưng ngay sau đó cô cười vì nghĩ tôi ưa nói dóc. Chúng tôi vừa tìm được bàn trống thì người bồi quen mặt đã bước đến :

"Hai "đĩa tổng thống" như thường lệ?"

"Ừa."

"Và một chai Porto ?"

"Không."

"Sloe Gin?"

"Không." Tôi nhìn Kate, cô hiểu ngay nên nói : "Gì cũng được."

"Vậy thì cho hai Coke." Tôi nói với người bồi bàn.

Anh ta đi rồi, Kate tò mò hỏi :

"Đĩa tổng thống" là món ăn gì thế?"

"Đương kim tổng thống đã có lần đến ăn tại quán này. Ông chủ quán nẩy ra ý quảng cáo nên đã đặt tên món tổng thống dùng hôm ấy là "đĩa tổng thống", thế thôi."

"Nó như thế nào và có đắt tiền không?"

"À, một lát nữa cô ăn sẽ biết, còn giá thì không đắt lắm, một đĩa chỉ bằng nửa ngày lương của tôi thôi."

"Anh làm nghề gì?"

"Tôi lái xe đi giao bánh xèo Ý." Kate hơi nghiêng đầu như suy nghĩ xem tôi nói cái gì nhưng tôi không buồn giải thích.

Tôi ngồi đối diện với cô qua chiếc bàn nhỏ và trong khi ăn tôi nhìn ngắm cô. Cô nhìn tôi, cười tự nhiên, hình như không còn nhớ gì đến giây phút đón xe trong cơn mưa vừa qua. Khi cô cười, chiếc răng khểnh của cô làm cho nụ cười thêm rực rỡ. Cô ăn ngon lành con cá to kềnh với vẻ sung sướng hồn nhiên. Nhìn cô bé bỏng trong bộ quần áo thể thao rộng thùng thình của tôi, tôi có cảm tưởng mình là Richard Gere và cô là Julia Roberts trong phim Pretty Woman mà tôi đã xem năm nào.

Nhưng khi đưa cô về đến nhà tôi mới thật sự kinh hồn : Nhà Kate lớn như tòa Bạch ốc tọa lạc giữa một khoảnh vườn mênh mông có hàng rào

sắt thật cao bao quanh. Nhà cô giàu ngoài sức tưởng tượng của tôi....

Tôi đang ngẩn ngơ thì Kate hỏi :

"Anh có muốn chúng ta gặp nhau lại không ? "

Tôi lúng túng mất mấy giây mới trả lời được :

"Thế thì còn gì bằng."

"Anh là người Trung Hoa phải không?"

"Không, tôi là người Việt Nam. "

Đang vui vẻ niềm nở, Kate bỗng biến đổi ngay sắc mặt :

"Như thế thì không được. Ba mẹ tôi hận người Việt Nam lắm."

Sau này, do Kate kể lại, cô đã có hai người chú hy sinh trong chiến tranh Việt Nam. Trung tá không lực Hoa Kỳ Thomas Taft lái B-52. Máy bay của ông đã bị hỏa tiễn Bắc Việt bắn rơi xuống Hồ Tây năm nào đó mà họ rêu rao là "trận Điện Biên Phủ trên không" và ông đã hy sinh. Người ta phỏng đoán ghế phi công bị trục trặc sao đó nên đã không bung ra. Nhưng Kate bảo rằng ba của cô đoan quyết là chú Tom đã tự nguyện hy sinh với chiếc máy bay chiến lược đắt giá do mình chịu trách nhiệm, sau khi giục phi hành đoàn, kể cả phi công phụ nhảy dù xuống đất. Chú Tom đã tuẫn tiết theo gương ông nội của Kate, hạm trưởng một chiếc tàu của Hải quân Mỹ bị quân Đức bắn chìm trong Thế chiến thứ II. Trước đó mấy năm, vào mùa xuân năm 1968, thiếu tá tiểu đoàn trưởng Thủy quân lục chiến Robert Taft cũng đã bỏ mình khi tiến quân vào giải phóng cho cố đô Huế bị Việt cộng tràn ngập hai mươi ba ngày... Trong chiến tranh sự hy sinh hay mất mát là lẽ thường, nhưng ông Taft chỉ hận ở chỗ là kẻ thù không có tinh thần thượng võ, không "franc-jeu" - tiếng Pháp, chữ ông dùng - vì Tom đinh ninh Bắc Việt không có Sam II nên đã bay với một độ cao tưởng là an toàn. Còn chú Út Bob thì đã chết oan uổng vì sự lật lọng của kẻ thù. Họ đã trắo trở vi phạm lệnh đình chiến trong lúc chính họ đề nghị trước trong những ngày lễ Tết truyền thống của Việt Nam."

Trong một lần không có mặt Kate, ông Taft đã nói với tôi :

"Chúng tôi yên tâm khi biết Kate kết bạn với cậu. Cậu là người tốt, có lòng nhân hậu và đứng đắn, không như những đứa bạn trước đây của nó. Chúng tôi cũng biết ông thân sinh của cậu là một vị tướng lãnh đã tuẫn tiết khi miền Nam Việt Nam bị mất. Cùng một nghĩa cử cao quý như ông nội và chú Tom của Kate. Đấy là những người mà sự hy sinh không bao giờ là vô ích. Tuy nhiên, quan hệ của Jane và Bill thì không được. Dòng họ Taft không bao giờ chấp nhận một người da màu vào gia đình, dầu cho người ấy có là ai đi nữa..."

Như thế là quá rõ. Và cũng thật là kỳ quái. Tôi không vui mà còn băn

khoản nhiều hơn. Thật tội nghiệp cho Bill và Jane. Bill là người tốt và có tài. Nhưng cái xứ này thật lạ lùng. Tôi học hành không mấy xuất sắc vẫn có nhiều nơi đề nghị cho việc làm khi ra trường, trong đó có cả trung tâm không gian NASA nữa. Trong khi Bill thì không...

Tôi cũng tiên liệu một sự thật phũ phàng sẽ đến với nhà họ Taft, một khi tôi lại quất ngựa truy phong ! Lại có cớ cho họ hận thêm người Việt Nam nữa. Vì bà nội vẫn thường răn đe : " Có lấy vợ, tụi cháu chỉ được lấy người An Nam ta thôi. Tuyệt đối không được dắt đầm điếc Tây Tàu về à...Không có vợ thì thà ở vậy."

Anh tôi thường trêu bà nội :

"Ở vậy thì lấy ai để nối dõi tông đường, hả nội ?"

Những lúc ấy, tôi nhớ bà thường đanh mặt lại mắng ngay :

"Tau không cần ! Dòng họ này đã hết rồi, hết từ năm bảy lăm rồi."

Rồi bà đăm đăm nhìn bức di ảnh của ba tôi, đôi mắt hiền từ bỗng trở nên xa xăm . Mẹ tôi, anh em tôi những lúc như thế thường giữ im lặng để tỏ lòng tôn kính nỗi buồn không bao giờ nguôi của bà. Tôi biết, đối với nội, ba tôi là người con trung nghĩa cao cả nhất của dòng họ, "trung nghĩa thiên thu" như Quan Vân Trường ngày xưa vậy. Bà nội vẫn thường nói thế.

Tôi không bao giờ thấy mặt ba tôi nhưng tôi tự hào về ba. Ngày miền Nam mất, tôi còn nằm trong bụng mẹ. Gia đình tôi được người Mỹ bốc đi trong khi ba tôi ở tại một vùng chiến thuật xa. Sau này , tôi đọc được hồi ký của một vị sĩ quan tham mưu của ba trong một đặc san của Hội Ái hữu Quân nhân viết về những giờ ụ cuối cùng của người. Bà nội bảo mẹ giữ lại bài ấy để đưa vào gia phả. Thương nhớ ba bao nhiêu, chúng tôi càng yêu quý nội bấy nhiêu. Anh em tôi và cả mẹ nữa, bao giờ cũng tôn trọng mọi ý kiến của nội, xem những lời nói của nội là những mệnh lệnh tối thượng...Cho nên, đối với Kate, tôi không dám gần bó quá. Bao giờ tôi cũng giữ một khoảng cách quá đáng, khác với những người con gái khác mà tôi đã quen. Có thể là vì tôi yêu cô. Tôi thật tình yêu cô.

Tôi thường dẫn cô đến các tiệm cà phê vắng uống cappuccino hay các tiệm ăn ít có người biết. Kate lái xe để tôi được tự do uống rượu. Một lần cô hỏi tôi bao nhiêu tuổi mà được uống rượu như thế. Tôi trả lời là năm đô la. Cô không hiểu và hỏi thế nghĩa là gì.

"Nghĩa là tiền tip. Cứ đưa tiền tip trước thì tuổi nào cũng có rượu uống. Không bán rượu cho trẻ vị thành niên là sắc luật, tiền tip là nén bạc. "Nén bạc đâm toạc tờ giấy" là tục ngữ Việt Nam. Dân tộc Á Đông còn ví von rằng con trai không uống rượu như lá cờ không gặp gió. Tôi uống rượu không phải vì ghiền mà chỉ vì muốn sống như tổ tiên thôi." Tôi trả

lời như thế.

Có một lần Kate hỏi tôi :

"Anh không yêu em sao ?"

Tôi cãi lại nhưng không lấy gì là hăng hái lắm :

"Có chứ."

"Nhưng tại sao không bao giờ anh hôn em ?"

Lại thế nữa cơ ! Con nhỏ này rắc rối thật. Tôi đã hôn nhiều con bè rồi, chứ không phải nhút nhát. Cũng không phải sợ đụng cái răng khểnh của cô. Hôn người có răng khểnh chắc phải thích lắm ! Nhưng tại sao, ngồi bên Kate, không bao giờ tôi có ý sàm sỡ như gần những cô gái khác. Có thể là tôi thật sự yêu cô, cũng có thể thâm tâm tôi đã tôn vinh cô là thần tượng. Nếu như đối với các cô gái khác thì đây là cơ hội "làm bàn bằng vàng" mà một " trung phong có bàn chân tiền" như tôi không đời nào bỏ qua. Thế nhưng tôi lại cứ cù cưa một cách cù lần :

"À, à, tổ tiên anh không có cái lối tỏ tình bằng cách hôn nhau. Họ cho thế là mất vệ sinh. Một cái hôn như thế có hàng tỷ tỷ vi trùng."

"Thế thì họ biểu lộ tình yêu bằng cách gì ?" Kate hỏi với sự tò mò không che đậy được vẻ bồn chồn.

"Anh cũng không rõ. Nhưng theo Bill lý giải thì có khi, họ nhìn vu vơ lên trời, tìm một "đám mây xanh, ở giữa mây trắng, chung quanh mây vàng" để thổ lộ về tình yêu chân thật của mình; có khi họ hư cấu tưởng tượng ra một mất mát nào đó, như "bỏ quên cái áo trên cành hoa sen..."

"Hoa sen thì làm gì có cành ?" Kate chen vào.

"Đúng, hoa sen thì làm gì có cành. Nhưng có lếu láo thế thì mới mua được nụ cười của người thôn nữ. Mà cô gái đã cười là ăn tiền rồi."

Kate cười. Cái răng khểnh trông dễ thương chi lạ ! Thế là ăn tiền rồi.. Nhưng tôi cũng không hôn Kate. Có thể cô cho tôi là thằng cù lần thật. Tôi vẫn nhớ hôm nào bà nội nhắc đi nhắc lại là không được lấy vợ Mỹ. "Đứa mô mà dắt ba cái đồ đó về là tau lấy chủi tau xuốt hết !" Nội vẫn thường lặp lại không chán cái điệp khúc ấy. Rồi một hôm thình lình nội hỏi tôi :

"Thằng Cu Em, cháu đã ve đứa mô chưa?"

Cu Em là tên của tôi lúc mới sinh do bà nội đặt. Anh tôi là Cu Anh. Bây giờ, anh em tôi đã lớn ngồng và sinh sống tại Mỹ, bà nội vẫn gọi chúng tôi bằng những cái tên đặc sệt Việt Nam ấy. Tôi nghĩ, một ngày nào đó tôi vào tòa Bạch ốc - tôi sinh ra ở Mỹ nên có thể ứng cử tổng thống lắm, biết đâu - chắc chắn lúc đó nội vẫn cứ gọi tôi là "cái thằng tổng thống Cu Em" ! Còn "ve", tiếng Huế có nghĩa là tán, là bắt bồ với một người nào đó.

Mẹ tôi nhìn tôi mỉm cười, chờ đợi câu trả lời của tôi. Tôi đáp :

"Không có đâu, bà nội à."

Nội khen tôi :

"Ừ giỏi. Cháu còn nhỏ, phải lo học đã, nghe cháu !"

"Nhưng mà..." Tôi cố ý làm ra vẻ ngập ngừng.

"Nhưng mà cái chi ?" Nội hỏi với vẻ lo lắng.

"Nhưng mà...tụi nó ve con thì loạn lắm."

"Loạn" hay "hung" có nghĩa là nhiều, tiếng của nội hay nói. Trông nội hốt hoảng ra mặt, trong khi mẹ và anh tôi thì biết là tôi sắp giở trò gì đây, hồi hộp chờ đợi màn gây cấn xảy ra . Nội hỏi dồn dập với vẻ lo lắng thật tình :

"Rứa thì tụi nó là An Nam hay Mỹ?"

"Mỹ. Mà toàn là... Mỹ đen không à, nội ơi !"

"Mày nghĩ gì mà trông mặt mũi lém lỉnh vui vẻ thế? Hay là mày đã nghĩ được cách gì giúp tụi tao?"

Tôi lại hoãn binh :

"Thì từ từ đã, Willie."

"Bill."

"Ừ, thì Bill. Miễn là Jane yêu mày. Chúng mày còn những một năm nữa mới ra trường, đã vội gì."

Bill ném khúc cây đang cầm trong tay xuống dòng sông, lập tức nước cuốn nhánh cây đi, nhấp nhô lên xuống và trôi xa, xa mãi. "Nhưng tao không an tâm chút nào. Ca dao nước mày có câu : "Cưới vợ thì cưới liền tay, chớ để lâu ngày lắm kẻ gièm pha."

"Nhưng mày sức mấy mà cưới ! Người ta đã..." Tôi bỏ dở câu nói vì không muốn làm Bill buồn. Nhưng nó cũng hiểu ra.

"Ừ nhỉ." Rồi Bill hỏi tôi :

"Còn chuyện mày với Kate ?"

Lại nhớ đến bà nội tôi. Tôi trả lời nhưng không hiểu tôi nói gì :

"Không có vấn đề gì. Tao không có tình yêu. Tao là người chiến thắng tình yêu."

"Mày khá mâu thuẫn. Đã nói là không có tình yêu thì lấy gì để chiến thắng nữa." Bill cười thành tiếng."

" Thế mà được đấy. Mày không thấy Tom Clancy đề tặng cho tổng thống Ronald Reagan cuốn "Những Sắc Luật" là "người chiến thắng chiến tranh " sao? Ông Reagan đã tham dự cuộc chiến tranh nào ? Chẳng qua là trong nhiệm kỳ của ông, ông đã giữ cho chiến tranh không xảy ra thôi. Tao cũng vậy."

"Nói thế là mày thật tình không yêu Kate ?"

"Có lẽ như vậy."

Bỗng nhiên trong không gian yên tĩnh vẳng đến tiếng người kêu cầu cứu. Hình như ở chỗ khúc quanh của con sông, nơi tôi thường đến câu cá với em trai của Kate. Bill và tôi lập tức chạy nhanh đến hướng ấy. Dưới sông, ở chỗ nước chảy xiết có một người đang vùng vẫy tuyệt vọng...

"Tony, đúng là Tony rồi !" Tôi chỉ kịp cởi phăng chiếc áo là chạy băng lên thân cây ngả ra phía sông, nhảy ùm xuống nước. Chỉ vài sải tay tôi đã đến chỗ thằng bé đang chìm dần xuống đáy sông. Tôi lặn xuống, xốc nó lên và khó khăn lắm tôi mới đưa nó vào được đến bờ. Bill đã xuống sát mé sông để bế thằng bé hộ tôi. Chúng tôi đặt Tony nằm trên thảm cỏ, chỗ tương đối bằng phẳng. Nó đã mê man nhưng ngực còn thoi thóp thở. Tôi banh miệng nó ra và đặt miệng tôi vào...Vừa làm các động tác cấp cứu, tôi vừa đưa mắt nhìn thân cây ngả. Chính tôi là người phải chịu trách nhiệm trong tai nạn của Tony. Nếu thằng bé có mệnh hệ gì tôi sẽ ân hận suốt đời. Đây là cái cây tôi đã phát hiện và là khúc quanh của dòng sông, nơi quy tụ nhiều cá nhất. Những ngày hè tôi vẫn thường cùng với Tony đến đây câu cá, nếu những hôm ấy tôi không có hẹn với Kate. Tôi đã đi tìm cho Tony một thứ mồi giả, bày cho nó cách móc mồi, buông câu và bảo cho nó biết thời điểm nào thì giật, kéo cá vào bờ như thế nào v.v... biến nó thành một tay "sát cá" nổi tiếng trong đám bạn. Điều hãnh diện này khiến cho Tony càng thêm gắn bó với tôi... Hôm nay, vì tôi đã ra đi từ sớm với Bill, thằng bé đã một mình đến khúc sông vắng câu cá. Nó đã trèo lên thân cây ngả, buông câu, rồi cá bắt mồi, Tony vội vàng...Thế đấy.

Nó sẽ tỉnh dậy thôi. Thế là tốt. Một ý nghĩ thoáng qua đầu, tôi bảo Bill khi thấy nó lo lắng nhìn thằng bé vẫn thiêm thiếp :

"Đừng lo, Tony sẽ tỉnh lại thôi. Mày đừng nói có tao ở đây nghe !"

Bill trợn tròn đôi mắt trắng dã nhìn tôi và khi hiểu ra, nó bảo :

"Không được đâu."

". . ."

Bill lắc đầu buồn bã :

"T. này, không ai tin tao cứu Tony đâu ! Vì tao không biết bơi."

"Không thành vấn đề."

Bill đang đứng sát mé sông, quay lưng về phía dòng nước chảy. Bất thình lình tôi tống một quả như trời giáng vào bụng nó, đủ cho nó văng xuống nước. Chỗ bờ nước thì cạn và trong khi nó đang lồm cồm đứng lên, tôi đã hét lớn :

"Xin lỗi, Bill. Tao đi gọi 911 đây. Ai hỏi thì nhận là mày gọi nhé !"

*

...Cuộc chia ly nào cũng buồn. Kate khóc. Điều này thì tôi đã nghĩ ra. Cả Jane cũng khóc. Ôm hôn tôi, Jane thì thầm vào tai tôi :"Cám ơn. Cám ơn T. rất nhiều." Tôi ngạc nhiên không hiểu Jane cám ơn tôi về chuyện gì, đành lẩm bẩm : "Có gì đâu."

Bill nắm chặt bàn tay tôi. Nó nói bằng tiếng Việt :

"Cám ơn bạn, Ông Tơ ."

Tôi không rõ Bill gọi tên tôi, T. với vần tiếng Việt nhưng phát âm sai, thiếu dấu huyền, thay vì "Tờ" đã thành "Tơ" , hay ngụ ý gọi tôi là "Ông Tơ", tức là người đã xe duyên cho nó ?

Kate mở cửa xe bước lên ngồi một bên tôi :

"Em tiễn anh một đoạn đường. Đến ngả ba đi Atlanta , em sẽ đón bus trở về."

"Không cần đâu, vất vả cho em lắm." Tôi từ chối.

"Ý em đã quyết rồi. Vả lại, em có chuyện này cần nói với anh."

Tôi vẫn ngại nhất giây phút này. Cái gì đáng cho qua thì nên dứt khoát cho qua luôn, dùng dằng chẳng ích gì. Tình yêu của chúng tôi vẫn dậm chân tại chỗ. Tôi hình dung trước có nhiều trở ngại. "Vấn nạn của Bill" bây giờ đã trở thành vấn nạn của tôi. Sau khi cứu được Tony, Bill đã được hai ông bà Taft yêu quý. Tôi cũng không ngờ sự việc lại quá giản dị như thế.

Xe chạy rồi, tôi nhìn lại thấy Jane và Bill đứng ôm nhau, cả hai người đều dùng cánh tay còn lại đưa lên cao vẫy theo.

Con đường đen nhánh bóng loáng ngút xa trước mặt làm tôi nghĩ đến hành trình cô đơn và buồn bã phải trải qua. Giá có Kate ngồi bên cạnh mình thì cũng vui. Nhưng thôi, được thêm gì đâu. Rồi đây, đường ai nấy đi. Cô sẽ quên tôi cũng như tôi cũng sẽ quên cô. Đã có gì ràng buộc với nhau đâu. Tôi không dám nhìn thẳng vào mặt cô, nhưng vẫn hình dung chiếc răng khểnh duyên dáng biết bao, dầu cho hôm nay cô không cười.

"Em biết Bill không phải là người đã cứu Tony."

Tôi giật mình, suýt chút nữa thì xe tôi đâm vào chiếc xe van đi ngược chiều, khiến cho người lái chiếc xe ấy chửi rùm beng và bóp còi xe inh ỏi một khúc đường.

Biết tôi không bao giờ đặt câu hỏi nên Kate nói tiếp chẳng chờ tôi lên tiếng :

"Chính bức tượng này, chính Đức Mẹ đã cứu Tony."

Mẹ ơi ! Bức tượng tôi vẫn đeo ở chiếc dây chuyền quanh cổ đang nằm trong lòng bàn tay cô. Đây là tượng Phật Quán Thế Âm mà bà nội đã tặng tôi cùng với sợi dây chuyền vàng trong một kỳ sinh nhật của tôi năm nào đó lâu rồi.

"Cũng may là em đã tìm thấy trong bàn tay nắm chặt của Tony khi theo ba mẹ ra bờ sông. Đây, em trả lại cho anh."

A, thôi đúng rồi. Khi hụt hơi chìm xuống, thằng nhóc đã chồm với chụp đại vào tôi, bất ngờ "cuỗm" luôn bức tượng nơi sợi dây chuyền tôi vẫn đeo quanh cổ mà tôi không hay.

"Cám ơn em." Tôi líu ríu nói lời cám ơn, cảm thấy lúng túng như kẻ cắp bị bà già nắm chóp. "Nhưng, xin em đừng...đừng kể lại chuyện này cho Jane biết."

"Anh khỏi lo. Jane nó đã biết hết rồi. Vì hơn ai hết, Jane nó biết Bill không hề biết bơi. Mà một người không biết bơi thì đầu can đảm tày trời cũng không bao giờ dám nhảy xuống sông để... tắm chứ đừng nói gì là để cứu người."

Cô có lý quá, và thông minh nữa. Tôi chưa biết phải lựa lời nói gì thì Kate đã tiếp :

"Anh yên tâm, em sẽ không nói cho ba mẹ em và Tony biết sự thật đâu. Là cũng vì anh...Em đành chấp nhận Bill vậy."

"Cám ơn em, Kat thương yêu."

Tôi an lòng và vui sướng thật sự.

"Chỉ cám ơn suông thôi ? Không hôn em sao ? Hay anh muốn nhìn mây xanh, mây trắng, mây vàng hoặc đang tìm một cái cành không bao giờ có cho cây hoa sen...như tổ tiên của anh ? "

Tôi muốn nói, không, anh định tìm một cây bưởi, một cây bưởi có hoa và anh sẽ trèo lên cây bưởi ấy, rồi thì tìm một vườn cà có nụ tầm xuân...Nhưng, không ổn rồi, bọn Mỹ con tuổi tụi tôi, hay Mít con cũng thế, còn lâu mới biết được những điển tích trong ca đao Việt Nam mà Bill đã giảng giải cho tôi, huống hồ là cô Mẽo hời hợt này... Vả lại, tôi cũng không thể mở miệng ra được vì miệng tôi đã bị hai bờ môi của Kate bịt mất rồi. Tôi chỉ phải cố rán mở to mắt và cầm chặt tay lái để xe của tôi khỏi chạy ra ngoài xa lộ, băng băng vào cánh đồng ngút ngàn cỏ cây đó thôi.❐

Gửi N.B.T.

KHOA HỮU

Mười năm mười năm mười năm nữa
bãi bồi sông lở đất hưng vong
K.H.

Em yêu có nghe lời ta kể
hối hả đi lũ sóng bạch đầu
gió làm bão mây hoang phù thế
đất thành dòng sông-bãi-biển-dâu.

Sẽ có một ngày trời không tuổi
tiếc thương ta đất cũng không già
một ngày, một ngày đích thực tới
trái tim này em giữ giùm ta.

Con sông trắng nhớ tan tành khói
vườn cây mong khoác áo tà đương
gió biệt tích, nhà nghiêm bóng dợi
sớm mưa mây những hạt linh hồn...

Em yêu, tóc dài thêm độ ấy
tiếng gà trưa dậy chỗ ta nằm
thiếu thời em là hoa là trái
cỏ trầm hương mắt lá dăm dăm.

Những cánh mai tung thời thân thuộc
vụt thời gian con én bay về
nắng xé lụa phơi mùa hạ trước
gốc phượng tàn còn đẫm tiếng ve.

Bãi bồi lở, đất không cầm máu
bè lục bình tan, dạt về đâu
hàng lau sác, nước chìm tháng sáu
giọt lệ trời tháng bảy, mưa ngâu.

Bờ tre bụi ngăn tràn bão lũ
đêm giữa tuần trăng, dắm dòng sông
xác bướm ép vào trang sách cũ
nét tàn phai đã thấm gió đông.

Bàn tay em ngón mềm, chỉ nhớ
khâu giùm ta chút ước chưa đành
bấy nhiêu năm một mảnh trời vá
bạc hồng nhan chỉ sợi vẫn xanh.

Quê hương em bãi đâu liền bể
ba mặt sông, triều sóng thúc dồn
lòng đất hứa cây lành bám rễ
lượng trời cho trái ngọt môi hôn.

Mười ngón tay hơ - hoàng hôn lửa
trông mười năm cháy rụi như than
phấn hương thơm bình minh ngoài ngõ
nặng giọt sương mềm ngọn cỏ, tan.

Ta nghe ta, bỗng nhiên thổn thức
đời tha phương ấm lửa nhân quần
nhóm bốn mùa đốt trang giấy ước
cơi tro tàn viết lại trăm năm.

Đất báo oán, người gây chinh chiến
thay áo bào, súng trận, ta đi
thiên hạ tứ phương thù, đấy loạn
trăng chiêm bao đưa bóng ta về.

Phát đạn nổ chiến tranh, đã bắn
tuyên án ta - bản án tử hình
đem sợi tóc treo ngàn cân nặng
vận mệnh ttrời hai chữ đinh ninh.

Khói thuốc súng cháy râu tóc xạm
nắng núi mưa đồng tấm mầu da
mỗi sáng thức chờ phiên: báo tử
lời phân ưu đợi nhắn tin nhà.

Đời bỉ mặt ta, oan tiền kiếp
ta ngâm câu - thơ độc khúc hành
chọc trời khuấy nước, hừ, ngọn bút
nghiên mài son nào nét hư danh?

Mười năm như chuyện hoang đường kể
người lưu vong, đất đứng chiêu hồn
chiếc cầu gẫy đôi chiều tạ thế
con đường xưa xanh cỏ mới chôn.

Thôi đành, con bướm vàng bên giậu
mượn giấc mơ Trang Tử ta về
làm gió, gõ cửa nhà yêu dấu
gọi nghìn thu ngoài cõi lắng nghe.

đêm huyễn mộng

Hoàng Nga

Cái nhà hàng lớn, chia ra làm ba khu vực, Thái, Tàu và Nhật. Một đám Việt Nam làm việc chung với nhau bên khu vực Thái. Ngày nào cũng có người mang chuyện lòng hoặc chuyện bá tánh lên kể lể. Nghe. Phê bình. Rồi tán nhảm. Kể cả những chuyện "cấm đàn bà". Tuần trước Lệ Lý mới vừa bước chân vào ngưỡng cửa, đã rộn ràng lên giọng:

- Trời ơi, buồn cười! Hôm qua thằng Lợi lên nhà em, ngồi ỳ một lát, chả thèm nói năng tiếng nào, nhưng đến lúc ra về, bỗng xịu mặt xuống như đưa đám, rồi trở giọng than vắn thở dài, bảo hắn đã chết cả nửa thân mình là vì em.

Và cô phì cười:

- Yêu thì phải chết hết cả thân mình chứ nhỉ, ai lại chỉ có một nửa như thế bao giờ!

Hải góp lời:

- Chết như thế người ta gọi là "một nửa đời anh". Thằng này chắc thuộc loại người không dám hy sinh cho tình yêu!

Chị Mỹ:

- Thế cô có hỏi hắn chết nửa bên trái nửa bên phải, hay khúc trên khúc dưới gì không?

Lý chưa kịp trả lời, ông Nam đã chen vào:

- Khúc dưới sao được mà khúc dưới! Theo kinh nghiệm bốn mươi mấy năm làm đàn ông của tôi, đường đường một đấng nam nhi, thì bất cứ thằng nào cũng nhất quyết hy sinh cái đầu, chứ không bao giờ để chết khúc dưới đâu à!

Cả bọn cười ầm. Đứng trong bar với tôi, thấy tôi quay đi, Lệ Lý la lên:

- Chú Nam ơi, chú nói năng lung tung làm chị Trúc đỏ mặt rồi đây này.

Ông Nam cười, quay về phía chúng tôi:

- Thế à? Xin lỗi cô Trúc nhé! Chẳng qua là tại cái số cô xui, cô làm việc chung với cái bọn quỷ sứ này, nên lâu lâu phải rán nghe vài câu bá láp đi vậy.

Tôi cười không ra tiếng đáp lại. Tôi vẫn thường bị cả bọn trêu, gọi là nữ tu hay bà sơ. Lý hay vuốt má tôi mỗi bận tôi không tham gia những cuộc vui, hay đấu láo, tán nhảm của cả nhóm:

- Một tuần có bảy ngày, thì sáu ngày đã ở nhà thương nhà nhớ, đến Chúa nhật lại vào nhà thờ nhà tự; thử hỏi trên đời này còn cái nhà nào nữa dành cho chị không hở chị Trúc?

Tôi cười mỉm với Lý. Không dám nói có một cái nhà tôi vẫn sợ hãi mỗi lần bước chân ngang qua. Không phải bởi cái sợ thường tình, sẽ gặp một bóng áo trắng phất phơ, hay một cái lạnh buốt giá phủ che lên người, mà cái sợ không biết mình sẽ như thế nào, xúc cảm ra sao nếu như đến một lúc nào đó, sẽ phải vào đấy, với Hãn. Lúc khăn trắng không còn đắp ngang ngực, mà trùm lên cả mặt chàng.

Tôi hay nắm lấy bàn tay xanh xao của Hãn mỗi sáng vào thăm chàng, cố nghe giòng máu âm ấm, luân lưu yếu ớt giữa những ngón xương gầy để cái sợ ấy không trấn áp được mình. Chàng đã nằm ở đó sáu tháng. Sáu tháng, chỉ trừ Chúa nhật, tôi đều thức dậy lúc mười giờ, hai mắt cay nồng vì giấc ngủ muộn đêm qua, trăn trở mệt nhoài vài ba phút đồng hồ, ra ngoài làm vệ sinh cá nhân, uống một ly sữa nóng, trang điểm qua loa, rồi vào với Hãn. Vào với Hãn, tới lui trong căn phòng dành cho hai người, đọc cho chàng nghe một vài trang sách, hay đi dạo với chàng một vòng quanh sân những hôm trời nắng ấm. Cái căn phòng nằm cuối dãy hành lang sâu và quạnh vắng, trên cửa có gắn ba con số, mà tôi chẳng bao giờ muốn nhớ tới. Lâu lâu cũng có một người nào đó được đưa vào nằm chung với Hãn. Nhưng thường là họ chỉ "tạm trú" vài tuần, rồi có khi được trở về nhà, có khi đi luôn không về nữa. Hãn hay nói với tôi, bằng một cái giọng thản nhiên, bình tĩnh, những lúc chàng còn lại một mình trong căn phòng ấy:

- Thành thật chúc mừng cho hắn.

Chàng chúc mừng trong cả hai trường hợp, tạm biệt lẫn vĩnh biệt, và luôn luôn cố làm ra vẻ vui, nhẹ nhàng, nhưng trên khuôn mặt chàng thì không khi nào dấu được nỗi đắng chát, mỉa mai. Mỗi bận nghe như vậy, tôi không biết phải trả lời với chàng như thế nào. Cũng không dám buông tiếng thở dài, đâu là thở dài buồn bã hay chán ngán. Tôi biết Hãn thừa thông minh và nhạy cảm để có thể đoán được những ý nghĩ hoặc cảm xúc của tôi. Tôi không dám để lộ cho chàng thấy dường như tôi đã chai lỳ đi

rất nhiều trước những tư tưởng ủ dột, bi quan của chàng như thế.

Hãn nằm ở bịnh viện sáu tháng, nhưng cơn đau đã đến với chàng và kéo dài liên tục gần cả bốn năm nay. Lúc đầu không chỉ mình chàng và tôi, mà cả những người thân chung quanh chúng tôi cũng hoảng hốt, bấn loạn lên theo với chàng. Nhưng dần dà về sau, cái mức độ hoảng hốt, lo sợ ấy giảm xuống, có lúc đến gần như biến mất, không có. Đến nỗi Hãn đã phải tỏ ra bực bội và khó chịu nhiều lần khi trông thấy vẻ bình tĩnh của tôi, lúc tôi gọi điện thoại cho bác sĩ hay gọi xe cấp cứu. Chàng nghĩ chàng đang phải chịu đựng một mình với những cơn đau triền miên của chàng.

Hãn đâu có biết tôi cũng phải chịu đựng nào khác gì chàng. Công việc của tôi mỗi ngày, là phải chường mặt ra trước vô số người xa lạ, miệng phải luôn luôn nở ra những nụ cười tươi tắn, bất kể lúc vui hay buồn, lòng rộn ràng hay u ám. Lý thường hát đùa, trêu cả bọn khi thấy có thấp thoáng một bóng người nào đó nào đó bước vào quán:

- Cười lên đi em ơi, cười lên dấu những giọt lệ rơi, hãy ngoác mồm mà cười...

Hãn đâu biết hằng ngày, để những nỗi muộn phiền, nỗi cay đắng ê chề không thể hiện ra ngoài mặt, tôi phải như đeo trên mình một lúc hai ba cái mặt nạ. Cái cười, cái khóc, cái... dở hơi. Y hệt như những mặt nạ trang trí hai bên sân khấu cải lương. Chàng đâu biết tôi phải chiến đấu, chống chỏi không nguôi với nỗi cô đơn đã đành, mà còn phải cố dấu tất cả những xúc cảm của mình với người chung quanh. Và với cả chàng nữa mới tệ hại. Hãn hay nhìn tôi trừng trừng những lúc thấy tôi cười, tôi đeo nhầm cái mặt nạ hân hoan khi ở cùng chàng:

- Em có chuyện gì vui hôm nay à?

Vài lần, tôi đã muốn nói với chàng. Hôm nay, ngày mai, hay vĩnh viễn, nếu chàng vẫn còn nằm ở đây, nếu chàng vẫn còn mang trên người cái bịnh tật không chữa chạy được ấy, là tôi chẳng biết vui với ai, và vui như thế nào! Nhưng tôi đã không nói, bởi vì tôi biết chẳng bao giờ Hãn có thể tin được điều đó. Chẳng bao giờ có thể làm cho chàng mất đi cái ý nghĩ, ở phía bên ngoài kia, dưới con đường kia, trong lòng phố xá kia, hội hè và yến tiệc nào lại chẳng bày ra trước mắt tôi, mời gọi tôi! Mỗi bận tôi kể chuyện cô Lệ Lý ồn ào, là Hãn khó chịu không muốn nghe. Tôi kể chuyện chị Mỹ đi holiday, mua sắm đồ đạc gì đó, là Hãn mặc cảm, rên rỉ chàng đã tàn phế, đã không còn có thể tạo cho tôi một cuộc sống an nhàn như thế được. Chuyện ông Nam, hay chuyện của Hải, của Đoàn, của những người đàn ông và thanh niên còn khỏe mạnh, còn trần trề nhựa sống là chuyện cấm kỵ trước mặt chàng.

Hằng ngày, tôi lẩn quẩn, lòng vòng sống và đụng chạm với những

con người thích chộn rộn, vui vẻ một cách ồn ào như thế, nhưng khi vào với Hãn, ngồi bên cạnh chàng, là cái cuộc sống ấy gần như phải được quên đi. Gần như đấy chỉ là một vở tuồng, một nhân vật sân khấu nào đó mà tôi đã thủ vai đêm hôm trước, không dính dáng gì đến người thiếu phụ đang nuôi chồng bịnh nặng. Tôi không dám nghĩ chính Hãn đã đóng cái cánh cửa nhìn đời bằng con mắt lạc quan tươi vui, bởi bàn tay gầy yếu của chàng, bởi cơn đau miên man và bất tận của chàng. Nhưng tôi cứ phải thu mình lại trong cái xó tối tăm của riêng tôi, mỗi lúc nhớ tới cơn bịnh không hy vọng gì chữa lành ấy. Làm bất cứ điều gì, tôi cũng nao lòng nghĩ đến những tiếng thở dài áo não, chát chua và lòng tôi luôn luôn mang nặng cái tâm lý mặc cảm tội lỗi đối với chàng.

Mỗi sáng Chúa nhật vào nhà nguyện, tôi thường chọn cho mình một cái ghế ở hàng cuối cùng. Và ngồi thật lặng lẽ ngắm nhìn thánh giá Chúa treo trên tường, cố mường tượng ra vòng gai Chúa đội, đôi bàn tay Chúa bị đóng đinh trên cây gỗ, để tự an ủi cái gánh nặng của mình còn nhẹ hơn nhiều. Lý trêu tôi:

- Trúc làm bộ đi lễ mỗi Chúa nhật để tránh vào nhà thương thăm anh ấy chứ gì!

Tôi đã cười buồn đáp lại. Có đôi khi tôi cũng muốn tránh Hãn. Nhất là lúc chàng chìm vào giấc ngủ mê mệt bởi những viên thuốc giảm đau. Lúc trước mắt tôi chỉ còn lại một khuôn mặt khắc khổ, đôi gò má nhô cao, đôi con mắt trũng sâu khép chặt, đôi môi khô khốc, rã rời, và làn da xanh mướt, bệch bạc. Có nhiều lúc tôi tưởng Hãn đã biến thành một con người hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Như kẻ đã thuộc về một thế giới khác mà tôi chưa hề gặp trên đời. Biết bao lần tôi đã đứng lặng ở cuối giường chàng, nhìn chàng chằm chằm, đầu óc hoang mang vô định, cố mường tượng ra giọng nói tiếng cười dễ thương của chàng, ánh mắt đa tình thuở chàng chưa ngã bệnh để gọi cái tình cảm yêu thương nồng nàn ngày trước trở về trong tôi. Có khi tôi thấy thương Hãn xót xa. Nhưng thường khi là tôi sợ. Nên thường khi là tôi đã phải quay mặt đi bùi ngùi.

*

Cuối năm, ở chỗ làm của chúng tôi có một ngày gần như ngày hội hóa trang. Tất cả các nhân viên đều bị bắt buộc phải ăn mặc khác đi so với ngày thường. Có năm chúng tôi phải mặc sắc phục cung đình Thái. Có năm lụng thụng quần áo Mễ Tây Cơ. Và năm nay, hoa hòe hoa sói Hạ Uy Di. Lệ Lý và chị Mỹ bám lấy tôi, trêu:

- Á hà, đã đến lúc "sư nữ xuống núi" rồi đấy nhé!

Năm ngoái, năm kia, đầu Hãn đã ngã bệnh, nhưng chàng vẫn còn đi làm, hoặc đang nằm nhà dưỡng sức, nên không có gì khiến tôi phải cảm

thấy ấy náy, khổ sở như năm này. Không biết tự lúc nào, quần áo trên người tôi, chỉ còn mỗi một màu xam xám, hoặc nâu buồn. Hãn bảo chàng sợ màu đen và màu trắng, và có vẻ không thích tất cả các sắc màu rực rỡ hay tươi mắt khác. Nên gần như tôi đã vất mọi thứ quần áo hoa hòe hoặc đen trắng ấy vào trong xó tủ, không đụng đến bao giờ. Vả lại, chính tôi cũng sợ màu đen. Sợ những chiếc mũ có mạng che mặt lưa thưa. Và sợ tất cả các vòng hoa màu trắng hoặc nhàn nhạt, tai tái bắt gặp trên đường.

Tôi nói với Hãn, buổi sáng cuối năm tôi sẽ chỉ vào bịnh viện được mười lăm phút vì còn phải chuẩn bị cho ngày làm đặc biệt kia. Hãn thở dài sâu nặng. Tôi nắm lấy tay chàng:

- Chỉ một hôm ấy thôi. Mông một Tết dương lịch năm nay em được nghỉ, sẽ vào trọn ngày với anh.

Hãn làm thinh. Lát sau chàng chép miệng:

- Thì cũng đành chịu chứ biết sao!

Hai tiếng đành chịu của Hãn nghe nặng nề như âm thanh một tảng đá rơi xuống vực sâu, dội vào lồng ngực tôi đến tức nghẹn. Tôi vừa cảm thấy thương chàng, vừa cảm thấy tủi thân và giận. Đành là giao thừa Hãn phải nằm trong này một mình, nhưng lẽ ra chàng phải biết đấy là công việc mà tôi phải làm, là cái nhiệm vụ tôi phải hoàn tất, có khác gì chàng đang cưu mang mầm bệnh, có khác gì...

Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ. Không dám nghĩ tiếp, có khác gì tôi đang cưu mang chàng! Tôi nén tiếng thở dài, quay lại lấy ngón tay di di trên môi chàng:

- Cô Lý bảo năm nay có quà cho cả anh nữa đấy. Sáng ngày một, em sẽ mang vào đây một cái máy chụp hình, đặt ở góc đàng kia, chụp automatic một tấm hai đứa mình mở quà chung.

Hãn làm thinh không nói gì. Tôi đã lường trước, nếu chàng bảo, "vui sướng gì mà chụp hình!", hay một câu gì đó kiểu bi thảm như chàng vẫn hay nói, thì tôi sẽ cười, đáp lại, "miễn có anh là em vui rồi". Nhưng mãi cho đến lúc tôi ra về, Hãn cũng chẳng đá động gì đến chuyện ấy. Cũng thôi không tỏ ra cay đắng nữa. Lúc xuống đến đường, tự dưng tôi ứa nước mắt, thương xót Hãn. Tôi mơ hồ thấy mình không thành thật với chàng. Mơ hồ nhận ra tôi cứ luôn luôn chuẩn bị một tư thế nào đó để đối phó với chàng. Như một cái máy. Gian dối che đậy sự lạnh lùng, dửng dưng ẩn hiện ở trong tôi.

Lần đầu tiên trong nhiều năm sống với Hãn, và nuôi bệnh chàng, tôi giật mình tự hỏi không biết có phải mỗi ngày tôi vào với chàng, chỉ là do thói quen, do bổn phận hay không. Và những điều tôi đã làm cho chàng, tạo sự dễ chịu cho chàng, là chỉ vì tôi muốn bớt sự nặng nề của chính mình

hơn là cho chàng hay không. Tôi đau đớn thở dài. Tội nghiệp Hãn của tôi! Tôi muốn kêu lên với chàng. Nhưng đồng thời tôi cũng muốn kêu lên với chính tôi. Tội nghiệp cho tôi! Ngày đã mòn mỏi quá đối với tôi. Đêm đã nhọc nhằn quá đối với tôi. Và nếu dẫu đây có là thì giờ còn lại sau cùng của chàng, dẫu có là đoạn đường ngắn ngủi chàng đang lê bước chăng nữa, thì quả tình, tôi cũng không biết phải nghĩ suy như thế nào, sống như thế nào cho trọn...

*

Lệ Lý cài cho tôi một vòng hoa lên đầu, sau khi giúp tôi đeo đôi hoa tai thật lớn. Cô hát:

- Mắt môi đây xin em đừng chờ. Chiếc hôn kia xin chớ hững hờ...

Tôi làm thinh cười. Cô ngắm nghía tôi:

- Uổng thật, con người tươi mát, xinh xắn như thế này, mà phu quân lại nằm bẹp dí một chỗ mới chết chứ!

Chị Mỹ chen vào:

- Thế mà khỏe đấy cô Lý ơi. Khỏi ai làm rộn mình.

Lý bĩu môi:

- Có thể ông xã chị nằm bẹp mới không làm rộn chị, chứ em thấy cái nhà anh Hãn làm rộn chị Trúc quá sức!

Tôi chối:

- Anh ấy có làm gì rộn chị đâu.

Lý nhìn tôi nghi ngờ:

- Ngày nào đi làm về tới nhà cũng hai ba giờ khuya, sáng sớm bảnh mắt đã phải khăn gói vào với anh ấy mà không gọi là rộn à?

Tôi chớp mắt:

- Chị tự nguyện, anh ấy không đòi hỏi.

Lý trố mắt:

- Thật à! Thế mà xưa nay em vẫn tưởng anh ấy bắt chị vào bịnh viện mỗi ngày đấy chứ.

Tôi cười héo hắt:

- Anh ấy nằm một chỗ, bắt sao được mà bắt.

Nói xong, tôi mới biết không hiểu là mình vừa nói thật, hay đã bật thốt ra một suy nghĩ nào đó từng đến với mình. Quả là tôi đã tự nguyện vào với Hãn mỗi ngày thật. Nhưng đấy chỉ là những tuần lễ đầu tiên, khi Hãn mới vừa vào bịnh viện trở lại. Bởi lẽ là cả Hãn lẫn tôi đều không ngờ chàng sẽ phải nằm ở đó đến nhiều tháng như vậy. Hơn thế, giữa khoảng thời gian từ mười một giờ cho đến trước khi tới quán, tôi cũng chẳng có việc gì khác để làm. Vào ra, nấu nướng hay ăn uống một mình cũng chán, nên tôi hay soạn sách vở, hoặc băng cassette thơ nhạc gì đó vào nghe với

chàng. Chúng tôi đã tưởng, qua cơn, là chàng lại trở về nhà, dưỡng sức chờ ngày bình phục như trước.

Lệ Lý tò mò:

- Kỳ này sao anh ấy phải ở lâu quá vậy hở chị Trúc?

Tôi cố nén tiếng thở dài:

- Bác sĩ bảo ngoài cái khối ung thư ra, thì tim anh ấy không hoạt động bình thường, cần phải có người trông coi thường xuyên trong ngày, nên về nhà chưa tiện.

Lý nhăn mặt:

- Nhưng chẳng lẽ nằm hoài trong ấy à?

Tôi nhìn cô bạn đồng nghiệp. Khẽ trả lời mà nghe như chính giọng nói của mình văng vẳng, mơ hồ, phát ra từ một cõi xa xôi nào đó:

- Thế nào cũng phải có ngày về chứ!

Có lần người bác sĩ chuyên môn bảo tôi, có lẽ sự thương yêu chăm sóc của tôi đã tạo ra cho Hãn một cái sức mạnh ý chí, giúp chàng lướt qua những cơn hiểm nghèo mà ông ít khi thấy có người vượt được. Ông cũng nói với tôi, một cách thành thật, là ngày về của Hãn, vời vợi, mịt mù vô cùng. Nhiều lần tôi đã gục đầu trong giáo đường, cầu xin ơn trên cho tôi sự can đảm để tôi đứng vững bên chàng cho đến ngày sau cùng. Tôi nhớ trong một bài giảng sáng Chúa nhật nào đó dành cho phụ nữ, có đoạn nói: "xin các bà hãy bình tĩnh, hãy chuẩn bị tinh thần, để nếu nhỡ như một ngày nào đó mình trở thành người đàn bà góa, thì sẽ biết mình nên làm gì, sống ra sao...". Tôi nghĩ, người phụ trách giảng dạy hôm ấy đã chú trọng đến những người phụ nữ quá tuổi trung niên, hay lớn hơn nữa, chưa bao giờ nghĩ đến chuyện mai kia mốt nọ người đàn ông của mình không còn có mặt bên cạnh cuộc đời. Ông muốn giúp cho họ có một cái nhìn bình tĩnh, vững vàng khi trở thành góa bụa. Không biết ông có ngờ đến những con người còn quá trẻ như tôi, thanh xuân như tôi, nhưng vẫn đang âm thầm gánh trên vai những gánh nặng hay không, mà ông chẳng đưa ra một lời an ủi, hay trợ sức nào...

*

Đêm vỡ mặt đắng trong tôi. Đám bạn đồng nghiệp tôi đi qua đi về giữa muôn người khách, môi nở ra những nụ cười hân hoan hiếm thấy trong năm. Đêm cuối cùng của năm, dẫu ai cũng biết ngày mai đất trời sẽ chẳng thay đổi gì mấy, công việc sẽ chẳng thay đổi gì mấy, nhưng dường như ai cũng muốn vui, cũng muốn để cho những niềm hy vọng lóe lên trong lòng mình. Hải trêu Lệ Lý:

- Cô cười hơi nhiều, và cười lung tung với mọi người. Thế nào cái thằng "Gamoquaky", người Thái gốc Nhật đó cũng tưởng cô chịu nó cho

mà xem.

Lệ Lý kêu lên với Hải:

- Ở đó mà ham! Cái thằng đó đi mài mặt mười lần nữa thì may ra em cười với nó!

"Gamoquaky", phát âm na ná tiếng Nhật, là cái biệt danh của ông Nam tặng cho một anh chàng người Thái theo đuổi Lệ Lý nhưng vẫn bị cô chê lên chê xuống. Lúc tôi mới vào làm, chị Mỹ phải giải thích:

- Mặt hắn rổ huê. Ông Nam bảo tại hắn bị... gà mổ quá kỹ!

Chung quanh tôi mọi người qua lại, cười nói lao xao. Lòng tôi cũng lao xao. Nhưng y hệt một tô canh láo nháo, đủ thứ mùi, tôi cũng cười, mà trong trí cứ hiện lên rõ mồn một hình ảnh Hãn xanh xao ốm yếu trên giường. Chỉ còn vài phút nữa thôi là giao thừa. Ai cũng chờ đúng giờ để ùa ra ngoài sân đốt và xem pháo bông xanh đỏ rợp trời, tống tiễn cái xui qua đi. Có lẽ mọi người sẽ cùng nhau uống vài ly champagne. Tôi, chắc cũng không cách gì từ chối được. Có lẽ cũng phải cười và chúc tụng đôi câu. Nhưng tôi cứ muốn khóc. Năm sắp qua, và ngày sắp tàn. Tôi nghĩ đến cái sức sống cũng đang rút ngắn dần với Hãn. Chao ơi. Tôi kêu lên. Tôi hoảng hốt nhớ ra, hình như chưa bao giờ tôi thử để ý xem chàng đã chuẩn bị, và đón chờ cái bước cuối đến với mình như thế nào. Sợ? Kinh hãi? Hay sẵn sàng? Nước mắt tôi đọng vòng quanh mi. Tôi khốn khổ nhận ra mình chưa hề chia xẻ với chàng những nỗi niềm chất chứa trong lòng chàng như thế bao giờ.

Lệ Lý kéo tôi ra ngoài. Tôi đứng lặng nhìn bầu trời đen và những bông tuyết đang đổ xuống trắng xóa cả khu vườn. Tự dưng tôi nhớ đến một bài hát Hãn thích, tình yêu vô tội, để lại cho ai, buồn như giọt máu, lặng lẽ nơi này, trời cao đất rộng một mình tôi đi, đời như vô tận, một mình tôi về, với tôi... Tôi co ro ôm vai mình, muốn vùng bỏ chạy ngay vào với Hãn. Tôi nhìn quanh. Đêm bủa vây tôi. Đêm che mặt tôi như nguyệt thực. Tôi gọi tên Hãn trong nỗi tuyệt vọng khôn cùng. Tôi tự hỏi, giữa đêm huyễn mộng của cuộc đời mà tôi đã lầm lũi đi cùng chàng lâu nay, không biết chàng có muốn kéo dài ra thêm đôi ba khắc, như tôi đang nghĩ đến hay không?❐

Khi từ biệt Sài gòn

KIÊM THÊM

Tôi rời Huế vào Sài gòn lúc còn tuổi trẻ
bỏ lại đằng sau mật ngọt, cay nồng
bỏ lại đằng sau mối tình không trọn
kỷ niệm, trời ơi, kỷ niệm nồng nàn

Sài gòn chào đón tôi, Sài gòn đưng chứa tôi
Sài gòn dạy tôi bài học làm người
những ngọn nắng khiến tôi thức dậy
hãy thức dậy thôi, đi đứng vào đời.

Phố xá đông người tôi phải chen lấn
bước một bước tôi trở thành kẻ khác
sửa lại giọng nói, đổi lại tâm hồn
đứa con của Huế vụng dại không còn.

Trận mưa ngông cuồng lay tôi tỉnh giấc
ngó thấy mình nay cũng đã khác xưa
những hạt bụi đính trên khắp thể xác
không nhìn ra tôi, mọi chuyện, không ngờ.

Những chén rượu cuồng mê, uống đi, đèn vừa rực sáng
uống đi cho say quên chuyện nổi trôi
uống đi cho quên cuộc đời dâu bể
quên mối tình đầu quên chuyện thế gian.

Mười lăm năm Sài gòn cưu mang tôi
chừng ấy tháng ấy năm đã nếm trải
sương gió dạn dày hồn đầy bóng tối
Huế có nhận ra tôi không, Huế ơi.

Sài gòn cho tôi tình nghĩa phu thê
những đứa con ra đời giữa thời lửa đạn
bồng bế nhau mà đi, xa biệt nghìn trùng
xứ lạ quê người nhớ thương vô tận

Cảm ơn Sài gòn biết ơn Gia định
gửi lời thăm Ngả Sáu Ngả Năm
thăm hỏi giùm tôi bến cảng Sài gòn
thăm nắng thăm mưa thăm con ngõ hẹp.

Dù gì Sài gòn và tôi đã chia tay
có nói vạn điều nghìn đêm tâm sự
không nguôi ngoai được nỗi nhớ niềm thương
cảm ơn mọi điều cảm ơn hết thảy.

báo cũ

Trên mười hai năm hiện diện trên diễn đàn văn chương hải ngoại, Văn Học đã trở thành một tài liệu quí giá để tìm hiểu tâm tình của tập thể người Việt sống lưu vong ở nước ngoài. Vì thế càng ngày càng có nhiều bạn đọc hoặc các thư viện, viện nghiên cứu viết thư về Tòa soạn tìm mua những số báo cũ để có Văn Học Toàn Bộ.

Văn Học xin trả lời chung những lá thư đó như sau:

Hiện Tòa soạn Văn Học còn lưu trữ những số báo cũ sau đây:

* **Giá 3 Mỹ kim**: Các số Văn Học Nghệ Thuật 6.

Các số Văn Học: 42, 44, 53, 54, 59, 60.

* **Giá 3.50 Mỹ kim**: các số Văn Học 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 & 71, 72 & 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80 & 81, 82, 83. 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107.

* **Giá 4 Mỹ kim**: Các số Văn Học 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 119, 120, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129

Tòa soạn sẽ chịu bưu phí gửi báo theo hạng bookrate và surface.

cái bát

Lê Minh Hà

Bức ảnh chụp hai bà cháu vào một chiều muộn. Con gái Lê, bàn chân mũm mĩm xoay nghiêng như sắp chạy, tay khư khư một thứ đồ chơi gì đó, đôi mắt tinh khôn nhìn theo hướng bàn chân, nhưng cằm lại hất lên, môi mở ra đón thìa cơm bà bón. Một bức ảnh đẹp, đẹp giản dị, đẹp bình thường. Nếu không có dòng chữ đề sau tấm ảnh của bố Lê: "Bà đang cho cháu ăn cơm hôm cưới con chú Hạ. Cái bát bà cầm là quà cưới của bố mẹ hồi năm năm sáu - 1956".

Nếu không có dòng chữ ấy thì chắc Lê đã xếp tấm ảnh vào allbum. Xa nhà, xa con, mỗi lần nhận được thư và ảnh từ nhà gửi sang, Lê nghẹn thở vì mừng. Chị chỉ còn biết những dáng hình trong đó, dáng còm cõi của bố, dáng bé bỏng của đứa con. Chị quên tháp Rùa, quên vòm phượng vĩ đỏ như cháy ven hồ Gươm, quên màu nước hồ xanh như nước rau muống luộc nhừ như ông nhà văn nào đã tả, hiện rất rõ nhờ kỹ thuật ảnh màu hiện đại. Hà Nội của chị rút lại chỉ còn là thế, là người cha già, là người chị gái goá chồng, là bà mẹ kế hiền hậu đang nuôi con cho chị, là những người ruột thịt mà hồi còn sống cùng đôi khi Lê cảm thấy hệt như khách trọ, hệt như mình, dưới một mái nhà chung.

Nhưng bức ảnh này buộc Lê phải lật đi lật lại, săm soi. Cái bát ăn cơm nhỏ trên lòng tay người lớn lại càng nhỏ, chỉ thấy rõ nét viền trên miệng. Nhưng Lê mường tượng rõ đến tưởng như sờ nắm được. Ngày trước, ngay cả trong những dịp giỗ tết, cái bát ấy đám cháu lốc nhốc như chị không bao giờ được bà nội cho cầm.

Hóa ra cái bát là quà cưới của bố mẹ. Lê không biết điều đó. Bé thì không biết hỏi. Mà hỏi để làm gì. Giờ, đã là đàn bà, đã ngoài ba mươi, đã phải vật vã với bao lo toan, Lê chẳng bao giờ để ý tới những điều nhỏ nhặt

như thế. Tỷ như nguồn gốc của một cái bát trong nhà. Biết cũng chẳng để làm gì.

Nhưng Lê nhớ hồi còn sống bà nội giữ gìn mấy cái bát ấy như thế nào. Hồi sơ tán, về quê ở với bà, bà vẫn cấm chị em Lê lần mò vào cái chái nhà tối như hũ nút nằm ở đằng rừng - phía tây làng Lê.Trong đó lủng củng mấy cái hòm gỗ xấu vàng ệch màu nghệ thối bà dùng đựng đồ rét của mấy bà cháu; thêm mấy cái vò đựng đỗ giống, thúng chuối "dấm" dở; và qúy nhất có lẽ là cái làn đan bằng sắt phế liệu trong úp chục bát sứ Tàu. Bà thường răn: "Chúng mày cứ mò mẫm trong ấy vỡ mấy cái bát thì bà bảo".

Mấy cái bát quả có đẹp, mỏng tang, mỏng đến mức nhành hoa in ở thành bát bên ngoài cũng có thể soi thấy từ bên trong. Đồ Tàu, ngay cả do trung ương sản xuất bây giờ cũng không được thế. Ăn cỗ bằng cái bát ấy chắc là ngon miệng lắm! Nhưng cái sướng ấy hồi bé Lê chả bao giờ được hưởng.Ngày giỗ, chị và đám lau nhau trong họ toàn phải bê những cái bát sắt tráng men thô kệch, choảng vào đầu đứa nào thì đầu đứa ấy vỡ chứ bát vẫn y sì đúc, trông chẳng khác gì một cái "bô" nhỏ. Mấy cái bát sứ kia, bà dành để đơm cơm cúng, và khi hạ mâm thì chỉ mấy ông trong họ dùng.

Những năm chiến tranh quê Lê thành trọng điểm oanh tạc của máy bay Mỹ, dù ở khá xa Hà Nội.

nguyên do chỉ vì cắt ngang làng có cây cầu sắt Pháp xây từ hồi chín năm nối Hà Nội với Hòa Bình. Về quê sơ tán, chị em Lê lại phải lếch thếch theo bà sơ tán thêm một lần nữa.Thời bom đạn, bà cháu chạy đâu cũng phải gọn nhẹ: chai nước mắm; chai dầu thắp; bao bột mỳ, bao gạo tiêu chuẩn nhà nước bố mẹ Lê đèo về hàng tháng; và quần áo.Bát thì toàn bát sắt, ăn cũng nó mà uống cũng nó, đục một lỗ ở miệng, xỏ sợi dây đồng, treo toòng teng ở quai làn hay túi xách, thế là xong. Rơi queng một tiếng là biết mà nhặt ngay. Mà rủi có bị bom, cùng lắm bát sắt chỉ bẹp, sứt men, quý hồ người còn sống không phải ăn bốc. Giữa thời buổi ấy, dắt theo lốc nhốc một bầy cháu, lớn nhất là chị Lê khi đó mới bảy tuổi, lúc làm lều trong núi, lúc ở đậu nhà người, bà Lê vẫn chẳng rời mấy chiếc bát sứ úp trong làn. Hai cuộc chiến tranh đánh phá qua đi trên miền Bắc, tường nhà bà rạn những đường dài vì hơi bom, mái ngói cũng bị hơi bom xô vỡ vụn, hở hết cả rui mè cho trời nhòm, vậy mà bà vẫn giữ được nguyên vẹn mấy cái bát sứ Tàu.

Sau này, hết đánh phá, chị em Lê trở ra Hà Nội. Bà ở lại xóm nhỏ một mình được mươi năm rồi cũng ra. Bà ra Hà Nội giúp chú thím Lê. Chú Lê lấy thím là đời thứ hai, muộn con, nhưng đến lúc có thì lại liền tù tì bốn đứa. Chú thím cũng lương nhà nước ba cọc ba đồng như bố mẹ Lê, nếu

không có bà trông con cho, không có mấy yến gạo ruộng phần trăm của bà thỉnh thoảng được cô Lê đưa từ quê ra cho thì chắc chết dở.

Ra tỉnh, nhà thì bà cho hợp tác mượn làm nơi giữ trẻ, đồ đạc thì cho hàng xóm láng giềng. Chẳng nhiều nhặn gì: cái bàn gỗ mộc, lem nhem vết mực tím của chị em Lê hồi nào; cái giường dẻ quạt; thúng mủng giần sàng và chum tương đặt dưới gốc cau, trên đội cái nón rách có vá miếng ni lông ở chóp. Bà giữ lại độc bộ hậu sự mà bà đã dành dụm tậu được trong mấy năm yên hàn sau này; và cái làn bát. Bộ hậu sự bà gọi cô Lê chở về trên nhà cô. Cái làn làm bằng sắt đựng mấy cái bát thì theo bà ra Hà Nội cùng tay nải quần áo.

Bà ra tỉnh, những ngày giỗ cũng theo bà. Trên bàn thờ nhà chú Lê, vào những ngày ấy, lại thấy bày đúng mấy cái bát ấy; mỏng tang, có những cánh hoa màu sim chín trên nền sứ trắng xanh, với một viền vàng thanh mảnh ngay miệng. Năm này qua năm khác, mấy cái bát đi qua hai cuộc chiến tranh đánh phá khủng khiếp, đi qua cả chiến thắng, đi qua cả ngày thống nhất hai miền.

Trong ký ức, Lê những muốn đào sâu chôn chặt nỗi nhớ cái ngày ấy. Ngày ấy chị em Lê mất mẹ. Vào thời điểm 2 - 9 đầu tiên sau ngày thống nhất thì mẹ biết mẹ chỉ sống được ngày một ngày hai nữa. Đêm mấy đứa em họ khăn khăn áo áo từ quê ra Hà Nội xem duyệt binh mừng hoà bình, Lê nhớ mẹ cười buồn: "Thôi thì cũng may hết chiến tranh. Chứ giờ các con lại phải đi sơ tán, lấy ai chở gạo chở dầu về để bà nuôi các con lúc bố đi biền biệt".

Sau những ngày ấy là những ngày Hà Nội đói. Miền Bắc đói. Miền Nam đói. Hồi chiến tranh, cả nước đánh nhau, đánh nhau hộ những ai những ai, thế nên tiếng vậy nếu không bị bom nổ đánh ùng trên đầu thì cũng chưa đói bao giờ. Có gạo, có mỳ viện trợ. Có cả đồ hộp, lương khô. Đánh nhau xong là chấm hết. Chị em Lê xếp hàng cả buổi mỗi ngày để lấy bánh mỳ tiêu chuẩn, vì theo tiêu chuẩn ba bố con chỉ được đong có ba cân gạo. Ba cân gạo. Một tháng. Ba người. Giỗ mẹ năm đầu, bố phải lén bán tem bánh mỳ để đong một cân gạo ngoài về thổi cơm cúng mẹ. Đón bà lên, bà ngồi têm giầu, tay cứ run bần bật. Lê nhớ không hiểu sao bà lại cười: "Thôi, mẹ chúng mày chết thế cũng là hết khổ".

Nhưng cũng trong một lần giỗ, giỗ ông, bà lại ràn rụa nước mắt. Nghẹn ngào mãi bà mới nói được vì sao. Cái bát đẹp quá, màu sứ trắng quá, mà những hạt cơm thổi bằng gạo mậu dịch ở trong bát thì vàng xỉn, xát bao nhiêu muối khi vo vẫn hôi xì. "Khổ! Thấy các con chết đi, đến bát cơm hương hoa mấy chục năm rồi cũng chẳng được hưởng cho ra hồn." Không hiểu nghĩ sao bà lại dặn: "Khi nào u "đi", phải mùa dứa thì mua

cho u vài miếng, u với thầy đều thích dứa. Với lại nấu lấy bát nước chè xanh. U có chết thì không phải cỗ bàn gì, cứ cúng thầy u thế là thầy u mát ruột."Chẳng hiểu sao lúc đó cả bố với chú không ai ngăn bà, chỉ có thím lóe xóe nói gạt.

Bà mất khi Lê đã vào đại học. Ruộng phần trăm của bà thì giả hợp tác. Cỗ hậu sự bà don góp tậu từ khi kết thúc chiến tranh đánh phá lần thứ nhất của Giônxơn gần mười lăm năm trước rút cục không chở kịp từ quê ra, giờ vẫn là nơi lăn lê bò toài của mấy đứa nhỏ cháu nội cháu ngoại của cô Lê. Còn mấy cái bát thành đô thừa tự dành cho chú Lê.

Hồi còn sống, có lần bà kể chuyện bà với người vợ trước của chú. Ông nội Lê hy sinh trong chiến dịch Thu Đông năm 47 ở Chiêm Hoá, táng ở góc rừng nào cả nhà cũng không biết.Mãi sau hoà bình lập lại bao nhiêu thư đi từ lại bộ Quốc Phòng mới gửi giấy báo tử. "Bà có hòng gì tiêu chuẩn gia đình liệt sỹ đâu. Người sống đống vàng. Nhưng phải làm cho ra nhẽ. Hồi ông hy sinh, bố mày còn gửi thư báo cho nhà. Bố mày đận ấy ở đâu chỗ Ngòi... ngòi gì ấy..:" - "Ngòi Thia sông Đáy suối Lê vơi đầy" (1) Lê ra vẻ. "ừ, phải, Ngòi Thia. Bố mày gửi thư qua những ai chẳng biết. Làng mình lúc đó là vùng trắng. Có tới ba cái bốt chỗ ngã ba sông đầu xóm đấy. Lúc thư đến tay bà thì nếp giấy gấp đã sờn cả.Bà biết ông hy sinh như thế là vào cuối năm 48. Vậy mà hồi cải cách ruộng đất, lão Huân đầu ngõ tố ông mày là Việt gian bị ám sát. Nếu bà không thúc bố mày thư từ lên bộ Quốc Phòng thì dễ chừng bố mày với các cô chú mày còn phải lặn ngòi ngoi nước không mọc mũi sủi tăm lên được. Cứ nhìn gương con ông Bếp đấy".

Mấy cái bốt sát đầu cầu xóm Lê vẫn còn đó. Ngày trước đó là nơi nhốt bò tránh bom. Ông Bếp thì Lê không biết. Nhưng chị biết bà Bếp, một bà cụ nhà quê rất lành chuyên sống bằng nghề hàng xáo. Nghe bảo gọi bà thế vì trước kia ông cụ đi khố đỏ làm tới chức ấy. "Chắc cũng bằng trung sĩ thượng sĩ bây giờ". Bố Lê bảo vậy. Cả ông Huân Lê cũng biết. Ông cả ngày đi sau đít trâu, vai cứ gù oặt bởi không phải cái cày thì là cái bừa. Hồi sơ tán, Lê vẫn hay lê la bên vườn nhà ông nhặt những quả bưởi con con đã rụng để chơi chuyền hay bắt ốc sên về đập vỏ lấy ruột nuôi vịt. Hồi nhỏ, nghe bà kể, Lê không sao nối được các sự kiện đó với nhau, cũng như không hiểu nổi vì sao chú Lê lại bỏ người vợ đầu. "Cái lúc nhà chưa nhận được giấy báo tử ông, bà muốn vào hợp tác cho yên thân cũng không được. Thím mày lúc đó có chân trong đoàn thanh niên xã, một mình đâm đơn vào hợp tác, rồi đùng đùng đòi ăn riêng. Mà lúc đó nào có ơn cái gì cho cam".

Cái lúc thím Lê đòi ăn riêng, chính quyền xã đứng ra chia tài sản.

Chia thế nào ba cũng chịu, từ nhà tới thóc gạo, nhưng chục bát sứ Tàu thì nhất quyết không. Bà bảo thím: "Nếu chị muốn thì để tôi nhắn anh cả ngoài tỉnh tìm mua cho chị chục bát khác. Còn chia chục này thì không được đâu!"

Bây giờ Lê mới biết là qùa cưới của bố mẹ ngày xưa. Bà mất rồi, Lê không thể hỏi được vì sao bà cứ khăng khăng giữ mãi chục bát ấy. Phải vì nó dễ vỡ như là những ngày bình yên ít ỏi trong đời bà. Phải bà sợ "sái", sợ một điềm gì đó di hại tới hạnh phúc của bố mẹ Lê?

Lê cũng không hiểu được vì sao sau những chuyện như thế, bà vẫn dặn Lê về quê nhớ ghé thăm người vợ đầu của chú. Ấy là một người đàn bà hết sức nhanh nhẹn, chịu khó, duy hình vóc cứ quắt lại vì không con cái, sống một mình trong căn phòng nhỏ tại trại ươm tơ huyện cách làng hơn chục cây số. Lê vẫn gọi bà là thím và không sao tin được người đàn bà âm thầm này từng có thời là hạt nhân của phong trào thanh niên xã, từng hết sức tai ngược với bà mình.

Bây giờ, cái còn lại trong tay Lê là tấm ảnh mà chị đã nhìn đi nhìn lại để mường tượng hình sắc cái bát cũ. Cái bát sứ mỏng tang, với nhành hoa màu sim chín ấy vậy là còn hơn tuổi Lê. Qùa cưới của bố mẹ. Bốn mươi năm, hai cuộc chiến tranh đánh phá bằng không lực của Mỹ, một chiến thắng bi thảm để thống nhất sơn hà, và những cuộc chiến tranh ở hai đầu đất nước sau đó... Nhưng cái bát vẫn còn, như thời gian, như lòng bà, dường như không thay thế được ở nhà Lê, dù Hà Nội bây giờ có hẳn một phố - phố hàm Long - chuyên bán đồ sứ Trung Quốc. Không dưng Lê bật cười. Giả dụ trong nhà ai đó lỡ tay đánh rơi một cái bát của bà. Hoặc giả ngày đó bom rơi trúng chỗ mấy bà cháu ở. Hoặc nữa: xếp chồng cả chục cái rồi choang một phát cho hả giận (nếu có). Chắc tiếng động do những cái bát này vỡ tạo nên cũng giống hệt mọi tiếng bát vỡ khác.

Nhưng nếu thế thì cả nhà sẽ hoảng lên như ngày xưa bom nổ ở đầu cầu làm tường nhà bà rạn và xô vỡ hết ngói. Bà đã giữ những cái bát đó bốn mươi năm, món quà cưới dễ vỡ như hạnh phúc của con người suốt mấy mươi năm đau khổ rút lại tồn tại đến tận giờ, ngay cả khi mẹ đã mất, bà đã mất. Lê cứ nhìn mãi tấm ảnh, rồi lật lại xem dòng chữ bố ghi. Mắt chị rân rấn ướt. Con gái chị đang ăn cơm từ cái bát ấy - cái bát quà cưới của bố mẹ mà bà nội đã giữ cho cả nhà.❐

1. Việt Bắc (Tố Hữu)

ngồi nhẩm đọc thơ ông
mờ vàng bóng chim hạc
ông than không thấy quê
dẫu đất trời Trung quốc

quê ông có mây trắng
mây lầu hạc trắng bay
quê ta mây cũng trắng
(khác màu mây nơi này!)

ông chắc cỏ Anh Vũ
ông rành cây Hán Dương
dễ hạc vàng đi mất
mà ông thành tha hương?

ông bỏ nhà chơi lung
ta rời quê kiếm sống
đất trời không rõ tên
bao ác tà thỏ lặn
lầu dài không biết tên
chỉ hạc vàng phượng trắng
người - chả ai người quen
lấy đâu ra bầu bạn...

đọc lại hoàng hạc lâu

HOÀNG LỘC

hoàng hôn chìm khói sóng
từng làm ông nhớ nhà
may sông còn khói sóng
mà chiều hôm có ta

sông như tuồng sông quê
chỉ thương ngày vẩn đục
ôi qui khứ lai hề
ta cúi đầu ngó nước
nước lại xuôi biển tây
bồi hồi trăng mới mọc
hương quan một vòng đầy
gió bạt đời bạc tóc

thêm lần đọc thơ ông
giá được cười ngạo mạn:
ta xa quê ngàn trùng
ông cách quê mấy dặm?

con u trán, bố xanh xao

Hoàng Mai Đạt

Một buổi trưa đang làm việc tại sở tôi đã nghe điều mà tôi sợ nhất cho con gái của tôi: con bé đã bị xô té đập trán xuống sân trường.

Cầm điện thoại lên, tôi nghe vợ nói, "Bé Cù đã bị đứa nào trong trường xô té, bầm u một cục trên trán. Nhà trường mới gọi." Trời đất ơi là trời! Con tôi nhỏ nhất lớp mẫu giáo, đứng chỉ tới nách mấy đứa khác cùng tuổi. Nó giống gia đình bên bố nó, người nào người nấy cũng nhỏ con như bộ đội thiếu ăn, nếu lỡ có bị đứa nào ăn hiếp thì chỉ có bầm dập mình mẩy thôi, như bố của nó ngày còn nhỏ. Từ ngày đưa con vào lớp học mẫu giáo, tôi chỉ sợ nó bị đứa khác đánh. Giờ đây nỗi lo sợ đó đã thành sự thật. Con Bé Cù cưng như gấu cù lần của chúng tôi đã là nạn nhân của nạn bạo động. Tôi không biết nó là nạn nhân thứ mấy trong lịch sử của nhân loại, chứ trong gia đình năm người của chúng tôi, nó là nạn nhân mới nhất và nhỏ bé nhất. Trong khi tôi đang bị khủng hoảng trước tin con gái bị thương tích, hoảng hốt như có người không gian đang đáp dĩa bay và bắn người địa cầu chảy thành nước vàng khè, vợ tôi lật đật phóng xe đến trường để đón con về. ừ, em đón nó về ngay lập tức. Chiều đi làm về bố sẽ ghé qua trường học, để đánh ai hay làm gì thì chưa biết, nhưng cũng phải đến để hỏi chuyện với cô giáo, rằng tại sao cô lại để cho con tôi bị đánh u đầu. Cũng may là sau khi cúp điện thoại, văng tục mấy câu, đập tay lên bàn mấy cái ... cho đau tay, rồi uống một ly nước lạnh hạ hỏa, tôi bình tĩnh trở lại bàn làm việc và trở về với bản tin đang viết dở dang. Cũng may phòng tin tức lúc bấy giờ không có ai, mọi người đang bận chạy máy hay lắng nghe điện thoại ở dưới lầu, và không ai thấy ông biên tập viên hiền lành như thầy chùa lại có thể nổi điên như thống chế Hitler. Cũng may, những ý tưởng bạo động nhất chỉ thoáng xuất hiện trong đầu tôi, chứ không trở thành hành động như tôi vẫn thường lo sợ.

Tôi tiếp xúc với hình ảnh bạo động mỗi ngày. Trong số hàng trăm bản tin mà tôi đọc lướt qua hàng ngày, hơn phân nửa là tin bạo động. Hàng ngàn người Phi Châu đang bị thảm sát tại Zaire, Rwanda; mồ chôn tập thể được đào lên tại Bosnia, với các bộ xương bị bịt mặt và trói tay đằng sau lưng; người Palestine bị cảnh sát Do Thái bắn gục ngoài đường; cảnh sát da trắng bắn người da đen, người da đen nổi lửa đốt phố phường; chồng cắt cổ vợ vì nghi vợ ngoại tình; vợ giết con vì chồng ngoại tình; con giết cha mẹ để "có" cảm giác của sát nhân; chưa kể chuyện băng đảng thanh toán nhau ở đầu đường hoặc bọn cướp gia cư hành hạ và giết nạn nhân ở ngay trong xóm tôi. Mỗi bản tin bạo động như một cảnh hung tợn dưới địa ngục mà khi còn bé tôi từng thấy bên ngoài cổng chùa ở Nha Trang, hay cảnh hỏa ngục mà tôi thấy khắc bên ngoài các thánh đường Tây Âu từ thời Trung Cổ.

Nơi nào trên thế giới cũng có bạo động. Ai cũng sợ bạo động từ trên báo chí hoặc trong màn ảnh truyền hình sẽ nhảy vào gia đình của họ, và chính sự lo lắng này đã khiến cho tôi bỗng thấy nóng bừng lên trong người, khi nghe con bé 5 tuổi của tôi bị xô té u trán.

Vài tuần trước đây, Thủ Tướng Benjamin Netanyahu của Do Thái cũng từng hủy bỏ một cuộc họp quan trọng, để lái xe đưa đứa con trai 4 tuổi đến nhà thương. Có gì đâu, thằng bé Yair của ông thủ tướng chỉ chạy chơi trong vườn trẻ và vấp chân té úp mặt xuống nền xi măng. Nghe con trai bị chảy máu mũi và sứt môi, ông Netanyahu đã quên hết trách nhiệm của thủ tướng, để mặc cho bản năng phụ tử của ông mở còi hụ cấp cứu inh ỏi trên đường phố, chạy ào ạt đến trường học, xốc nách đứa bé và mang nó đến nhà thương cầm máu.

Tôi cũng muốn phóng xe đến trường học, để xem cục u của con Bé Cù nó đau đớn đến thế nào. Suốt 30 phút ăn trưa tôi đã ngồi không yên, nuốt miếng bánh mì mà nghe sôi nổi trong lòng như đang nhai thịt đứa nào đó dám dụng đến con tôi. Đến khi nghe vợ gọi điện thoại, tôi hồi hộp nghe vợ "tường trình trực tiếp" về vết thương của Bé Cù.

Nội vụ cũng lớn lắm chứ chẳng phải vừa đâu. Trung Đông hay Bosnia gì cũng không quan trọng bằng. Trong lúc xếp hàng ăn trưa, mấy đứa lớn đã xô lấn giành chỗ sao đó, và chúng nó xô Bé Cù của tôi từ đằng sau lưng té úp mặt xuống đằng trước. Con bé bị bầm tím một cục bên trên mắt trái. Y tá của trường nói rằng con bé may mắn lắm, xém tí xíu nữa là mắt có thể bị bầm dập như chơi. Trong khi vợ kể lể ở nhà, tôi nghe nạn nhân nhỏ bé của chúng tôi đang khóc nức nở ở đằng sau. Trên đời này tôi đâu có ngán ai. Chúa Phật hiền lắm, không đáng sợ; mấy tên cộng sản lạng quạng là tôi đánh bỏ xừ Các Mác của chúng; mấy thằng băng đảng hả, có

súng là tôi bắn nát thây chúng liền, sợ gì (lâu lâu tôi cũng để cho máu anh hùng nổi dậy cho nó dzui). Vậy mà tôi chỉ sợ có tiếng khóc của phụ nữ, lớn cũng như nhỏ. Tôi chịu không nổi tiếng khóc của phái nữ, nghe rầu rĩ như có người đang tập kéo đàn cò bên lỗ tai, bắt dứt khóc thì không đành, nghe thêm mà không làm được gì thì lại càng bứt rứt hơn. Nghe con gái khóc nấc lên từng tiếng, như dây đàn bị búng toăng toăng, tôi cảm thấy như bổn phận làm cha của tôi chưa trọn.

Mẹ tôi lúc trước chắc cũng có tâm trạng như tôi bây giờ. Ngày còn học tiểu học tôi cũng hay bị mấy đứa khác ăn hiếp trong trường. Bố tôi chết trận, không thể ngồi dậy trong mồ để hù mấy đứa thường đánh tôi. Mẹ tôi buôn bán cả ngày, không còn thời giờ để xem con học bài, và đương nhiên bà không có thời giờ để cầm guốc đánh mấy đứa mắc dịch thường rượt đuổi tôi sau giờ học. Lúc đó tôi chưa đẹp trai (bây giờ cũng không khá hơn bao nhiêu, vợ tôi nói vậy) để được mấy em gái chú ý và gây thù oán với đám con trai gồ ghề trong trường; chỉ có cái tội nhỏ con mà lại học giỏi, nên mỗi khi đổi đến trường mới thì thế nào cũng có mấy đứa đục tôi vài trận để dằn mặt, nếu tôi không cho chúng nó "cọp dê" bài.

Sợ con bị ăn đòn, mẹ có cho tôi đi học võ Vovinam đang thịnh hành ở trong phố. Thế nhưng học được có ba tháng tôi cũng xin "giải ngũ" sớm, vì khi thi lên đai tôi chỉ múa được bài quyền, chứ đấu võ thì bị một thằng đá song phi trúng mông trong lúc tôi đang xoay thế tính đá giò lái một cái, khiến tôi té lăn vào đám thí sinh ngồi chung quanh. Tôi nghe có đứa nào gần đó cười nấc lên một cái, và liếc qua phía mấy thày võ sư đang ngồi xếp bằng, tôi thấy có thày ngồi ở chính giữa đang lắc đầu (không biết vì ông muốn lắc rớt con ruồi đang bám trên bờm tóc húi cua hay vì ông chán ngán đứa môn sinh dốt võ đang nhăn nhó ngồi dậy). Tuy được mấy ông thày thương hại, cho xếp hạng chót trong đám thí sinh được lên một gạch đai, tôi cũng xin nghỉ vì không muốn tiếp tục làm bị thịt cho mấy đứa kia dợt thêm. Cũng từ đó giấc mơ được cởi trần, khoe vòng ngực vạm vỡ có vài vết cào rướm máu, và vừa đấu võ vừa hú như Lý Tiểu Long của tôi cũng té lăn cù ra khỏi trí tưởng tượng.

Từ đó lẽ đương nhiên bạo động vẫn không ngừng theo đuổi tôi cũng như theo đuổi những người trong khu chợ Xóm Mới lúc bấy giờ. Trong khi tôi mải nhìn trước ngó sau, xem có đứa nào rình rập để đánh tôi trên đường đi học, những nhà hàng xóm tôi thay phiên nhau nhận quan tài phủ cờ vàng ba sọc đỏ, từ những trận đánh xa xôi miền Hạ Lào, như Tà Bạt, Lao Bảo, Khe Sanh, những nơi tôi chưa bao giờ nghe nói đến trong lớp học. Trong khi đám trẻ con chúng tôi đá dế, xem mấy con dế bị húc gãy chân, bị quay đứt đầu, hay bị bỏ quên trong những hộp giấy cho lũ kiến

đến thui, người lớn cũng bận rộn cưa chân lính bị thương, chôn cất người trúng đạn và trùm thêm quốc kỳ trên những quan tài gởi về thành phố. Những đêm có Việt Cộng pháo kích xuống phi trường Nha Trang, đám trẻ con chúng tôi cũng chạy túa ra ngoài đường, tranh giành những cánh dù hỏa châu tàn lụi đang rơi xuống trong đêm đen.

Bạo động đã theo tôi đến tận Hoa Kỳ. Những ngày học ở miền tây Pennsylvania, tôi hay tránh vào phòng vệ sinh, nơi thường có những đám thanh niên da trắng đứng chờ đợi thằng "ching chong" nhỏ bé bước vào, để chúng chưởi thề mấy câu và núm áo xô mạnh tôi vào tường. Nhờ ngồi chung với mấy đứa da đen được tôi cho chép lại những bài giải toán, tôi tránh bị mấy đứa da trắng ném thức ăn trong phòng ăn trưa. Thân nhân tôi ở lại Việt Nam đã không được may mắn như tôi. Họ bị ném vào tù, bị đá lên những chiếc thuyền vượt biên mỏng manh, bị xô ra ngoài biển khơi mênh mông, bị nhận chìm xuống đáy sâu vô tận, và không thoát được một định mệnh đầy bạo động.

Thế giới bạo động bên ngoài đã xâm chiếm vào trong tâm tư tôi, rượt đuổi cùng cực những ý nghĩ trong lành mà tôi vẫn cố gắng bảo bọc. Không biết bao nhiêu lần tôi đã có ý tưởng bạo động ở trong đầu. Bóp cổ đứa tài xế mới lái xe đâm ra đường ngay trước mặt xe tôi. Tát con mẹ bán hàng dám nạt nộ vợ tôi trong lúc tính lầm tiền. Đâm chết mấy đứa băng đảng cướp giật người đồng hương. Bắn què giò mấy thằng cán bộ cướp nhà người sa cơ thất thế. Đầu óc tôi nhiều lúc đầy ắp những ý nghĩ hung tợn.

Thế mà cũng may tôi tìm đã được cách chế ngự những tư tưởng bạo động đó, đè nén chúng qua những lối thoát khác, không cho chúng bung mạnh ra ngoài đầu và tràn xuống đôi tay đang chờ thi hành ác lệnh. Tôi có thể ngồi xem ném banh football một mình và la hét như người điên, tưởng chừng mình đang ôm banh và vật té nhào những đối thủ hung tàn khốc liệt. Tôi có thể ra ngoài sân để trồng cây, tỉa bông, tém cỏ trong những lúc đầu óc đang có ý tưởng ác ôn nhất. (Nếu có đến nhà và thấy tôi đang hùng hục đào hố để trồng cây, bạn có thể đoán tôi đang hóa giải một ý tưởng sát nhân nào đó; mà nếu thấy tôi trừng mắt nhìn và ngưng trồng cây, bạn hãy coi chừng và nhớ lại xem có làm gì xấu đối với tôi trước đó hay không).

Chiều hôm đó lái xe về nhà, tôi bỏ ý định ghé đến trường học để hỏi chuyện cô giáo. Tôi ghé qua tiệm K-Mart và mua một món đồ chơi nho nhỏ cho con gái, với hy vọng món đồ chơi sẽ xóa ấn tượng buồn do cục u trên trán gây ra. Thay vì ngồi ủ rũ trong phòng như tôi tưởng, Bé Cù đã tung tăng chạy ra cửa đón tôi. Nó nhanh miệng kể cho tôi nghe chuyện

tuyệt nhiên
ĐẶNG HIÊN

Tuyệt nhiên, em không thể làm thơ
Nhưng mưa vẫn nhiều cuối tháng Mười hai
Những ngọn nến thắp lên
Bếp lửa hồng thắp lên
Sóng mắt cười rượu sánh long lanh
Rì rào biển lạnh

Chiều nay ngày gió
Em về ở cuối con mưa
Hay ở bắt đầu lãng mạn
Không là sa mạc Sahara
Sao anh chạy dài nỗi nhớ

Tháng Giêng còn chưa tới
Đêm ngước nhìn trăng nghiêng tản mạn
Những ngọn nến thắp lên
Mùa Đông thắp lên
Tuyệt nhiên, em.

mấy đứa trong lớp xô đẩy nó té xuống đất. Thế nhưng đến khi tôi hỏi nó đau ở đâu, con bé nhất định không chịu vén tóc cho tôi được xem vết bầm trên trán. Vợ tôi nói nó soi gương và thấy vết bầm làm xấu mặt, nên giờ đây nó không muốn ai thấy vết thương lòng đó. Đúng là phụ nữ, mới có bây lớn mà cũng biết để ý đến sắc đẹp. Thấy nó vui với món đồ chơi, tôi cũng vui. Trẻ con nhiều khi mau lành hơn người lớn, nhất là loại người lớn thường bị tư tưởng bạo động hành hạ như tôi.

Vụ con bị u trán đã khiến cho tôi bị sôi động tâm tư với những hình ảnh bạo tàn trong đầu. Chiều hôm ấy đài truyền hình không có trận đấu banh nào cho tôi xem, để giải bớt những ý tưởng mạnh bạo trong đầu, mà California cũng đang bước vào mùa đông, chưa phải lúc để tôi trồng cây hay tỉa hoa cho hạ hỏa. Trong bữa cơm chiều ngồi nhìn vợ gắp đồ ăn cho con, tôi bỗng có ý tưởng muốn "trồng cây" với vợ, chỉ sợ nàng sẽ "bạo động" hơn tôi.❐

xóm slum

Trần Hoài Thư

Tôi đang trở lại Logan, Bắc Philadelphia. Đây là đường Old York. Đây là dãy phố lầu xám cũ. Đây là ngã tư, đèn xanh đỏ. Đây là tiệm giặt. Và văn phòng địa ốc Somershoe, mà không một người tị nạn nào lại không biết tên, hay gắn liền với cuộc sống. Tiền thuê nhà phải trả vào đầu tháng. Những lần than phiền về heat, điện hay nước. Ông nội, ông già, hay người con trai Somershoe, ba thế hệ chuyên môn sống bằng nghề địa ốc. Và đối diện với văn phòng địa ốc là ngôi lầu 4907, tầng hai. Chiếc xe trolley đã chạy qua, âm vang lách cách. Những tia lửa xẹt chạm trên hàng dây điện trời. Lũ bồ câu đã bay rợp trên những mái nhà rêu cũ. Màu tường vôi vẫn chưa quét thêm lớp vôi mới. Thêm hai tiệm tạp hóa của người Miên. Và mùi mắm bồ hóc bốc nồng nàn trong không khí. Những người mặc sà rông đi lại trên vỉa hè. Cảnh cũ đã không còn nữa. Những bóng hình Việt Nam năm xưa đã biến mất. Và bây giờ nhường khu Logan này cho một sắc dân khác. Như đầu tiên là người da trắng, kế đến là Do Thái, đến Mỹ đen, rồi Việt Nam, và bây giờ là Miên... Nếu còn giống chăng là nhữngụ rác, những vỉa hè dơ bẩn, vẫn cái bóng nghèo nàn thiếu ánh sáng từ một nơi được mệnh danh là slum, đến nỗi những người tị nạn phải gọi là Lò Gan. Ngã tư này, dưới cột đèn này, hôm nào những người tị nạn Việt Miên Lào Mông đã từng tụ tập trong những đêm về sáng để chờ những chuyến xe bus đưa về các nông trại xa. Từ căn lầu hai, tôi có thể nghe tiếng cười nói bằng những ngôn ngữ khác nhau rộn ràng trong một đêm về sáng. Tôi nhớ đến những chuyến xe bus đầy ngập người qua khỏi cầu Delaware, về những vùng thôn dã, và những nông trại táo, cherry, lê, mận trùng trùng điệp điệp...Khi xe vừa dừng là đám người túa ra, chạy tìm chỗ tốt. Chỗ tốt ở đây có nghĩa là một khu vực sai quả, để họ có thể thu hoạch nhiều hơn và dĩ nhiên là sẽ nhận tiền nhiều hơn. Cái giá này ai nói là giá

nô lệ khi ai ai cũng tự nguyện. Vâng, mỗi năm cứ đến vào mùa hè, những người dân tị nạn lại nao nức trở lại nông trại cũ như những đứa bé trở lại trường trong ngày tựu trường...Chẳng ai thắc mắc về những bài báo nói về bóc lột mồ hôi nước mắt của các trại chủ, hay các tên cai thầu...Chẳng ai nghĩ đến thân phận bi thảm trong thời kỳ nô lệ xa xưa...

*

Bây giờ tôi đang trở lại. Trên một tầng lầu nào trước mặt tôi, cánh cửa vẫn còn đóng kín. Không biết có gia đình nào ngụ ở đấy hay không. A, tôi nhớ ra rồi. Cái bóng tôi ở đằng sau khung cửa sổ trên lầu hai ấy. Cái bóng hôm qua trong căn phòng ít ánh sáng. Chiếc giường bố đặt bên cạnh vách tường. Chiếc bàn dùng làm bàn viết, học, khách. Cái sàn ván thông đánh màu verni vàng bóng. Và khung cửa sau nhà bếp nhỏ hẹp, để tôi có thể nhìn qua nhà láng giềng, gọi nhau ơi ới bằng tiếng nước mình. Và lũ gián trong đêm. Và cả đám chuột lộng hành. Và những ngày tắt heat, hay những buổi heat mở tối đa khiến cửa sổ phải mở toang. Từ cõi nhỏ hẹp bần hàn đó, mấy năm, với giá tiền thuê rẻ mạt chưa hề tăng, chúng tôi đã sống, để nếm thế nào là giọt lệ đầu tiên của người tị nạn. Bạn bè ít ai dám bén mảng thăm viếng. Họ nghe Logan như nghe một điều gì đó hãi hùng. Khu đen. Khu drug. Xe bị đập cửa kính. Bánh bị đâm thủng ruột. Một người đàn bà tị nạn sắp bị hiếp. Vợ tôi bị đập, xô mấy lần trong những buổi sáng sớm đón xe đến hãng. Tôi bị đám thiếu niên rượt ngay sau khi vừa ló đầu lên miệng hầm subway. Tiệm tạp hóa Đại hàn dưới lầu tôi thuê thỉnh thoảng nửa đêm bị phá cửa. Cảnh sát cảnh cáo tôi đừng bận tâm, lý do chủ tiệm đã có bảo hiểm lo lắng giùm.

Đó, Logan, hay Lò gan là như thế. Như thế, tại sao tôi lại bâng khuâng như một kẻ đã gởi vào đây nhiều kỷ niệm. Như thế, tại sao tôi cứ nghĩ là chính nơi này là một phần trong đời sống của tôi. Đâu có gì để phải nhắc lại khi nhục nhằn, hoạn nạn, và những đám mây u ám một thời? Đâu có gì để nói về một slum. Đâu có gì để phải kể lại cái bóng tôi một trưa nào trong ngôi nhà thờ Mỹ trong khu, khi tôi phải nương cậy vào Ơn Trên để ban cho tôi có đủ nghị lực. Lần đầu tiên tôi đã đến nhà thờ, dù tôi chưa bao giờ thuộc ngay cả một lời kinh căn bản nhất. Tôi đã nhắm mắt. Cầu gì? Con tôi thơ ngây nói về tên giáo viên người Đại Hàn tình dục bệnh hoạn phụ trách lớp ESL. Làm sao cho con tôi được học một ngôi trường tốt hơn. Không ai hướng dẫn. Không ai chỉ bày. Không ai biết tiếng Anh, tiếng Mỹ lưu loát. Những người như thế đã không bao giờ ở nơi này. Cầu gì? Cho tôi được một chút thông minh, để tiếp tục làm học trò già. Chiến tranh, tù tội, vượt biển, bao nhiêu ám ảnh, thảm kịch chất chồng đã cướp đi hết mớ kiến thức học vấn xa xưa rồi. Cho đôi mắt mờ yếu của tôi được

thấy rõ những giòng chữ thầy viết. Cho những lời giảng tôi còn theo kịp, dù một đôi phần. Tôi nhớ hôm ấy, trong lòng giáo đường Tin Lành rộng mênh mông, không có ai, trừ tôi. Nắng làm lung linh những ô kính xanh xanh đỏ đỏ. Ngày xưa, tôi chưa một lần đến nhà thờ hay chùa chiền để cầu cứu. Nhưng bây giờ, giữa một xứ sở rộng mênh mông này, giữa một xóm slum này, lấy ai an ủi, khuyến khích, vỗ về tôi?.

Vợ tôi cảm thấy tuyệt vọng. Nàng đã nhận ra rằng xứ Mỹ không phải là một thiên đàng như nàng đã từng mơ ước. Không phải là những đồng penny hay cent dư được vất đầy trên những trạm xăng, để mình đến đó cứ việc lượm nhặt như người bạn cùng sở, đã từng du học, trở về nước kể lại. Mà trái lại, nó là tội ác, súng đạn sử dụng bừa bãi, tội lỗi tràn ngập. Nàng đã thấm thía thế nào là tự do. Bởi vậy, nàng chỉ sống bằng những giấc mơ. Mơ ngày. Mơ đêm. Mơ một ngày chúng tôi có một chiếc xe, để nàng được đi đây đi đó, thăm bạn bè, hay chiêm ngưỡng phong cảnh. Mơ ngày tôi ra trường, có một job tốt. Và cả những giấc mơ thật đẹp của ngày xưa. Má, em, láng giềng, quê ngoại, những gương mặt thân yêu, những kỷ niệm thời con gái...Vâng, những cơn mơ tội nghiệp. Và chúng tôi đã nương nhờ bằng những cơn mơ như thế.

Chỉ tội nghiệp cho con tôi. Nó vẫn lớn lên, không tra vấn, than thở. Nó đi học một mình, trở về nhà một mình, không bạn bè lân láng. Tôi phải kê cả ba hòn gạch, để nó có thể đứng ở trên đấy, mở khoá cánh cửa lầu thuê. Nó chiến đấu cũng như ba nó chiến đấu. Sáng ngày Giáng Sinh, nó mừng rỡ khoe cùng chúng tôi, là ông Già Noel tài quá ba mẹ ơi, ổng biết cả chiếc xe tự động mà con thích...Niềm vui của nó là ngồi trước chiếc truyền hình đen trắng để nhìn những Tom hay Jerry...Nó chưa hề nghe được tiếng dế mèn vào mùa hè hay được thấy cánh diều trên đồng cỏ như tuổi thơ của tôi. Nó hầm hiu cùng căn phòng, mà những cửa sổ trước và sau, tôi đã đóng cả đinh 15 phân như những hàng chông. Không bạn nhỏ, không nội ngoại, không cả bầu trời xanh và cao để nhìn con diều xanh đỏ, để mong gió mỗi lúc mỗi nổi lên. Không đám mây bàng bạc trong bài văn của Thanh Tịnh vào tuổi học trò xa xưa. Nó có mặt ở đấy, côi cút. Đôi khi nó ngủ quên, quên cả nghe điện thoại thăm chừng của tôi làm tôi phải cuống cuồng bỏ học trở lại nhà mà lồng ngực như vỡ bùng trong xe bus. Trời ơi. Chúng tôi đã lén lút bỏ nó một mình bất hợp pháp.

Học! Học có ích gì chứ. Ba cái chữ nghĩa, ông trạng, ông nghè có ích gì chứ. Rồi sau đó, ai lại đi mướn một tên học trò già? Tôi làm sao chen đua cùng tuổi trẻ. Tôi đã tự hỏi và yếu mềm để nghĩ đến một lần bỏ cuộc. Tôi tự biết chữ Anh chữ Mỹ của tôi. Tôi cũng tự hiểu về bộ não của tôi. Cái bán cầu đã bị đen đặc bởi bao nhiêu thảm kịch chập chùng. Không

còn lấy một khoảnh nhỏ để in vào đấy chút kiến thức. Thêm đôi mắt yếu kém. Thêm cả cái cô đơn của một con ngựa mất hết đàn. Tôi nói với vợ tôi. Tôi không còn muốn chiến đấu nữa. Nhưng nàng vẫn tiếp tục khuyến khích tôi. Nàng vẫn tiếp tục mơ trong bóng tối của căn lầu thuê, thỉnh thoảng cửa bị phá tung và những dấu giày to tướng in đậm trên tấm drap trắng. Nàng tiếp tục bơm vào những điều tốt đẹp dù tôi càng lúc càng mệt lã bởi những kỳ thi, và cái job lau chùi nhà cửa buổi tối. Trong khi đó, con tôi mỗi ngày đến ngôi trường mà vách thành vẽ sơn chằng chịt, để học với tay thầy Đại Hàn bệnh hoạn...Và cứ thế, hết năm này qua năm khác, hết nỗi chán nản này tiếp đến nỗi chán nản khác, cay đắng này đến nỗi cay đắng khác.

Phải! Cay đắng lắm chứ. Cay đắng như những lần vào nhà vệ sinh phụ nữ, đặt cái xe đẩy chắn ở cửa ra vào và lục lạo từng chiếc băng vệ sinh. Cay đắng lắm chứ. Cay đắng như nỗi cô độc trùng trùng khi đứng đợi xe bus trong những đêm tuyết bão. Hay những cái nhìn đầy ngạo mạn, khinh bỉ từ những kẻ đồng hương. Dù vậy, bên cái thân phận hẩm hiu của kiếp đời tị nạn, vẫn còn có những tấm tình của những người trong cuộc. Họ cùng một xóm. Họ đã coi tôi như người họ nể trọng. Họ mang những giấy tờ nhờ tôi dịch nghĩa giùm. Đôi khi họ mang cả report card để khoe cùng tôi là con họ học giỏi. "Anh Thư, em mới thưởng cho con em chiếc radio cassette. Tháng này, thầy phê toàn chữ đỏ không à. Em mừng quá." Tôi nhớ cô Vân hàng xóm đã có lần nói với tôi như thế. Nhưng khi nhìn vào tấm report, tôi thấy điểm F. Tim tôi như quặn thắt. Tôi có nên nói với người mẹ tội nghiệp này về ý nghĩa của chữ F kia không.

Đấy xóm slum của tôi là thế. Ban đêm ít ai dám bén mảng ra đường. Cảnh sát cũng ít khi lai vãng. Những building bỏ hoang, những sân đầy cỏ dại và u rác. Chỉ có chăng là con đường ngoài phố chính dẫn lên City Hall là còn tương đối khang trang. Nó bị bỏ quên, và người ta đã tìm cách trốn nó như những người Do Thái trước đây. Chúng tôi, những người tị nạn đầu tiên, cũng vậy. Cũng tìm mọi cách bỏ nó mà thoát. Vài gia đình đã may mắn rời khu slum. Riêng gia đình tôi, phải mất đến bốn năm. Ơn Trên đã cho tôi tốt nghiệp với điểm khá cao, và được một công ty hàng đầu phỏng vấn.

Ngày từ giã xóm slum, vợ tôi thắp nhang khấn vái đất đai thổ thần để cảm tạ. Đất đai ở đâu cũng là đất đai, cũng dính kết vào trời, và lẫn quất những đôi mắt của những đấng quyền năng siêu hình, vợ tôi tin tưởng mãnh liệt như vậy. Nàng viện dẫn trường hợp tôi, một tay sinh viên già duy nhất được hãng AT&T chọn trong hàng chục ứng viên tại trường. Anh phải tin anh à. Vâng, tôi tin lắm. Bởi vậy, tôi lạy, con tôi cũng lạy. Tôi

đã quá nhỏ bé. Kiến thức tôi cũng vậy. Tiếng xứ người vẫn còn ngọng nghịu, chữ mất chữ còn...Như vậy, tại sao tôi vẫn có cơ hội mà bất cứ một sinh viên tốt nghiệp nào đều mơ ước. Rõ ràng, Đấng Quyền Năng không bao giờ bỏ rơi những kẻ có lòng với Ngài. Ngài đóng cánh cửa này, Ngài chắn chiếc cửa sổ độc nhất bằng tấm ván ép dày đầy đinh chông, để mở cánh cửa khác tươi sáng hơn, đẹp đẽ hơn.

Ngày cuối cùng với xóm Slum, tôi đã tháo gỡ tấm ván dày đóng đinh 15 phân ra cửa sổ, để nhìn được con đường Old York dưới màn tuyết trắng. Trên hàng dây điện, những con chim bồ câu đậu dài. Trời xám đục. Chiếc trolley chạy qua, bánh nghiến trên đường sắt. Như vậy, bốn năm cũng trôi qua. Ở đâu cũng có trời. Trong chiến tranh, trong tù tội, trên biển cả, và trong khu slum của vùng Logan này. Các ngài không bao giờ bỏ mình đâu. Lời an ủi của nàng, dù đúng hay không đúng, nhưng có một điều là cái slum này vẫn là nơi dung dưỡng tôi và gia đình trong những năm tháng đầu tiên. Chúng tôi vẫn bình an. Và chúng tôi vẫn đạt được niềm mơ ước.

Và niềm may mắn ấy vẫn còn tiếp tục sau khi chúng tôi rời khỏi Logan. Con tôi đậu đầu trung học. Nó được chọn vào chương trình 7 năm BS/MD. Ngày phỏng vấn, nó đã kể về những kinh nghiệm trong khu slum mà nó đã trải qua. Những kinh nghiệm về những kẻ bất hạnh. Nó ước ao trở thành một bác sĩ tự nguyện về phục vụ tại những nơi nghèo khó thiếu thốn văn minh. Cám ơn Trời, nó không bao giờ nhắc đến những kỷ niệm cay đắng như những vết sẹo không rời trong lòng cha nó. Rõ ràng tâm hồn tuổi trẻ thơm tho và trắng như tờ giấy. Không thù hận. Và cả bầu nhiệt huyết. Nó đã sống trong cảnh lầm than, bất hạnh để càng thông cảm những kẻ lầm than, bất hạnh. Bài văn Tuổi Trẻ và Hoà bình của nó đã được giải nhất với một phần thưởng học bổng để thay vì một chuyến đi Moscow nếu không có sự sụp đổ của Liên Bang Sô Viết.

Riêng tôi, tôi cầu mong tuổi trẻ của nó không bị vô chụp bởi bầy diều hâu như thế hệ của tôi đã từng bị, trước đây.❐

dòng sông và tôi

HOÀNG BÍCH ĐÀO

Sông và tôi
Đã bao lần gặp gỡ
Đã bao lần chia phôi
Nhưng tôi vẫn nghe dòng sông nói
Và tôi nói dòng sông nghe
Dòng sông là tôi, hay tôi là dòng sông?
Tôi đi trên dòng sông hành trình vô tận
Từ núi nguồn cao,
núi bao la nguồn rạt rào
Dòng sông vẫn an nhiên đi vào cuộc đời
Và dòng sông hướng ra biển khơi
Tôi đi trên dòng sông lúc đục lúc trong
Ngày tháng qua, trải nắng mưa
Sông vẫn khơi mạch sống
Cho người cho đời
Sông vẫn trôi không màng đầy vơi
Tôi đi trên dòng sông này
Cùng bến nước đổi dời
Để nhận người xa tôi
Tôi đi trên dòng sông ưu tư
Nghe bao tiếng khóc cười
Nỗi buồn, niềm vui tới
Tôi đi trên dòng sông ngậm ngùi
nhìn cảnh đưa đón người
Nghe xót xa tiếng gọi
Dòng sông vẫn mãi trôi
Tôi đi trên dòng sông
Trên dòng sông dài
Nghe trăng đợi chờ ai!
Nghe trăng đợi chờ ai...

đám cưới

Nguyễn Quí Đức

Lúc nhận được thiệp mời đi ăn cưới, thằng Nam đã định bụng sẽ từ chối. Nó chẳng muốn rời cái không khí mát lạnh nơi nó ở để lái xe hơn ba tiếng đồng hồ đến một thành phố nóng nảy, nằm giữa những con lộ chằng chịt chạy tỏa ra khắp mọi hướng. Xe cộ chạy như một bầy thú bằng sắt đang lên cơn điên. Nhà cửa thì xây dựng rất thực tế, tức là hoàn toàn thiếu thẩm mỹ, thiếu bóng cây.

Thằng Nam đã chán lắm, chán cái cảnh phải đi đám cưới người đồng hương. Lễ tiệc thì chắp nối, cúng tế nhạt nhẽo. Cô dâu, chú rể bận áo dài khăn đóng ở Việt Nam trông còn được. Ở Cali thì thấy gượng ép. Cũng heo quay, cũng mâm rượu trùm khăn đỏ, nhưng nó cứ có vẻ giả tạo thế nào.

Tiệc cưới sẽ tổ chức tại một nhà hàng Tầu, không đâu khác hết. Mười hai người ngồi một bàn, cùi chỏ khép hai bên hông, quần áo bảnh bao nhưng gò bó. Ai cũng sẽ phải làm ra vẻ lịch sự, tươi cười, nói chuyện lăng nhăng giữa khi ban nhạc đánh những bản tango hay cha cha cha rầm trời, hay một ai đó cầm micrô khoe tài hát... rất dở, hoặc kể những câu chuyện không đâu vào đâu, nghe thì vẫn phải nhăn răng mà cười, nhưng trong bụng lại thầm nghĩ người kể chuyện vô duyên chứ nội dung thì chả thú vị gì. Thực đơn thì tất nhiên sẽ gồm bảy món, giống y hệt thực đơn của một trăm cái đám cưới khác. Rượu thì cognac, kém hơn chút thì whiskey.

Khách ngồi hỏi thăm nhau một các miễn cưỡng, có kẻ thì khoe của, khoe nhà, khoe xe. Có kẻ khen hai họ tổ chức hay, ăn bận đẹp (có người dùng lời khen để chê, thật tài tình). Rồi sẽ đến lúc đôi tân hôn bận tuxedo, áo đầm xoè, đến thăm từng bàn. Những bao thơ nhét mấy tờ giấy đô la năm, sáu chục đồng... Rồi lại những câu đùa cợt ấu trĩ, những lời chúc cô dâu chú rể sớm có con (cũng là dịp một ai đó nói chuyện tục).

Thằng Nam đã chán cái cảnh đó lắm rồi. Nó đang kiếm cách để giải thích sự vắng mặt của mình thì mấy đứa bạn khác điện thoại đến rủ rê đủ cách. Đám cưới của một thằng bạn học chung từ thời tiểu học lên đến trung học, tận ở Việt Nam. Nó không thể vắng mặt được. Bạn từ thời chiến tranh, đã lục đục cùng nhau bỏ xứ đi qua tận bên này mà ẩn náu dưới bầu trời Cali. Bạn đã từng sống qua những ngày tháng tị nạn, những bước chập chững ở xứ người. Đám cưới là dịp cả đám hơn mười mấy đứa bạn cũ tụ tập với nhau.

Tháng ngày qua, mỗi đứa đã sắp đặt cho mình một cuộc sống. Đứa nào cũng bận rộn, mấy khi mà gặp nhau. Thằng Tuấn (Tuấn béo), thằng Nhã (heo), con Đào (xóm- Cầu-Vồng) và thằng Đức (lại-cái) bây giờ có nhà có cửa, gia đình, con cái, ngày hai buổi đi làm giống như nhau. Cũng có đứa như thằng Tùng dê, thằng Vinh (Vinh-Bắc-Kỳ, tức Vinh ngọng), con Phấn-pijama (học đến năm chót trung học vẫn chuyên môn mặc pijama đi lông nhông ngoài đường) đã lập gia đình, mấy năm lại đã ly dị. Thằng Phái (hướng-đạo) vẫn muôn thuở thất nghiệp (đi ăn cưới được miễn tặng tiền). Con Tường-Vy (mặt-mụn) thì làm gì không biết, lâu lâu mới lò mặt ra ở một cái đám cưới, kể chuyện đi hộp đêm ở Tokyo với kép Tàu, đi Phi Châu với kép Mỹ đen cả năm trời.

Nhưng mà đứa nào sinh sống bên xứ Mỹ này ra sao thì không cần biết. Thằng Nam và đám bạn vẫn có cái quá khứ, cái thời học trò đầy kỷ niệm với nhau.

Sang Mỹ thành bác sĩ hay thợ tiện là chuyện khác. Lâu lâu có dịp tụ tập nhau chung quanh một bàn tiệc cưới–ấy là cơ hội tạm quên việc làm, cuộc sống hiện tại, và cùng nhau chạy tọt về bên nhà, về cái quá khứ đã chia xẻ với nhau từ những năm còn chơi bắn bi, cho đến khi biết yêu, thất tình hút thuốc lá, đọc thơ Xuân Diệu hay Nguyễn Tất Nhiên, đánh bi-da.

Cuối cùng thì thằng Nam quyết định đi dự tiệc cưới. Đêm dạ tiệc, nó cũng bớt bực dọc. Mấy câu chuyện cười vẫn còn vẻ gượng ép, nhưng mà khi người ta dọn đến món thứ ba thì cả đám cũng vui vẻ thật sự với nhau, và đã cùng nhau về đến ngôi trường cũ của mình. Lúc đầu, con Đào quên mình đã là bà mẹ có hai đứa nhóc nhỏ, trở nên nhí nhảnh như xưa. Nó chọc thằng Vinh thuở nhỏ hay bị ngọng, không đọc được chữ đ. Nó nhái giọng thằng Vinh. Ào ơi, ào, ưa cho Vinh cái ĩa với ôi ủa i. Thằng Đức cũng phụ họa, kể chuyện chở thằng Vinh đi chơi. Ức, ức, èn ỏ ó.

Thằng Vinh qua Mỹ đi tập nói làm sao bây giờ đã hết ngọng, nhưng nghe bạn bè chọc quá, nó buột miệng nói như thời nhỏ. *éo mẹ chúng bây. ồ trời ánh thánh âm. Chúng bây là ồ chó ẻ.*

Đến khi ăn gần xong thì đám bạn đã bớt nói chuyện tục, đã bớt chọc

nhau. Và cuối cùng đến phiên thằng Nam kể chuyện. Cũng là chuyện thuở học trò, nhưng chuyện nó kể có phần lịch sự hơn. Nó có một cái trí nhớ phi thường, được bạn bè nhường cho cái chức sử gia của cả lớp. Nó luôn luôn nhớ những chuyện xảy ra vào một thời gian thật xa xôi trong quá khứ. Nó sẽ nhớ tên những đứa bạn vắng mặt tại Mỹ, nó nhớ những nơi chốn cả đám đã quên, những sân banh, quán cà phê, những con đường mà bạn bè có lẽ sẽ không bao giờ thấy lại.

Có những con đường bây giờ đã đổi tên, đã mang vào mình một nhãn hiệu cách mạng. Thằng Nam là đứa duy nhất có may mắn về thăm Việt Nam được hai lần, nhờ nó đi công tác. Khung cảnh quê hương–dù có thay đổi cách mấy–cũng khơi lại được trong trí óc những hình ảnh cũ. Về lại Mỹ, nó nhớ đủ chuyện: một trận đá bóng hào hùng, một chuyện tình con trẻ đẫm nước mắt, hay thật dễ thương, đáng dựng thành phim truyện. Nó nhớ nhiều, và nó kể lại nhiều trong những dịp cưới hỏi như thế này.

Đám bạn của thằng Nam hội nhập thật kỹ càng vào xã hội Mỹ: đứa nào cũng ôm căn nhà, cái xe, một đống nợ nần. Và một năm được hai tuần nghỉ phép thì không thể nào bay về Việt Nam chơi được. Những đứa nào có cơ sở kinh doanh thì có tiền, nhưng cũng là nô lệ, không dám bỏ tiệm mà về Việt Nam thăm lại quá khứ. Cho nên chúng nó tụ tập nhân những lần đám cưới để nghe thằng Nam kể chuyện lung tung. Những ai vô phước lấy nhằm một đứa trong đám làm chồng, làm vợ thì đành ngồi nghe chuyện nó kể, mà còn phải làm ra vẻ thích thú lắm.

Nói cho thật tình thì có lúc thằng Nam cũng hơi khoác lác một tí. Chuyện thường thường nó kể lại thì thêm thắt chi tiết thành chuyện thi vị, cầu kỳ hơn. Chuyện đã đẹp thì nó biến hoá càng hay ho hơn. Nó quen thói, biến hoá những câu chuyện cũ một cách tài tình. Con Phấn, con Đào, thằng Vinh, con Tường-Vy-mặt-mụn, thằng Nhã heo, Tuấn béo... cả đám đều ngồi nghe hí hửng và tán thưởng, ngay cả những câu chuyện mà thằng Nam chế biến ra. Theo lời thằng Nam, đứa nào cũng đã từng đóng những vai chính quan trọng trong các vở kịch mùa liên hoan cuối năm học. Đứa này có lính hộ vệ, đứa kia có xe ngon, có đứa chơi trong ban nhạc trẻ nổi tiếng, tuy thật sự chỉ đứng cầm đờn một lần trên sân khấu hôm thằng đánh ghi-ta bị ốm.

Đám bạn thằng Nam ngồi trong tiệc cưới, nghe chuyện mà cứ cho là trí nhớ mình không tốt bằng trí nhớ của thằng Nam. Thật ra, thằng Nam mà đã kể chuyện thì quá khứ của chúng nó đầy hào quang bóng loáng, thâm sâu. Và nó đẹp quá.

Qua lăng kính của thằng Nam, những kỷ niệm xưa làm cho cuộc sống lưu vong bớt tẻ buồn, tủi nhục.

Mà sống cuộc đời tị nạn đáng buồn thật. Bạn bè có mấy khi gặp được nhau. Tết và Giáng Sinh thì gởi cho nhau một cái thiệp đã in sẵn lời chúc, chỉ cần ký tên. (Thằng Tuấn béo và thằng Đức-lại-cái còn không thèm ký vào đấy, để cho vợ làm chuyện này.)

Ngoài ra thì bạn bè mạnh ai nấy sống. Có đôi khi cũng có đứa nói chuyện tổ chức một cuối tuần hội họp bạn cũ, nhưng rồi vì việc làm, con cái lu bu, cái chuyện ấy nó biến thành chuyện viễn vông không ra gì giữa đất Mỹ bao la.

Cuối cùng thì cả đám chấp nhận rằng chỉ có đám cưới thì mới hy vọng gặp được nhau. Cũng may là ở Mỹ có đủ những ngày lễ như là lễ Độc lập, lễ Tạ ơn, để chúng nó thay phiên nhau mà lấy vợ lấy chồng. Cuối tuần kéo dài thành ba ngày, bạn bè mặc áo quần bảnh bao tụ tập vào một tiệm cơm Tàu mà sống lại quá khứ trong một đêm. Thằng Nam lại có dịp ba hoa, tận dụng cái vùng mập mờ giữa trí nhớ và óc tưởng tượng để tạo cho chúng nó một cái quá khứ huy hoàng.

Thằng Nam cũng như mấy đứa bạn của nó cũng có một vài người bạn Mỹ. Chúng sống ở Mỹ cũng đã lâu cho nên chúng cũng có một tí lịch sử, một vài kỷ niệm đẹp ở xứ này. Và có khi chúng cũng nhắc lại "chuyện xưa" với đám bạn Mỹ. Và chúng cũng khoe khoang, khoác lác đôi chút. Nhưng cái quá khứ của đám này nó không xa xôi lắm. Và chúng muốn thì bay sang Texas hay gọi điện thoại về Virginia một cách dễ dàng. Cái đó nó không bị cách trở như quê hương ấu thời của chúng. Chúng không cần xin hộ chiếu và thị thực nhập cảnh. Cũng không sợ chính phủ Texas dòm ngó, cho là Việt Kiều không yêu nước, thuộc thành phần nguỵ.

Thằng Nam, thằng Tuấn, hay của con Phấn, thằng Phái không lớn lên cùng với đám bạn Mỹ của chúng, không chung cùng một cái thuở thơ ấu ở một mảnh đất xa xôi bên kia quả địa cầu. Chúng không chia xẻ với nhau thời mọc mụn, thời mặc pijama đi ra ngoài đường. Và có lẽ chúng cũng ngại, hễ gặp nhau mà ba hoa quá thì tất sẽ có người khám phá ra. Bởi vì dường như chúng sợ ai đó có dịp về Texas hay Virginia hay Minnesota thì có thể kiểm chứng chuyện chúng nó kể lại cho nhau nghe. Còn chuyện kể về thời thơ ấu ở Việt Nam thì ai mà biết được. Kể ra thì phải nghe, mà đã nghe rồi thì đó phải là sự thật.

Trong nhà hàng Tàu nhân cái buổi đám cưới lần này, thằng Nam chợt nhận ra một điều. Thằng Tùng dê, thằng Vinh ngọng, con Phấn-pijama đã ly dị, may ra sẽ lập gia đình một lần nữa. Thêm thằng Phái-hướng-đạo và con Tường-Vy. Tổng cộng là còn có năm dịp để cho bạn bè tụ tập, năm cái đám cưới để cho thằng Nam khoác lác chuyện xưa. (Thằng Nam không có vợ, vì nó đồng tính, có kép Phi-luật-Tân. Hai đứa sẽ không thể nào

làm một đám cưới có hai đàng trai được–ít nhất là tại một nhà hàng Tàu với nhiều khách khứa Việt Nam.) Hết năm cái đám cưới đó thì hết tụ họp, hết dịp gặp nhau ôn lại–và bịa đặt–chuyện xưa. Cái quá khứ sẽ thật sự đi vào chốn hư vô, bị chôn vùi dưới những sự đòi hỏi hàng ngày trong cuộc sống tại xứ Hoa Kỳ văn minh tiên tiến.

Đối với đám bạn thằng Nam, cái đời sống chúng tạo dựng được ở Mỹ sẽ không bao giờ đầy đủ. Chúng đã tạo cho mình một con người, một thứ căn cước mới. Nhưng chính cái quá khứ lại là cái mảnh đất giúp cho chúng đứng vững. Chúng nghĩ về cái quá khứ đó như một cái khởi điểm mà đáng ra phải đẩy chúng vào một cuộc sống đầy thỏa mãn. Nhưng ngặt nghèo thay, chúng đã bị buộc phải rời bỏ quê hương.

Trong những lần cưới hỏi, những dịp tụ họp trong nhà hàng Tàu, cái quá khứ được bồi đắp bằng trí tưởng tượng, cái quá khứ bịa đặt, tự nhiên nó trở thành một sự bào chữa, một tấm bình phong che lấp cái ủ rũ của cuộc sống lưu vong, che lấp cái buồn chán của cuộc sống máy móc ở xứ người.

Chỉ có một điều là từ trước tới nay, trong những dịp khoác lác như vậy, thằng Nam và đám bạn quên không nghĩ tới một cái hậu quả oái ăm. Bây giờ, lúc chỉ còn những dịp khoác lác đếm được trên đầu ngón tay, thằng Nam mới sực tỉnh, hơi lo nghĩ về chuyện bịa đặt của mình.

Sau cái đám cưới cuối cùng, lần tới mà tụ họp được đông đủ với nhau có lẽ sẽ là đám tang.

Gặp nhau ở trong khung cảnh đó, ở tuổi già, có lẽ thằng Nam sẽ không còn muốn bịa chuyện nữa. Tuấn béo, Nhã heo, Phấn-pijama, Vinh ngọng, Tùng dê,... cả đám lúc đó có lẽ cũng sẽ chẳng muốn nghe chuyện huy hoàng thuở ngày xửa ngày xưa nữa. Chúng sẽ là những cụ già, chín chắn hơn, điềm đạm hơn. Mặt mụn của Tường-Vy sẽ đầy nếp nhăn, và ngay cả con Đào-xóm-Cầu-Vồng cũng sẽ phải có một ánh mắt đầy tư lự.

Chúng sẽ quây quần với nhau, thương tiếc bạn cũ. Rồi chúng sẽ suy nghĩ về chuyện gần đất xa trời. Và cái mà chúng thèm nghe sẽ là sự thật. Sự thật về một cái quá khứ không tô điểm, không vẽ vời. Nhưng rồi lúc đó, cái sự thật nó đã biến mất, đã nhạt phai phía sau những câu chuyện của thằng Nam, những câu chuyện huênh hoang bịa đặt giữa một buổi tiệc cưới trong một nhà hàng Tàu đâu đó ở xứ người.❐

mưa buổi sáng trên xa lộ phía nam

NGUYỄN MẠNH TRINH

những buổi sáng mưa dài trước mặt
nước ào ạt tung toé khoảng trời
đèn thắp lên thiên thu đừng tắt
gọi ai người khản tiếng tàn hơi

năm tháng qua qua hoài bất tuyệt
bánh xe lăn còn mỏi vết nào
con chim gù thời khắc bi thiết
đời vuột đi như tiếng hát chao

ở đằng trước chừng như ngõ rẽ
bảng đường quen đứng mỏi vẫy tay
lưu lạc bao nhiêu năm có kẻ
hát ngao một khúc phá trùng vây

đường trải ra chuyến xe mỗi nặng
đi về phương bắc hay phương nam
sao tiếng sóng đằng sau còn vắng
hay là đời nhịp của chia tan

mưa vỗ vỗ nhạt nhòa khung kính
ru ta ru ta mưa thầm thầm
ngọn núi thẳm trước sau vô định
cánh chim bay vào chốn biệt tăm

một tiếng đồng hồ trên xa lộ
nghĩ mãi về đời mãi về mình
có lúc thực hư đường chẳng rõ
thấy mình heo hút giữa lặng thinh

tự giải thích với ngàn câu hỏi
ta hôm nay ta sống làm gì
ngày tiếp ngày không chờ không đợi
chuyến xe sang tiếp nối về đi

tóc dần phai mộng dần phai nhạt
vui như lá cỏ đọng sương mai
mà buồn như hằng hà hạt cát
ta làm gì làm gì hôm nay?

cũng có lúc ấp ôm mộng lớn
tưởng đôi tay nắm được đất trời
để thênh thang vòng quay chưa trọn
nhìn giọt mưa cứ mãi rơi rơi

sống bỡ ngỡ thương trời cố lý
đường xa xăm biệt thẳm chân qua
vân cẩu mầu mây sao kỳ dị
ta ơi ta rêu ngút mái nhà

tưởng tượng em mùi hương chợt thoảng
rất thân quen dạ lý hiên ngoài
áo trắng tinh bay từ quá vãng
lạnh bên ngoài gió thốc đôi vai

đôi mắt cũ nhìn ai mỏi mệt
nói gì nhau thăm thẳm dáng chiều
trong trái tim chao đòng thao thiết
phổi nặng dè đá tảng dần xiêu

những buổi sáng với mưa trò chuyện
thầm thì vơi lạnh tấc thịt da
sáng lên núi chiều về hướng biển
vòng tròn lăn mấy bánh xe qua

muốn hát khúc hành ca vang dội
đường trường xa ơi đường trường xa
đỉnh mơ ước dì hoài chưa tới
rừng dưới sâu dã mấy tuổi già.

cơn gió chạy vòng

Hoài Ziang Duy

Những ngày cuối năm chỉ còn nỗi nhớ. Không dám nghĩ năm tháng qua đi ta vẫn ngồi đây. Có bao điều đáng nhớ, để quên. Hơn hai mươi năm qua, hình ảnh chiếc quần đen nằm vắt ngang trên chiếc Honda ở bìa rừng An Lộc vẫn là nỗi ám ảnh. Một cặp tình nhân di tản, hay chỉ một người phụ nữ vượt thoát bị hãm hiếp? Trốn chạy? Hay cái gì ở đằng sau đó. Không thi thể bắt gặp. Nó nằm trơ vơ lạnh lùng. Một màu đen bi thảm. Bịt kín lấy đôi mắt. Bịt kín lịch sử. Bịt kín lấy tâm tình khi tôi muốn nghĩ về em. Em trần truồng bỏ thân ở lại? Hay chỉ một cái cớ thoát đi. Nhưng trên bản đồ tiến quân nầy, em vẫn có một tọa độ như người lính khác. Sa Cam. Tôi đã gìn giữ biết bao năm. Không phải cho riêng em mà cho đồng đội, cho những người thân, hy vọng một ngày hòa bình. Nhưng rồi một lời buông súng. Tháng Tư tan tành. Giọt nước mắt đầu tiên tôi khóc. Khóc cho nỗi đau chưa thua nhưng phải nhận. Người ta bỏ chạy sau này như lần đó em bỏ chạy. Kể từ hôm đó. Bản đồ cất giữ được đốt bỏ. Những cái chết vô danh từ nay thật đúng nghĩa. Hào hùng cộng với oan khiên của người nằm xuống. Những hy sinh, rốt lại, được gì cho đất nước nầy. Đôi khi bất chợt tôi vẫn nhớ về em. Con đường mòn. Hướng chạy phải từ tòa hành chánh An Lộc. Em đã ra đi sao còn bỏ lại? Cho nên thật vô duyên khi tôi nói với nàng.

"Em đừng mặc quần nữa."

Nàng tròn xoe đôi mắt. Bàn tay viết ngừng lại.

"Anh nói cái gì vậy?"

"À không, xin lỗi. Em đừng mặc quần satin khi ra đường. Đã lâu không gặp, tôi cảm thấy lạ."

Nàng cười hồn nhiên tha thứ.

"Cứ tưởng anh bảo em sexy khi đến đây chứ."

Tôi lặng người. Ý tưởng vẩn vơ không kềm hãm được để nói một câu

không lịch sự tí nào. Xin lỗi.

Nàng nín thinh. Cứ tưởng câu pha trò cho qua. Một lát, nàng ngẩng lên nói.

"Anh coi. Em viết thế này được không?"

"Em rành tiếng Việt sao phải cần tôi giúp?"

"Không đâu. Em mới sang vài năm. Chữ nghĩa còn nhớ chứ. Em muốn anh giúp ý kiến. Em viết thật như vậy có đau lòng lắm không?"

Tôi muốn nói "Người đau nào phải là tôi". Mỗi ngày ở chỗ nhận chuyển tiền, tôi đã đọc sơ qua biết bao nhiêu điều hỉ nộ ái ố, bi thảm éo le. Nhiều cô gái lớn lên bỏ quên tiếng Việt nên viết những câu không xuôi dòng, ý tưởng ngô nghê. Đôi khi họ nhờ tôi viết giùm qua điện thoại . Đôi khi họ viết trực tiếp trước mặt tôi, những hàng chữ sai ý, đứt đoạn. Nhưng lúc nào tình thương cũng dàn trải mênh mông. Còn có một tấm lòng. Còn có ngôn ngữ để gọi thưa ba má, nội ngoại.

Nàng đến đây nhiều lần. Trước lạ, sau quen. Quen ở tình thân. Quen ở tâm tình kể lể. Quen ở lịch sự mời chào. Tôi nói với nàng.

"Cùng một địa chỉ lần trước phải không?"

"Dạ vậy. Lần này thì cuối năm, phải nhiều hơn, để ảnh còn lập thân cưới vợ."

"Bộ giận hờn sao mà nghỉ vậy. Viết chi mà đau lòng. Anh trai à? "

"Chồng em đó. Anh không biết mặt đâu. Em gởi trả số vàng ngày trước ảnh đi cưới em. Một ít thôi, nhưng lúc đó so với ảnh thì nặng nề."

"Em tính bước thêm một lần nữa? Đừng trách tôi tò mò nghe. Mọi việc phải từ từ, không khéo lại hỏng cả."

"Nè, anh coi kỹ đi. Nàng lập lại. Viết vậy có đau lòng lắm không? Có tàn nhẫn không? Nếu tâm trạng anh, anh thấy thế nào?"

Dĩ nhiên, tôi không thấy thế nào cả. Chỉ thấy tâm trạng ở nàng. Một người con gái đang ngồi đối diện. Còn tôi, mấy tháng nay không cầm bút được. Một ngày làm hai *job*, cả ngày tất bật, đầu óc và thời gian không còn đủ tỉnh táo để dựng lên được câu chuyện nào. Tôi muốn viết những điều không viết được. Viết về nỗi trống không. Cái khoảng trống không ai nhìn thấy. Không có hồi đầu. Không có đoạn cuối. Những đoạn rời lở dở như một kiếp người.

"Anh đọc sao mà thẫn thờ vậy?"

Tôi mà thẫn thờ ư? Nàng là nhân vật trong câu chuyện tôi đang viết. Không cần hư cấu, không cần những đêm nghĩ suy vụn vặt.

Nàng nói:

"Em thích nói thẳng nói thật. Thà vậy anh à. Qua đây hoàn cảnh khác, ngoài dự liệu của mình. Em không muốn ảnh nuôi hy vọng, trong

lúc hàng đêm em lại ngủ với một người đàn ông khác."

"Em cần viết thêm không, tôi nối giấy cho fax dài ra?"

"Đủ thôi. Dài ngắn cũng chỉ muốn ảnh quên em đi. Mọi việc khó mà hy vọng. Anh coi. Trước đây một hai tháng em gởi cho ảnh đôi chút để tiêu xài. Nhưng kéo dài tình trạng thế này em thấy xấu hổ, khi biết mình lường gạt ảnh và lường gạt chính mình. Em không có người thân. Không có chỗ nào bám víu ngoài anh ấy. Anh ấy là người em nuốn nói anh chàng bên này, chứ không phải người cũ. Em không muốn phản bội. Cả hai đều tốt với em. Chỉ có em là không xứng đáng. Thà mọi việc cho xong, lòng em thấy yên ổn hơn. Em còn có tương lai trước mặt.

"Lần đầu tôi mới thấy. Kể ra em là một cô gái can đảm."

" Em nghĩ không phải đâu. Những người cùng hoàn cảnh như em có nhiều, nhưng họ ngại nói ra. Có thêm một người như anh biết, âu cũng là chứng nhân cho tấm lòng em. Ngày trước, khi qua đây em nghĩ sẽ bảo lãnh cho anh ấy qua. Nhưng qua rồi, phải tìm cách sống, huống chi giấy tờ bây giờ đã lộn xộn cả.

Khởi đầu, nếu không có những lời dài dòng như vậy, chắc tôi đã không chú ý đến nàng. Nhớ lần đầu tiên đọc tên cô gái họ Thạch, nàng hỏi

"Anh đoán em là người gì?"

Nàng trắng đẹp, son phấn khéo, trông như một cô gái lai . Tôi nói người Tàu? Không phải. Anh nói thêm một lần nữa coi. Họ người Miên? Nàng cười. Đúng rồi. Người Miên sao trắng vậy? Nàng lại cười. Hình như nàng không muốn khai báo lý lịch, gia phả ở buổi đầu. Lần nào tìm đến nàng cũng tìm cách làm thân. Nàng nói không hiểu sao em có dự cảm có mối liên hệ với anh. Nàng tên Thúy. Tên đẹp. Nhưng Thúy nào cũng lận đận tình duyên cả. Anh biết coi bói à? Không đâu. Thấy Thúy nào cũng cao số. Anh coi em ngày mai thế nào? Ngày mai ở Thúy hay ở tôi? Cuộc đời có bao điều đổi thay đâu ai ngờ được. Không ai nghĩ đến ngày buông súng tan hàng. Không ai nghĩ đến ngày lưu lạc ở xứ người. Những cánh thư tiếp nối quê nhà; vẫn là nỗi nhọc nhằn khổ sở. Đất nước bây giờ khá hơn. Nhưng khá hơn cho riêng một thành phần. Còn người thân vẫn là nỗi thiếu thốn. Biết bao giờ mới dứt. Biết bao giờ mới hết căn bệnh chờ mong đồng tiền gởi về cứu trợ. Ở đây chốn này, đời sống đâu là cơn hưởng thụ. Quanh đi quẩn lại rồi hết một ngày qua đi. Không viết nổi một cánh thư; mặc cho nhiều lần trách móc. Không ai tin không có thì giờ cho tình thân. Tin làm sao được khi cầm bút lên là không biết viết gì. Cầm điện thoại lên cũng là câu khỏe không. Không viết được bởi lòng không muốn kể lể. Tin làm sao được khi không viết nổi cho gia đình, cho bạn hữu mà vẫn viết lách đều đều truyện đăng báo. Hư cấu từ những thực thể của đời sống , của

kỷ niệm, của người chung quanh để hình thành. Tin hay không tin, oái oăm thay ở một cái nhìn. Phải chăng chúng ta đang chạy trốn những hệ lụy bản thân mình. Một đời riêng. Một cõi riêng. Cho ai? Tại sao phải viết. Ngôn ngữ còn. Chữ nghĩa còn. Tình thân ơi. Thôi chỉ có một tấm lòng. Có bao điều muốn nói. Có bao điều để khựng lại ở tương lai trước mặt. Không dưng có nỗi chia cắt từ hai bến bờ. Không dưng có nỗi quặn đau từ núm ruột.

Hôm qua con tôi từ trường trở về. Ba ơi bạn con nó ngu dễ sợ. Tại sao trước một ngày lên máy bay về Việt Nam ăn Tết nó lại bỏ trốn. Mẹ nó phải hủy bỏ chuyến bay để đi tìm nó. Ba làm gì vậy? Ba đang viết nữa à? Lúc rảnh ba ngồi viết, đêm ba cũng ngồi viết. Con thấy viết lách không có tiền mà còn hao sức khỏe ba nữa. Biết vậy. Cười thôi. Tại ba thích. Biết nói sao hơn. Mười năm. Hai mươi năm sau, có gì buồn hơn khi con mình không đọc được những gì của mình; không thưởng thức nổi câu văn trong tác phẩm. Thêm một thế giới tách rời. Chỉ còn lời nói tâm tình khuyên nhủ. Đời sống gia đình chỉ ngần có ấy. Một ngày hay một đời chôn thân nơi xứ người. Ngày trở về yên phận có nghĩ tới, nhưng định phận còn xa vời. Đâu ai biết được ngày sau thế nào.

Câu chuyện về Thúy. nhân vật trong tác phẩm và nhân vật ở đời thường là một. Nàng nói hai năm nay anh ấy bị mất ngủ triền miên, nghỉ bệnh hoài hơn ba tháng nay, gần bị mất việc. Em không đưa đi bác sĩ à? Có chứ. Nhưng có tìm ra bệnh đâu. Cứ thử máu hoài; bây giờ không ngồi lên nổi nữa. Em mang ơn anh ấy ở buổi đầu đến đây. Cái gì ảnh cũng giúp. Lúc đầu cũng nghĩ chuyện tạm bợ. Nhưng anh phải biết chung đụng mỗi ngày rồi cái gì đã xảy ra. Bây giờ ảnh đã vậy, em cũng không đành dứt áo ra đi. Khi ở quê nhà em là một đứa con lai. Giá trị con người em được phục hồi khi người ta bỏ tiền ra để mặc cả. Tự nhiên em có thêm gia đình gọi bằng ba mẹ, anh chị. Phải biết nói dối chính họ đã nuôi dưỡng em từ tấm bé. Chấp nhận vậy để có đồng tiền trang trải, để được ra đi, để được làm đẹp theo ý mình. Không phải em trả thù đời. Con gái mà. Em cũng cần có nhu cầu cho bản thân mình. Năm xưa nơi quê nhà, thời tuổi nhỏ em bị ruồng bỏ, xã hội xóm giềng khinh khi. Ở đó em chỉ là một đứa con gái lạc loài. Nếu không có chút nhan sắc chắc gì em có một tấm chồng. Nhưng rồi đâu cũng vào đó. Khổ thôi. Gia đình em với anh ấy, một đứa con. Em không phải là người nô lệ bị săn lùng. Người ta tìm em, chìu chuộng vỗ về, hứa hẹn một tương lai. Nghèo quá, gia đình tụi em cũng chấp nhận thôi. Đó là thời kỳ em đổi lớp. Em đua đòi để được thỏa mãn. Có lẽ em ích kỷ hơn là hy sinh. Một đứa con lai tập tành học tiếng Mỹ, nói cả miệng, cả tay.

Ngày ra đi, em không được gặp chồng con. Anh ấy bị tách rời từ trước , kể cả con em nữa. Trước đó, khi chia tay, anh ấy khóc. Cả mẹ con em cũng khóc. Trong đầu, em chỉ nghĩ giản dị một điều: Nhịn nhục cho qua đi rồi em sẽ trở về. Nhưng vai trò em không trọn vẹn anh à. Đến trại chuyển tiếp, họ gặn hỏi, đặt nghi vấn. Nhớ tới con em khóc, khóc như chưa từng được khóc, bởi thời gian chờ đợi, hỏi tới hỏi lui hoài. Em thấy khổ sở quá. Tấm lòng người mẹ ở em như bị đánh thức. Cuối cùng em thú nhận. Anh biết không, họ phẫn nộ xé bỏ hồ sơ hơn mười người đi theo. Trong một phút lạc lòng em đã hại họ. Cả gia đình nhìn em chết sững, thù hận. Em bị tách rời ra, đưa đi trước. Số phận những người còn lại về sau em không dám tìm hiểu. Ở quê nhà em mang mặc cảm với xã hội. Ở đây em cũng không thực là công dân Mỹ quốc. Các anh chạy trốn chế độ. Bản thân em chạy trốn tủi nhục, nghèo khó. Tưởng là vậy. Nhưng rồi ở đây em cũng lạc loài. Ở đâu cũng chỉ là con người. Có khác gì nhau. Còn con em. Người cha em không biết mặt cũng không bao giờ tìm em. Cái vòng lẩn quẩn phải chăng bởi cái nghiệp.

Nàng nhìn tôi. Khuôn mặt gái lai phương Tây, nhưng tấm lòng của người phương Đông còn đó. Xứ sở này biết bao chuyện để nói. Từ những thương tâm cả đến lọc lừa để đến đây.

"Anh có biết vì sao em nói có linh cảm gần gũi với anh?"

"Ai biết được"

"Thiệt ra anh T. là anh chồng em, người mà anh cứu trong trại đó."

"Đã lâu, nhiều người , nhiều lần quá. Tôi không nhớ."

"Anh ấy nói chính anh cứu anh ấy trong đêm giao thừa mà."

...Đêm ba mươi. Cửa phòng giam được mở khóa. Một mình tôi bước ra. Trời thanh thản. Lòng tôi thanh thản ở đêm giao mùa cuối năm. Những phút giây ngắn ngủi tự do trong khoảnh khắc này... Sắp qua một năm mới. Cửa phòng lại mở. Tôi lọt vào trong. Cánh cửa ngoài khóa lại. "Làm xong phận sự cấp cứu. Anh gọi chúng tôi." Gã áo vàng cầm súng sau lưng nói. Căn phòng tối om không có ánh đèn. Đây là phòng của anh em có án, thành phần giáo phái từ Chí Hòa đưa lên hơn tuần chưa cho ai tiếp xúc. Mọi người bu quanh nhốn nháo. Sao vậy? Có lẽ tự vận. Sao biết? Anh ấy trăn trối cho người nằm bên, gởi gấm vợ con, muốn ra đi trong giờ phút thiêng liêng này. Sao tối quá thế này? Chúng tôi bị biệt giam, không mền, không dép, không đèn đuốc gì cả. Trong bóng đêm không nhìn rõ mặt nhau. Những bọc nylon gói quần áo được gom lại, đốt sáng, nhựa nylon chảy ra dưới sàn xi-măng. Ngồi gần bên, một anh bạn giới thiệu: Anh ấy trước là linh mục ở ca đoàn Trùng Dương. Đâu? Anh chàng nầy. Tôi leo lên giường ở tầng trên. Một người đàn ông đứng tuổi. Mười lăm phút. Hai

chục phút trôi qua. Gần một trăm cái đầu nín lặng hồi hộp. Tỉnh rồi. Tỉnh rồi. Tiếng reo mừng gào lên. Gần chục cánh tay ôm chầm lấy tôi, thân thể tôi như được tung lên. Những giọt nước mắt long lanh mừng rỡ. Còn tôi, mồ hôi đang chảy ròng ròng. Cha tôi vừa mới mất, ca cấp cứu bị chối từ vì lý do lý lịch. Tôi trở về phòng. Anh em đang chờ đón. Thức cho qua đêm giao thừa với lá cây nướng thay trà. Hương vị mặn nồng của những người cùng chung số phận. Đêm giao thừa cuối trong đời trước ngày trở về. Biết bao điều đổi thay. Sự ra đi có chọn lựa. Nhưng đời sống ở đây không có một chọn lựa nào khác, ngoài thích ứng với thực tế tuổi đời.

"Hôm nay gặp anh em lại nói nhiều."

" Nói thật, đôi khi mình thấy dễ chịu hơn."

" Em nghĩ vậy. Đời em cần bắt đầu làm lại. Em phải sống cho những gì em đã trả giá."

Giọng nàng cứng cỏi. Một cô gái đẹp hiếm thấy, nhưng thật bản lĩnh. Tôi nghĩ.

"Chiều nay anh chuyển fax này đi phải không?

" Tối bên mình là sáng ở bên ấy. Hỏi thật nghe, có gì cần thay đổi ở phút cuối không?

Nàng quả quyết:

" Hôi trước anh cứu anh của anh ấy. Bây giờ cũng là anh, viết sao cho đủ câu giã từ. Phần em, em cần có tương lai cho mình.

" Bên người chồng này? Tôi hỏi lại.

" Chưa chắc.

Nàng đứng lên nói tiếng cám ơn rồi quay ra cửa. Tôi muốn gọi nàng một tiếng. Nhưng thôi. Vẫn là câu trong bài hát. *Thúy đã đi rồi.*

Viết cái gì? Không viết được cái gì? Thôi thì viết những điều không biết viết làm sao, những gì chưa thành hình rõ rệt. Nó là khoảng cách giữa nghĩ suy và hình tượng. Biết đâu người chồng cũ của Thúy vẫn sống với niềm tin chờ đợi. Biết đâu cô gái bỏ lại chiếc quần đen ở rừng Sa Cam năm xưa, bây giờ đang sống đâu đó trên đất nước nầy. Mọi việc rồi sẽ qua đi. Đã sang sông, nặng chi tiếng sóng ở trong lòng.❑

năm bài ngũ ngôn

NGŨ AN

1
vẫy tay chào ly biệt
vàng phai ngọn ngô đồng
trăm năm còn luyến tiếc
một mối tình không xanh

2
bước một bước đi về
giữa năm cùng tháng tận
hồn xanh dại xưa kia
bàng hoàng sương khói rụng

3
nghiêng tay rót chén trà
nhớ hương mùa hoa cũ
lỡ một đời đi xa
ngậm ngùi hồn cố xứ

4
về bên thềm hoa cũ
nhìn nắng nhạt vàng phai
ngày xưa em thấp thoáng
còn vương mấy dấu hài

5
trăng của nghìn năm xưa
thơ của mùa thiên cổ
nửa đêm vọng bước về
sầu lan căn lều cỏ

chiến trường xa lắc

Huy Văn

Chuyến xe bus bắt đầu đổ đèo. Cô bé hướng dẫn viên du lịch trong chiếc áo dài xanh, tóc cắt ngắn ôm gọn lấy gương mặt ngây thơ, trong sáng. Cô nói tiếng Anh khá trôi chảy:

"Quý vị đang đi trên quốc lộ bốn mươi hai và huyện Đắc một thắng cảnh thiên nhiên với nhiều di tích lịch sử của Buôn Ma Thuột. Không bao lâu nữa chúng ta sẽ tới nhà sàn buôn Tong Yo. Trong chuyến du lịch năm ngày, quý vị sẽ ở trong căn nhà sàn dài ba mươi mét rộng hơn tám mét được xây dựng đúng theo lối kiến trúc cổ của dân tộc M' Nông. Ban ngày qúy vị có thể cưỡi voi băng rừng, vượt suối thăm các buôn sóc xa xôi, ghé buôn Tua nếm chút rượu cần, tạt qua buôn Yang La ăn con cá lóc nướng lá chuối, hoặc thả thuyền độc mộc trên hồ Đắc ngắm cảnh hoàng hôn. Chiều đến, thay vì dùng bữa ăn tối thịnh soạn với rượu chát đỏ hay rượu mạnh, thì chúng tôi mời quý vị uống chút rượu cần, ăn thịt bò thui với cơm nếp dẻo nấu trong ống tre tươi, một cách nấu cơm đặc biệt của các dân tộc miền núi và thưởng thức nhạc dân gian của dân tộc M' Nông. Tiếng chiêng, tiếng khèn, tiếng trống mộc mạc đơn điệu bên bếp lửa hồng sẽ làm cho tinh thần quý vị thư giãn đi phần nào, quên đi cái ồn ào náo nhiệt của đô thị. Một điều khá quan trọng là quý vị có thể nhìn lại bãi chiến trường mà trước đây khoảng một phần tư thế kỷ, quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng trong một trận đánh lịch sử đã tiêu diệt gọn một tiểu đoàn địch."

Cô bé đảo mắt một vòng, hơi ngập ngừng rồi nói tiếp:

"Nếu quý vị đã từng tham quan Củ Chi với mục đích tìm lại dấu vết của cuộc chiến ngày xưa thì Củ Chi với những địa đạo nằm sâu trong lòng đất, cong queo, ngoằn ngoèo hàng chục cây số sẽ đáp ứng được phần nào nguyện vọng của quý vị. Trái lại, chiến trường ở đây sẽ là một điều

ngạc nhiên cho quý vị, bởi vì quý vị sẽ không còn thấy một chút dấu vết gì của trận đánh kinh hồn năm xưa. Chúng tôi xin đi ngược lại thời gian. Mùa xuân một chín sáu tám, lúc ấy quận Thanh Bình là thị trấn Lam Sơn bây giờ, một quận lỵ tiêu điều, xơ xác do một tiểu đoàn ngụy quân trú đóng được tăng phái bốn khẩu đại pháo một trăm năm mươi lăm ly."

Một bà người Mỹ trong xe buột miệng:

"Một tiểu đoàn có bao nhiêu người ?"

"Thưa bà, theo tài liệu học tập một tiểu đoàn ngụy có vào khoảng năm trăm người."

Cô bé ngưng nói ý như chờ đợi, khi thấy mọi người trong xe đều im lặng, cô tiếp tục:

"Trong khuôn khổ chiến dịch "tổng nổi dậy" năm ấy, hai tiểu đoàn chủ lực quân đội nhân dân, một tiểu đoàn pháo phối hợp với du kích địa phương trong một trận đánh oai hùng đã diệt gọn lực lượng đồn trú của ngụy quân ở Lam Sơn. Chiến tích lẫy lừng này đã được báo Quân Đội Nhân Dân đăng tải đầy đủ. Chúng tôi sẽ hướng dẫn quan khách đến thăm bãi chiến trường ngày xưa, giờ đây là thị trấn Lam Sơn sầm uất, phồn thịnh. Sau hết, chúng tôi thay mặt công ty du lịch tỉnh Đắc Lắc, kính chúc quý vị năm ngày hạnh phúc trong chuyến du lịch buôn Tong Yo."

*

Ngồi bên cạnh tôi là một người Mỹ già, râu tóc bờm xờm, gương mặt xương xương khắc khổ, áo quần lôi thôi lếch thếch. Ngần ấy thứ khiến tôi liên tưởng đến hình ảnh của vài người Mỹ với tấm giấy bìa cứng trên tay "làm việc vì cần thực phẩm", thường hay đứng ở những ngả tư đường đông đúc xe cộ qua lại.

Ông ta bất chợt lên tiếng:

"Xin lỗi, ông là người Đài Loan?"

"Ông đoán coi ?"

"Nhật ? Đại Hàn?"

"Không, không phải, tôi là người Việt Nam"

"Ông hiểu cô bé nói gì chứ ?"

"Vâng, tôi hiểu. Tôi sống ở Mỹ từ năm bảy lăm cho nên nghe và nói tiếng Mỹ được"

"Tôi hơi lơ đễnh, qua cử chỉ và giọng nói lẽ ra tôi phải hiểu ngay rằng ông đã sống ở Mỹ lâu rồi. Thế ông ở tiểu bang nào ?"

"California."

Người Mỹ già mừng rỡ ra mặt:

"Con gái tôi đang sống ở đó."

"Còn ông ?"

"Idaho."

Tôi mỉm cười với ông ta:

"Ông có định đem khoai tây sang bán cho dân Việt Nam không ?"

Người Mỹ già cười híp cả mắt, lối cười thoải mái dân Mỹ vẫn cười:

"Khoai tây ở đây rẻ như cho, tôi đâu có dại chở củi về rừng."

Không khí bỗng trở nên thân mật, đang sống trên quê hương mình mà tôi có cái cảm giác tha hương ngộ cố tri. Người Mỹ già đưa tay qua ghế ngồi:

"Tôi tên là John, hân hạnh được biết ông."

Tôi hơi lúng túng nhưng vẫn cố gắng pha trò:

"Cánh tay phải của tôi chỉ là cái ống tay áo thôi. Ông có muốn bắt tay với cái ống tay áo không?"

"Xin lỗi, tôi thật vô ý."

"Có gì đâu, tôi là Đinh, hân hạnh được biết ông. John nè, xưng hô bằng mày, tao được không? Cứ cái điều một thưa ông, hai thưa ngài nghe nó nặng nề, khách sáo quá."

John vui vẻ:

"Có gì trở ngại đâu."

Tôi nhìn về phía cô hướng dẫn viên du lịch:

"Mày có nhớ cô bé dễ thương kia nói quý vị sẽ không còn thấy một chút dấu vết gì của trận đánh năm xưa không?"

"Nhớ chớ, nhưng chuyện ăn nhậu gì tới mày?"

"Tại sao không? Một cánh tay của tao bỏ lại nơi này. Bây giờ, tao hiện diện nơi đây thì ít ra cũng còn một chút gì đó chớ. Khúc đèo mình vừa đi qua vẫn còn đó, có khác chăng là ngày xưa thuốc khai quang đã làm chết cả một cánh rừng dài hàng vài chục dặm dọc theo hai bên đường. Hồi đó mỗi lần đóng quân ở đỉnh đèo tao lại có cái cảm giác như đang sống ở một tinh cầu xa lạ nào đó. Một cọng cỏ cũng không còn, nói chi đến lá cây trong rừng. Màu xanh của lá hoàn toàn biến mất, chỉ còn trơ lại những thân cây khô khốc, khẳng khiu."

John nhìn tôi chậm rải:

"Mày đang nói tới chất độc màu cam?"

"Đúng."

"Có định kiện chính phủ Mỹ về hành động rải thuốc độc lên quê hương của mày không?"

"Nước Mỹ đã cưu mang, đùm bọc tao hai chục năm rồi. Một bên là cha mẹ ruột, một đằng là cha mẹ nuôi, tao biết thương ai, bỏ ai bây giờ? Hơn nữa Việt Nam mà kiện chính phủ Mỹ chẳng khác gì chuyện con kiến đi kiện củ khoai."

"Con kiến-kiện-củ khoai, mày nói gì vậy?"

"Xin lỗi, tao quên khuấy đi mất mày là người Mỹ."

John quay người định nói điều gì đó với tôi thì giọng cô hướng dẫn viên chợt vang lên cắt đứt câu chuyện giữa tôi và John.

"Kính thưa quý vị, quý vị đang ở Lam Sơn. Nhà sàn buôn Tong Yo hân hạnh đón chào quý vị quan khách."

*

Buổi sáng, khi mọi người trong đoàn du lịch hãy còn cuộn mình trong những chiếc chăn êm ấm, thơm mùi vải mới và bên ngoài sương mù xuống thật thấp giăng mắc khắp núi đồi, cả một thung lũng mênh mông chìm trong làn sương mỏng, tôi men theo con dốc nhỏ lần lên ngôi biệt điện nằm chơ vơ một mình trên đỉnh đồi. Con đường này ngày xưa được tráng nhựa phẳng phiu giờ đây đã hư hại nặng nề. Mặt đường lỗ chỗ những ổ gà, nhiều nơi chỉ còn trơ lại đất đỏ. Càng lên cao lòng đường càng thu nhỏ lại bởi đủ thứ loại cỏ dại mọc chen chúc hai bên đường.

Tôi đứng trước ngôi biệt điện mà lòng bồi hồi xúc động. Trước mắt tôi một ngôi nhà hoang phế, điêu tàn. Nguyên một mảng tường rêu xanh bám đầy, chới với giữa đống gạch ngói ngổn ngang. Phần sau mái nhà trống rỗng chỉ còn lại những hàng cột xiêu vẹo tựa vào nhau như chống đỡ lấy sự tàn phá của thời gian. Tôi còn lạ gì ngôi biệt điện này. Nếu đứng nơi sân trước của nó, người ta có thể phóng tầm mắt mình đến tận cuối chân trời, quan sát được toàn thể quận Thanh Bình. Trước mặt là hồ Đắc, bên trái là thị trấn Lam Sơn, xa hơn chút nữa về phía nam là những buôn sóc của người Thượng nằm chênh vênh, im lìm bên sườn núi cạnh những con suối nhỏ lững lơ uốn lượn.

Tôi chợt khựng người khi thấy John đứng một mình dưới gốc cây cổ thụ, trong cái im vắng của núi rừng cao nguyên. Ông ta như chết sững trước cái mênh mang trầm lặng của hồ Đắc. Tôi đoán là John đã chạy bộ buổi sáng như ông ta vẫn thường làm theo thói quen ở Mỹ, bất ngờ lạc đến đây rồi sững sờ trước cái âm u, cô tịch đầy hoang dại của ngôi biệt điện.

Không muốn khuấy động đến riêng tư của người khác, tôi đổi hướng đi vòng ra phía sau. Được chừng mươi bước tôi nghe tiếng gọi ơi ới của John đuổi theo. Sau những câu chào hỏi xã giao lỉnh kỉnh, lẩm cẩm; chào buổi sáng, mày khỏe không? John bắt đầu gợi chuyện:

"Chạy bộ phải không?"

"Ừ, thì cũng như mày vậy."

"Lát nữa mày có đi cưỡi voi ghé mấy cái buôn uống rượu cần không?"

"Cưỡi voi thì è è ...- bàn tay trái tôi lắc nhẹ theo giọng nói- còn

chuyện uống rượu cần thì không có tao rồi. Khi nào về Mỹ mày khui một lon Budweiser rồi giấu trong kệ sách, sau đó chừng dăm, bảy ngày đem ra uống thì chẳng khác gì uống rượu cần."

John nhìn về phía hồ:

"Này Định, chèo thuyền độc mộc làm một vòng quanh hồ Đắc cũng thú vị lắm chớ."

Không trả lời John ngay, tôi dẫn ông ta lên sân thượng của ngôi biệt điện:

"Mày có thấy khúc eo của hồ Đắc không?"

"Tao thấy."

"Chỗ đó đo được đúng hai cây số và chiều dài của hồ hơn mười cây số."

"Sao mày biết?"

"Bản đồ quân sự một phần năm mươi ngàn nói như vậy. Liệu mày chèo thuyền độc mộc mấy ngày mới đi đủ một vòng? John à, nếu muốn cưỡi voi, đi thuyền thì tao tới Thái Lan, Mã Lai hoặc Cam Bốt cũng có vậy, tội gì phải khổ công lặn lội đến đây."

Trên đường về, John không nói với tôi một tiếng nào. Gương mặt ông ta lộ vẻ đăm chiêu, trầm mặc.

*

Đêm cuối cùng trong chuyến du lịch, tôi ngồi một mình bên bếp lửa với ly cà phê đen đặc quánh trên tay. Bếp lửa được xây bằng đất theo kiểu của bộ tộc M' Nông, nó chỉ là một lớp đất nền vuông vức, mỗi cạnh khoảng hơn một thước, chiều dày độ một gang tay được đặt ngay chính giữa gian nhà. John lững thững đi về phía tôi, vừa đi vừa dụi mắt:

"Ngủ không được?"

"Tao mất ngủ mấy đêm rồi. Tao có tật xấu là nằm cong như con tôm, gặp khi nắng quái, trở trời thì lại ngáy như gọi đò sang sông vì mặc cảm đó cho nên khi sống chung đụng như thế này tao có cảm tưởng như đời tư của mình bị dòm ngó."

"Mày bị Mỹ hóa rồi."

"Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài. Hai thập niên sống trong cái "nồi hầm" tạp chủng, tao đã thay đổi khá nhiều mà không biết. Cám ơn mày đã nhắc tao."

John nhìn tôi ngập ngừng:

"Xin lỗi mày, tao lại dòm ngó đến đời tư của mày. Trên chuyến xe bus vào đây, mày nói là một cánh tay của mày đã để lại nơi này. Mày có cái lối nói chuyện khi thì thiếu đầu, lúc thì hụt đuôi khiến tao cứ như con chuột, một loài chuột chỉ biết có hai chiều không gian, suốt ngày chạy

vòng vòng trong chiếc hộp mở nắp."

Tôi đưa ly cà phê đen lên:

"Mày muốn một ly như vậy không?"

"Tại sao không?"

"Gọi nhân viên phục vụ, đòi một ly cà phê phin Việt Nam, đêm còn dài, còn khối thời gian, uống xong ly cà phê mày sẽ hết chạy vòng vòng. Ok?"

"Năm một chín sáu bảy, tao tốt nghiệp trường bộ binh Thủ Đức, mang cặp lon chuẩn úy mới tinh đến đây nhận đơn vị. Lúc ấy quận Thanh Bình là một quận lỵ nghèo nàn, xơ xác. Cả một cái quận đếm được vài chục nóc nhà tranh vách đất, xiêu vẹo ngả nghiêng. Có lẽ đây là cái quận buồn tẻ nhất của đất nước tao thời bấy giờ. Quận không đèn, không hàng quán, không xe cộ thậm chí không thấy bóng người lai vãng. Ngày tao đến đây, trời đổ mưa như trút nước. Tao vác túi quân trang đi một mình trong mưa dưới hàng phượng vĩ mà cứ ngỡ là mình sống trong mơ."

John chận lời tôi:

"Hàng phượng vĩ đâu rồi?"

"Ai mà biết, tao chỉ biết được căn nhà sàn mà tao với mày đang nằm đúng ngay vị trí hàng phượng vĩ ngày xưa.

John nhìn ra cửa rồi gật đầu, cái lối gật đầu của Mỹ thì khó mà hiểu được.

"Rồi sao nữa?"

"Rồi sao? Tao giữ chức vụ trung đội trưởng trung đội một với hai mươi người lính dưới quyền. Đại đội của tao có nhiệm vụ chính là tổ chức phòng thủ, bảo vệ cơ quan hành chánh quận. Trên lý thuyết thì quân số của một đại đội là một trăm hai mươi ba người, thế nhưng thực tế thì lại quá eo xèo, có đơn vị nào đầy đủ quân số đâu. Chín chục người khiển dụng là ngon lành lắm rồi. Trong quận còn có thêm một trung đội pháo binh một trăm lẻ năm ly. Đó là tất cả quân lính cơ hữu của quận."

John hỏi mà như chất vấn tôi:

"Nhiêu đó thôi sao?"

"Chỉ nhiêu đó thôi."

"Mày chắc không?"

Tôi đổ quạu:

"Mày muốn bao nhiêu? Một tiểu đoàn? Nếu mày không muốn nghe tao nói thì thôi."

John khoát tay lia lịa:

"Không, không...Mày cứ tiếp đi."

"Cuộc sống của người lính tiền đồn quả thật là buồn tẻ, hết sửa sang

giao thông hào thì lại tu bổ hàng rào phòng thủ, sau đó đi hành quân lục soát vài ngày. Hành quân về lại xây hầm chống pháo kích, lại lau chùi súng ống, lại uống rượu. Hết ngày này qua tháng nọ cứ bấy nhiêu chuyện nhàm chán đó làm hoài, cho đến một hôm...Một giờ sáng ngày mồng một tết, tao bỗng giật mình thức giấc vì những tiếng nổ tưởng như long óc, ù tai. Không biết bao nhiêu là quả đạn tám mươi hai ly, rồi sơn pháo một trăm ba mươi ly thi nhau chụp xuống đồn. Mặt đất rung chuyển dữ dội như có hàng ngàn ngọn núi lửa đồng loạt chuyển mình hoạt động. Tao vơ vội cây carbine M hai, chạy ra giao thông hào, thuộc khu vực trách nhiệm của mình. Chưa đến nơi tao đã nghe tiếng gào của trung úy đại đội trưởng xen lẫn tiếng hô xung phong của địch quân từ xa vọng lại. Dưới ánh hỏa châu vàng chiếu sáng một góc trời, tao kông tin nổi đôi mắt của mình. Địch quân đông như kiến cỏ, từng đoàn, từng đoàn chạy băng băng lên sướn đồi. Họ đang cố gắng vượt qua hàng rào kẽm gai phòng thủ số một. Tiếng đạn đại liên ba mươi, carbine M hai rồi AK bốn mươi bảy nổ dòn bốn phiá. Từng xác địch bay bổng lên không rồi nằm vắt vẻo nơi hàng rào kẽm gai. Hết lớp này đến lớp khác, họ như không biết sợ, cứ nhắm ngay họng súng đại liên mà lăn xả vào."

John ngắt lời tôi:

"Mày có sợ không?"

"Ngay lúc đó thì tao không sợ. Một thằng chuẩn uý ra trường được sáu tháng, biết gì về chiến trường mà sợ. Sau này, thời gian nằm quân y viện, mỗi lần nhớ lại là một lần tao són đái trong quần."

"Mày lại khôi hài rồi."

"Chút đỉnh"

John đưa ngón tay cái lên trời.

"Bao nhiêu giờ giấc trôi qua không một ai biết được. Cấp số đạn cơ hữu của mọi người đã hết, lính của tao lớp chết, lớp bị thương nằm la liệt dưới giao thông hào, trong khi đó địch quân mỗi lúc mỗi đông hơn, mạnh hơn. Tình thế càng lúc càng nguy ngập cho đến khi hai khẩu pháo một trăm lẻ năm ly trong quận hạ nòng trực xạ thì tao biết số phận của mình đã được định đoạt. Đối với pháo binh đạn chống biển người chỉ được phép xử dụng trong tình trạng tuyệt vọng. Bấy giờ quân lính hai bên trộn lẫn như xôi đậu. Giữa lúc mạng sống con người như chỉ mành treo chuông ấy thì hai người lính nói như hét vào tai tao: "Chạy theo bọn này về mé sau hồ." "Tụi mày có điên không mà chạy vô bãi mìn? " ."Chuẩn úy có muốn chết thì ở lại". Tao biết mé sau quận, chỗ tiếp giáp với hồ Đắc là một sườn dốc khá cao với một bãi mìn phòng thủ. Địch quân không bao giờ tấn công vào mặt này trừ phi họ có ghe hoặc xuồng. "

John gật đầu như hiểu rõ.

"Thì ra là vậy."

"Hai người lính kéo tao chạy băng qua bãi mìn dài hàng trăm thước trước khi chạm được mặt nước hồ. Tao mừng rỡ nói: "Bơi qua hồ là thoát." Hai người lính nhìn tao thương hại: "Cánh tay chuẩn uý bị thương làm sao bơi." Tao nhìn xuống, cánh tay mặt của tao đẫm máu tự lúc nào. Một viên đạn xuyên qua bắp tay mà tao hoàn toàn không biết. Hình như khi sự sợ hãi đã lên đến tột cùng thì con người hoàn toàn mất hết tri giác.

Một chút tự ái của thằng sĩ quan còn sót lại trong người, tao nói với hai người lính: " Tụi mày bỏ tao ở đây, chạy đi. " Hai người lính cúi đầu xầm xì một lúc, cuối cùng họ xé một mảnh vải nơi ống quần buột chặt cánh tay của tao theo cách cột đai chỉ huyết. "Thầy trò sống chết có nhau, bọn tôi sẽ kèm ông bơi qua hồ. Ráng giữ sức, đạp nhẹ hai chân, mọi chuyện có bọn này lo. " Tao nghe tiếng khua nước nhẹ nhàng đều đặn. Từng giọt nước long lanh vỡ vụn dưới ánh hỏa châu vàng. Mắt tao nhòa đi khi nghĩ đến mấy chữ "tình đồng đội". Lần đầu tiên trong đời, giữa đêm trừ tịch, tao thấy muôn vàn ánh sao rơi.

Mặt trời vừa ló dạng ở phương đông. Cả một khu rừng hoang liêu tĩnh mịch chập chờn trong sương sớm. Bình minh mà không một tiếng chim kêu. Im lặng đến rợn người, tao nằm bên này hồ nhìn sang, quận Thanh Bình phơi mình trong nắng ấm, khói vẫn còn vươn lên từ những đống tro tàn."

John hỏi tôi:

"Còn đám cố vấn Mỹ thì sao?"

"Mày không đi lính thì làm sao mà hiểu nổi. Hãy tưởng tượng, hàng ngàn trái đạn pháo đủ loại chụp vào diện tích khoảng một cây số vuông, pháo binh một trăm lẻ năm ly trực xạ, sau hết là bom của B năm mươi hai dội xuống với mục đích là san thành bình địa ngọn đồi, thử hỏi còn ai mà sống được. Ba ngày sau, tại quân y viện Ban Mê Thuột người ta cắt đi một cánh tay của tao vì bị nhiễm trùng quá nặng. Cùng lúc ấy tao biết được có bốn người cố vấn Mỹ chết. Tất cả binh sĩ trong đồn thì chưa tìm thêm được một ai ngoài ba đứa tao."

*

Dường như khuya lắm rồi, núi rừng cao nguyên ngủ say trong hoang lạnh, bếp lửa đã tàn chỉ còn lại những đóm than hồng âm ỉ cháy. Tôi dùng một nhánh cây gom những cục than vương vãi đó đây quanh bếp. John nói với tôi, giọng nói của ông ta nghe trầm trầm, xa vắng:

"Mày tìm gì vậy?"

"Tao kể cho mày nghe rồi."

"Một phần tư thế kỷ đã trôi qua, ngần ấy tháng năm chưa đủ khỏa lấp đau thương, uất hận trong mày hay sao?"

"Với tao, đau thương và tủi nhục là một cái gia tài, tao gìn giữ nó làm của riêng và đem theo cho đến cuối cuộc đời."

"Định à, tại sao mày không quên quá khứ sống cho tương lai như cô bé hướng dẫn viên du lịch dễ thương kia. Mày không thấy sao? Cô nhắc đến lịch sử với một niềm tin ngời sáng."

"Khi trận đánh năm xưa xảy ra, cô bé hướng dẫn viên nọ có thể còn nằm trong nôi hoặc chưa ra đời thì làm sao cô hiểu được quyền lực và lịch sử nằm trong tay người chiến thắng."

Một nửa gương mặt của John mờ mờ trong bóng tối, ông ta nói mà đôi mắt như nhìn vào cõi hư không.

"Đêm đó, lực lượng phòng thủ trong quận ngoài đại đội của mày, một trung đội pháo binh còn có một trung đội cảnh sát dả chiến."

Tôi giật nẩy mình như chạm phải một giòng điện cao thế. Chỉ một phần trăm giây đồng hồ phản hồi, tôi thấy lại trung đội cảnh sát dả chiến năm xưa vẫn thường hay phối hợp với cố vấn Mỹ trong công tác dân sự vụ, đêm ấy họ trấn giữ mặt bắc của quận.

"Mày...mày là?"

"John"

"Không, tao muốn nói mày là..."

"Tao là một trong bốn thằng cố vấn."

Tôi lắc đầu:

"Còn sống được sao?"

"Chính tao là thằng gọi pháo đài bay B năm mươi hai từ Utapao tới - ông ta cầm ống tay áo của tôi giật nhẹ - còn một điều tao muốn nói với mày, chừng đó bom B năm mươi hai trút xuống quận Thanh Bình mà tao vẫn còn sống thì mày thắc mắc, băn khoăn làm gì chuyện thị trấn Lam Sơn giờ đây đã hoàn toàn đổi khác."❐

hai trang thơ lục bát

bến sông xưa, chiều nào

giọt mau tá lả cơn chiều
giọng buông rũ rượi bóng hiu hắt mờ
mái chèo lấp xấp sóng đưa
vàm xa lóng ngóng người chưa thấy về
gió còn se sắt hương quê
mười năm lạ cảnh xum xuê trái vườn
tưởng trong im ắng giấc buồn
mưa tuôn rào riết từ nguồn xanh xưa
một mình dứng lạnh trong mưa
hồn tôi lũ lụt dôi bờ minh mông

nguyễn thanh châu

núi

một hôm bỏ núi đi rong
nghe con dế hát ngùi trong cõi ngoài
ngỡ rằng chỉ một bước chơi
ngờ đâu thoáng đã những mười năm hơn
chông chênh giữa cuộc đời không
thấy ai như núi chân trong chân ngoài

nguyễn hàn thư

mưa

mưa qua chiều tuột dốc ngoài
mây lầm lỡ đợi bóng dài dặm khuya
nguồn xa con nước phân chia
đêm chắp nối đoạn tình lìa trăm năm
em đi chợt lạ chỗ nằm
tình trong da thịt vết bầm thịt da

mưa nằm khóc dưới cội hoa
giọt lăn tròn nụ về pha sắc vàng
giọt trong ta chảy lầm than
giọt ôm chăn chiếu, giọt ràn rụa đau
mưa còn chở những giọt sầu
chở theo cơn mộng bắc cầu đợi em
nguyễn đức thanh

trời mưa

xuống thôn chiều đó mưa hoài
xa trông chút gió thổi ngoài áo bay
em đi vội vã giữa ngày
kịp anh đợi bóng đổ đầy đôi vai

ngày qua còn nét hao gầy
em đi giữa chợ đong đầy trần ai
huỳnh liễu ngạn

cát bụi

chấp chi cái kiếp vô thường
chỉ là cát bụi đa xương đến từ
nhọc nhằn con bóng thục, hư
vòng oan khiên trói ngất ngư căn phần
ơn đời thêm nặng phù vân
thôi thì hỉ xả cho trần gian vui

kiếp mai nếu được làm người
xin tim bồ tát nụ cười như lai...
vạn giả

tìm vết chân xưa

Điệp Mỹ Linh

Còn đang bở ngỡ trước khoảng sân có nhiều chậu hoa sứ Thái-lan, nhiều cây lựu và cây bông điệp, Bảo-Trân thấy một cụ bà từ bên gốc ổi đang chầm chậm bước về hướng bậc cấp. Đôi tay cụ run run, hươ nhè nhẹ trong không khí như muốn tránh bất cứ vật thể nào bất ngờ xuất hiện trên lối đi quen thuộc của cụ. Bảo-Trân vội lên tiếng:

- Cụ ơi, cụ! Cụ có phải là cô Năm không, cụ?

Cụ bà dừng lại, hơi nghểnh một bên tai về hướng Bảo-Trân: "Hả?" Bảo-Trân bước nhanh đến, lập lại câu hỏi. Cụ bà lại nghểnh một bên tai lên, chưa kịp hỏi "Hả?" thì một người đàn bà từ trong nhà vừa bước nhanh ra vừa hỏi:

- Vâng, cô Năm đó; mà cô là ai vậy?

Lúc này, không hiểu nhờ câu xác định của người đàn bà hay không nhưng Bảo-Trân nhận ra khuôn mặt của cụ bà giống hệt khuôn mặt của bà Nội mà ngày trước Bảo-Trân thường thấy trên bàn thờ nơi nhà từ đường. Có khác chăng là trong ảnh bà Nội búi tóc, mặc áo dài gấm, mang hài. Trên cườm tay Nội đầy xuyến vàng. Trên cổ Nội đeo nhiều xâu chuỗi mà mỗi xâu được kết lại bằng từng hạt vàng ròng, hình tròn, nhỏ hơn hạt bắp một tý. Còn cô Năm bây giờ mặc bộ quần áo vải nâu, tóc cạo nhẵn và quanh cổ cũng như cườm tay chỉ có da đùn từng vòng.

Thấy Bảo-Trân cứ chăm chăm nhìn bà Năm chứ chưa trả lời câu hỏi của mình, người đàn bà lại hỏi:

- Cô từ đâu tới? Sao cô biết má tôi thứ Năm?

Bảo-Trân hơi giật mình sau khi người đàn bà xác định sự liên hệ giữa bà và cô Năm. Nhìn người đàn bà một thoáng, Bảo-Trân nhận ra ngay:

- Chị là chị Thoa, phải không? Em là Bảo-Trân, con cậu Dư nè.

Thoa thảng thốt:

- Trời đất! Em Bảo-Trân đó hả?

Bảo-Trân xúc động, chớp mắt nhiều lần, đầu gật gật, vừa tính bước đến ôm choàng lấy Thoa - như thói quen biểu lộ tình cảm của người Tây-phương và của những người sống lâu bên Âu-Mỹ - nhưng Thoa xoay sang bà Năm, nói thật lớn vào tai bà:

- Con Bảo-Trân, con cậu Dư.

Bà Năm nhìn Bảo-Trân một giây rồi nước mắt tuôn dài, bờ môi run run. Bà Năm vừa lựng chựng bước về phía Bảo-Trân vừa thốt lên, bằng giọng khàn khàn, một tiếng duy nhất: "Mày!" Bảo-Trân đón nhận đôi tay khẳng khiu của bà Năm rồi ôm chầm lấy vai bà, tựa một bên má lên đầu bà. Bảo-Trân cảm nhận được những chân tóc lởm chởm của bà Năm đang tạo cảm giác không êm ái chút nào cả trên làn da không còn tươi thắm của nàng. Cảm giác này bỗng trở thành xót xa khi Bảo-Trân nhớ ngày xưa bà Năm là một trong những người cô có vóc dáng cao sang, đài các; vậy mà bây giờ cô "co" lại, thấp đến độ Bảo-Trân có thể tựa đầu lên tóc cô!

Sự khác biệt về chiều cao giữa hai cô cháu không dưng lại khiến Bảo-Trân nhớ đến ý tưởng ngô ngộ của nàng cách nay hơn bốn mươi năm, lúc bà Năm đến đón gia đình nàng - vừa hồi cư từ "vùng giải phóng" - tại trại tiếp cư ở Xóm-mới.

Lúc đó, mỗi khi trả lời cô Năm, bé Bảo-Trân cứ thầm ước được chóng lớn để khỏi phải ngẩng mặt nhìn người đối diện mỗi khi thưa chuyện. Lý do Bảo-Trân phải ngẩng mặt nhìn người đối thoại là vì ông Dư dạy nàng khi nói với người nào phải nhìn thẳng người đó để quan sát và xét đoán; đồng thời cũng để người đó cảm nhận được sự thẳng thắn, lương thiện được bộc lộ trên khuôn mặt và ánh mắt của mình.

Bảo-Trân nhớ rất rõ, lần đó, vừa thấy lại Bảo-Trân sau mấy năm xa cách, cô Năm thốt lên một tiếng "Mày!" rồi ôm chầm lấy Bảo-Trân, siết nhẹ. Bây giờ, hơn bốn mươi năm sau, cũng chỉ một tiếng "Mày!" để tỏ lòng thương yêu của cô đối với đứa cháu gái mà cô thường bảo "giống cha nó như đúc".

Sau khi được dìu vào nhà và lòng xúc động lắng xuống, bà Năm hỏi:

- Ba má mày bên đó khỏe không?

- Dạ, cảm ơn cô, ba má con cũng thường.

- Hồi đó tao có hay tin ba má mày được đi Mỹ. Nhưng trước khi đi ba má mày không có từ giã tao.

Bảo-Trân hiểu lý do nào ông bà Dư không chào tạm biệt bà Năm, nhưng nàng chẳng biết nói sao, chỉ "dạ" thôi. Bà Năm tiếp, vẫn giọng khàn khàn:

- Bây giờ chỉ còn có ba chị em; bác Tánh mày nay đau mai bệnh; ba

mày ở tuốt bên Mỹ, không biết kiếp này chị em còn gặp nhau được nữa không!

Thoa và Bảo-Trân nhìn nhau, không thể trả lời câu tự thán của bà Năm. Bảo-Trân chợt tìm được lý do tốt để chuyển đề tài:

- Thưa cô, cho con thắp nhang nơi bàn thờ.

Bà Năm đứng lên, vừa lụng chụng bước vào trong vừa bảo: "Khoan!" Bây giờ Thoa mới nắm tay Bảo-Trân:

- Hơn ba mươi năm rồi mà em cũng còn nhớ cô Năm và ghé thăm, tội nghiệp em.

Bảo-Trân lặng thinh, nhìn ra sân, ánh mắt dừng lại nơi mấy đóa hoa lựu đỏ tươi dưới ánh nắng dìu dịu của một sáng chớm đông. Màu đỏ của hoa lựu khiến Bảo-Trân nghĩ đến màu đỏ của hoa phượng. Ngày xưa, trước khi vào hạ, Bảo-Trân thích kẹp cuốn "Lưu bút ngày xanh" của bạn rồi leo lên chỗ cháng ba của cây phượng trước nhà cô Năm ngồi suy tư, tìm nguồn ý để viết những câu thật bóng bẩy, thật sáo. Lúc Bảo-Trân đang viết thảo trên tờ giấy nháp, Thoa chạy ra rủ Bảo-Trân chơi "đá gà". Vậy là Bảo-Trân ghép "Lưu bút" lại, cùng với Thoa lần ra những nhánh nhỏ, hái hoa búp, rồi tuột xuống đất.

Hai chị em lột vỏ hoa búp, gỡ đài hoa ra. Khi gỡ đến đài hoa lớn nhất - và đặc biệt chỉ có một đài hoa lớn này mới có những đóm trắng điểm trên màu đỏ thẫm - Bảo-Trân thường nhai đài hoa này để cảm nhận được vị chát chát, chua chua. Sau đó hai chị em lấy ra chùm tim hoa. Mỗi chùm tim hoa gồm nhiều cọng nhỏ xíu, ngắn, màu đỏ. Mỗi cọng màu đỏ này được nối liền với một phần nho nhỏ hình bầu dục, cũng màu đỏ, phớt tý nhụy vàng. Trước khi bắt đầu "đá", Bảo-Trân thường đưa tim hoa lên, nói với Thoa: "Chị coi nè, giống nốt nhạc ghê, phải không, chị?" Cả hai cùng cười và bắt đầu cuộc chơi. Mỗi người nhón nơi đầu ngón tay một tim hoa rồi cả hai mắc hai phần nhỏ hình bầu dục vào với nhau, giật mạnh. Phần nhỏ hình bầu dục trên tim hoa của người nào bị rụng trước, người ấy thua. Trò chơi chỉ có như vậy, nhưng Bảo-Trân và Thoa chơi hoài không chán.

Đôi khi hai chị em đang chơi, cô Năm gọi Thoa vào, bảo Thoa đem hoa quả đến "khuông Cấp-cô-độc", để cúng. Thoa đi rồi, cô Năm hỏi Bảo-Trân có muốn nhổ tóc ngứa cho cô không? Ý cha! Cái gì chứ nhổ tóc bạc cho cô Năm trong khi cô nằm võng đọc sách, Bảo-Trân thích vô cùng, vì cô Năm "trả công" một đồng cho mười sợi tóc bạc.

Khởi đầu, Bảo-Trân nhổ mười sợi tóc, đưa ra trước, trình cho cô Năm xem đàng hoàng rồi giả vờ liệng đi - nhưng lại để sang một bên. Bảo-Trân mân mê mái tóc óng mượt của cô Năm một lúc rồi lén lấy mấy sợi tóc lúc nãy ra trình lại với cô. Vì ham đọc sách và cũng vì tin tưởng đứa

cháu ngoan, lúc nào cô Năm cũng "ừ" đại chứ không thèm nhìn. Vì vậy Bảo-Trân cứ tha hồ đếm và số "tiền công" của Bảo-Trân cứ tăng nhanh - mà bé không phải nhổ thêm một sợi tóc bạc nào nữa cả.

Mấy mươi năm qua, ngoài Bảo-Trân, không ai - kể cả cô Năm - biết được sự "gian lận" đó. Mỗi khi nhớ đến sự "gian lận" này, Bảo-Trân thấy thương cô Năm và tiếc nuối những ngày bé thơ với nhiều "tội lỗi" ngây ngô. Bảo-Trân nhìn ra hàng hiên - nơi cô Năm thường treo chiếc võng được dệt bằng dây gai - và nàng chợt nhận ra sự thiếu vắng nào đó trong khoảng sân rộng. Bảo-Trân không đáp lời Thoa mà lại hỏi lạc đề:

-Dường như ngày xưa trước ngõ có cây phượng, phải không, chị?

-Đúng đó, em. Trước khi "giải phóng" vào, nghe đồn nhà ai rộng sẽ bị trưng dụng làm trụ sở hoặc là để cán bộ sống chung, dượng Năm sợ quá, bán đổ bán tháo mấy căn nhà bên cạnh. Về sau chủ mới chặt cây phượng để rộng chỗ mở quán ăn. Bây giờ, nhờ có người thân đi lao động bên Đông-Đức và Cu-ba, họ giàu, họ dẹp quán ăn, lên nhà lầu.

-Khi ba em viết thư sang báo tin dượng Năm mất, em không ngờ. Dượng cao lớn, khỏe mạnh, tại sao dượng mất sớm vậy, chị?

-Trong khi con trai và con rể đều bị đi học tập, cải tạo thì dượng bị khánh tận vào đợt "nhà nước" ra lệnh "đánh mại bản" lần thứ hai. Dượng chịu không nổi!

Bảo-Trân chưa kịp bộc lộ tình cảm của nàng về cảnh sa sút của gia đình Thoa thì bà Năm vừa bước ra vừa cài hạt nút cuối cùng của chiếc áo cà-sa màu xám tro.

Bảo-Trân đốt nhang. Bà Năm gióng mấy hồi chuông trong khi Bảo-Trân lâm râm khấn vái trước bàn thờ Phật. Lúc Bảo-Trân nhích sang bàn thờ Ông Bà, bà Năm đến ngồi bên Thoa.

Sau khi khấn vái, Bảo-Trân đứng lặng nhìn bức ảnh quen thuộc của bà Nội được đặt cạnh ảnh ông Nội - người có đôi mắt tinh anh, đôi chân mày quắt thước và vừng trán rộng núp dưới vành khăn đóng màu đen. Sóng mũi của ông Nội cao, thẳng, giống hệt mũi của ông Dư. Ông Nội mặc áo dài the đen, quần ta trắng,mang dày da bóng loáng. Càng nhìn ảnh ông Nội Bảo-Trân càng thấy ông Dư giống Nội rất nhiều; có khác chăng là ông Dư chưa hề mặc áo dài, chưa hề đội khăn đóng. Bảo-Trân lạy tạ Ông Bà rồi đến ngồi bên bà Năm và Thoa để nghe thêm một tin buồn về người cô luống tuổi:

-Bảo-Trân à! Cô Năm yếu lắm rồi, em. Cô không nghe và không thấy rõ.

Bảo-Trân lặng lẽ cầm tay bà Năm, thở dài. Khối óc năng động của Bảo-Trân bắt đầu nghĩ ngợi. Bốn mươi năm của một đời người biết bao

nhiêu là biến động. Nhưng ngồi bên người cô mà ngày xưa Bảo-Trân thường nhõng nhẽo, thường quấy rầy, thường "ăn gian" và phá phách, Bảo-Trân cảm thấy nàng như là một người nào khác; còn đứa cháu ngày xưa của cô Năm dường như đang lớn vởn trong tâm cảm nàng. Bảo-Trân phân vân, không hiểu được đời nàng đã thật sự trải qua khoảng thời gian dài dằng dặc ấy hay không! Nếu không thì cụ bà trước mặt nàng là ai? Và cô Năm ngày trước bây giờ ở đâu? Còn nếu nàng đã sống qua chuỗi thời gian ấy thì nàng đã chia được tý nào trong muôn vàn nỗi bất hạnh mà người thân của nàng đã từng gánh chịu suốt cuộc chiến và sau cuộc chiến? Bảo-Trân bị mặc cảm dày vò dữ dội.

Sự dày vò này cũng đã nhiều lần dấy lên, xoáy sâu trong hồn Bảo-Trân vào hôm nàng đến kinh tế mới thăm các em sau hai mươi năm xa cách.

Hôm đó Bảo-Trân bàng hoàng đến tái tê khi theo các em vào thăm "nhà" của từng đứa. Trong đời Bảo-Trân - ngoại trừ thời gian còn là con bé con theo cha mẹ tản cư ra "vùng giải phóng" để thấy và sống dưới những túp lều tranh mục nát, vách trét bằng đất sét nhào với rạ khô và nền nhà là đất sét nện cứng - chưa bao giờ Bảo-Trân có thể tưởng tượng được gia đình nàng lại phải sống trong những chòi tranh tệ như vậy! Nhìn quanh bất cứ "nhà" nào Bảo-Trân cũng không thấy giường chiếu hoặc bàn ghế mà chỉ thấy vài chiếc ghế đẩu nhỏ, thấp, bằng nhựa và nhiều tờ lịch khổ lớn dán rời rạc lên bờ vách bằng ván gỡ ra từ thùng gỗ đạn pháo binh của thời VNCH. Bảo-Trân tò mò:

-Tại sao nhà người nào cũng đem ảnh mấy cô xẩm dán đầy hết vậy?

Một tràng cười ồ lên. Bảo-Trân nhìn quanh, ngạc nhiên. Phiêu, em kế Bảo-Trân và cũng là người từ chối sang Mỹ theo diện H.O., bước đến gỡ nhẹ một tờ lịch xuống để lộ ra một khe hở dài trên vách ván rồi cười:

- Mùa Đông đến rồi, không dán lại, để gió lùa vào tụi em chết cóng sao, chị!

Giữa sự nghèo nàn của vùng kinh tế mới Bảo-Trân bỗng để ý đến mấy ngôi nhà đồ sộ được xây bằng bê tông cốt sắt và sơn màu chói chang. Sau khi được giải thích đó là những ngôi nhà của Việt-kiều, Bảo-Trân thầm nghĩ: Không hiểu những Việt-kiều đó thuộc loại khai man để nhận trợ cấp xã hội rồi đi làm lãnh tiền mặt hay là loại chuyên-viên-dàn-dựng-những-vụ-đụng-xe để đòi bảo hiểm bồi thường. Phiêu lại lên tiếng:

-Hồi trước Việt-kiều có giá, mấy người đó về đây vênh lắm, chị ơi! Sau này người mình mới biết, chỉ một số Việt-kiều "xịn" thôi; còn toàn là thứ vợ bỏ, quỵt nợ, lường gạt hoặc làm ăn thất bại mới xênh xang khi về xứ. Bây giờ lại có thứ "Tây ba-lô" nữa, chị ạ.

Bảo-Trân nhíu mày:

- "Tây ba-lô" là Tây gì?

- Là mấy thằng Việt-kiều dỏm, ăn mặc chải chuốt, trong túi không có một đồng, trên lưng đeo cái xắc nhỏ, bên trong đựng vài bộ quần áo, đi hết tỉnh này đến tỉnh khác, đem cái mã Việt-kiều ra để gạt gái tơ và gạt đồng bào.

Bảo-Trân lắc đầu, không thể hiểu được tại sao lại có những người đủ can đảm làm được những việc như vậy. Riêng Bảo-Trân, từ hôm về quê nhà đến nay chưa có bữa ăn nào Bảo-Trân cảm thấy ngon miệng và cũng chưa có đêm nào Bảo-Trân ngủ được một giấc an lành - chỉ vì nàng thấy được cảnh sống cùng cực và nghe nhiều thảm cảnh của người thân!

Một đứa cháu khoèo tay Bảo-Trân, thố lộ điều khám phá quan trọng của cháu:

- Cô Hai! Cô Hai! Mấy nhà Việt-kiều đó đều có nhà cầu hết đó, cô Hai.

Bảo-Trân cười, nhìn đứa cháu trai còm cõi nhưng có nụ cười hóm hỉnh:

- Nhà nào lại không có nhà cầu, con.

Cả đàn em và cháu đều cười ồ lên trước vẻ ngơ ngác của Bảo-Trân. Phiêu phải giải thích:

- Ở kinh tế mới người ta "làm việc đó" ngoài bụi, ngoài đồng hay trong rừng.

Bảo-Trân giật mình. Hơn bốn mươi năm trước, nơi "vùng giải phóng", chính Bảo-Trân cũng thực hiện vấn đề vệ sinh cá nhân trong những điều kiện như vậy; có khi còn "đi" ngay trên luống khoai lang hay trong rẫy mì! Rồi "giải phóng" về, cũng chỉ đem theo được ngần ấy điều "tốt đẹp" thôi sao! Thấy vẻ trầm tư của Bảo-Trân, Phiêu vỗ nhẹ vai nàng:

- Hiện nay trên giải đất hình chữ "S" này mọi người đều chủ trương sống cái đã, vệ sinh và chính trị tính sau.

Bảo-Trân ngầm đồng ý với Phiêu. Mấy hôm nay, bất cứ nơi đâu, kể cả vùng kinh tế mới, Bảo-Trân cũng thấy một sức sống - mà Bảo-Trân chưa thể xác định được là sức sống khỏe mạnh hay là sức sống bệnh hoạn - đang vươn lên khắp mọi nẻo đường, dưới hình thức quán ăn, quán bia hơi, quán cà-phê, giải khát. Điều Bảo-Trân chưa thể quen mắt được là tại sao trong giờ làm việc của những ngày không phải là cuối tuần mà hàng quán nào cũng đông nghẹt người!

Ngoài "hiện tượng" ăn nhậu suốt ngày của người mình, Bảo-Trân còn thắc mắc một điều nữa là tại sao trời lập Đông mát mẻ thế này mà ai cũng mặc áo lạnh. Tệ hơn nữa, nhiều bà còn mặc áo lông - loại mua ở K

Mart, Wal Mart hoặc Target bên Mỹ - mang bao tay bằng len và nhiều ông chạy Honda còn đội luôn cái nón rất dày, có hai mảnh dày để che tai. Bảo-Trân nhận ra kiểu nón này dành cho những người sống ở vùng Bắc Mỹ.

Trong khi Bảo-Trân nhìn những người đội nón vùng Bắc Mỹ và mấy bà mặc áo lông bằng ánh nhìn khó hiểu thì những người này cũng xoi bói nhìn Bảo-Trân như ngầm hỏi: Dân ở đâu tới mà trời này lại mặc áo "T shirt" ngắn tay, đi ngơ ngơ, không biết lạnh!

Như nhận được "thông điệp" từ ánh mắt những người chung quanh, Bảo-Trân nhìn y phục mình và thấy quả thật nàng không giống ai giữa thành phố này. Bất giác tim Bảo-Trân se lại. Từ hôm qua đến nay, lang thang trên những con đường đã đổi tên, Bảo-Trân cảm nhận được sự lạc lõng của nàng giữa lòng quê Nội thân yêu! Những ngôi nhà nhiều tầng đã xóa đi tất cả nét xinh xắn, hiền hoà, nhưng lại không che dấu được sự nghèo nàn của người dân và cũng không làm mờ được sự chênh lệch quá kịch cỡm trong cuộc sống nơi một thành phố được phát triển không có mô thức.

Khi đến thăm trường cũ, Bảo-Trân xúc động, bùi ngùi. Nhìn từ xa ngôi trường không khác xưa, chỉ bẩn đi nhiều. Nhưng khi đến gần, ngẩng lên nhìn cổng trường, bản "Trường Trung-học Võ-Tánh" đã được thay bằng "Trường cơ-sở Lý-Tự-Trọng", Bảo-Trân cảm thấy nghèn nghẹn nơi cổ và nước mắt làm hoen đôi kính cận.

Ngày xưa, mỗi chiều, giờ ra chơi, Bảo-Trân và Nguyên - cô bạn gái duy nhất của lớp "B" - thường đứng tựa lan can nhìn xuống sân trường. Thời đó, làm thân con gái mà có người yêu là bị đàm tiếu, bị kết tội thiếu đoan trang, mất nết, hư thân. Vì vậy Bảo-Trân phải nói dối với mọi người rằng Hoan - người yêu của nàng - là cậu nàng. Do đó, khi thấy Hoan lượn Vespa chầm chậm, ngẩng mặt nhìn lên lầu, Bảo-Trân biết Hoan tìm nàng; nhưng Nguyên không biết nên hất khuỷu tay Bảo-Trân: "Ê, Bảo-Trân! Cậu mày kìa". Bảo-Trân cười thầm, không biết phải đáp như thế nào. Nguyên tiếp: "ối giời! Cậu mày mết con bé nào mà lượn kỹ thế?" Bảo-Trân cứ tủm tỉm cười, mắt dõi theo dáng Hoan. Nhớ đến đây Bảo-Trân chợt giật mình, dường như từ ngày yêu nhau cho đến nay Bảo-Trân chỉ biết dõi theo và mong đợi Hoan chứ chưa bao giờ nàng được sống với Hoan trọn vẹn một tuần!

Bây giờ, trước ngôi trường cũ và kỷ niệm xưa, Bảo-Trân lại trở về trạng thái cô đơn, lạc lõng giống như hôm chiếc xe thuê chở nàng đi ngang trường Luật-khoa, Saigon!

Hôm ấy, nhìn suốt con đường Duy-Tân thẳng tắp, niềm ước mơ duy nhất trong lòng Bảo-Trân là được thấy Hoan - sau những ngày biền biệt

với lửa đạn - dừng xe lại, mở cửa xe, đón nàng về. Ngày xưa, cứ mỗi lần Hoan đến đón, Bảo-Trân nghe không biết bao nhiêu tiếng còi Honda của các bạn chọc phá nàng. Và hôm sau thế nào mấy cô bạn cũng sẽ hỏi Bảo-Trân về "người cậu phong sương" của nàng. Nếu bây giờ bạn bè hỏi về "người cậu phong sương" ấy, chắc chắn Bảo-Trân sẽ kể cho các bạn nghe một câu chuyện rất cảm động. Nhưng hiện tại, quanh nàng không còn ai nữa; có còn chăng là niềm tiếc nhớ đang cuồn cuộn dâng lên trong lòng!

Khối tình cảm này cũng đã trỗi dậy và dày vò Bảo-Trân dữ dội lúc nàng đến thăm ngôi nhà cũ - ngay sau khi rời trường Luật.

Với nét mặt đăm chiêu, Bảo-Trân đứng trước ngôi nhà cũ để chú tài xế bấm hộ vài tấm ảnh kỷ niệm. Bỗng Bảo-Trân cảm thấy khó chịu như bị ai nhìn trộm từ phía sau. Quay mặt nhìn nhanh vào nhà, Bảo-Trân thấy - sau khung cửa lá sách ở lầu hai - một cặp mắt đang nhìn xuống. Bảo-Trân hốt hoảng thu máy ảnh và thúc chú tài xế lên xe. Chú tài xế chưa kịp cho máy nổ Bảo-Trân đã thấy nhiều người kéo đến, âm thanh rù rì: "Bà ấy về". Một người đàn bà ló mặt vào cửa sổ xe: "Cô Hai! Mấy em có về không, cô Hai?" Nhận ra giọng người giúp việc cũ, Bảo-Trân ngạc nhiên: "Dung, phải không?" Người đàn bà quẹt nước mắt: "Dạ, em, cô Hai". Bảo-Trân lấy ít tiền, dúi vào tay Dung: "Cô phải đi ngay. Người ta nhìn cô từ trên lầu kìa. Cho cô gửi lời thăm mọi người". Dung bật khóc: "Trời! Sao thảm vầy, cô? Nhà cửa của cô, cô không ở được, nay cô về thăm lại phải lén lút như kẻ trộm!" Chú tài xế xen vào: "Sao cái nhà đẹp vậy mà họ không sơn phết gì hết, để dơ dáy quá!" Dung đáp: "Đáng lẽ họ sơn mấy lần rồi đó; nhưng vì nghe tin 'nhà nước' sắp trả nhà lại cho Việt-kiều nên họ nói sơn chi cho mất công. Kỳ này cô về tính lấy lại nhà, phải không, cô Hai?" Bảo-Trân lắc đầu, kín đáo dục chú tài xế: "Đi!" Chiếc xe du lịch đã chạy xa nhưng Bảo-Trân vẫn cố ngoái lại nhìn lên lầu ba. Khoảng sân thượng là nơi mẹ con nàng thường nhìn về phía xa, mong ngóng tin Hoan vào những ngày cuối tháng Tư năm 75.

Năm 1975, bên cạnh có các con nhưng sao Bảo-Trân vẫn thấy bơ vơ trống vắng lạ lùng. Bây giờ một mình trở lại trường cũ, tình cảm Bảo-Trân lại cũng rơi vào trạng thái xưa!

Như muốn xoa dịu niềm ray rức vừa trỗi dậy trong lòng, Bảo-Trân đón chiếc xích-lô, chưa biết phải đi đâu. Khi bác xích-lô đạp xe đến ngã sáu, Bảo-Trân mới nảy ra ý định lên Phú-vinh thăm thầy Lê - giáo sư Anh-văn.

Chiếc xích-lô vừa qua khỏi ga xe lửa một đoạn ngắn, Bảo-Trân đã chóa ngợp trước hai dãy nhà lầu dọc theo quốc lộ I. Ngày trước, mỗi lần cùng các bạn đạp xe đạp hoặc đi xe lam lên chùa Hải-đức hoặc Chợ-mới

hoặc Thành, Bảo-Trân có thể thấy, bên trái quốc lộ, đường xe lửa chạy song song với đường nhựa, chỉ cách nhau một trũng sâu, dài từ Mã-Vòng đến Chợ-mới; và bên phải là đầm sen với hàng dừa lã bóng. Ẩn sau hàng dừa là trường tiểu học Bồ-đề, rồi trường trung học Bồ-đề và chùa Phật-học. Bây giờ đầm sen đã bị lấp, trường Bồ-đề đã bị khuất, chỉ còn chùa Phật-học ló dạng trên mấy tầng cấp cao. Hai hàng cây khuynh diệp trước chùa Phật-học vẫn còn nhưng hai hàng cây muồn dọc quốc lộ I không còn nữa.

Sự thiếu vắng hai hàng cây muồn khiến Bảo-Trân tiếc ngẩn tiếc ngơ như tiếc nỗi rộn ràng của một đứa bé trên chuyến xe lửa trở về quê Nội sau bao nhiêu năm dài theo gia đình tản cư! Ngày đó, xe lửa vừa qua khỏi vườn dừa ở Chợ-mới, ông Dư đã chỉ cho Bảo-Trân khoảng không gian êm ả bên trái con tàu: "Tới Nhatrang rồi đó, con. Đây là Mã-vòng. Qua khỏi Mã-vòng là nhà ga". Bà Dư tiếp lời chồng: "Hồi con mới biết đi, ba má đem con từ Dalat về thăm Nội. Khi xe lửa vừa vào ga, máy bay Nhật ào đến thả bom. Nhà ga sập, không biết bao nhiêu là người chết!" Giọng ông bà Dư đượm chút bùi ngùi nhưng vì còn nhỏ, Bảo-Trân không nhận biết được nên lòng bé chỉ thấy xôn xao vui thích khi nhìn những đóa hoa vàng nở rộ trên hai hàng cây muồn khẳng khiu. Phải hơn bốn mươi năm sau - nhân chuyến từ bên kia quả địa cầu trở về quê Nội - Bảo-Trân mới hiểu được tại sao ngày đó, trên chuyến xe lửa từ Ninh-hòa vô Nhatrang, và suốt những ngày sống trong trại tạm cư ở Xóm-mới, lúc nào gương mặt ông bà Dư cũng buồn buồn và giọng nói thường đượm nhiều xót xa.

Chiếc xích-lô thong thả qua khỏi Mã-vòng. Bảo-Trân đinh ninh sẽ thấy lại vườn dừa sai trái chỗ khúc quanh; nhưng không. Vườn dừa bị "đẩy" lùi vào trong xa. Quốc lộ I "nở" rộng ra như con sông vào mùa nước lũ - cuốn theo hai hàng cây bàn, cây sao và những kiến trúc xa xưa của hai dãy nhà dọc con lộ chính ở Phú-vinh.

Nhìn ngôi nhà của thầy Lê bị đập sập hết một phần ba, Bảo-Trân phân vân, không biết đúng nhà hay không. Giữa lúc đó, từ phía nhà sau một người đàn ông lớn tuổi bước ra sân, khom xuống sắp mớ ruôi mè lại cho ngay ngắn. Nhận ra thầy Lê - nhờ vầng trán rộng và cao của thầy - Bảo-Trân bước nhanh đến:

-Thưa thầy.

Quá bất ngờ, thầy Lê đứng thẳng lên, nhìn Bảo-Trân không chớp mắt. Bảo-Trân tiếp:

-Thầy không nhận ra con sao?

Thầy Lê đưa ngón tay trỏ gõ gõ lên trán:

-Nhận ra chứ, nhưng không nhớ tên. Con "thằng" Dư, phải không?

Thầy Lê là bạn thân thiết với ông Dư từ nhỏ. Vì vậy, ngày xưa, mỗi khi thầy Lê đến nhà thăm ông Dư, Bảo-Trân gọi thầy Lê bằng bác. Bây giờ nghe thầy Lê nhắc đến ông Dư một cách trìu mến, Bảo-Trân trở lại cách xưng hô trong gia đình:

-Dạ. Bác vẫn còn nhớ ba con. Con tên là Bảo-Trân.

-Đúng rồi. Vô đây, con.

Suốt cuộc thăm viếng, thầy Lê và Bảo-Trân nhắc lại những ngày gia đình ông bà Dư vừa mới hồi cư, đến những người cháu của thầy ngày xưa cùng học với Bảo-Trân cùng những người bạn thân của thầy mà Bảo-Trân biết, như ông Gia, thầy Như và thầy Dưỡng - đã chết trong trại tù Nghĩa-phú. Giọng Bảo-Trân bùi ngùi:

-Con có đi ngang nhà của thầy Dưỡng trên đường Hoàng-tử-Cảnh.

Thầy Lê cười buồn:

-Nay đổi là đường Hoàng-văn-Thụ.

-Dạ. Từ hôm con về đến nay con cảm thấy hoàn toàn xa lạ và lạc lõng ngay trên chính phần đất mà con đã lớn lên. Vì vậy con mới cảm thông được tâm trạng của George Webber trong "You can't go home again" của Thomas Wolfe.

-Bác cũng không muốn con mang tâm trạng của George; bởi vì cuối cùng George quay lưng lại với mảnh đất xưa. Còn con, bác mong con trở về, vì đây chính là "nhà". Con nhớ không? Ba con, sau bao nhiêu năm lưu lạc, vẫn tìm về nhà; bây giờ, lẽ nào con chỉ tìm thấy những điều tốt đẹp trên mảnh đất tạm dung?

-Nhưng thưa bác, sự trở về của ba con ngày đó và của con ngày nay hoàn toàn không mang cùng ý niệm.

-Bác hiểu con muốn đề cập đến điều chi rồi. Bảo-Trân ạ! Con đã tiêm nhiễm ít nhiều triết lý Phật-giáo; vậy con nghĩ "họ" có thoát khỏi lẽ vô thường hay không?

Nếu tin vào quả báo thì tại sao sự ác cứ chập chùng vung vãi mãi trên mảnh đất tội nghiệp này? Nếu lẽ vô thường ứng đúng với sự chuyển vận của mọi loài thì tại sao, suốt nửa thế kỷ qua, khối dân tộc này vẫn triền miên trong khốn khó? Không biết bao nhiêu lần Bảo-Trân tự hỏi mình những câu hỏi tương tự. Bây giờ bị thầy Lê đặt câu hỏi trực tiếp, Bảo-Trân hoang mang. Thầy Lê tiếp:

-Bác nghĩ rằng không. Tất cả rồi sẽ bị đào thải, chỉ còn mảnh đất này, dân tộc này và vùng trời này là vĩnh cửu.

-Con cũng nghĩ như vậy cho nên con buộc các cháu bên ấy nói tiếng Việt, ăn cơm Việt và thành hôn với người Việt.

Thầy Lê chưa kịp khen cô học trò cũ thì cô Lê bước vào với cái giỏ

xách đựng rau cải. Thầy Lê hất mặt về phía cô:

-Em biết ai đây không? Xoay sang Bảo-Trân, thầy Lê tiếp: Cô mới đi chợ về.

Vượt quá sự dự đoán của Bảo-Trân và thầy Lê, cô Lê nhận ra Bảo-Trân ngay. Sau khi chào hỏi, cô Lê vừa đi xuống bếp cất thức ăn vừa than:

-Xin lỗi Bảo-Trân nghe. Nhà cửa dơ dáy, bề bộn quá, vì "nhà nước" ra lệnh phải đập phía trước để họ mở đường.

Bảo-Trân nhìn thầy Lê:

-Họ có bồi thường cho dân không, thưa bác?

-Có, mà không bao nhiêu.

Quen lối suy luận bên Mỹ, Bảo-Trân tròn mắt:

-Nếu không bao nhiêu tại sao dân đồng ý?

-Không đồng ý cũng không được, con ạ. Bác nói thật, chỉ có "họ" mới dám làm như vậy chứ chánh phủ mình đời nào dám!

Hai bác cháu cùng cười và theo cô Lê đi ra nhà sau. Ngang mái hiên gần cái giếng, Bảo-Trân thấy một bảng đen nhỏ treo trên vách. Trên bản đen, nét phấn trắng nổi bật: "Such is life". Chỉ ba từ vô nghĩa ấy thôi nhưng sao Bảo-Trân cảm thấy bồi hồi như cụm từ ấy biết tỉ tê! Phải một lúc sau Bảo-Trân mới nhớ ra rằng, dạo đệ ngũ, thầy Lê dạy theo cuốn "Cinquième Bleu"; trong ấy có một bài học về các loài chim. Thầy Lê dịch chim "nightingale" là chim Minh-Nguyệt. Sau khi giới thiệu về loài chim này, tác giả diễn tả cảnh chim mẹ mớm mồi nuôi con và tập cho chim con bay. Cuối bài, Bảo-Trân nhớ dường như tác giả kết luận: Những con chim non rồi sẽ vỗ cánh bay xa, bởi vì "Đời là thế" (Such is life). Ngày đó, khi học đến đoạn này, Bảo-Trân buồn vô cùng và thường tự hỏi không biết lũ chim non - sau khi vỗ cánh bay xa - có nhớ tổ mà bay về hay không? Giờ đây, hơn ba mươi năm sau, Bảo-Trân cũng vẫn chưa biết loài chim non có bay về tổ cũ hay không. Và nếu có trở về tổ xưa, loài chim sẽ nghĩ gì và cảm nhận được gì? Riêng nàng, từ hôm trở về đến nay, Bảo-Trân cố len lỏi trong muôn vàn kỷ niệm để tìm lại chính mình.❐

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Văn liệu về Văn học Hải ngoại

Trên Văn Học tháng 12.1996, Ban Chủ biên có loan báo: Từ số báo sau Tết, sẽ mở thêm mục "Văn Liệu" để tiếp tục công việc sưu tầm nghiên cứu văn học hải ngoại.

Sau mười tám tháng mở mục "Hai mươi năm văn học hải ngoại - Tác phẩm và Tác giả", Ban Chủ biên đành phải tạm ngưng mục này vì đã kéo dài quá lâu, dù biết công việc dự định từ tháng 7 năm 1994 còn nhiều thiếu sót trầm trọng.

Trong những người cầm bút ở hải ngoại, Văn Học chỉ mới giới thiệu được một số nhỏ, phần lớn là những người bắt đầu viết từ nước ngoài sau 1975. Nhiều nhà văn nhà thơ đã thành danh trước 1975 ở Miền Nam, sau khi ra định cư ở hải ngoại qua nhiều đợt khác nhau, vẫn tiếp tục sáng tác hăng say. Văn Học chưa có điều kiện phỏng vấn, sưu tầm văn liệu, giới thiệu tác giả tác phẩm của đa số những người cầm bút tiếng tăm này. Nhiều nhà văn nhà thơ quan trọng viết sau 1975 cũng chưa được Văn Học giới thiệu với bạn đọc.

Đó là lý do những trang "Văn liệu về Văn học Hải ngoại" bắt đầu xuất hiện trên số báo này.

Và để mở đầu một mục mới, Văn Học tìm văn liệu về hai nhà văn thuộc hai thế hệ khác nhau: *Duyên Anh* và *Nguyễn thị Thanh Bình*.

Nhà văn Đỗ Tiến Đức viết về đời sống và tâm tình Duyên Anh vào giai đoạn cuối đời.

Văn liệu về nhà văn Nguyễn thị Thanh Bình có hình thức giống như trong mục "Tác giả và Tác phẩm 20 năm Văn học Hải ngoại" trước đây.

Văn Học ước mong quí văn hữu xa gần cung cấp cho Văn Học những văn liệu cần thiết để mục này được phong phú, góp tư liệu cho những nhà nghiên cứu văn học sau này.

Duyên Anh, cuối đời

Đỗ Tiến Đức

Lời Tòa soạn: *Duyên Anh, nhà văn từng được bạn đọc giới trẻ ái mộ, nhà báo từng gây nhiều sóng gió và ân oán giang hồ ở Việt Nam trước năm 1975, đã từ trần ngày 6 tháng Hai năm 1997 tại Paris, Pháp quốc. Nghĩ về Duyên Anh, dư luận thường có những ý kiến đối chọi nhau, nói chung, đa số yêu mến Duyên Anh nhà văn hơn là Duyên Anh nhà báo. Chính những ân oán giang hồ của một đời làm báo đã khiến Duyên Anh gặp nhiều tai ương và cô độc vào cuối đời. Lần cuối cùng xuất hiện trên truyền hình trả lời phỏng vấn của Đài Little Sài gòn, nhà văn Duyên Anh cũng cho rằng mình đã chịu cái "nghiệp" nặng nề của chữ nghĩa, và đọc hai câu thơ của Nguyễn Du (đã mang lấy nghiệp vào thân, cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa) để tâm tình với mọi người rằng ông không hề oán trách hay giận hờn những người vì nhiều lý do đã ghét ông, gây hoạn nạn cho ông.*

Được nhà văn Đỗ Tiến Đức chấp thuận, Văn Học xin đăng lại bài viết dưới đây, để bạn đọc hiểu nhà văn quá cố Duyên Anh nhiều hơn, nhất là hoàn cảnh sống và tâm tình của Duyên Anh trong những năm tháng cuối cùng.

Tối thứ sáu 29 tháng 9, 1995, tôi đến thăm Duyên Anh để xem ba cuốn sách mới nhất của anh vừa in xong mà anh mang từ Santa Ana về hồi chiều. Duyên Anh ở nhờ nhà một người bạn trong một chung cư ngay chợ Tầu Los Angeles. Anh ngồi ăn một mình. Anh chỉ dùng được một tay trái để xúc thức ăn và cơm đưa lên miệng. Cánh tay phải của anh bất động, buông thõng trước ngực anh như một cành cây chết. Tôi hỏi cho có chuyện :- Dạo này bạn thích ăn cơm với món gì ?

- Canh thôi. Vì canh chan với cơm, xúc bằng muỗng ăn được dễ dàng là ngon rồi. Ăn một tay mà, dù mấy năm rồi nhưng vẫn khó nên tôi chỉ thích món gì có nước. Mà lại phải nấu nhừ nữa. Cái gì phải cắn, nhai thì

khổ sở lắm, thành thử ngon thế nào được.

- Nhớ lại thì theo ý bạn, cơm Mỹ, cơm Tây, cơm Tàu, cơm Việt, cơm nào ngon hơn cả ?

- Úi giời, tôi thấy cơm Việt là số dách. Việt Nam có nhiều món ngon lắm. Ngay cả cách ăn của người Việt cũng đáng nói. Ở bên Tây ít năm, có dịp quan sát, tôi thấy người Pháp khi ăn thì đều cúi mặt nhìn chăm chăm vào dĩa đồ ăn để dưới bàn, còn người Việt thì khi ăn, vì cầm bát cầm đũa mà nên khi ăn thì nhìn thẳng, nhìn ra ngoài.

- Thế thì theo ý bạn, sự nhìn thẳng của người Việt và sự cúi mặt khi ăn của người Pháp, nó mang cái triết lý gì ?

- Thì khi người ta để ý tới miếng ăn nhiều qúa thì người ta coi cuộc đời sinh ra chỉ để ăn thôi. Trái lại, người Việt Nam mình, ăn thì nghĩ đến cái gì khác.

- Vậy bạn ở Paris được bao lâu rồi ?

- Từ 84 tới nay, nhưng tôi chưa ăn cơm Tây một bữa nào, chỉ cơm Việt Nam thôi.

- Ở Paris mười năm mà không ăn cơm Tây một bữa nào, thế thì Paris đối với bạn là vui hay buồn ?

- Chẳng buồn mà cũng chẳng vui. Ở nơi nào cũng thế thôi. Mình là dân lưu vong mà...

- Nhưng Paris có cho bạn cảm hứng để sáng tác không ?

- Chẳng nơi nào cho tôi cái cảm hứng sáng tác cả

- Nếu thế thì tại sao mấy năm qua bạn viết hăng thế ?

- Là như thế này: Tôi còn nhiều hơi thở của quê hương cho nên, tôi lại chịu nhiều đau khổ vì quê hương, thí dụ như mấy năm ngồi trong tù chẳng hạn, vào tù đối với một nhà văn thì cũng như đi nghỉ mát ấy, đi nghỉ mát thì có nhiều cảm hứng, đấy là những chất cay đắng mà tôi thấy cần phải viết lại. Tuy viết nhiều thế mà tôi vẫn cảm thấy chưa đủ, chưa nói hết những điều mà quê hương mình bảo mình phải nói.

- Đi tù khổ nhục chết chứ nghỉ mát nỗi gì !

- Mình là nhà văn mình cần nhiều cuộc giỡn chơi chứ. Giỡn chơi mới nẩy ra những cảm xúc thực, không vay mượn, không tưởng tượng...

Tôi quen biết Duyên Anh từ năm 1954 khi chúng tôi cùng ở trong trại học sinh di cư nhà hát lớn Sài gòn. Hồi ấy bên chúng tôi còn Đặng Giao, Hà Huyền Chi, nhưng chỉ có tôi và Hà Huyền Chi "làm văn nghệ" còn Đặng Giao và Duyên Anh thì chưa. Kỷ niệm mà tôi còn nhớ được về Duyên Anh vào thời đó là anh đã mê cô A. rất xinh đẹp, con gái một ông giáo nổi tiếng đang tạm trú trên tầng lầu ba. Thấm thoắt thế mà gần một nửa thế kỷ. Hai chúng tôi giờ đây tóc đã điểm sương rồi. Nhớ lại hồi ở Sài

gòn, có khi cả chục năm chúng tôi không gặp nhau, tôi trở thành viên chức nhà nước, thỉnh thoảng cũng viết văn rồi cuối cùng đi vào lãnh vực điện ảnh còn Duyên Anh thì làm báo chuyên nghiệp và có tiểu thuyết được phóng tác thành truyện phim như *Điệu Ru Nước Mắt* và *Trần thị Diễm Châu* thời tôi làm Giám đốc Nha Điện Ảnh, phát động phong trào làm phim Việt nam. Tôi hỏi Duyên Anh :

- Nghe bạn trả lời như thế thì tôi có thắc mắc khác. Hồi trước 1975, Duyên Anh nổi tiếng với những tác phẩm viết về du đãng nhiều hơn mà theo tôi biết thì bạn chưa thuộc băng đảng du đãng...

- Vậy để tôi nói cho bạn nghe. Thời đại mà tôi viết cuốn tiểu thuyết du đãng đầu tiên là *cuốn Điệu Ru Nước Mắt* là lúc các tướng lãnh mình đảo chánh nhau, ông tướng này bắt ông tướng kia, nay là tướng anh hùng mai là tướng gian, lung tung hết. Dưới mắt một nhà văn thì tình trạng đó nản quá, tôi thấy chẳng còn thứ gì đáng ca ngợi nữa. Với phản ứng đó, tôi mới đem du đãng ra ca ngợi, thế thôi.

- Và những nhân vật du đãng đó là những du đãng có thật ?

- Toàn là tưởng tượng.

- Tưởng tượng ? Tuần vừa rồi, tôi có đọc tờ Công An Thành Hồ của Việt cộng, có bài viết về du đãng ngày nay, tác giả của bài này nhắc lại du đãng của thành phố này trước năm 1975 và viết rằng bạn đã viết về nạn du đãng đó, đề cao du đãng khiến thanh niên thích làm du đãng. Bài báo này nhắc tới tên những nhân vật của bạn như Đại Ca Thay, Tứ Đại Thiên Vương ... Nhân vật Châu Kool của Duyên Anh là Lệ Hải, vợ Đại Ca Thay.

- Nó viết sai rồi. Nhân vật Trần Đại giống Đại Ca Thay thôi. Hồi đó, Đại Ca Thay có lần mời tôi đi nhảy, tôi nhận lời dù có biết nhảy chó gì đâu. Buổi đó nói nói với tôi rằng: "Anh viết chuyện về tôi không đúng tí nào cả". Tôi trả lời : "Tôi viết về anh bao giờ ? Nhân vật của tôi chỉ là sự tưởng tượng". Tôi nói thẳng là Đại Ca Thay làm sao mà bằng Trần Đại của tôi. Nhưng mà tụi du đãng đàn em của Đại Ca Thay như Huỳnh Tỳ thì chúng nó thích, chúng nó bốc thơm đại ca nó bằng cách rêu rao là đại ca nó là Trần Đại, đại ca nó là người đã được Duyên Anh viết thành tiểu thuyết.

- Bạn kể cho nghe những gì bạn biết về Đại Ca Thay và những điểm khác nhau giữa du đãng Đại Ca Thay và nhân vật Trần Đại ?

- Đại Ca Thay tên thật là Lê Văn Đại, cháu cựu thủ tướng Lê Văn Hoạch. Sau một thời làm dân anh chị, nó mắc bệnh ghiền nặng lắm. Thời ông Nguyễn Ngọc Loan mới đưa nó ra Phú Quốc rồi nó chết ở ngoài đó. Bạn nên nhớ là cảnh sát mình ngày xưa cũng nuôi du đãng ở một cái trại của Biệt Đoàn Dã Chiến để sử dụng và khi không nuôi nữa thì bắt chúng

nó ở tù thôi.

- Lần này sang Mỹ, bạn in một lúc bốn cuốn mới viết, trong đó ba cuốn về ca dao. Vậy bạn còn bao nhiêu cuốn chưa in nữa ?

- Còn 16 cuốn chưa in.

- Bạn chỉ viết bằng tay trái mà được như thế thì mỗi ngày bạn phải viết mấy tiếng ?

- Tôi làm việc bình thường thôi, nhưng sở dĩ viết được nhiều vì què quặt rồi, không đi đâu được, cứ ngồi ở nhà nên chỉ viết hoặc là hút thuốc lá thôi.

- Từ ngày bạn viết bằng tay trái thì đề tài nào là chính ?

- Chuyện người Mỹ dính dáng với Việt Nam nhưng là những người Mỹ không giống như những người Mỹ trong những sách những phim ảnh đã có. Người Mỹ sẽ yêu ca dao Việt, và từ ca dao Việt sẽ hiểu dân tộc Việt nam.

- Bạn định cư ở Paris, sao bạn không chú ý tới người Pháp mà lại "bắt" người Mỹ yêu ca dao Việt nam ?

- Bây giờ thì mình phải theo thời đại chứ. Người Pháp thì bây giờ họ muốn quên lãng người Việt Nam mình rồi. Người Pháp cũ thì còn được chứ người Pháp mới thì nó cũng chẳng biết Việt Nam là cái đếch gì.

- Bạn tính làm cách nào để người Mỹ hiểu ca dao Việt Nam chứ ?

- Thế mới là vấn đề. Tôi thấy Mỹ nó cũng có nhiều người tạm gọi là quái đản đi, nó thích cái này thích cái kia thì có thằng Mỹ thích ca dao Việt Nam.

- Như thế thì được mấy thằng.

- Thì mình làm thành số nhiều, ai cấm mình.

- Nghe bạn nói thì bạn coi ca dao là kinh rồi, có phải thế không ?

- Tất nhiên là mình phải viết về những tinh túy, những cái hay của ca dao chứ. Đây này ba cuốn sách mới lấy từ nhà in về, tôi viết về ca dao đấy. Mới lạ lắm. Một khám phá mà. Một trong những truyện mới viết của tôi là người thằng lính Mỹ, thằng trẻ con Việt Nam và con dế, thế là thành một truyện dài rồi. Tôi đã định viết từ hai mươi năm trước rồi. Tôi tả một trận càn quét của lính Mỹ vào một làng có nhiều Việt cộng. Mỹ nã pháo vào làng đó thì có một thằng bé nó chạy ra. Khi gặp một thằng lính Mỹ trẻ thuộc loại lính đi quân dịch, thằng bé cứ khóc. Thằng lính Mỹ không hiểu tại sao nó khóc. Hai đứa ngôn ngữ khác nhau nên không nói gì cả. Thằng Mỹ dỗ nó, cho nó kẹo bánh, nó không lấy. Cho cả đồng hồ mà nó cũng không lấy. Rồi thằng bé mới chỉ vào cái hộp quẹt, thằng Mỹ chẳng hiểu thằng bé muốn gì. Cuối cùng thì thằng lính Mỹ theo đơn vị rút đi, thằng bé con nhìn theo. Đến khi được giải ngũ, trở về Mỹ, thằng lính vẫn

cứ bị ám ảnh hình bóng thằng bé con này với cái hộp quẹt. Đó là động lực thúc đẩy thằng Mỹ đi học tiếng Việt. Lúc học tiếng Việt, thầy giáo giảng cho nó nghe các câu ca dao Việt Nam. Với các câu đơn giản mà vô cùng ý nghĩa đó đã làm thằng Mỹ này sau mê và để tâm nghiên cứu ca dao Việt Nam. Nó yêu ca dao nên nó yêu dân tộc và đất nước Việt Nam thôi. Nó bèn trở lại Việt Nam. Nó tìm tới nơi trận chiến năm xưa để mong gặp thằng bé. Thằng bé hồi ấy nay đã lớn. Hai người đã truyện trò được với nhau. Thằng bé đưa thằng Mỹ đi chơi, xem các buổi đá dế. Một hôm thằng Mỹ thấy những đứa trẻ Việt Nam cầm những cái hộp quẹt, mở ra thì bên trong chứa dế. Bây giờ nó mới hiểu năm trước khi thằng bé Việt Nam này khóc và chỉ vào chiếc hộp quẹt là bởi vì con dế của nó trong đó đã mất. Thằng bé thương con dế như người bạn. Đại khái thì cứ thế mà kéo dài ra... thành tiểu thuyết thôi.

Tôi để ý Duyên Anh tuy đã bình phục trí nhớ nhưng khi nói, anh vẫn còn đôi lúc phát âm còn hơi ngọng, hơi khó khăn như phải tìm kiếm chữ nghĩa. Nhưng anh vừa kể chuyện thằng bé với con dế vừa cười, nụ cười thật tươi, tiếng cười thật giòn. Nếu tôi tưởng tượng thì tôi sẽ nghĩ rằng người bạn tôi đang hồi tưởng về thời thơ ấu của anh ở làng Tường An, tổng Ô Mễ, tỉnh Thái Bình. Nhiều lần Duyên Anh nói về quê quán của anh rằng nơi anh sinh trưởng là một làng nghèo nhất tỉnh, cơm không đủ ăn nên cho tới năm 1954 khi anh di cư vào Nam, cả làng chưa ai có mảnh bằng trung học phổ thông, kể cả anh.

Duyên Anh tên thật là Vũ mộng Long, là con cả của một gia đình 7 anh em. Mãi gần đây tôi mới hay anh lấy vợ rất sớm. Khi bỏ vô Nam, Duyên Anh đã để lại ở miền Bắc người vợ và một người con gái. Cô này mới gửi ra hải ngoại cho bố tấm hình chụp năm cô tròn 42 tuổi.

Trong cuốn tiểu thuyết *Áo Tiểu Thư*, Duyên Anh viết về giai đoạn anh mới đặt chân lên Sài gòn, sống ở Nhà Hát lớn. Anh ghi lại trong tác phẩm này rằng lúc đó nhìn thấy tôi hàng ngày đi làm ở toà soạn báo Ban Mai, cầm tờ báo về nhà hát lớn, là một hình ảnh mà anh mơ ước. Quả nhiên, Duyên Anh đã đi vào nghề báo. Đầu tiên anh viết truyện ngắn, ký tên Duyên Anh. Tôi hỏi tại sao lại lấy bút hiệu là Duyên Anh thì anh kể cho nghe, Duyên Anh là tên một bản nhạc của người bạn cùng lớp ba với anh, tên là Nguyễn Thịnh. Khi Nguyễn Thịnh sáng tác xong bản nhạc này đã nhờ anh mang tới đài phát thanh Hà nội, tìm ca sĩ Quách Đàm đưa tặng và nhờ ông hát. ít lâu sau thì anh nghe tiếng Quách Đàm hát bản Duyên Anh trên làn sóng điện. Duyên Anh rất thích bản nhạc này. Nên khi viết xong truyện ngắn đầu tay, anh đã lấy bút hiệu là Duyên Anh cũng là để nhớ người bạn ở lại miền Bắc. Năm 1975, khi Việt cộng chiếm được Sài

gòn, Duyên Anh được tin người bạn này trở thành giám đốc nhà xuất bản nhạc của chế độ Hà nội. Nguyễn Thịnh được đảng chỉ định tiếp thu nhà in Trương Vĩnh Lễ. Nguyễn Thịnh cũng tìm vào khám Phan Đăng Lưu ở Gia Định để thăm và tiếp tế cho Duyên Anh đang bị giam cầm trong đó.

Tôi quay qua hỏi Duyên Anh :

- Thời trước, tôi thích bạn với tờ Tuổi Ngọc, viết cho tuổi thơ. Tôi thích cái tiếng mà một số người gọi bạn là nhà văn của tuổi thơ..

Duyên Anh cười :

- Gọi thế có quá đáng chăng ?

- Cộng sản rất chú ý tuổi thơ nên chúng nó dựng lên nhiều huyền thoại cho tuổi thơ bắt chước, chẳng hạn như Kim Đồng. Bộ đội cộng sản vào Sài gòn năm 1975 là thế hệ Kim Đồng cả đấy. Vậy không hiểu khi bạn làm tờ Tuổi Ngọc cho tuổi thơ, bạn thấy độc giả của bạn học được những gì ?

- Tôi viết về tuổi thơ thực sự không mang một hoài bão nào mà chỉ vì tôi, tôi không có tuổi thơ. Tôi thèm tuổi thơ nên viết về tuổi thơ để giải tỏa những ẩn ức, những thèm khát... Nhưng khách quan mà nói thì những bài viết mang nội dung giáo dục đó cũng có một số ảnh hưởng tốt. Những độc giả tuổi thơ thời đó nay ở lớp tuổi bốn mươi cũng vẫn còn nhắc nhở tới Duyên Anh với những bài như Mơ Thành Người Quang Trung... Tôi cũng được an ủi.

- Bây giờ xin hỏi bạn, tại sao người Pháp lại chọn tiểu thuyết viết về tuổi thơ mới đây của bạn để làm phim và dịch sang tiếng Pháp ?

- Dịch ra tiếng Pháp là cuốn *Những Đứa Trẻ Thái Bình*, còn làm phim là cuốn *Đời Fanta*. Nó dịch cuốn *Những Đứa Trẻ Thái Bình* vì nó là cuốn tiểu thuyết lịch sử Việt Nam trong bối cảnh từ năm 1944. Những nhân vật chính vào thời đó là những đứa trẻ rồi từ đó lớn lên theo những cuộc biến động của đất nước, thành những người thanh niên. Và những thanh niên này thằng thì bị thương tàn phế, thằng thì nổi trôi tàn mạt. Kết quả chúng nó thấy tuổi thơ của chúng nó đã mất vì chiến tranh giống như đất nước bị tàn phá về chiến tranh.

- Thế thì có thể hiểu *Những Đứa Trẻ Thái Bình* là hồi ký hay tự truyện của chính tác giả không ?

- Không, tuy viết về quê của tôi là Thái Bình, về những đứa trẻ như tuổi của tôi nhưng không phải hồi ký, tự truyện. Không có gì của riêng tôi trong đó. Nó là vấn đề của thế hệ của tất cả chúng ta. Tôi nhắc lại là tôi không có tuổi thơ.

Chúng tôi rời bàn ăn sang phòng khách, ngồi ngả người trên những chiếc ghế nệm dầy. Tôi đảo mắt nhìn quanh phòng, đồ đạc đơn sơ, một

chiếc ti vi cũ để trên kệ tủ, một chiếc thu phát băng video phía dưới, tất cả đều im lìm nhưng rõ ràng chứa đựng biết bao nhiêu bí mật. Chỉ cần nhấn ngón tay vào cái nút, luồng điện sẽ làm màn ảnh sáng lên và chiếc máy sẽ bắt được những làn sóng đang tràn ngập căn phòng này, đang vây quanh tôi mà tôi không thấy không biết, rồi mang lên màn ảnh những hỉ nộ ái ố.

Ý nghĩ của tôi đưa tầm mắt tôi chú ý vào cánh tay phải của Duyên Anh đang nằm xuôi bên sườn, những ngón tay như nải chuối cau cằn cỗi đặt trên đùi. Bất giác tôi hỏi người bạn tôi một câu rất thừa :

- Thành ra bây giờ bạn chỉ viết bằng tay trái?

Duyên Anh cười :

- Tại vì tay phải bị người ta cướp đi rồi.

- Bạn thật là người can đảm.

- Nhiều người cũng nói như vậy. Nhưng với tôi thì là can đảm bất đắc dĩ thôi. Tôi như một người bị đẩy xuống cho chết chìm trong bóng tối thì phản ứng đương nhiên là mình phải ngoi lên.

- Ai muốn đẩy bạn vào bóng tối ?Bạn có thể thuật lại ngày mà bạn bị "người ta" đánh bạn không?

Duyên Anh ngập ngừng :

- Thì đó là ngày 30 tháng 4. Trần Đình Thục nó chở tôi đi ra ngoài Bolsa xem đồng bào biểu tình... Thôi, tôi quên bố nó hết rồi. Tôi chỉ nhớ đại khái lúc ấy vừa mới ở tiệm ăn trong khu Tú Quỳnh bước ra, đang đi lững thững. Khi tỉnh dậy thì thấy mình nằm trong nhà thương.

- Bạn không trông thấy thằng đánh bạn ?

- Không. Tôi chỉ nghe người ta nói lại là trước khi đánh tôi, nó gọi tên tôi, tôi mới xoay mình về phía nó là nó đập vào đầu tôi rồi.

- Bạn nghĩ kẻ đánh bạn thuộc thành phần nào ?

- Trước đây, tôi nghi nhiều lắm nhưng nay thì với tôi, mọi chuyện đã qua cả rồi, không còn nghi ai nữa hết. Tôi nghĩ rằng người đánh tôi phải là một tay võ sĩ hạng giỏi, chơi nhẹ một phát vào trán, đánh thẳng vào huyệt. Nhưng tôi phải cảm ơn Chúa, cảm ơn Trời, cảm ơn Phật đã khiến tôi quay đầu nơi cú đấm hơi chệch đi một chút. Nếu họ đánh đúng huyệt, nghĩa là tôi không có phản ứng tự nhiên lúc đó thì tôi đã vĩnh viễn sống mà như chết từ ngày đó rồi.

- Thằng đó chỉ đánh bạn có một cái thôi ?

- ừ, nó đấm có một cái. Bạn thử tưởng tượng nếu tôi trúng "trực tiếp" cú đánh đó, tôi sẽ cứ nằm một chỗ, muốn ăn thì phải có người đút vào miệng, muốn đi tiêu đi tiểu cũng phải ú ớ gọi, có người bưng bô tới...

- Bạn còn thù kẻ đã làm hại đời bạn ?

- Có lẽ tôi cần phải nói là tôi biết ơn người đã đánh tôi đấy. Tôi nói

thế, bạn hiểu không ? Vì nhờ cái vụ bị đánh này mà tôi được chính phủ Pháp trợ cấp tàn phế, ăn cho đến lúc chết. Tôi được hưởng nhiều thứ lắm. Tôi không phải lo về áo cơm như một số đồng nghiệp tuy đã lưu vong mà vẫn không có tự do để viết vì thì giờ còn bận chuyện áo cơm. Nhờ vụ đánh này mà tôi được ngồi viết, như thế không khoái sao ? Thành ra, nếu có dịp nào đó, tình cờ được gặp người đã đánh tôi, tôi sẽ mời người đó sang Paris chơi như một người bạn. Tôi mời tới ở trong nhà tôi, mình có gì cùng ăn để tôi bầy tỏ lòng cám ơn.

- Nhưng có dư luận cho rằng kẻ đánh bạn thuộc thành phần cộng sản?

- Biết rõ hơn kẻ đó để làm gì ? Biết hay không biết thì chân mình đã què, tay mình đã liệt rồi. Giờ có giết được họ, bắt họ vô tù đi nữa thì bệnh tật của mình có nhờ đó mà khỏi chó đâu. Thành ra, tốt nhất là quên hết chuyện cũ. Tôi mong anh bạn nào chơi tôi một quả rất đẹp đó cũng nghĩ thế để mình thân thiện với nhau đi.

Nói xong, Duyên Anh cười sảng khoái, rít một hơi thuốc thật dài rồi chu miệng thổi khói lên không trung. Từng sợi khói lãng đãng bay. Những sợi khói gợi nhớ trong tôi những hình ảnh hợp tan tan hợp, hình ảnh của có không, không có, còn mất, mất còn. Tôi chợt nhớ giọng hát karaoke của một người bạn gái trong cuốn cassette có câu "Em là mây bốn phương trời"... Tại sao em lại là mây bốn phương trời ? Tôi vội trở lại với Duyên Anh. Người bạn gái của anh đã mang tới trước chúng tôi hai ly cà phê sữa nóng. Tôi kể cho Duyên Anh nghe khi Thời Luận đang cuốn truyện dài "Hồn Say Phấn Lạ" của anh, nhiều độc giả cho rằng đó là một tác phẩm chống cộng có giá trị. Nhưng sau đó Duyên Anh ra khỏi đề tài này. Giờ đây anh mê say ca dao. Tôi hỏi :

- Lúc này đây bạn nghĩ thế nào về cộng sản ?

- Nhiều người đọc sách của tôi, cho là tôi căm thù cộng sản ghê lắm. Không, tôi không căm thù. Ngòi bút tôi chỉ theo lẽ phải, chỉ theo sự thật. Người cộng sản không yêu sự thật và lẽ phải nên tôi chống họ, buộc họ phải tôn trọng sự thật và tôn trọng lẽ phải. Ngoài cộng sản, những người nào không yêu sự thật và lẽ phải, tôi cũng chống. Những kẻ bị tôi chống kêu ầm lên rằng tôi hay đánh phá. Họ tạo nên một dư luận xấu về tôi để mọi người ghét tôi. Có điều này nữa, cộng sản chúng nó căm thù tôi vì tôi chỉ là con một nhà nông nghèo. Thành phần này trên nguyên tắc thì là giai cấp vô sản rồi, phải là người của đảng rồi. Nhưng từ khi cầm bút, tôi thấy cộng sản không thực sự làm những gì họ nói. Giai cấp vô sản à ? Chỉ là đồ bỏ trước nhu cầu của đảng. Họ không yêu sự thật và lẽ phải thì mình với họ phải chống nhau thôi.

- Như vậy thì tại sao chúng nó chỉ giam giữ bạn trong nhà tù có sáu năm ?

- Đúng. Tôi ở tù sáu năm. Nói thật với bạn là lúc đầu tôi không tin các ông ấy chơi tôi kỹ thế. Tôi thành thực tin là các ông ấy chỉ giỡn chơi tôi chừng một năm rồi thả tôi về, mặc cho tôi viết lách những đề tài cho tuổi thơ và quê hương... Không ngờ các ông ấy om tôi tới sáu năm. Khi được thả, một số các ông lớn của phía các ông ấy tới gặp, nói rằng tôi ở tù sáu năm thì hơi lâu, đó cũng là một sơ suất của cán bộ cấp dưới, đảng không chủ trương giam kỹ thế. Các ông ấy chiêu hồi mà. Tôi còn lạ gì hồi Nhân Văn Giai Phẩm nhiều anh đi tù hàng chục niên mút mùa chứ sáu năm đã thấm gì. Các ông bảo tôi, thôi bây giờ về thì viết lại đi. Nhưng tôi bảo tôi đâu có biết viết cái gì vì "học tập" chưa thông. Các ông ấy bảo, không, tôi không cần anh viết ca ngợi đảng và bác. Anh cứ viết về tuổi thơ như anh từng viết. Tôi ậm ừ cho có chuyện. Thế rồi đến ngày vợ con tôi được đi chính thức sang Pháp, các ông ấy không cho tôi đi. Đấy, cộng sản lúc nào thì vẫn là cộng sản. Cộng sản lúc nào cũng sợ sự thật và lẽ phải. Tôi phải trốn ra biển để đi đoàn tụ với vợ con tôi. Thành ra nếu ngòi bút tôi hung hãn với cộng sản thì cũng dễ hiểu thôi.

Lời của Duyên Anh nói khiến tôi chợt nhớ lại hồi 1975 ở Sài gòn. Đó là tối 22 tháng 4, 1975 khi tôi ở phim trường Mỹ Vân đường Ngô Thời Nhiệm bước ra sau một buổi chiều ngồi ráp nối đoạn chót cho cuốn phim *Giờn Mặt Tử Thần*, thì gặp Duyên Anh tình cờ phóng xe hơi chạy ngang. Duyên Anh nhìn thấy tôi nên anh thắng xe thật gấp rồi cho xe chạy lùi tới chỗ tôi. Anh thò đầu ra ngoài khung cửa xe, giọng hốt hoảng : "Này thằng Thiệu nó từ chức rồi, Sài gòn sắp mất mẹ nó rồi, dooc lẹ đi". Tôi hỏi : "Mày có đường nào binh chưa ?". Duyên Anh trả lời : "Rồi. Tụi Mỹ nó sẽ đón tao".

Thế nhưng vài ngày sau, khi Sài gòn đã rơi vào tay cộng sản, tôi tình cờ gặp Duyên Anh. Chúng tôi đưa nhau vào tiệm bánh cuốn thanh trì khu Đa Kao. Duyên Anh kể cho tôi nghe khi xe của một cơ quan Hoa Kỳ tới đón thì hai vợ chồng anh đang gây gổ nhau. Việt cộng vô, anh đưa gia đình về Long Xuyên rồi xuống Rạch Giá, cùng một số người chung mua một ghe đánh cá, thuê tài công chở sang Thái Lan. Nhưng khi ghe ra giữa biển, tài công nhẩy xuống lúc nào không ai hay, rút cục đành quay về. Tôi cũng kể cho Duyên Anh nghe trường hợp của tôi. Một ông chú của vợ tôi làm trong tòa đại sứ Úc, đã lo mọi giấy tờ để chúng tôi sang Úc tỵ nạn. Tôi còn kéo theo gia đình ông bà Lưu Trạch Hưng, chủ nhân hãng phim Mỹ Vân đi chung với dự tính sang Úc làm phim tiếp. Ngày 28 tháng 4, 1995 khi phi trường Tân Sơn Nhất bị oanh tạc, người chú này đưa chúng tôi tới

tạm trú tại tư thất của ông đại sứ Úc trên đường Phan Đình Phùng, xế đại học Luật Khoa, để chờ giờ xe chở ra phi trường. Nhưng chờ cho đến lúc Dương Văn Minh đầu hàng thì chúng tôi lên xe phóng ra Vũng Tàu, tin rằng nếu thuê được ghe, phóng ra ngoài khơi thì vẫn hy vọng còn gặp hạm đội 7. Chúng tôi vượt biên lần đầu tiên vào sáng 3 tháng 5, 1975 có bộ đội Việt cộng đứng trên bờ vẫy tay chào vì khi rời bến, chúng tôi khai là hồi hương về Phan Thiết. Và chúng tôi cũng bị tài công lừa sau một đêm cho ghe chạy vòng vòng quanh Côn Đảo.

Ăn bánh cuốn xong, Duyên Anh và tôi tới trụ sở hội Văn nghệ Giải phóng ở đường Trương Minh Giảng để "đăng ký" theo thông cáo của chính quyền mới đọc trên đài phát thanh. Khi đến lượt, Duyên Anh cầm bút ghi, bắt đầu là cột "số thứ tự", sang cột "họ và tên" anh viết ba chữ Vũ Mộng Long, rồi cột "bút hiệu" anh đề hai chữ Duyên Anh, tới cột "nghề nghiệp", Duyên Anh đề "nhà văn". Lúc đó, một người trong giới văn nghệ sĩ Sài gòn ngồi ở đấy bèn nói : "Mày phải đề mày là "nhà văn chống cộng" mới đúng chứ". Lập tức tôi thấy mặt Duyên Anh đanh lại, nhìn chòng chọc vào người vừa nói, miệng anh gằn từng tiếng : "Đ.M. tác phẩm của Duyên Anh còn đó, hiểu chưa". Rồi Duyên Anh bỏ đi. Người bạn gái của Duyên Anh nhắc tôi uống cà phê kẻo nguội. Tôi gật đầu cảm ơn xong nhìn Duyên Anh, hỏi :

- Sáu năm trong tù, bạn được chiếu cố đi những trại nào ?

- Tôi ở tù ba năm và đi "học tập cải tạo" ba năm. Phải nói rõ như thế vì ở tù khác học tập cải tạo. Ở tù là vì họ đến tận nhà mình, đọc bản án rồi còng tay bắt mình đi. Họ đưa tới Sở Công an Nội chính, ở đó ba bốn tháng lấy cung rồi đưa về nhà tù Phan Đăng Lưu Gia Định giam một năm, rồi đưa về nhà tù Chí Hòa giam thêm một năm, tổng cộng là ba năm. Sau đó mới được đưa đi "trại học tập" Xuyên Mộc, rồi "trại học tập Hàm Tân", tất cả là thêm ba năm nữa.

- Bạn có nghe người ta đồn bạn làm ăng ten trong tù không ?

- À có chứ. Nói về ba năm ở tù thì khổ ghê lắm, khổ tận cùng, không thể khổ hơn nữa. Thế mà người ta không đồn tôi làm ăng ten trong giai đoạn ở tù. Người ta bảo tôi làm ăng ten thời ở trại học tập Xuyên Mộc. Ở tù Phan Đăng Lưu, Chí Hòa khổ như chó không làm ăng ten mà sang trại Xuyên Mộc sướng lắm rồi thì lại đi làm ăng ten là nghĩa lý gì? Tôi nghe người ta nói tôi làm ăng ten từ lúc tôi chuyển trại từ Xuyên Mộc sang Hàm Tân. Xuyên Mộc cách Hàm Tân có một dẫy núi Mây Tào thế mà ngày đầu tiên tới Hàm Tân, tôi đã nghe những anh em tù ở đây xì xầm tôi làm ăng ten, điều đó mới lạ, và điều đó đã cho tôi câu trả lời từ đâu phát xuất ra sự đồn thổi tôi làm ăng ten.

- Bạn nói rõ hơn đi.

- Có gì đâu, cộng sản tuy căm thù tôi nhưng chúng nó cũng biết sẽ có ngày phải thả tôi vì nhiều áp lực quốc tế như Ân Xá Quốc Tế, như Văn Bút Quốc tế. Theo tin tôi biết thì đáng lẽ tôi được thả sau năm năm, nhưng chúng nó xỏ lá, nhốt thêm một năm nữa để có thì giờ bôi bẩn và làm cô lập hóa tôi nơi quần chúng. Trước khi thả tôi ra, họ phải thấy tôi là kẻ tật nguyền rồi, trúng thương rồi, hết múa may rồi. Tôi đã bị họ bắn mũi tên độc đó.

- Bạn cho là chính Việt cộng chủ trương vụ phao tin bạn làm ăng ten ?

- Thì chính chúng nó chứ còn ai nữa. Chúng nó thổi cái tin đó ra hải ngoại để tôi có muốn viết chống cộng cũng không ai tin nữa.

- Phản ứng của bạn về vụ bạn làm ăng ten thế nào ?

- Tôi buồn cười. Bạn nhớ là tụi cộng sản nó khinh chúng mình lắm. Bằng cớ là nó chỉ sai những thằng mười tám hai chục, hạ sĩ trung sĩ làm quản giáo, làm đội trưởng, làm giảng viên cho tù cải tạo dù tù đó là ông tướng, ông bộ trưởng hay văn nghệ sĩ. Thế mà chúng nó bảo là mình đi học tập cải tạo để thành con người mới xã hội chủ nghĩa. Nếu nó thực tâm hay nếu nó trọng mình một tí thôi thì chúng nó phải đưa xuống nói chuyện với mình những thằng tương đương chứ. Ở trại Xuyên Mộc của tôi cũng thế, chỉ có các ông bộ đội canh gác và dạy dỗ mình là những ông thanh niên mười tám hai chục tuổi. Chúng nó biết cái chó gì. Mà mình thế này không lẽ có thể muối mặt đi nịnh bợ mấy ông nhóc đó ? Mình thế này mà có thể đi làm ăng ten thì thụt cho mấy ông nhóc tì đó ? Về tuổi tác thì chúng nó chỉ bằng con cháu mình. Về quyền hành thì chúng nó bắt mình thì không có quyền, mà thả mình thì lại càng không có quyền thả. Chỉ có quyền hành hạ ấm ớ mấy thằng tù tội ca cóng chứ làm đếch gì hơn thế. Mà làm ăng ten thì hỏi tất cả anh em cựu tù ở đây xem, những người bị ăng ten báo cáo bị chúng nó phạt thế nào ? Cao nhất là cúp thăm nuôi một kỳ, một kỳ thôi, hay nặng nữa, với những bằng cớ cụ thể thì nằm trong biệt giam vài ngày một tuần. Ăng ten có giết được ai đâu ? Tội lỗi thì mọi người đã tự khai, đã viết hết cả rồi. Mà cũng chưa có vụ ăng ten nào trong sáu năm tù mà tôi nghe liên quan đến hồ sơ lý lịch, tội lỗi trước năm 1975, toàn là chuyện ca cóng vớ vẩn thôi. Ăng ten đâu có giết nổi ai.

Tôi nói cho Duyên Anh nghe về một cách giải thích khác của một người bạn tôi sau năm 1975 có làm việc với cộng sản ở Sài gòn, tới đầu năm 1982 mới vượt biên. Theo lời người bạn này thì chính anh ta nghe một cán bộ Việt cộng nói trong buổi học tập ở cơ quan về sự "bách chiến bách thắng của đảng ta" vì đảng ta có những lãnh đạo là "đỉnh cao trí tuệ

loài người" như các "đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng vân vân". Người cán bộ này dẻo miệng kể huyên thuyên mọi thí dụ để chứng minh là ngay cả bọn sừng sỏ phản động nhất của Mỹ nguỵ cũng phải đầu hàng đảng ta nếu không muốn bị đảng ta nghiến nát. Trong những thí dụ này, tên cán bộ nói nhiều lần đến tên nhà văn Duyên Anh, như "tên Duyên Anh nay đã biết thành tâm hối cải", "tên Duyên Anh nay đã thú tội và được đảng khoan hồng vì dù sao anh ta cũng có tài", "Duyên Anh đang lập công chuộc tội đã đánh phá đảng và nhà nước"... Tôi hỏi Duyên Anh :

- Nhưng bạn giải thích thế nào khi mà chính tù cải tạo, chính độc giả của bạn cũng đồn là bạn làm ăng ten trong tù ?

- Có thể là vì mình đã có tí danh còm, lại chuyên viết chuyện du dãng, nhân vật ghê gớm lắm, mà khi mình vào tù, mình không có hành động nào anh hùng như nhân vật của mình chăng ? Mình cúi mặt trước cán bộ nên bị khinh chê là hèn chăng ? Hay cũng có thể vì khi trước mình viết báo chửi bới qúa nên nhiều người không ưa mình chăng ?

- Thế thái độ trong tù của bạn là cúi mặt chịu đựng chứ không chống đối ?

- Chống đối ai trong tù ? Chống mấy anh mười tám hai mươi tuổi canh giữ mình thì chống làm cái chó gì? Bạn dù có muốn làm gì hơn thì cũng vô ích vì chúng nó độc tài, tin về chống đối của bạn có ra khỏi hàng rào nhà tù đâu mà mong có tiếng vang, có áp lực?

- Nghe bạn nói thế, tôi lại nhớ tới vụ chống đối của anh Nguyễn Mạnh Côn ở trong tù. Mà cũng có người đồn rằng bạn trách nhiệm về cái chết của anh Côn. Bạn có thể kể cho nghe không ?

- Trước hết là tôi ở một đội và ông Nguyễn Mạnh Côn ở đội khác do Đằng Giao làm đội trưởng. Hai đội ở hai chỗ xa nhau thì làm sao mà tôi làm cho ông Côn chết được ?

- Ông Côn chết trong trường hợp nào ?

- Ông Côn thì bạn còn lạ gì. Tôi rất thương ông ấy chứ. Ông ấy chết một cách lãng nhách. Thế này này. Trong thời ở Công an Nội chính hay đề lao Gia Định, tôi cũng không ở chung phòng với ông Côn. Chỉ có lúc ở Chí Hòa thì hai người bị nhốt chung thôi. Thời đó ông Côn đã suy nhược nhiều vì ông ấy thiếu thuốc. Tôi còn nhớ một chuyện về giai đoạn đó. Lúc trại nó cho tin là có Hội Nghiên cứu Mác xít tới thăm nhà lao thì ông Côn bèn làm đơn cho trại xin gặp những người này. Trại nó thuận cho ông Côn ra gặp. Nhưng ông Côn nói những gì thì tôi không lại vào tù thôi. Có những lúc ông ngồi nói chuyện với Đoàn Kế Tường, Đằng Giao, Hoàng Mạnh Hùng, hắn ta đang ở Costa Mesa đấy. Ông Côn nói như thế này: Các cậu nay mai phải có độc giả mới. Đoàn Kế Tường mới hỏi: "Độc

giả gì nữa, anh. Tù là hết rồi". Ông Côn đáp: "Có chứ. Khi tù ra, mình viết đúng đường hướng là được". Đoàn Kế Tường nó nói: "Anh làm thế thì vợ anh khinh bỉ anh". Ông Côn đáp: "Cần gì, lấy vợ khác". Đại khái là ông Côn đã nói không giống ai khiến Đoàn Kế Tường nó tức, nó đá ông Côn ngay tại chỗ. Anh em phải xúm vào ôm giữ nó. Nó to con, dân Quảng Trị, khỏe như trâu, lại rất "phản động", từng nằm cát xô rồi.

- Bạn có nghĩ rằng ông Côn đóng kịch để qua mắt tụi nó vì người như ông Côn thì tụi nó choàng cho hai cái án, án phản kháng chiến và án phản cách mạng...

- Ai biết tim gan ông ấy. Chỉ thấy những sự kiện như ông ấy khai bệnh, xin ở nhà. Một hôm ông rủ tôi : "Tớ với cậu viết chung một quyển sách đi". Tôi hỏi: "Thưa anh viết sách gì ?". Ông Côn nói: "Cậu viết làm sao cho trại vui vẻ lên đi". Tôi trả lời ngay: "Thưa anh, em còn đang học tập nên chưa thông, chưa viết được

Tôi kể thêm cho Duyên Anh nghe một số điều dư luận đồn đại về anh liên quan đến cái chết của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn. Theo những tin này thì ông Nguyễn Mạnh Côn vào ngày hết hạn ba năm "học tập", bèn đòi ban quản trị trại thả ông về. Việt cộng không thỏa mãn yêu sách của ông, ông tuyên bố tuyệt thực và Việt cộng đem nhốt giam ông. Một số anh em tù thấy ông Côn ốm yếu nên tìm cách lén tiếp tế thức ăn cho ông nhưng Duyên Anh đã làm ăng ten, báo cho trại biết khiến cho việc tiếp tế này không thành, kết qủa là ông Nguyễn Mạnh Côn chết. Chúng tôi thảo luận về ông Nguyễn Mạnh Côn, người mà tôi kính trọng từ khi được đọc cuốn *Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử*, người mà tôi cảm mến khi được quen biết, đã thấy ở ông một thái độ điềm đạm, giản dị, đôi môi luôn luôn có nụ cười. Ông Côn khi đề nghị Duyên Anh viết sách, ông Côn khi đến ngày đúng ba năm ở tù đã ngang nhiên ra trước trại đòi phóng thích và rồi tuyệt thực, những hành động này của ông Côn hẳn phải có một ý nghĩa. Bởi vì ông từng tham gia kháng chiến, từng là dân biểu quốc hội thời Việt cộng, không thể nói ông không hiểu Việt cộng.

Tôi cũng kể lại cho Duyên Anh nghe thêm, trong một buổi trò truyện với nhà văn Hà Thúc Sinh, anh đã nhắc lại cho tôi nghe buổi anh tới thăm ông Côn sau ngày 30 tháng 4, 1975. Hà Thúc Sinh nói: "Ông ấy ít nói, mãi mới bảo mình: "Rồi có lẽ tôi sẽ sướng hơn các cậu". Theo Hà Thúc Sinh thì anh hiểu câu nói ấy là một quyết định của ông Côn, nghĩa là chỉ có cái chết tự chọn, thì ông Côn mới có thể sướng hơn những người sẽ sống vất vưởng trong trại tù cộng sản. Nghe tôi kể, Duyên Anh nằm ngửa mặt nhìn trần nhà, hút thuốc. Nét mặt anh đanh lại, vẻ cay đắng hiện lên sau cặp kính trắng. Mãi lúc sau, Duyên Anh mới nói :

- Hiện ở Nam Cali này có một số cùng ở tù chung với tôi thời đó, họ biết sự thật. Tôi mong họ nói ra đi. Còn tôi, nếu cứ phải đi cải chánh thì biết bao giờ mới cải chánh xong trước cả một âm mưu triệt hạ tôi ? Tôi có thể khẳng định thêm điều này, sự thực của nhiều nhân vật trong tù nó còn thối hơn nhiều, tôi đã không thèm viết ra... Tôi không thèm viết ra...

Tôi nói với Duyên Anh :

- Nếu bạn thấy những chuyện mà bạn bảo là thối đó, mà bạn không thèm viết thì cũng là một điều đặc biệt. Bởi vì cho đến bây giờ, người ta vẫn cho rằng bạn là một tay chuyên đánh phá tàn bạo...

- Tôi nói thật với bạn, mà tôi chẳng sợ gì mà không nói thật, rằng tôi không cộng sản mà cũng chẳng quốc gia nếu hiểu chữ quốc gia như một số người ở đây đang tự nhận, đang hành động ở đây.

- Có phải đó là động lực khiến bạn viết báo chửi không ?

- Chắc phải nói hơi dài. Trước hết, bạn chưa biết gốc gác tôi nhiều đâu, tôi là con một gia đình bần nông ở Thái Bình. Từ nhỏ, tôi đã sống nghèo khổ, chứng kiến cảnh bố mẹ chạy ăn từng bữa mà còn bị bọn cường hào ác bá hành hạ, ức hiếp. Tới khi khôn lớn lên, sống bằng nghề báo thì mỗi khi cầm bút, viết về câu chuyện bất công của thời đại, tự nhiên tôi lại nhớ tới dĩ vãng thù hận. Thành ra giọng văn trở thành phẫn nộ, ác độc.

- Bạn cũng biết điều đó ?

- Biết chứ. Lúc đầu thì chửi sơ sơ thôi, rồi độc giả khoái, gửi thư về bơm mình lên làm mình sướng, chửi nữa.

- Giờ nghĩ lại, bạn có bao giờ hối hận vì những điều mình đã viết không ?

- Tôi công nhận là đôi khi tôi đả kích quá đáng nhưng tôi không đánh sai mục iêu nào nên không có gì hối hận.

- Thế bây giờ bạn còn ý định làm sống lại ông Thương Sinh trong người bạn nữa không ?

- Không. Tôi muốn từ nay tôi không phải đả kích ai nữa.

- Lý do ?

- Giờ đã già rồi. Vả lại mình nhận thấy rằng dù có vung dao phạt cỏ thì cỏ vẫn cứ mọc mà. Bạn thấy đó, tiểu Sài gòn ngày nay thì có khác gì đại Sài gòn ngày xưa ? Có chửi cũng thế thôi. Xã hội nó thê thảm quá rồi. Nhưng tôi rất muốn làm sống lại bút hiệu Thương Sinh chứ.

- Khi bạn lấy bút hiệu Thương Sinh là bạn nghĩ gì ?

- Lúc đầu tôi lấy chữ Thương Sinh với ý nghĩ là thương kiếp nhân sinh. Nhưng sau này khi tôi tra từ điển thì thấy chữ Thương sinh lại là một gã đau ốm. Thành ra cũng định mệnh thôi. Thuở nhỏ tôi cũng là đứa

trẻ đau ốm. Nay về già lại là một ông già bán thân bất toại.

- Bạn nói bạn không đánh phá ai thì còn muốn làm sống lại bút hiệu Thương Sinh làm gì nữa ?

- Tạivì tôi rất yêu văn chương hài hước của người mình. Mà văn chương hài hước thì đã chết trên quê hương ta từ 50 năm nay, tức từ ngày có đảng rồi.

- Nhưng thực sự thì vẫn còn một số người viết văn hài hước đấy chứ. Theo bạn thì người viết nào mà bạn nể nhất ?

- Tôi chỉ thấy ông Chu Tử.

- Và Thương Sinh ?

- Thương Sinh sẽ viết văn hài hước.

- Làm sao để phân biệt khi nào hài hước khi nào đánh phá ?

- Rất dễ hiểu lắm. Tinh thần hài hước là phải dùng ngôn ngữ của thời đại, mà ngôn ngữ của thời đại thì rộng lắm. Đại khái là năm 1996 tới nơi rồi mà ta còn dùng nhân vật Ba Giai Tú Xuất hay Lý Toét Xã Xệ thì ai cười nổi.

- Vậy theo bạn thì tờ Con Ong trước đây là báo hài hước hay đánh phá ?

- Đó là tờ đánh phá thôi.

- Paris, nơi bạn ở có tờ "Con Vịt Buộc", đó là tờ hài hước hay đánh phá ?

- À, tờ đó ghê lắm. Đó là tờ hài hước. Mà muốn hài hước thì độc giả phải biết yêu tiếng cười. Từ xưa đến nay, dân tộc ta là dân tộc thích cười nên hài hước mọi chuyện dù là chuyện tôn nghiêm nhất. Ông Nguyễn Văn Vĩnh viết: *An Nam ta cái gì cũng cười, người ta khen cũng cười mà người ta chê cũng cười. Nhe răng hì một phát là mọi chuyện hết nghiêm trang.* Chính cái cười đó nó mới đẻ ra cái tinh thần dân chủ. Mấy ông bây giờ cứ nhân danh dân chủ mà lại sợ nụ cười của dân chúng. Muốn có dân chủ mà lại sợ cười thì dân chủ thế chó nào được ? Các ông các bà ấy làm gì tầm bậy, người ta cười thì kêu ầm lên là bị đánh phá. Các ông các bà ấy hối lộ tham nhũng, thụt két, vợ nọ con kia, người ta cười thì cũng la lên là bị bọn báo chí nó chửi bới làm tiền. Mà thời đệ nhị Cộng Hòa, bọn lố lăng đó nhiều lắm, một tờ Con Ong viết không hết các chuyện dởm, chuyện phản dân hại nước của các ông các bà tập sự lãnh đạo đó, vì thế mà Con Ong bị gán là tờ báo chửi mà người ta quên giá trị hài hước của nó.

- Bạn lăn vào lãnh vực đó, bạn cũng biết gió tanh mưa máu, nhưng sao bạn cứ tiếp tục ?

- Không lẽ mũ ni che tai à ? Không lẽ câm miệng khi thấy những chuyện thối tha ăn hại đái nát à ? Tôi đã nói với bạn, tôi là gốc bần cố

nông, thuở nhỏ đã chứng kiến cảnh bố mẹ tôi bị ức hiếp, bị đủ mọi thứ đè lên đầu nên tôi hay nổi giận khi thấy bọn cường quyền làm bậy. Chúng nó khi thấy tôi chửi thằng khác, chúng nó khoái lắm chứ, chúng nó khuyến khích tôi chửi thêm mà, cho tôi tài liệu để đánh cho trúng huyệt mà, thế nhưng khi tôi quay ngòi bút hỏi thăm chúng nó thì chúng nó nổi giận, chúng nó tấn công tôi, bôi nhọ tôi...

- Nếu quả như bạn nói thì người dân thầm lặng phải khoái bạn lắm chứ, sao cũng có nhiều người không thích bạn ?

- Dân mình khoan dung lắm. Nhưng dân mình cũng đa nghi. Một số hay nghĩ rằng bọn nhà báo ăn tiền phe này đánh phe kia vì quyền lợi cá nhân, phe nhóm mà không nhớ cũng còn một số ngòi bút bảo vệ lẽ phải và sự thật. Tôi cũng được an ủi là rất nhiều người thương tôi, hiểu tôi chứ.

- Vì thế bạn vẫn muốn làm báo hài hước ?

- Có thể nói tôi thích lại văn chương này. Cũng có thể nói tôi yêu dân tộc tôi. Thời xưa, trong xã thôn, dân ta đã biết cười. Những bài văn hài hước của cổ nhân, gần đây như Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương vân vân đều được coi trọng. Các cụ ấy chỉ làm mấy câu thơ thôi, đả kích một hiện tượng xấu nào đó và dân gian truyền tụng thì bố bảo kẻ đã gây hiện tượng xấu đó dám tái diễn. Chính bọn độc tài ở cả hai miền đã dập tắt nụ cười của dân chúng. Bọn này được một số trí thức vô tài toa rập để xin miếng đỉnh chung. Chúng nó chỉ mang cái bằng cấp để lòe thiên hạ nên chúng nó sợ thiên hạ biết bộ mặt thật của chúng nó. Vì thế chúng nó tấn công các cây viết hài hước trước bằng luận điệu như nhà báo nói láo ăn tiền, và đánh phá để moi tiền vân vân. Bây giờ thì dân ta hết cười nổi rồi.

Duyên Anh trở mình đứng dậy một cách khó khăn. Thân thể anh bự hơn trước nhưng đó là kết qủa của những ngày ít vận động. Nhìn theo dáng anh đi chập chững nhờ công sức dồn từ tay trái xuống chiếc ba toong bằng nhôm xám, tôi thở một tiếng thật dài. Chàng thanh niên 19 tuổi làng Tường An ở Thái Bình, năm 1954 thực hiện một chuyến đi dài, vào miền Nam cùng lớp người đi tìm tự do nhưng chàng thanh niên này không ý thức mình bỏ quê hương vì phản kháng cộng sản. Chàng ta đi một mình, tới Sài gòn, mưu sinh bằng đủ công việc lặt vặt từ giữ xe đạp tới quảng cáo cho gánh xiệc trên hè phố để bán thuốc kiểu Sơn Đông mãi võ, rồi kèm trẻ tư gia, rồi dạy đàn guitare ở Hậu giang. Bây giờ thì chàng thanh niên ấy thành một lão già tàn phế. Lão già này đang trôi dạt tới Los Angeles. Mai đây, định mệnh sẽ đưa lão già này tới đâu và nơi nào sẽ là chốn an nghỉ cuối cùng của lão ?

Nhớ lại tôi đã quen biết Duyên Anh hơn bốn mươi năm, và lúc này nhìn Duyên Anh trong tôi cũng sống dậy những hình ảnh trong bốn mươi

năm đó, lòng tôi chùng xuống một nỗi buồn man mác... Một đời của chúng tôi đã gần qua. Tôi nhớ lại có lần đi ăn cưới mà chú rể 61 tuổi, tôi lại nghe một ca sĩ giúp vui lên sân khấu ca bài "60 năm cuộc đời". Cuộc đời dưới mắt người nhạc sĩ này chỉ tính có 60 năm mà 20 năm đầu thì thơ dại, 20 năm sau thì bết bát, thành ra chỉ có 20 năm giữa. Thế mà chú rể đã 61 tuổi. Chú rể đã là người ở lậu, cư trú bất hợp pháp trên cõi trần gian này. Hôm đó tôi đã yêu cầu cô ca sĩ nâng cuộc đời lên 80.

Tuy quen biết Duyên Anh trải gần cả cuộc đời nhưng chúng tôi lại ít gặp nhau. Sau khi chia tay ở trại di cư Nhà Hát Lớn Sài gòn, mãi đến năm 1962 tôi mới gặp lại Duyên Anh khi anh xuất bản cuốn *Hoa Thiên Lý*, tập truyện đầu tay của anh. Năm ấy Duyên Anh đã 27 tuổi, đã mưu sinh bằng nghề viết báo. Rồi tôi nghe Duyên Anh làm ở tờ Xây Dựng, cơ quan ngôn luận bán chính thức của Thiên Chúa giáo Việt Nam năm 1964. Tới 1968 thì Duyên Anh biến thành chục bút hiệu khác nhau, tung hoành trên tờ Con Ong, trở thành tay đánh phá với phe quốc gia và trở thành tên biệt kích văn nghệ với đảng cộng sản. Cuốn "Những tên Biệt kích của Mặt Trận Văn Hóa Tư tưởng Miền Nam" của Việt cộng in năm 1980, Duyên Anh bị Việt cộng coi là một cây bút nguy hiểm cho chế độ của họ.

Đang miên man nghĩ thì Duyên Anh đã chập choạng trở lại ghế ngồi. Tôi hỏi :

- Tới nay bạn đã viết được bao nhiêu tác phẩm ?
- Tôi đã in 64 cuốn truyện ngắn truyện dài.
- Vậy là kỷ lục trong lịch sử văn học Việt rồi.
- Tôi không viết vội để đạt một kỷ lục về số lượng. Tôi viết vì sự thôi thúc của dĩ vãng và của sự quằn quại với lịch sử đất nước. Như mọi người trong thế hệ chúng ta, khi mới 10 tuổi tôi đã chứng kiến cảnh Nhật đảo chánh Pháp. Rồi sau đó, tôi đã đi đếm xác những dân làng tôi bị Nhật làm cho chết đói. Rồi thì cách mạng tháng Tám tiêu thổ kháng chiến, dân làng tôi bồng bế chạy loạn. Tuổi thơ và tuổi trẻ của tôi đã mất hết trong cách mạng và chiến tranh. Nếu cộng sản không bắt tôi tù sáu năm, nếu tôi không bị người ta đánh liệt óc, liệt tay phải thì tôi đã có trên 100 tác phẩm.
- Ở Sài gòn, tôi có nghe bạn còn viết một số bài diễn văn, phát biểu trước nghị trường cho một số chính khách, phải không ?
- Có.
- Động lực nào khiến bạn viết ?
- Họ trả tiền thì tôi viết.
- Những ai nhờ bạn viết ?
- Hai nghị sĩ và bốn dân biểu. Họ nói với tôi là nhờ những bài của tôi

mà họ nổi đình nổi đám.

- Tôi thấy bạn đa diện, viết nhiều thể loại, lại sáng tác nhạc, làm thơ nữa... Bây giờ, theo bạn thì bạn thích nhất diện nào ?

- Tôi thích làm thơ nhất. Nhưng tôi làm thơ không hay. Thời gian mà tôi làm thơ nhiều nhất là lúc ở trong tù. Lúc ra tù tôi còn nhớ lại được 34 bài.

- Kinh nghiệm trong tù của tôi là rất nhiều người tù làm thơ, và thơ viết về vợ con...

- Không, đề tài của tôi là thân phận của mình.

- Bạn vượt biên năm nào ?

- Năm 1983. Vợ con tôi đi chính thức năm 1982, chúng nó không cho tôi đi cùng danh sách nên tôi phải tìm đường vượt biên. Tôi xuống tàu ở Nhà Bè, sáu ngày sau thì tới đảo Paulo Bidong của Mã Lai. Sáu tháng sau thì sang Pháp. Cũng may là do sống ở Pháp mà tôi có cơ hội quen biết với một số nhà xuất bản và họ đã mua bản quyền, dịch sách của tôi ra Pháp ngữ. Tới nay họ đã dịch xong năm cuốn, còn hai cuốn mới ký. Cuốn *Đời Fanta* đã được tái bản và được làm thành phim.

Duyên Anh ao ước sách của anh cũng sẽ được dịch ra tiếng Mỹ. Để đạt mục tiêu này, anh viết về chủ đề người Mỹ, chẳng hạn cuốn *Một Người Mỹ ở Sài gòn* và mới đây là cuốn *Những Đứa Trẻ Con lai Mỹ Hẩm Hiu*... Ngồi bên tôi, anh mơ ước người Mỹ sẽ hiểu văn hóa văn nghệ của dân tộc Việt Nam nhiều hơn. Theo anh thì khi người Mỹ tới giúp Việt Nam chống cộng là tốt nhưng vì không hiểu gì về dân tộc ta, coi thường, coi khinh người Việt, thành ra thấy bọn nịnh bợ, thích làm tay sai là khoái, điều này đã gây bất mãn cho dân chúng mà hậu quả là thái độ chống Mỹ lan tràn khiến Mỹ không còn là đồng minh mà trở thành kẻ thù.

Tôi ngồi yên không hỏi thêm, mặc cho Duyên Anh sống với chính anh. Trong giờ phút thành phố Los Angeles đã ngủ thì quê hương của Duyên Anh và của tôi đang thức. Tôi nghĩ, tôi hy vọng trái tim Duyên Anh đang đập chung nhịp với Việt Nam dù đất nước cách xa chúng tôi nửa vòng trái đất.❐

nguyễn thị thanh bình

Sinh quán tại Huế. Qua Mỹ năm 1975. Cộng tác với Văn, Văn Học, Thế kỷ 21, Hợp Lưu, Tạp Chí Thơ . . .

* *Tác phẩm đã in:*
Ở đời sống này (Tập truyện, Đại Nam, 1989)
Giọt lệ xé hai (Truyện dài, Văn Khoa, 1991)
Cuối đêm dài (Tập truyện, An Tiêm, 1993)
* *Đang in:*
Trốn vào giấc mơ em (Thơ, Thanh Văn, 1996)

Trả lời phỏng vấn:

1) Tại sao viết ?

Hình như chả bao giờ tôi tự đặt cho mình câu hỏi như thế. Ừ nhỉ, tại sao viết và viết để làm cái chi. Trong cuộc đời sao lắm cái "tại sao" rất ư là cắc cớ, như tại sao tôi lại đến đây trong cuộc đời và còn ở lại đây. Phải chăng khi tôi viết là lúc tôi biết rõ nhất sự có mặt của chính mình ?

Viết đối với tôi dường như cũng bất ngờ như sự có mặt này. Nó bộc phát tự nhiên và tôi đã không thể nào chống trả hay kháng cự nổi. Một đốm sáng, một đốm lửa nào đó đã thiêu đốt , làm rát bỏng một phía bên trong tôi thì phải. Và như thế, viết đối với tôi có thể chỉ là thể hiện một phương cách "chữa bệnh" hoặc băng bó lại vết bỏng tâm linh nào đó. (cho dù vẫn có những lúc vụng về, tôi lại làm loang lở thêm những thương tích...dịu dàng ấy)

Nghĩ cho cùng, tôi là con người chúa tham lam và ích kỷ. Tôi thích nhập vào nhân vật mình để có nhiều cuộc đời...để sống (trong khi mỗi người ta chỉ có một đời để sống). Tôi tự thỏa mãn những "vẻ đẹp" nào đó mà mình vốn khao khát, kiếm tìm và cơ hồ chỉ bắt gặp ở trong mơ tưởng, mộng mị.

Vâng, tôi tự cảm thấy nhà văn là người thích chơi trội, tranh giành

quyền năng của Thượng Đế. Sức mạnh ấy quyến rũ tôi !

2) Còn viết để làm gì ư?

Tất cả các nhà văn đều có những câu thúc khi viết. Khi tôi một mình trong đêm khuya chơi trò *đánh đu* (tôi thích dùng chữ này hơn là chữ *đánh vật* vì nó có vẻ hứa hẹn nhiều thử thách phiêu lưu kỳ thú hơn) với trang giấy trắng, tôi chẳng biết mình viết để làm gì. Thích thì viết, viết vì bị câu thúc hay vì một chút lửa đam mê (hay u mê?) nào đó. Vậy thôi.

Thức khuya, mất ngủ, ốm o gầy gò đã là một điều bất ổn (hay có khi là bất mãn?) lắm rồi, vậy tại sao lại phải đè lên vai của ngòi bút này ngòi bút nọ một sứ mệnh, một trách nhiệm lớn lao (! ?). Viết vì mấy chữ tiếng tốt tiếng thơm, nổi danh nổi tiếng nào đó thì tôi chắc là chẳng ai màng đâu. Chỉ tổ làm cho sức lực của cây bút mình...giụi xuống, kiệt sức thêm.

3) Viết cho ai?

Hình như khi mới tập tễnh, tôi viết trước hết là cho tôi cái đã. Những cảm xúc dàn trải trên trang giấy lúc bấy giờ dường như cốt để lấp dần những hụt hẫng thiếu vắng nào đó. Dần dà không biết tự lúc nào, tôi bắt đầu giật mình cảm thấy mình đang đi tìm những người đồng cảm. Ở đó có thể tôi ước ao được bắt gặp những độc giả thầm lặng có cùng một tần số rung động giống mình. Cùng một lúc tôi nhận ra một khi tác phẩm đã đến tay người đọc thì những nhận định phê bình qua quít (có tính cách hiềm tị tai ác) cũng không thể "xếp lại" được tác phẩm ấy.

4) Viết cái gì?

Tôi viết đủ chuyện trên trời dưới đất. Hứng điều gì thì tôi viết điều đó. Buổi sáng thức giấc với tiếng chim hót sau vườn, tự nhiên thấy cuộc đời bỗng có nắng đẹp đầu ngày thì tôi cũng "ngứa cổ hát chơi" vậy mà. Tiếng chim bay vọng qua cuộc đời làm con người thức giấc. Tôi đang có mặt trong cuộc đời, dĩ nhiên không ít thì nhiều cũng bị "con người" cuốn hút. Vẻ đẹp thiên thần hay ác quỷ của con người là một điều gì đó mà ai đi qua đời chẳng muốn truy tầm hoặc thử nghiệm.

4) Viết như thế nào?

Trong bất cứ một hoàn cảnh nào, những "sư phụ" của tôi vẫn luôn miệng nhắc nhở đã là nhà văn thì chỉ có một chữ là viết. Viết và viết. Tiếp tục viết. Hình như càng viết mỗi người trong chúng ta càng khám phá cho mình một kỹ thuật riêng, một thứ bản sắc hay một nỗ lực làm mới nào đó. Anh Nguyễn Mộng Giác vẫn thường tỏ ý với anh chị em sáng tác là viết

thế nào để tác phẩm sau không giống tác phẩm trước. Tôi đồng ý và tôi muốn thêm vào: giá mà mình có thể viết thế nào mà trong mười hai con giáp không giống con nào lại càng tốt. Điều này coi vậy chứ đòi hỏi rất nhiều "phấn đấu" mà có lẽ chỉ nằm ở những vị hết sức kỷ luật với chính mình (trong đó không có tôi) , như anh Nguyễn Mộng Giác đã đặt ra tiêu chuẩn mỗi ngày phải ngồi vào bàn viết xong bao nhiêu trang chẳng hạn.

Riêng tôi khi viết một truyện ngắn thường thì phải có sẵn một chủ đề manh nha trong đầu trước đã. Tôi cũng cố gắng "đặt chút vấn đề" trước khi viết để câu chuyện cứ thế dàn dựng theo đó cho dễ dàng. Viết tức là một cách thế bộc lộ, chia sẻ một điều gì đó với mọi người; thành ra không lẽ mình cứ viết khơi khơi? Khi viết dĩ nhiên là tôi phải " mê " nhân vật của mình biết mấy, mê đến nỗi nhiều lúc tôi quên mất chính mình đã khai sinh ra nó. Điều này hệt như Erhenbourg đã nói, đại ý là khi viết xong một cuốn sách thì có cái vui vì đã hoàn thành nhưng cũng có cái buồn là chia tay với những nhân vật của mình.

Viết truyện ngắn khó nhất là cái nhập đề cho mời gọi để dẫn dụ người đọc đi tiếp...đoạn đường trần với mình. Phần kết của một truyện ngắn cũng rất quan trọng để kéo người đọc vào những cuộc hẹn hò kế tiếp ở những hồi sau, ở những truyện tới. Viết truyện dài cũng thế.

Làm thơ có lẽ không đến nỗi " khó tánh " như vậy. Chàng thơ của tôi vốn xuất hiện hết sức ...ngẫu hứng. "Hắn" xẹt ngang như...sấm chớp và trong khoảnh khắc ấy, tôi phải nhanh tay mới chụp bắt được. Khi đã chụp được thì hắn làm tôi "triệt tiêu" để khai mở ra những giòng thơ, rồi nếu chưa dàn trải ra được, con người tôi sẽ đờ dẫn suốt ngày và tối đến dám cùng chàng Thơ mộng du lắm. Cũng vui thôi !

chuyến xe cuối

truyện ngắn nguyễn thị thanh bình

Đêm qua không pha càphê, không chuyện trò với cái đầu, không thèm chơi trò viết nhăng, viết cuội, không ... không gì ráo nhưng Duyên không ngủ được. Cái trạng thái không không này làm Duyên thấy mình lắng đọng đến quên ... thở. Suýt nữa nhân lúc đời sống chìm vào giấc ngủ tĩnh mịch, Duyên đã thoát được ra ngoài khung cửa đầy sao kia.

Duyên tưởng tượng ở xa xa đó là một cung điện tráng lệ và trời đang sai những vị sao năm chàng hiệp sĩ (làm thiên thần) mở đại tiệc đón Duyên. Không lẽ đêm lấp lánh tuyệt vời như vậy, mà Duyên nở từ chối niềm hợp nhất hoan lạc ấy? À thì ra dù không còn phổi hay tim, không còn thở hay

cảm ...Duyên cũng không dễ gì tẩu thoát cùng đêm. Vừa bay ra chưa tới cái hàng rào thấp tè, Duyên đã bị hàng loạt tiếng lá kêu, tiếng cỏ cựa mình ... làm cả hàng xóm thức giấc, với tiếng chó sủa đồng thanh phụ họa. Cuộc đời kéo Duyên lại, nhưng điều đó không có nghĩa là Duyên sẽ cảm động mà ham sống. Duyên cũng không cảm động ... muốn chết vì sự giành giật, (nếu có) giữa sao trời huyền nhiệm và đời sống có lúc quên thở của mình. Điều Duyên biết chắc là con người dù ngột ngạt khó thở cách mấy vẫn cứ cầm cự. Rất ít vị có thể thoát mình để bay. Cùng lắm chỉ bay lòng vòng xung quanh chiều dài, chiều rộng của trái tim. Duyên cũng vậy. Duyên đang tự giam mình trong ngăn kéo tâm hồn (ờ nhỉ, nếu tâm hồn mấy bà có sắp xếp ngăn kéo trật tự, thì trái tim mấy ông có mấy hộc tủ lộn xộn?). Đôi khi Duyên tự hỏi một câu na ná như Nguyễn công Trứ, có điều cụ Nguyễn lớn tiếng hơn Duyên nhiều vì đụng phải một tên gọi lâm ly hơn : "Chữ tình là cái chi chi. Dẫu chi chi cũng chi chi với tình." Duyên thì chấm than ngay sau câu tra vấn cuộc đời mình đang thở đây là cái chi chi. Đời sống và tình yêu có thể đồng nghĩa? Duyên đói miếng yêu, vậy Duyên nuốt đở miếng đời? Miếng, không phải miến, mà dễ tọng vào miệng, Duyên mỉm cười không đâu. Nhảm nhí nhất là phải chọn lựa, nếu không thì ... chết.

Duyên vừa được sở "mời" nghỉ hè dài hạn. Duyên đang bắt đầu đi vào dự trống rỗng của một người vô tích sự. Buổi sáng nghe tiếng chim hót đâu ngày, Duyên bỗng sực nhớ ... đôi cánh gãy của mình. Duyên ngồi bên ô cửa cố không nghĩ một điều gì hết và có ý đợi những sợi tơ nắng về trải thảm vàng trên hiên. Tự nhiên Duyên thấy thèm một nỗi ấm áp nào đó.

Khoảng chín giờ điện thoại reo. Duyên cố kéo dài tiếng gọi tên mình, đếm đủ tới sáu lần. Hình như Duyên đang ngờ ngợ một tín hiệu thanh bình ở đâu đây. Kỳ thực, Duyên không bao giờ đoán bên kia là giọng nói không mấy ... thanh bình của ông Henry:

" Cô...cô Duyên, ông già Henry đây nè. Sao... sao cô bỏ rơi tôi vậy?"

Duyên khựng người. Không hiểu sao Duyên bỗng nhớ ngay đến chiếc hộp bằng bạc lúc nào cũng được ông ấy ấp ủ dưới gối. Chiếc hộp vẫn gây tò mò mỗi lần thoáng thấy ông ấy mân mê. Cứ thế đụng ánh mắt dò hỏi, ông Henry lẳng lặng đút nhanh xuống gối và lảng đi chỗ khác không nói hoặc chỉ bâng quơ:

" Ô coi kìa, tóc cô đen mướt hà. Hồi xưa tóc tôi cũng nhiều lắm, có đâu như bây giờ vừa bạc vừa hói."

Duyên nghĩ là ông Henry muốn vờ lơ nên tế nhị không hỏi. Duyên hơi thắc mắc tại sao ông ấy không bỏ trong hộp sắt thuê sẵn ở ngân hàng?

Lâu lâu Duyên vẫn chở ông Henry tới ngân hàng, miễn cưỡng chìu theo ý ông ta đi vào phía trong. Ở đó có cô nhân viên thân thể béo tốt, phúc hậu như hình Đức Phật Di Đà, nhưng cái nhìn thì ... hẹp hòi, soi bói. Đôi mắt cô ta lượn một vòng lả lướt từ đầu đến chân, ý chừng Duyên không thuộc loại tình hờ cũng là bồ nhí gì đó của ông Henry. Oâng Henry vốn ăn mặc trẻ trung và lắm lúc nịnh đầm thái quá (như gồng hẳn tấm lưng cong, run run thắt giùm Duyên sợi giây giày lỡ sút). Duyên buồn cười đoán chắc cô nhân viên nghĩ, ông Henry vào đây vác bớt vàng bạc châu báu trong chiếc hộp (bằng sắt, quá nặng ấy) để tặng Duyên. Cuộc đời ai cũng dễ học lỏm tính nghi ngờ qua sự chênh lệch về tuổi tác, giàu nghèo là vậy !

Ông Henry càng lúc tỏ ra sốt ruột. Duyên tưởng tượng hai hàm răng giả của ông ta đang đánh xập xòa theo điệu đồn của trái tim:

" Cô ... cô Duyên, bộ cô giận ông già này hay ... hay sao vậy? Nói cho tôi nghe đi cô."

"Dạ không ... dạ đâu có gì ..."

" Vậy sao cô không đến giúp tôi như mọi lần? Cô biết không, tôi phải gọi bà giám đốc của "Interfaith Volunteer Caregivers Program" năn nỉ, ỉ ôi mấy ngày trời mới xin được số phôn của cô."

Duyên hơi bối rối, kéo tới kéo lui sợi giây điện thoại mà vẫn chưa kiếm ra câu trả lời. Sau cùng Duyên đành thú thật:

"Con gái của ông muốn thuê cho ông một người khác giỏi dáng, lâu dài hơn tôi. Nghĩ cho cùng, tôi chỉ làm công việc này tự nguyện. Không ăn lương đã đành, mà còn mang tiếng ..."

"Con Lisa đã nói gì với cô? Một vài tháng nó mới tạt ngang tôi một lần, mà còn bày đặt làm khổ ai nữa chứ"

Duyên cắn nhẹ môi dưới:

"Cô ấy nghĩ rằng tôi cố mua chuộc tình cảm ông để thừa hưởng một điều gì đó sau này."

"Con ấy là đồ bỏ. Tôi vẫn nói với nó thế nên nó ghen với cô đấy. Cô đừng chấp nhất làm gì."

"Tôi không giận cô ta, nhưng cũng buồn chứ. Tôi chỉ muốn mang đến một niềm vui nho nhỏ cho những người ... như ông. Tuổi già nơi đây đáng sợ thật. Ở quê tôi nhờ quan niệm "trẻ cậy già, già cậy trẻ" nên cũng đỡ gặp cảnh ruồng bỏ, lơ là. Tôi nói thật, một khi lòng tốt của tôi bị hiểu lầm, tôi đành xin nghỉ thôi."

"Vâng, những người như tôi. Họ là những người già nua, cô đơn, bị bỏ quên và đáng thương nhất trong xã hội này mà cô đã thấy đó. A, vậy thì cô nên tiếp tục ra tay nghĩa hiệp mới phải chứ?"

"Liệu tôi làm gì được cho ông? Con gái ông nói cũng phải. Oâng cứ

để cô ấy kiếm một người nào đó thay tôi. Ông sẽ vui ngay thôi mà."

"Ngày hôm kia nó đã vác đến một chị. Dạo này cứ tưởng con Lisa lo lắng cho cha nó lắm vậy. Ai ngờ hôm qua nó lại nhắc đến vụ di chúc di thư, tôi bực mình tống luôn nó và chị người làm ra khỏi nhà luôn một thể."

"Đằng nào bà ấy cũng là con gái duy nhất của ông. Oâng không tỏ ra tin bà ấy, làm sao cha con hòa thuận được? Ông giận bà Lisa mà lại làm chị kia mất việc luôn sao?"

"Tôi chỉ muốn cô trở lại. Chỉ có cô mới chịu ngồi nghe tôi nói chuyện năm xưa năm xửa của mình thôi. Ai cũng cười chê tôi lẩm cẩm. Ờ tôi già rồi, không lẩm cẩm sao được."

Duyên mường tượng đến những đường gân đỏ trong đôi mắt mệt mỏi, mất ngủ kinh niên của ông ta. Với hai tay nhăn nhúm xanh xao, với dáng người còm cõi nhưng bờ lưng vẫn cố chống thẳng, với tóc loe ngoe sương tuyết cuộc đời, với khuôn mặt hằn dấu vết phong trần, ông Henry tựa như một chiếc lá khô, một hoàng hôn ảo nảo. Không trách ông ấy thích trở về với một thuở bình minh xuân tươi nào đó. Ông ấy hay bắt đầu bằng câu: "Thời mà tôi còn trẻ ... " để bồi hồi, thao thức với tưởng nhớ. Những lúc ấy Duyên thấy dưới những nét hư hao của thời gian vẫn bừng lên một nét đẹp thanh xuân. Đó cũng là lúc Duyên hiểu tại sao ông ta luôn cảm thấy dễ chịu khi nhắc lại những điều đã mất. Trong những đắm chìm ảo giác, ông Henry nhất định phải tìm thấy một quá khứ nguyên vẹn, không sứt mẻ.

Duyên kêu to làm như ông ta vừa bị phỏng nặng sau câu than thở ấy:

"Ồ không đâu. Tôi nè, chỉ có tôi chưa già mà hay nghĩ vẩn nghĩ vơ về cái chết mới thật là lẩm cẩm, phải không ông? Đêm qua ... Mà thôi nữa."

"Đêm qua làm sao? Cái đầu nhỏ bé không làm khó dễ cô chứ?"

Cái đầu ... của Duyên? ờ phải rồi, cái đầu Duyên đêm qua có sao không. Sao, sao trên trời chứ ở đâu ! Không phải sao, không phải nó cũng trôi bồng trôi bềnh như không thuộc về cơ thể Duyên nữa. Duyên có cảm tưởng nó liên kết những vì sao đẹp để rủ rê Duyên đi về một nơi nào đó, xa xăm, ở đó hẳn là không cần cánh vẫn bay được thỏa thuê. Ở đó, sao nghe như là thứ địa đàng riêng của những nhịp tim lỗi hẹn trong cuộc đời. Ở đó Duyên tha hồ được trở về nơi Duyên đã sinh ra và chưa lớn đủ để còn ngây ngô về những lời nguyện ước của sao băng. Đêm thấp xuống, hình như đêm cũng đã thấp xuống đè nặng lên vùng ngực trái. Từ đâu đâu, Duyên nhận ra bóng dáng của một ông khổng lồ làm bằng thạch cao. Không, đúng hơn là một bóng trắng hay một mảng mây trắng bệt. Duyên

hơi sợ hãi nhưng Duyên không khóc. Trái lại, cả khối trắng (hay lạnh như băng trắng ấy) ôm chầm lấy Duyên khóc thét lên.

Duyên nhận ra giọng nói khàn đục, van xin của ông Henry, người đã đi gần hết cuộc đời cơ hồ... chưa mỏi:

"Cô Duyên, cô Duyên, cô còn trẻ quá mà lên tận trên cao đó làm chi cho mệt? Tôi thấy cô treo tòng teng mà phát sợ có ngày cô ngộ nạn. Lỡ cô té xuống hay rơi xuống như một cành hoa rụng thì đau thật. Những vì sao kia không hề có thực, cô đừng thèm đi kiếm nữa."

Đêm qua cũng ông Henry, bây giờ cũng ông Henry. Lúc nào ông ấy cũng muốn Duyên chơi thân với cuộc đời, chơi thân với ông ta. Duyên cười khàn khàn như bị viêm cổ họng hành.

"Ừ... hứ, ông lại chọc quê con bé này nữa rồi. Đêm qua tự dưng tôi không ngủ được, ông ạ. Thỉnh thoảng lại như thế, nhưng không phải tại cà phê đâu nhé."

"Tôi biết. Đâu phải chỉ người già mới bị chứng mất ngủ." Ông Henry ngừng lại nhảy mũi.

"Cám ơn ông. Ồ, ông bị sao vậy?"

"Đêm qua tôi bị lạnh quá chừng. Người cứ run lên cầm cập như sốt rét tới nơi. Hình như khi người ta sắp chết, người ta cũng nghe toàn thân từ dưới lạnh lên như vậy."

"Ông cứ nói giỡn hoài. Chắc là ông nhớ cô bán thuốc ở tiệm People Drug gần nhà. Ở nhà ông còn thuốc cảm không vậy?"

Duyên mơ hồ nhận ra giọng khò khè cố ý của ông Henry:

"Hay là cô muốn cứu lão Henry này thì đến ngay đi. Tôi biết ơn cô lắm."

"Dạ... nhưng mà ..."

Duyên ấp úng, nửa muốn giúp nửa ngại ngùng. Ông Henry tấn công thêm ngón đòn dụ khị bằng một âm hưởng thiết tha, chân thành:

"Cô đến nhé. Tôi cho cô xem cái này hay lắm."

"Có phải chiếc hộp qúy ông kè kè dưới gối không?"

"À, hóa ra cô cũng chú ý đến nó. Tôi đoán có sai đâu. Đàn bà, con gái chỉ thích những kích động tò mò."

"Ông nói vậy tôi sẽ không đến nữa. Để yên nỗi tò mò vẫn hay hơn."

"Cô này ngộ thật. Thôi cho tôi xin. Cô không đến, không ai cho tôi chút thuốc, không ai nói chuyện ... Vậy lòng bác ái của cô để đâu rồi."

"Lòng bác ái của tôi đang nằm ở sở thất nghiệp đó. Ông nghĩ coi, rồi tôi cũng phải chạy kiếm miếng cơm đổ vào mồm nữa chứ. Hay ông gọi con gái ông đi. Cho đỡ phiền luôn."

Ông Henry xuống nước tâm sự dài dòng làm Duyên mủi lòng:

"Họa may khi nào biết tôi ngủm rồi, nó mới đến. Thà là tôi nhận tình thương bố thí của người lạ. Thứ sồn sồn thay chồng như đồ lót nên đàn ông tử tế trốn mất cũng phải. Tôi thấy nó đi cày cho cố mạng chỉ tổ bị mấy tên đểu đào mỏ. Cái thằng mới nhặt đâu đó ở quán rượu cũng cao chạy xa bay rồi. Quýnh quáng nó lại về đào bố, cô nghĩ có tức không?"

Duyên bật cười bảo sẽ đến ngay, tuyệt nhiên không bàn về đời tư bà Lisa đanh đá. Ông Henry quả là người thuyết phục giỏi, kể chuyện vui. Không dưng Duyên chợt vui lây, muốn thoát ra ngoài một chút cho thoáng. Đi đâu cũng được, miễn là có một động lực để Duyên còn chịu khó vẽ một viền môi, tô một chút son và điệu điệu nhìn bóng mình trong gương.

Duyên sửa soạn nhanh hơn thường lệ, nhảy chân sáo ra xe. Không khí yên tĩnh của buổi sớm sau giờ thiên hạ đến sở làm Duyên dịu lại.

Con đường dẫn đến nhà ông Henry có những hàng cây đứng giao đâu rất thơ mộng. Căn nhà nằm trong khu chung cư khá giả vừa phải. Ở hai vuông cửa sổ có giăng tấm màn xanh nhã nhặn. Qua ngã tư đèn đỏ, Duyên vô tình khám phá nóc nhà quàng trắng toát mà bấy lâu Duyên ngỡ là nhà thờ nhỏ. Tự nhiên Duyên rùng mình nghĩ đến từng nỗi chết ghi dấu trên chiếc xe Limousine bít bùng, màu xám nhạt nằm chờ trước cửa. Chiếc xe mà biết đâu trong buổi "Prom Night" xa lắc, mấy tên bạn cùng lớp chót trung học đã hùn tiền để thuê chở Duyên cùng lũ bạn thân.

Duyên rẽ vào nhà ông Henry, sau khi dừng lại ở một tiệm tạp hóa mua ít thuốc cảm. Ông Henry chuẩn bị chỉnh tề ngồi chờ Duyên ở ghế xích đu trước nhà. Duyên và ông, cả hai cùng chào nhau một lúc, như cái máy.

" Thuốc của ông đây. Ông có cảm thật hay không vậy?" Duyên cười toét miệng, vờ bắt mạch ông ấy.

"Cảm ơn cô. Không bệnh tôi cũng khai xạo để gọi cô đến chứ. Ai bảo tánh cô hay tội nghiệp." Ông Henry cười hơi móm mém, đỡ lấy bịch giấy trên tay Duyên.

"À há. Bận sau nhà ông có cháy thật, tôi cũng phải xét lại đã nhé."

"Nói láo vì lý do chính đáng cũng ... OK thôi mà. Có nhánh hoa trắng cô vẫn thích tôi mới cắt trộm của bà lão bên cạnh. Tôi cắm đỡ trong chiếc ly để trên bàn cho cô đó."

"Cảm ơn ông. Coi chừng tôi mang tội đồng loã hoặc quyến dụ ông đi ăn cắp hoa tặng mình. Có gì nếu bà hàng xóm biết được là ông ráng trả nợ cho bà ta nhé."

" Ờ ... cùng lắm thì tôi tặng lại nụ cười trừ ... móm mém nhưng tình ra phết của mình là xong ngay."

Ông Henry cười hì hì một tràng dài như ngựa hí; trông ông ta vừa

giễu vừa trẻ lại mười tuổi.

"Ông có chắc là bà ấy để ý ông không đó mà cười tình, cười dê người ta."

"Ồ không đâu,. Tôi nói giỡn chơi thôi. Người ta là cặp vợ chồng tình nhất xóm này, cô không biết sao? Họ là đôi tình nhân may mắn nhất đi đâu cũng có cặp cho đến giờ này, và chắc cả giờ chết nữa cũng không chừng."

"Ông không ghen với họ chứ. Sao lại đi bẻ hoa của người ta vậy?"

Duyên đùa đùa để được nhìn bộ điệu nhăn nhó hết sức hài hước của ông ta (khi một người hỏi đùa và một người tưởng thật cứ thế trả lời thì câu chuyện càng lúc càng trở nên ngộ nghĩnh.)

" Ghen? Cô tưởng già đây thèm gây với họ mà cay cú ... đời mấy cái hoa trắng đó sao? Bề ngoài trông họ như vậy, nhưng bề trong tôi dám cá với cô là mấy chục năm nay mỗi người mỗi giường."

Thấy Duyên cười nắc nẻ, ông Henry càng tỏ ra nghiêm trang:

" Tôi nói mà cô không tin sao? Tôi chẳng ham kéo lê kéo lết với một vị quá thọ đâu. Hoặc gía tôi chết trước cũng không sao. Để còn chút gì thương nhớ, nuối tiếc nhau chứ, phải không cô? Tính tôi hay lo xa là vậy; sợ có ngày chịu hết nổi bộ mặt già nua chán chường của mình, rồi dám bị xô ngã xuống đất không chừng."

"Ông khéo lo. Hèn chi có một nhà văn nào đó bảo: Ngày sung sướng nhất của người đàn ông là ngày lấy nàng và đặt nàng nằm xuống."

"Đàn bà cũng vậy, có khác gì ... đâu; còn ác ôn hơn nữa. Để tôi kể cho cô nghe. Hồi chưa ở cái townhouse này, tôi nghe lời con quỷ Lisa, vào ở trong "Potomac Place", nơi dành cho những khứa về hưu ấy mà."

"Viện dưỡng lão thì bảo là viện dưỡng lão cho rồi. Chỗ hưu trí nghe cũng chẳng đỡ ngứa lỗ tai chút nào." Duyên cắt ngang.

"Ờ ... ờ đúng rồi đó. Nhưng tôi thích gọi nó bằng tên gọi khác cho đỡ tủi. Hồi vào đó nhà tôi còn sống cơ. Có điều bà ấy bệnh nên tôi thường đến với những sinh hoạt trong viện một mình. Trời ơi, cô Duyên không biết chứ ở đó có nhiều bà ... lão mê tôi lắm. Tôi mà cứ đi nhảy xì lô ... ôm với xì lô ... rốc vài lần nữa, là có bà đòi chờ ... lấy tôi khi bà nhà tôi khuất núi đấy."

"Thật sao? Bộ mấy bà lớn tuổi vẫn cứ yêu phơi phới vậy sao? Tôi tưởng trái tim họ lúc đó rệu rạo, sét rỉ cả rồi chứ."

"Sao không, ai cấm? Người ta chỉ già nhưng trái tim không bao giờ già cả. Nói cô đừng cười, chứ bà Joyce tôi quen còn đẹp hơn, trẻ hơn bà hàng xóm này nhiều. Bà ấy cứ đòi bỏ "Potomac Place" về đây ở với tôi cho có bạn, mà tôi còn nghĩ lại cơ. Bà ấy về đây thì tôi cũng có cặp như ai

chứ bộ."

"Ông Henry liệu mà nhanh chân lên chứ. Không khéo bà Joyce đi theo một tiếng gọi ái tình khác thì buồn. Có điều nếu so sánh cặp vợ chồng hàng xóm với cặp Henry - Joyce thì cặp tình nhân sau ăn đứt hơn ngay."

" Ăn đứt hơn ? Bộ cô không thấy chiều chiều hai ông bà ấy lụ khụ dìu nhau từng bước, ra ngồi đu đưa trước sân nhà là hình ảnh đẹp ... não nùng sao? Vừa rồi con cháu họ vác về hàng tá tổ chức năm mươi năm sống chung hoà bình của họ thật rầm rộ, ồn ào xóm trên xóm dưới. Cũng vui."

"Vắng tình yêu ấy coi như ... hoàn mỹ. Còn tình của ông với bà Joyce chúng ta gọi là tình mới mẻ, vui vẻ, trẻ trung vậy. "

"Cô làm như tôi định vào tròng với bà ấy. Thôi tôi ở với nhà tôi mấy chục năm là đủ thấy gánh nặng rồi. Không ham. Đàn bà là gánh nặng oằn trên vai đàn ông chúng tôi, chẳng ham đâu cô."

"Gánh nặng, nhưng nếu thiếu thì còn ... nặng hơn chứ không nhẹ hơn tí nào đâu đó."

"Cô nói đúng. Tuần tới, tôi sẽ đi dự đám cưới của đôi uyên ương thuộc kiểu lấy nhau rồi ... thác như vầy nè. Không hiểu sắp đi xa, mà ông bạn già của tôi còn vác thêm hành lý làm chi cho mệt. Bà ấy nặng gần hai trăm pounds và còn nặng cả ba bốn thứ tóc trên đầu: tóc trắng, tóc ngứa, tóc giả, tóc vàng ... (loe ngoe) mới chết ông ta chứ. "

" Thoạt nghe ông nói lấy-nhau-rồi-chết, tôi cứ tưởng là mối tình lãng mạn nhất địa cầu. Ai ngờ ông toàn xuyên tạc quan niệm về tình yêu, tình cuối của ông bạn ông thôi. Dù sao cũng nên hoan nghinh họ một phát vì họ dám làm, còn ông thì không."

"Cô đừng thách thức hay xúi dại tôi chứ. Tôi già thật nhưng vẫn còn minh mẫn lắm đấy. Gía tôi gặp lại tình xưa mà xin cho được bàn tay nhăn nhúm vì muộn màng của em thì không nói làm gì. Tôi bằng lòng đánh đổi với thứ tình yêu này, yêu rồi ... chết hay lấy nhau rồi thác cũng vậy."

"Ông Henry tưởng tượng ngộ nghĩnh đó chứ. Có điều xin lỗi ông nhe, ông ... già rồi, còn gì nữa mà gọi là đánh với đổi ?"

Duyên cười như pha lê vỡ, vụt hình dung đến những tình nhân không trọn ở trần gian rồi sẽ trùng phùng vào một ngày đời bóng xế nào đó.

"Có nhiều thứ lắm chứ. Khi một người đã đi qua những thăng trầm của cuộc đời, họ sẽ trở nên khó tính, dè dặt hơn trong lựa chọn. Họ tưởng như họ phải mất nhiều thứ lắm, mà trong nhiều chặng đời họ có được là sự trải qua, là những kinh nghiệm đau thương hay hạnh phúc đó. Sức lực của họ cũng khọng còn, nên nếu phải đi lại từ đầu, họ phải nỗ lực nhiều hơn

để ráng kéo nó về lại chứ. Chưa kể ít ra là tôi cũng đang có nỗi yên phận, của một người đã làm gần xong phận sự ... sống phải không cô?"

Nghĩ một hồi, người đàn ông dày dạn với nắng mưa bão tố cuộc đời nói tiếp sau khi nhấp một ngụm coke:

"Uống nước đi chứ cô. Rồi thì tôi sẽ đưa cho cô xem chiếc hộp. Nhớ nhắc tôi nhé kẻo già rồi tôi lại đãng trí cho mà xem. Người già hay quên vặt lắm, cô ạ. Chuyện xưa thật xưa tôi nhớ rõ lắm, nhớ mồn một không sai. Mà chuyện gần thật gần, có khi mới xảy ra tức thì tôi lại quên ngay mới lạ chứ. "

"Người trẻ như tôi cũng đãng trí đâu thua."

"À ... à tôi nhớ rồi. Sẵn cô đến, tôi muốn nhờ cô chở cho đi mua bó hoa và ghé lại nhà quàng gần đây được không?"

"Dạ được, mà ai mất vậy ông? Ông đã gọi đặt hoa chưa mà tới lấy? Có phải cái nhà quàng ở cái ngã tư gần nhà ông đây không? "

"Đúng rồi đó cô. Cô khỏi lo, vụ hoa xong rồi. Hồi bệnh nhà tôi trở nên quá nặng, tôi phải dọn về đây cho tiện. Một tuần lui tới nhà thương gần đây tới mấy lần. Ai ngờ rồi lại chở nhà tôi tới nhà quàng gần đó luôn, tức cái chỗ mà bạn nhà tôi cũng vừa mới chết hôm kia."

"Nhà thương và nhà quàng ai lại mở ra gần nhau như thế bao giờ, thấy mà ghê."

Duyên lè lưỡi hệt một người lúc nào cũng bị cái chết vây khổn, sợ hãi. Chẳng thể ngờ mới đêm qua Duyên còn cà tửng cà tơn với những viên thuốc ngủ suýt quên ... thở và nghỉ ... sống khơi khơi.

"Nhà thương không gần nhà quàng thì gần chỗ nào mới đúng chứ ? Hay là gần cái nghĩa địa nằm ngay thành phố này chắc ?"

"Ông cứ giỡn. Bộ ai cũng tới nhà thương để đưa đi nhà quàng cả sao? Thiếu gì những em bé sanh ra ở đó, nghĩa là ở đó cũng có sự sống chớ bộ. Nhất là nhà thương ở một nước văn minh như vầy, còn lâu mới cách nhà quàng mấy bước."

"Vâng, có những em bé sinh ra ở đó, nhưng cũng lắm người già lẫn trẻ bỏ đi vào cửa hậu. Theo tôi, nhà thương giống khuôn mặt thật của trần gian. Nơi đây có sự sống, sự chết, nụ cười, nước mắt và cả tình yêu là quan trọng nhất. Tình yêu của người đối với người (chẳng hạn của những cô y tá, những vị lương y từ mẫu với bệnh nhân ...) và tình yêu của vợ chồng con cái tình nhân lo lắng, vui mừng cho nhau. Cô đồng ý ? Mà thôi, để tôi cho cô xem chiếc hộp rồi mình còn đi. Cái này thú vị lắm."

"Tôi đang định nhắc ông đó, không quên đâu. Chiếc hộp gì mà thấy ông cưng qúi dễ sợ làm tôi phát thắc mắc."

"Tôi biết cô ngại hỏi dù cũng tò mò. Vì thế, ông già Henry nhất định

phải nhớ khoe cô một lần cho biết."

"Cho biết cái gì chứ ? Cái gì mà ... thú vị lắm vậy ?"

"Cho biết ... sự lẩm cẩm tội nghiệp của một người già ấy mà. Mà đây, cô nhắm mắt lại chờ tôi hô xong ba tiếng hãy mở. Nào, chúng ta bắt đầu. Một ..."

"Ông làm gì gay cấn vậy ?"

Duyên cười nửa miệng, thoáng nghĩ khi người ta không còn trẻ nữa (hay đã già) thì tâm tính họ vụt trở lại trẻ con (như một đối kháng tâm lý).

"Để cô hồi hộp thêm cho vui. Thôi tôi không đếm nữa. Cô cứ nhắm mắt khi nào muốn mở, cứ tự nhiên."

Duyên vờ nhắm mắt lại. Cho đến lúc ông Henry trở ra từ phòng ngủ, với chiếc hộp nhỏ dấu sau lưng. Duyên hỏi đùa như ngày xưa còn bé, Duyên vẫn chơi trò trốn tìm hay bịt mắt bắt dê:

"Nào, bây giờ tôi mở mắt ra được chưa ?"

Ông Henry tỏ ra thật lanh mắt :

"Nãy giờ tôi đâu thấy cô nhắm mắt. À không, hình như cô chỉ nhắm một con thôi hà."

Duyên nheo mắt cười :

"Ông Henry làm khó tôi quá. Ông không viết chứ ngay cả lúc ngủ, tôi cũng chỉ ngủ một mắt."

"Ngủ một mắt ? " Ông Henry nhướn người tới, tỏ vẻ ngạc nhiên .

"Đúng rồi. Mắt nào vui thì mở, buồn thì nhắm. Thường mắt trái của tôi đóng lại vì chắc là cùng phía với trái tim. Còn chiếc hộp, sao chưa mở cho rồi ?"

"Bộ trái tim cô buồn lắm sao ?" Ông Henry xuống giọng.

"Không biết nữa. Nhưng là một trái tim đã đóng." Duyên bâng quơ.

"Ờ đây, tôi gọi nó là chiếc-hộp-giữ-thời-gian. Cô thấy lão Henry làm thơ được không ?"

Ông Henry vừa nói vừa mở chiếc hộp có chạm lổ chổ những đường vẩy cá.

"Trời ơi một nhúm tóc." Duyên kêu lên không ngờ.

"Vâng, một nhúm tóc của thanh xuân. Bây giờ đầu tôi còn bạc hơn cả chiếc hộp bạc này nữa."

Ông Henry chép miệng, thở dài nuối tiếc.

"Trông ông thật giống nhà thi sĩ ... hết mùa, à quên, cuối mùa. Kể ra ông cũng có tâm hồn thi sĩ đó chứ. Nếu không hơi sức đâu nghĩ đến chuyện giữ nó làm gì. "

Duyên lắc đầu chào thua người thơ của cuối thế kỷ hai mươi. Chiếc hộp của ông Henry đúng là một trời thơ bí hiểm, chỉ vì Duyên không hiểu

nổi đã có một người chịu khó cưu mang nó trong bấy nhiêu năm.

"Cô không biết chứ ngày xưa ... hồn thơ của tôi lai láng lắm. Có đâu như bây giờ chẳng ai bơm nổi nên cạn ráo. Cạn, cái gì cũng cạn hết cả. "

" Trời ơi tội nghiệp hồn thơ của ông quá. Mà sao người ta không thể làm thơ suốt đời nhỉ ?" Duyên mơ màng.

" Thật ra tôi cũng đến với nàng thơ lai rai. Hôm nào hứng tôi sẽ đưa cô đọc chơi. Bây giờ tôi chỉ quý nhất là chiếc hộp này. Nó gợi lại cho tôi tuổi thanh xuân. Cô không làm như tôi, mai mốt sẽ có dịp tiếc."

" Tôi thì tôi nhờ cái máy hình để giữ lại thời gian. Còn tóc tai, chắc tôi mua một chai thuốc nhuộm là xong. Chỉ có trái tim thì làm sao có thuốc phẩm nào nhuộm nổi ? " Duyên cười ngu ngơ, nửa đùa nửa thật.

" Cô nhỏ này tếu thật. Vừa khen ông Henry có tâm hồn thơ xong lại chọc quê. "

"Ông không biết tôi hay đùa dai sao ? Nhiều khi tôi nói mà chẳng biết mình nói gì. Cứ xằng cái này với cái kia, chẳng ra đâu vào đâu cả. Lộn xộn. Ông thấy không, ồ ông thấy không . . . "

" Thấy cái gì vậy ? À ... à ... những hạt bụi đó hả ? Cô này thiệt.."

" Những hạt bụi thật bé nhỏ nhưng cũng thật ... bao la, ông biết không ? Kìa ... kìa, hạt bụi đó giống ông nhất vì có vẻ chậm chậm, lờ đờ. Còn tôi, chắc giống hạt bụi đang nhảy tưng tưng trên những tia nắng hồng hồng đó. Ông thấy không ? "

Duyên nhíu mắt y hệt nhà triết gia đang hồi trăn trở, phải suy nghĩ lung lắm :

"Thân xác bụi bặm của tôi và ông chiếu xuyên những loạt nắng vàng, nắng xanh sớm nay, ví như những đi qua trầm luân cuộc đời."

"Thú vị lắm. Có phải tôi là hạt bụi ở cuối tia nắng này không ? Trông nó có vẻ sắp bay đi rồi đấy. Biến mất hay trở về nơi đâu nhỉ ?"

"Hư không. Bộ ông không nhớ có lần chúng ta đã nói sơ sơ về giáo lý đạo Phật sao ? Ông có vẻ chịu chữ này lắm mà."

"Phải rồi, tôi quên. Người già đúng là hay quên. Tôi đúng là hay quên và hết thời rồi."

"Ông đừng tưởng người già hết thời. Bằng chứng ông thần tượng Goethe của tôi sáng tác kịch bản bất hủ Faust năm tám mươi ba ruổi, Bernard Shaw viết vở kịch xuất chúng Forfetched Fable năm chín mươi hai tuổi. Còn nữa. Nữ họa sĩ gì đó, GrandMa Mose thì phải, hoàn thành họa phẩm nổi tiếng năm một trăm tuổi. Nhiều ... nhiều nữa, ông muốn tôi kể tiếp không ?"

"Cô chả than những tên tham quyền cố vị ở nước cô bây giờ toàn những tên khú đế không thôi. Vậy không phải hết thời sao ?"

"Ông lại chơi chữ nữa. Thật ra cũng có thể coi đó là thành tích đáng kể của những người già. Mà thôi, già hay trẻ cũng một lần. Chúng ta còn phải đi mua hoa "mừng" người chết nữa, kẻo trễ mất. Chết biết đâu cũng là một cách để bắt đầu một cuộc chơi khác."

"Tôi chỉ mong càng trễ càng tốt. Chuyến xe cuối cùng của một đời người mà về sớm hay đúng giờ theo kiểu Mỹ thì ... có mời tôi cũng chẳng muốn lên đâu đấy. Nhưng mà có ai khất được đâu cô nhỉ."

Ông Henry vẫn cười hì hì , dù trong giọng nói pha ít nhiều thân phận đắng cay của kiếp người . Duyên vói tay lấy chìa khóa, vờ lảng tránh đôi mắt buồn thiết tha của ông ấy.

Kiếm được việc bán thời gian, cộng với vụ dọn nhà sắp đến khiến Duyên khá bận. Bẵng đi vài tháng, Duyên không đến gặp ông Henry. Lâu lâu, nghe ông ấy réo, Duyên cứ lần lữa. Riết rồi trở thành thói quen ích kỷ lúc nào không hay.

Thật ra Duyên có lý do ngụy biện cho sự vô tình của mình. Ông Henry vừa lấy bà Joyce, nhân vật quả quyết một đám cưới không cần tiệc tùng, rượu hồng hay phòng ngủ gì ráo chỉ vì coi nhau như ... bạn (nàng sẽ lịch sự ngủ ở phòng khách, và chàng sẽ thật thà ngủ ở phòng tắm vì chứng tiểu đêm hay tiểu đường gì đó.)

Sự thể lấy vợ ấy (í quên, chỉ mời bạn tâm đắc về ở chung cho vui) làm Duyên không còn thương hại cho sự côi cút của ông ta nữa. ít ra là từ đây ông Henry sẽ có người nhắc (hoặc tử tế hơn thì được người đẹp lão cúi xuống lượm giùm hay còn dư giọng thì hét lớn) vụ bạ đâu bỏ vớ đó và chén dĩa dơ không chịu rửa vân vân ... Chả là lần đầu Duyên đến thăm ông Henry, Duyên đã không thể tin vẫn còn một sự sống (dù tàn lụn) dưới căn phòng với đồ đạc và rác rưới lên tận đầu như thế.

Bây giờ thì khác. Duyên luôn tự hào chính mình đã mang sinh khí ruổi trẻ đến tặng không ông ta. Dù sao đây cũng là thứ tình cảm qúy hiếm trên đất khách. Duyên hiểu chứ, ánh nhìn của người đàn ông khác quê hương, khác tuổi tác đã nói lên sự hấp lực kỳ diệu của Duyên. Một sự hấp lực Duyên không hề muốn tạo ra và chẳng bao giờ ở thế chủ động, nếu không muốn nói là bất lực.

"Ông ta là một người quá lãng mạn chăng ?" Duyên lập lại câu hỏi ấy trong đầu lần nữa, khi nghe tin ông Henry hết chịu nổi cô đơn. Ông Henry đầu hàng bà Joyce hay hàng phục thứ thế giới cô liêu của người già cũng gần giống nhau. Gặp ông để chúc mừng, Duyên vờ nói mát :

"Ông Henry và bà Joyce lấy nhau làm thống kê về những người già cảm thấy cô đơn sụt xuống còn mười hai phần trăm thôi đấy. Cũng tốt

thôi. Vậy là công việc thăm viếng của chúng tôi coi như không cần thiết nữa. Cho tôi giải nghệ nhé."

Ông Henry vẫn còn thích ba hoa, đùa:

" Ai không tôi không biết, chứ tôi thì cô đơn dài dài và biết đâu sẽ cô đơn hơn trước nữa. Thật ra cô đơn đâu có đợi ... tuổi. Người trẻ chắc cũng cảm thấy vậy, và có khi còn cô đơn bạo hơn nữa kìa. Cô chẳng có lần thú nhận đó sao ?"

Mọi chuyện xảy ra sau đó đúng như dự đoán (Duyên gọi là nguyền) cuả ông Henry. Oâng ấy không thể không cô đơn hơn trước khi gặp phải mụ đàn bà như bà Joyce. Sáu tháng sau khi lấy nhau, bà Joyce đã rên với Duyên (làm Duyên liên tưởng đến vụ di chúc):

" Trời ơi ! Người chi mà sống lâu dữ vậy không biết. Oâng Henry và tui lấy nhau gần cả năm trời chớ bộ, sao ông ấy chưa chịu ngủm đi cho tôi nhờ."

Một lần khác, bà Joyce gọi giật giọng Duyên vào nửa đêm:

"Ông Henry mà cứ hết ngày rồi nghiến răng trèo trẹo cả đêm thế này, chắc tui đạp ổng xuống đất quá. Tui có yêu thương ông ấy gì cho cam, sao bắt tôi chịu đựng dữ vậy hả trời ? "

Lần đó Duyên đề nghị bà Joyce ra sofa ngủ đỡ thì bà ấy gạt phăng ngay. Lấy lý do ông Henry lỡ làm chiếc gối ôm cho bà gát mỗi đêm rồi (điều này chắc ông ấy sớm đứt gân cốt quá) và rằng thì là ... bà ấy cũng biết sợ ma như hồi còn con gái vậy. Rốt cuộc, Duyên thấy mọi chuyện thật buồn cười và mâu thuẫn.

Không trách bước thêm một bước (run rẩy, loạng choạng) với bà Joyce trên dưới một năm, thì ông Henry bỗng mắc bệnh Alzheimer nặng. Từ đó tuy tội nghiệp ông, Duyên vẫn chỉ ghé một lần vì ông ấy không nhận ra Duyên nữa. Còn bà Joyce hễ gặp Duyên thì tha hồ nhăn mặt nhăn mày (có lần Duyên dọa: giận dữ, đay nghiến người khác quá, coi chừng lại làm phiền đến mình, chỉ tổ già thêm.)

"Cô nghĩ coi, tui săn sóc khổ sở với ông ấy đủ điều lúc cuối đời. Thời còn trẻ, vợ ông ấy đã hưởng hết rồi còn gì. Đến bây giờ có một nấm mộ, ông ta cũng làm tui tủi thân quá trời. Hồi ông còn biết đâu là đâu cơ, tôi có bàn đặt mua hai phần mộ khác cho chúng tôi nằm bên nhau. Ông ấy không chịu, cắt cớ đòi nằm ở giữa; tôi với bà trước mỗi bà chôn một bên. Cô nghỉ làm sao tôi có thể làm con ma không biết ghen đây chứ."

Lần này chắc ông Henry đổi ý khi chuyến xe tử thần đến mời, Dù chưa kịp mua vé, Duyên nghĩ ông ấy cũng thà leo nhanh lên xe đi ... cọp. Lỡ chậm chân, bà Joyce kéo lại thì chỉ có nước ... thác chung với bà ta.❐

tạp ghi

nguyễn quốc trụ

Hãy cho anh khóc bằng mắt em...

Tháng 10 năm 1996, nhân loại kỷ niệm lần thứ 40 Cách Mạng Hungary. Cùng với sự sụp đổ của đế quốc Cộng sản, nhân loại ngày càng chịu ơn rất nhiều từ những cuộc nổi dậy vào những năm 50 và 80. Sau Hungary, Ba lan, Tiệp khắc, Hiệp Ước Warsaw với các nước Đông Âu của Moscow không còn là một bảo đảm cho một cuộc đánh chiếm Âu châu của CS. Có thể nhờ vậy mà một cuộc thế chiến thứ ba đã không xảy ra.

Hãy cho anh khóc bằng mắt em
Những cuộc tình duyên Budapest
Anh một trái tim em một trái tim
Chúng kéo đầu đường xe tăng đại bác

Bách khoa tự điển Columbia ghi tóm tắt như sau: Ngày 23 tháng 10 năm 1956, một cuộc cách mạng của dân chúng chống lại CS đã bùng nổ tại Hungary, tập trung tại Buadapest. Một chính quyền mới đã được thành lập bởi Imre Nagy, tuyên bố Hungary trung lập, rút lui khỏi Hiệp Ước Warsaw, kêu gọi sự trợ giúp của Liên Hiệp Quốc. Tuy nhiên, Janos Kadar, một trong những bộ trưởng của Nagy, thàmh lập chính quyền chống cách mạng, yêu cầu Liên xô can thiệp. Quân đội Liên xô đã đàn áp bằng sắt và máu. Nagy và một số bộ trưởng bị bắt và sau đó bị xử tử... Những hồ sơ mật tại điện Cẩm linh sau này cho thấy, Khruschev đã nói... sự việc ngày càng rắc rối, công nhân đã tham gia... Pháp và Anh bị khủng hoảng vì vụ kênh đào Suez. Chúng ta đừng để bị chung xuống với họ. Sau cuộc họp giữa chủ tịch Mao và những đặc sứ của Moscow, vào ngày 30 tháng 10, Khruschev nói... có hai đường lối, hoặc đàn áp bằng quân sự, hoặc rút quân và điều đình.

Giả sử điều Gobachov đã làm năm 1989 là điều Kruschev đã làm vào năm 1956. Những tài liệu mật này cảnh giác chúng ta chống lại cái mà Bergson gọi là những "ảo tưởng của định mệnh thuyết được soi chiếu lại" (the illusions of retrospected determinism). Chống lại ý nghĩ, điều sau cùng xảy ra đã phải xảy ra. Nhưng sự "cởi mở" không kéo dài. Ngày 31

tháng 10, Kruschev nói: " Chúng ta phải đánh giá lại, và không nên rút quân. Phải tìm cách tái lập trật tự". Chủ tịch Mao đòi hỏi điều đó, cộng thêm sự bảo đảm của ngoại trưởng Hoa kỳ: "Chúng ta (Mỹ) đừng trông mong, những thành viên của Hiệp Ước Warsaw (những nước Đông Âu), như là những tiềm năng quân sự" Khruschev nói tiếp, nếu chúng ta rút khỏi Hungary, đám đế quốc sẽ coi đó như là một yếu kém của chúng ta và họ sẽ tiếp tục tấn công. Sau Ai cập sẽ tới Hungary". Và đây là quyết định sau cùng: "Đồng ý ký tên. Các đồng chí Zhukov, Bulganin, Molotov,....".

Nhưng ghi nhận cuối cùng mới "thú vị": Chúng ta nên thành lập một chính quyền tạm thời dưới quyền của Kadar... Nếu Nagy đồng ý, cho ông ta làm phó thủ tướng, (dep. premier)".

Cách mạng thất bại và cuộc đổ máu sau đó, một phần còn do vai trò của Đài Phát Thanh Âu Châu Tự Do. Những buổi phát thanh của đài này đã đem lại một hy vọng giả cho những người tham gia cách mạng, rằng Tây phương sẽ can thiệp. Đài này còn tố cáo Nagy là người đã có cùng-trách nhiệm, trong việc kêu gọi quân đội Liên xô đàn áp cách mạng. Tháng Sáu 1989, một lễ cải táng di hài Nagy và những đồng sự của ông, cùng với sáu quan tài của những Người Nổi Dậy Không Tên đã được thực hiện, và là một biểu tượng nói lên giai đoạn chuyển tiếp từ chủ nghĩa cộng sản qua dân chủ.

Bài thơ của Thanh Tâm Tuyền, được làm tháng 12 năm 1956, sau in lại trong tập *Liên Đêm, Mặt trời Tìm Thấy*, cùng với một số bài thơ khác, về những nạn nhân khác, của cộng sản, như Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm...là những tưởng niệm chung của chúng ta, hôm nay:

Hãy cho anh giận bằng ngực em
Như chúng bắn lửa thép vào
Môi son họng súng
Mỗi ngã tư mặt anh là hàng rào
Hãy cho anh la bằng cổ em
Trời mai bay rực rỡ
Chúng nó say giết người như gạch ngói
Như lòng chúng ta thèm khát tương lai
Hãy cho anh run bằng má em
Khi chúng đóng mọi đường biên giới
Lùa những ngón tay vào nhau
Thân thể anh chờ đợi
Hãy cho anh ngủ bằng trán em
Đau dấu đạn
Đêm không bao giờ không bao giờ đêm

Chúng tấn công hoài những buổi sáng
Hãy cho anh chết bằng da em
Trong dây xích chiến xa tội nghiệp
Anh sẽ sống bằng hơi thở em
Hỡi những người kế tiếp
Hãy cho anh khóc bằng mắt em
Những cuộc tình duyên Budapest

Trầm luân vì niềm tin.

Sartre có lần định nghĩa, tác phẩm lớn giống như cây đại thụ. Nó sừng sững ở đó. Tại sao không ở một chỗ khác, làm sao giải thích nổi. Riêng cá nhân người viết, một tác phẩm lớn, đôi khi còn giống như một món đồ thân yêu, ở trong nhà, ở ngay nơi hàng ngày thường gặp, thuộc loại gối đầu giường cũng nên, vậy mà vẫn không nhận ra, hoặc tưởng chừng đã biết rất rõ về nó, nhưng sự thực không phải vậy. Rồi một ngày nào, duyên hạnh ngộ chợt tới, và cuốn sách lúc này mới bầy tỏ "niềm bí ẩn cuối cùng" của nó. Với cá nhân người viết, trường hợp cuốn *Darkness at Noon*, của A. Koestler.

Tôi được đọc cuốn sách rất sớm, qua bản dịch "Đêm hay Ngày", do Phòng Thông Tin Hoa Kỳ xuất bản, những ngày đầu làm quen với Sài-gòn, cố tìm cách "biện minh" cho một chuyến bỏ nhà ra đi, đi thật xa, chẳng mong gì có ngày trở về. Trong trí óc ngây thơ của chú bé di cư ngày nào, đây chỉ là một cuốn sách "chống cộng", tức là một cuốn sách tuyên truyền, nếu không tại sao nó lại được người Mỹ xuất bản. Lần thứ nhì, đọc cuốn sách, qua bản dịch bằng tiếng Pháp, *Le Zéro et l'Infini*, Số không và Vô tận, vào năm cuối của bậc Trung học. Đọc và đối chiếu với bản tiếng Việt, chủ yếu là học, tập tành "dịch" sách "Tây". Đọc cùng thời với những cuốn sách về Marxisme, của những tác giả như H. Lefebvre, M.Ponty... Cùng thời với những tác giả hiện sinh như Camus, Sartre...Đọc, yêu và kính nể tác giả của nó, nhưng vẫn chưa có cơ hội cảm nổi nhân vật chính của ông, Rubashov. Lần rời bỏ Sài-gòn, trong mấy cuốn vội vã mang theo, tôi lại gặp Koestler. Lúc này tôi chỉ thấy "thương" Rubashov hơn, và tìm cách so sánh nhân vật giả tưởng -suốt đời tin vào chủ nghĩa, đến lúc thất sủng, bị anh em đồng bọn đem ra sử bắn, vẫn mong mỏi cái chết của mình thuộc loại Tử vì Đạo: Đạo Cộng sản- với những con người CS bỏ chạy đồng bọn, vốn đầy rẫy trong trại tị nạn. Phải tới lần cuối cùng, gặp Rubashov, trong một thư viện tại Toronto, Canada, cùng lúc đọc bài viết của Harold Strauss, (May, 25, 1941, được đăng lại

nhân dịp tờ The New York Times Book Review làm số đặc biệt, kỷ niệm 100 năm văn chương, 1896- 1996). Nhờ H. Strauss, duyên hạnh ngộ của tôi với Koestler, với Rubashov của ông, mới thật sự trọn vẹn.

Vả lại cuốn sách cũng rất bị "hiểu lầm", và có thể được đọc như là một bài diễn văn sơ đẳng về một triết lý mang tính chính trị, vì đã thoát thai từ những "người thực, việc thực", từ những vụ án phản động tại Moscow. Nhưng nó đã được viết với một sức mạnh "bi tráng" (dramatic power), với sự ấm áp của tư duy, cảm nghĩ, với sự giản dị đầy tính chiêu dụ, mời gọi, và trở nên cuốn hút như là một khúc bi ca.

Rubashov là tổng hợp của tất cả những người Bolsheviks cựu trào bị trừ khử bởi Stalin. Cuốn truyện mở ra vào năm 1938, với sự bắt giữ Rubashov. Một sự bắt giữ mà ông đang mong đợi. Ông chẳng phạm một tội nào trong tất cả những tội ác mà sau đó ông sẽ tự thú. Theo kiểu suy nghĩ "chuẩn mực", những chuẩn mực "xa xỉ, đỏm đáng" (luxurious), ông ta vô tội. Nhưng trong cái đầu có sạn, Rubashov hiểu rất rõ, ông có tội. Tại sao ? Bởi vì ông vẫn là một trong những chuẩn mức làm nên con người "cách mạng", 40 năm trời tự nguyện hiến thân cho sự nghiệp vô sản, làm sao hoàn tất nó với tất cả mọi phương tiện, dù ghê tởm, tàn nhẫn tới đâu. Khi một con người "thép đã tôi" đến như thế, mà lại để một chút nghi ngờ còn con "len lén" chui vào tâm tư, khi ông tự hỏi, phải chi mà cuộc cách mạng đỡ tốn kém đi một chút, những đau thương, những mạng người, khi đó, ông biết mình hết còn ngây thơ, vô tội. Chỉ một chút lòng trinh bạch là đủ để bị trừng phạt bằng cái chết. Thật tuyệt vời, Koestler theo sát nút những suy nghĩ của Rubashov, tới tận điểm của "mê cung", sự thừa nhận cuối cùng,"tay chót nhúng chàm": "Tôi không còn tin vào sự "bách chiến, bách thắng, khả năng vô địch" của riêng tôi. Vì vậy, tôi thua".

Tuy là một cuốn sách viết về nhà tù, nhưng không có sự đối xử "ác ôn, côn đồ" ở đây. Vấn đề là, một khi bị coi là có tội, theo tiêu chuẩn của nhà nước Xô-viết, tội nhân, hoặc chết trong im lặng, hay "được" quyền tự thú trước nhân dân. Giải pháp nằm trong tay hai thẩm tra viên, Ivanov và Gletkin.

Cả hai đều muốn Rubashov bằng lòng tự thú công khai, vì thế giá cách mạng của ông rất cao, trừ khử ông không một lời giải thích sẽ gây một tổn thất lớn lao về đạo đức cách mạng đối với nhân dân. Ivanov, vốn là một Bolshevik cựu trào, tin rằng có thể "nắm" được diễn biến tư tưởng của người đồng chí cũ.

Hai buổi hỏi cung đầu là do Ivanov. Bằng một lôgic không thể chê, không thể lay chuyển được, anh cho người đồng chí cũ thấy những vấn đề mà bản thân Rubashov không ngờ được. Anh cho thấy đầu tiên của sự

mất cảm tình, không trung thành của Rubashov, là khi ông trở về từ Đức, sau hai năm bị Nazi cầm tù. Ông đòi hỏi được đi công tác tại hải ngoại liền ngay đó, mặc dù được trao một chức vụ quan trọng ở trong nước. "Anh không cảm thấy thoải mái ở đây, chắc thế? Trong lúc anh vắng mặt có một số thay đổi, và rõ ràng là anh không hài lòng? Một khi Rubashov thừa nhận ông không hài lòng, việc trừ khử những cựu trào, cái bẫy siết dần ông.

Bởi vì, theo suy nghĩ của Đảng và Nhà Nước, một chống đối công khai luôn bắt nguồn từ một bất trung thành ngấm ngầm. Ivanov chơi một trò chơi tuyệt hảo với Rubashov. Anh kêu gọi, nhắc nhở người đồng chí cũ về sự tuân thủ kỷ luật của Đảng mà ngày nào ông đã từng một lòng một dạ. Anh cố dụ ông tin rằng ông đã lầm lạc. Cuối cùng thành công. Nhưng Ivanov bị khiển trách và bị xử bắn sau đó, vì đã quá tình cảm với tội nhân. Buổi hỏi cung cuối, khi Rubashov đã sẵn sàng thú tội, do Gletkin, một kẻ không còn một chút dây mơ rễ mái với đám cựu trào. Đây là một màn tra tấn rất tinh vi tạo nên một cơn hấp hối kéo dài. Chủ đích là phải đem vào bản tự thú, những tội ác đặc thù. Một thoả thuận ngấm ngầm được đặt ra giữa tội nhân và đao phủ: Một khi lời buộc tội được kể như là đúng, tự gốc rễ, cho dù gốc rễ này chỉ mang tính chất trừu tượng, hợp lý, khi đó Gletkin được quyền tha hồ vẽ ra những chi tiết còn thiếu.

Nhưng đây mới là "mấu chốt" của câu chuyện, điều mà bao lần đọc *Darkness at Noon*, tôi đã không nhìn ra, may nhờ H. Strauss mới thấy được: Trong khi, bề ngoài, Gletkin thắng trận đấu sinh tử tay đôi (duel), một sự thay đổi lớn lao đã xảy ra, bên trong Rubashov. Ông lần hồi trở lại "làm người", một con người của suy tư, cảm nghĩ, của những cảm xúc mang tính chủ quan. Trong khi cái đầu của ông tỏ ra hài lòng với Gletkin, trái tim của ông thừa nhận, có lẽ con người không nên theo những hiệu quả lôgic của tư tưởng (của người đó) cho tới tận cùng- "Có lẽ, lý lẽ không thôi là một cái la bàn không hoàn hảo, nó sẽ đưa con người vào một chuyến đi đầy dông bão, cuối cùng bến tới biến mất trong đám sương mù". Hiệu quả huyền ảo của cuốn truyện là một mỉa mai bi thảm: Rubashov tự thú công khai trước nhân dân, và sau đó bị xử bắn, nhưng ông mới là kẻ thắng trận, trước đám người thống trị, nhục mạ ông.

Thời gian của người

Đây là lúc để thừa nhận - để rú lên, hay để gào khóc
Ta đã sống đời ta như một con chó...
Ilya Ehrenburg

Đó là những dòng thơ Ehrenburg viết một năm trước khi chết. Nhà thơ, nhà văn,và trên tất cả, nhà báo nổi tiếng nhất trong số những người cùng thời tại LiênBang Xô Xiết. Chẳng bao giờ được chế độ tin cậy, ngay cả những khi lên đến tộtđỉnh của vinh quang. Bị khinh khi bởi những người chống Stalin. Nạn nhân củanhững mâu thuẫn nội tâm vô phương hoà giải.

Cuộc đời của I. Ehrenburg đầynhững đau thương, ray rứt. Bản chất dễ xúc cảm trước những đau khổ của con người, nhưng chút nhân tính đó chẳng là gì so với sự yếu đuối vì còn phải lo cho an nguy bản thân, phải làm sao đừng thiếu thốn một chút tiện nghi, cuối cùng ông đành xả thân phụng sự hết mình cho chế độ phi nhân, cho dù luôn luôn bị xâu xé bởi tình yêu nước Nga và lòng trung thành với gốc Do thái của mình. Ông chết năm 1967, "nát bấy người", kể cả tinh thần lẫn thể xác, trong niềm hoài nghi về những "nhiệm vụ nào cũng hoàn thành", trong niềm ăn năn về nhữngthỏa hiệp liên quan đến vấn đề đạo đức, nhân phẩm.

Cuộc đời ông có thể chia làm ba giai đoạn. Giai đoạn đầu kéo dài tới năm 1932, khi cư ngụ ở Paris, ông trở thành phóng viên cho nhật báo Izvestiya. Từ đó tới năm Stalin chết, 1953, ông là "tuyên truyền viên" nổi tiếng cho Stalin, đầu tiên là để chống lại Phát-xít, sau tới Hoa Kỳ. Sau khi Stalin chết, ông đóngvai nhập nhằng giữa một kẻ bảo vệ đường lối mới chống-Stalin, trong khi cố gắng cùng lúc, làm sao "ổn thỏa" với quá khứ.

Sinh tại Kiev, trong một gia đình Do thái khá giả, đã được đồng hóa, "hội nhập", Ehrenburg luôn cảm nhận gốc rễ Do thái của ông. Năm 1905, 15 tuổi, doảnh hưởng của bạn là Nicholas Bukharin, ông gia nhập Bolsheviks. Tuy nhiên,không được bao lâu, ông bỏ đảng. Năm 1908, ông rời đi Paris. Nơi đây trở thành nhà của ông, mãi tới năm 1940, khi Đức chiếm đóng. Ở đó ông sống một cuộc đời lãng du, quen biết đám trí thức nổi tiếng Pháp, đây là một "tài sản quí giá"của ông đối với nhà cầm quyền Xô Viết. Khi cuộc cách mạng tháng Hai xảy ra, ông trở về Nga. Ông không chấp nhận cuộc nổi dậy của Bolshevik, kết án nhữngkẻ cầm quyền mới vì đã ngăn cấm tự do ngôn luận. Để trốn chạy ông rời đi Kiev, ở đó, ông viết báo chống Bolshevik, tố cáo những người theo Lênin là những tên hiếp dâm, những kẻ tiếm quyền, thề nguyền không một thứ quyền lựcnào bắt buộc ông phải sống bằng "sắc luật này tới sắc luật khác". Sau khi HồngQuân chiến thắng Bạch Vệ, chiếm đóng Ukraine, ông xin xuất cảnh. Với sự giúp đỡ của Bukharin, đầu năm 1921 ông trở lại Paris, tiếp tục cuộc sống trước1917, viết ào ạt. Trong vòng 10 năm, 19 cuốn sách, chưa kể bài viết linh tinh, có vài cuốn được in tại Nga. Cuốn quan trọng nhất, Julio

Jurenito, 1921,Berlin, tố cáo sự toa rập giữa chế độ Stalin và Nazi. Cuốn sách làm ông nổi tiếng tại quê nhà và đây là tác phẩm văn học lớn lao nhất, và cũng là độc nhất của ông. Cùng với việc ngôi sao quyền lực của ông trùm đỏ ngày càng sáng tỏ, và đời sống kinh tế, tiền bạc ngày càng khó khăn, khó kiếm, Ehrenburg từ bỏ văn chương, ngả sang chính trị. Trong những bài viết, bài nói, ông lên tiếng chỉ trích Balan, Pháp, Hoa-kỳ, bảo vệ Liên Bang Xô Viết. Stalin tỏ ra có thiện cảm "vô bờ" với gã émigré, một ứng viên rất hợp khẩu vị của ông: trí thức Do thái, với một quá khứ chống-Bolsevik, giao du với những "tinh hoa, trí thức"tại thủ đô văn hóa Paris. Mối thiện cảm cho thấy cuộc đời Ehrenburg được cứu rỗi, về vật chất, nhưng thảm kịch tinh thần của ông cũng bắt đầu. Một tác phẩm viết theo tinh thần"hiện thực xã hội chủ nghĩa", đặt tên là "Hết thời hỗn mang", ca tụng hết lời chủ trương kỹ nghệ hóa của Stalin. Ông tự mình in lấy vài trăm cuốn, gởi một mớ tới mấy cơ quan lo việc xuất bản ở Moscow, và một mớ, tới Bộ Chính Trị TrungƯơng Đảng. Mớ trước bị vứt vào sọt rác, nhưng trước sự ngơ ngác của tất cả mọi người, Stalin tỏ ra rất thích thú, ái mộ, và ra lệnh cho Radek viết bài ngợi ca. Khỏi nói, sách được in ra cấp thời. Ở Paris, Ehrenburg trở thành nhà văn Xô viết đầy đủ lông cánh. Đừng ai đụng tới ông ta, con cưng của Stalin. Ông trùm đỏ vốn ban ân sủng theo lối tùy hứng, nhưng trong trường hợp Ehrenburg, Stalin có tính toán trước. Nhà độc tài cần, và Ehrenburg sẵn sàng chấp nhận,vai trò vị đại sứ của Stalin tại khu vực Tả phái Âu châu. Trước hết là chốnglại Phát-xít. Năm 1934, Ehrenburg viết thư cho Stalin, đề nghị thành lập liên hiệp quốc tế chống- Phát-xít: "Tình hình ở Tây Phương rất thuận lợi. Đa số những nhà văn tài năng nhất, vĩ đại nhất, nổi tiếng nhất thành thực muốn gia nhập với chúng ta trong việc chống lại Phát-xít." Để thí dụ, ông kể tên RomainRoland, Thomas Mann, Henrich Mann. Lá thư này đã khiến cho chính sách của XôViết thay đổi, trước đó vốn không chấp nhận bất cứ một sự cộng tác nào của đám trí thức nước ngoài, những người không "tam cùng" với chủ nghĩa CS. Stalin"chịu" đề nghị của Ehrenburg và ra lệnh cho Lazar Kaganovich và Andrei Zhdanovcùng làm việc với ông.

Cuộc xâm nhập văn hóa này tỏ ra rất thành công, kể cả trước và sau Đệ Nhị Thế Chiến. Nó tạo một dư luận thuận lợi cho Liên Bang Xô Viết, vô địch cho tự do và hoà bình của mọi thời, trong khi sự thực đây là thời gian ở trong nước, Liên Xô đang huỷ diệt mọi tự do, và đang trên đường hung hăng điên cuồng sửa soạn chiến tranh. Đám nhà văn, khoa học gia, nghệ sĩ nổi tiếng thế giới, mù tịt về thực tế Xô Viết, ngây thơ tin tưởng chỉ còn Russia là có thể cứu vớt loài người khỏi chủ nghĩa tư bản bịnh và Nazi quỷ. Qua tài phù thủy của Ehrenburg, các Phong Trào, Mặt Trận... mọc

lên như nấm. Hết chống Phát-xít tới đế quốc Mỹ. Hết Hội nghị Nhà văn tới Hội nghị Hòa bình... Chính ông đã "dụ khị" André Malraux và André Gide viếng thăm Liên-xô.

Trong đời, Ehrenburg đã từng trích dẫn lời khuyên của Tolstoy: (1) Đừng bao giờ viết bất cứ một điều gì mà anh không quan tâm. (2) Đừng bao giờ viết vì tiền. (3) Nếu anh không thể viết điều anh muốn, đừng viết gì hết. Ông đã "vi phạm" cả ba, lúc điều này, khi điều nọ, tùy theo nhu cầu, giai đoạn.

Với tư cách phóng viên của nhật báo Izvestiya, ông du lịch, viết bài về cuộc NộiChiến Tây Ban Nha. Là cái loa tuyên truyền cho Xô-viết, ông cố tình lờ đi việc thủ tiêu dã man bởi đám đồ tể của Stalin, tại Tây Ban Nha, đối vớinhững phần tử vô chính phủ (anachists), và những người xã hội theo Trotsky. Tiếp theo đó là "thời khổ ải" đối với ông. Thời kỳ 1936-37, ông đành phải nhắm mắt ngậm bồ hòn, trước những "vụ án" đối với đám cựu trào Xô-viết bị buộctội do thám và âm mưu lật đổ. Ông có mặt tại Moscow khi xử án Bukharin, bạn thời niên thiếu và cũng là người che chở Ehrenburg. Ông trùm đỏ, vốn là một tay sa-đích bậc thầy, đã ra lệnh cho Ehrenburg phải có mặt tại phiên tòa. Ông"mần thinh" trước công lý bị chà đạp, và bạn ông bị xử tử sau đó. Trong thời gian Liên-xô "đi đêm" với Quốc Xã, Moscow cảm thấy cái loa chống-Nazi của ông bất thuận lợi, cho nên Izvestiya vẫn tiếp tục trả lương cho ông nhưng không đăng bài. Rồi hiệp ước bất tương xâm Stalin-Hitler nổ bùng ra. Hiệp ước phản bội tất cả những gì mà Ehrenburg coi là thiêng liêng cao cả. Trong vòng 8 tháng trời, ông không nuốt nổi đồ ăn, sống nhờ rau cỏ, sút 40 pounds.Trong thời gian chiến tranh bài viết của Ehrenburg trên tờ báo Hồng Quân được đích thân Stalin kiểm duyệt mỗi ngày. Lòng hận thù, sự ghê tởm đối với quân đội Đức do những bài viết tạo nên, đôi khi khủng khiếp đến độ lính Nga tàn sát hàng loạt binh sĩ Đức, cho dù họ đang sửa soạn để đầu hàng. Hận thù, một phần do lòng ái quốc, do gốc rễ Do thái, nhưng chủ yếu là ông không ưa người Đức, bởi ý thức hệ của họ, cũng như những sắc thái đặc biệt của dân tộc này. Ngay từ khi còn là một đứa nhỏ, trong một lần viếng thăm Đức quốc, Ehrenburg khám phá ra một điều, xe lửa của Đức chạy rất đúng giờ. Đối với cậu bé Ehrenburg, chỉ có quỉ sứ mới làm nổi chuyện đó!

Vẫn là chuyện "lập thân tối hạ."

(Theo bài điểm sách của Richard Pipes: "Tangled Royalties, The life and timesof Ilya Ehrenburg, tác giả Joshua Rubenstein, nhà xb Tauris, 464 trang, 1996, đăng trên tờ The Times Literary Supplement, Oct 4, 1996. R. Pipes là nhà sử họcHarvard, cuốn sách sắp xb của ông là The Unknown Lenin

Nỗi Buồn Chiến Tranh, một chút tư liệu.

Trước 1975 tôi quen một tay làm cho tờ Time, chỉ qua cái tên Cao Bồi. Anh bề ngoài hiền khô, ít nói, càng ít nói về bản thân, tôi cũng chẳng hề hỏi. Chúng tôi thường gặp nhau ở quán Cái Chùa, đường Tự Do, những lúc rảnh rỗi, bên ly cà phê, chờ đợi đám bạn cùng một đam mê "nặn xì". Thời gian này, ngoài công việc của một gã chuyên viên vô tuyến điện, tôi còn làm thêm cho hãng tin UPI, công việc hoàn toàn mang tính kỹ thuật, chuyển vô tuyến viễn ảnh. Một lần qua chuyện gẫu, Cao Bồi cho biết, Time tính làm một số báo đặc biệt về Việt Nam, trong có bài giới thiệu hai nhà văn của hai miền. Tôi cũng phải nói thêm, khi còn ông Diệm, báo chí trong nước khỏi nói, đám phóng viên ngoại quốc bị theo dõi rất gắt. Tin tức, hình ảnh chuyển đi phải qua kiểm duyệt, nhất là sau những sự kiện các sĩ quan đảo chánh hụt, dinh Độc Lập bị ăn bom, vụ Phật giáo... Văn phòng chính của họ phải cho người giả làm du khách ghé sân bay Tân Sơn Nhất, ở đó đã có người chờ sẵn, để nhận bản tin hoặc hình ảnh, rồi sau đó lên máy bay đi liền, hệt những điệp viên. Mạch điện đàm quốc tế Saigon-Hongkong thường được các hãng tin "book" sẵn, mỗi lần ngửi thấy mùi là lạ, "something in the air". Chỉ sau khi ông Diệm chết, mới có mạch viễn ký 24/24 trực tiếp từ văn phòng các thông tấn như AP, UPI. Và vô tuyến viễn ảnh, giờ giấc thông tin dành riêng cho các hãng truyền hình...

Tôi nghĩ Time muốn có tiếng nói của hai nhà văn, "đại diện" cho hai miền Nam Bắc, vì cuộc chiến lúc này đang đi vào giai đoạn ác liệt. "Câu chuyện gẫu" trên xảy ra vào năm 1966. Người Mỹ đổ quân tại Đà Nẵng vào năm 1965. Horst Fass, trưởng phòng hình ảnh hãng AP đã đổ hàng ngàn thước phim, chỉ để chụp cảnh Thủy Quân Lục Chiến Mỹ từ những chiếc tầu há mồm lao xuống bãi biển (Cứ làm như Normandie, phóng viên Alain, của hãng thông tấn Pháp AFP, bực bội lên tiếng). Cuối năm 1966, ký giả Harrison E. Salisbury của tờ The New York Times được nhà cầm quyền miền Bắc cho phép "Tới và có một cái nhìn nóng hổi chuyện gì đang xảy ra" (Harrison E. Salisbury, Behind the lines-Hanoi). Đó là một cuộc chiến mà nhà cầm quyền Mỹ muốn, là của họ. Theo nghĩa, muốn ra khỏi bằng chiến thắng. "Mọi người bắt đầu gọi nó, một cuộc chiến bẩn thỉu nho nhỏ. Bẩn thì vẫn bẩn, nhưng nho nhỏ thì hết rồi... Đừng vùi dập nó, đây là một cuộc chiến độc nhất mà chúng ta có", một viên phi công "xi-níc" Mỹ tuyên bố (Harrison E. Salisbury, sách đã dẫn, trang 3). Dĩ nhiên, báo chí Mỹ cũng phát động một cuộc chiến thông tin, độc nhất, của riêng họ.(Trong cuộc chiến Việt Nam hãng tin Reuters của

Anh như cố tình bỏ qua Saigon, hãng AFP, của Pháp, tuy có văn phòng, phóng viên, nhưng không có mạch viễn ký và viễn ảnh, cách loan tin của họ cũng đầy ác ý với Mỹ và miền Nam).

Cao Bồi cho biết, nhà văn miền Bắc tờ Time dự định "tiếp xúc, giới thiệu" là Nguyễn Tuân. Còn miền Nam, một người hiện đang ở Mỹ. Tuy nhiên , sau đó Time bỏ ý định của họ, lý do không rõ.

Sở dĩ nhắc chuyện cũ, vì thời gian sau này, Time có giới thiệu nhà văn Bảo Ninh và cuốn Nỗi Buồn Chiến Tranh của ông.

Khi mới qua đây, tôi được một người quen cho hay, rồi nhân đọc *Hoa Xuyên Tuyết*, thấy hình "ông bạn cũ" ở nơi phần phụ lục: Cao Bồi là Phạm Xuân ẩn, sĩ quan tình báo của miền Bắc.

Trước 1975, khi còn phụ trách trang Văn Học Nghệ Thuật, số ra ngày thứ Bẩy, Chủ nhật của nhật báo Tiền Tuyến, trong một bài điểm sách, của một tác giả, tuy mới viết nhưng đã có vài năm "tuổi lính", nhớ tới Y Uyên, tôi có đưa ra một "lời khuyên" tác giả mà nay tôi không nhớ tên: Hãy cố gắng sống sót, và nếu may mắn sống sót (nếu may mắn hơn Y Uyên), anh sẽ còn phải đụng với một cuộc chiến khác, khủng khiếp cũng chẳng kém: Văn chương!.

Ý nghĩ này, sau 75, tôi gặp lại khi đọc *Người Mẹ Cầm Súng* của Nguyễn Thi, chết trận Mậu Thân, hình như ở Chợ Thiếc. Liên tưởng tới một số bạn bè, một số phóng viên, ký giả ngoại quốc mà tôi đã từng quen biết, đã từng làm việc, trò chuyện... tôi bỗng nhận ra một sự thực, cuộc chiến thật thâm hiểm, thật tàn nhẫn: Nó nuốt sạch những ai thực sự muốn đương đầu với nó.

Theo cách suy nghĩ đó, tôi nghĩ, Bảo Ninh đã "may mắn" hơn nhiều người. Ông thoát chết ở cả hai cuộc chiến. Trong văn chương, ông vượt qua được "cái khúc" nguy hiểm nhất, theo tôi, mà đa số những nhà văn miền Bắc, gục ngã: Đọc họ, những tác phẩm xuất hiện cùng thời gian với tác phẩm của Bảo Ninh, tôi không thấy, cho dù một chút thiện cảm, khi họ viết về miền Nam.

Thượng đế, trong một cơn giận dữ đã tạo nên con người-con vật chính trị (M. Ponty). Cố quên sự giận dữ của Người, tôi đọc các tác phẩm miền Bắc. Đọc Nguyễn Thi, tôi tìm những hình ảnh tuyệt vời của người phụ nữ miềm Nam, tình bà con, lối xóm, theo dõi bước chân bà mẹ trong đêm tạt vội về nhà cho con bú trước giờ vào trận. Đọc Nguyễn Huy Thiệp, thời gian ông dạy học tại một bản làng miền núi, trong văn ông thấp thoáng chất huyền thoại, không vướng mùi lý luận, giải thích, vốn là một thói quen không thể bỏ của đa số tác giả miền Bắc. Đến "Tướng Về Hưu", người đọc nhận ra không khí vất vưởng, cô đơn, bên cạnh tính khô khan

của nhân vật, tính tàn nhẫn của sự kiện (lấy phôi nhi cho heo ăn...), báo hiệu sự xuất hiện của những bạo chúa Caligula sau này.

Tiểu thuyết, nói cho cùng, chỉ là một điều dối trá toan tính một sự thực: Je suis une mensonge qui dit toujours la vérité. Và sự thực manh nha, lấp ló ở trang cuối. Meursault mở lòng mình trước vẻ xa lạ dịu dàng của cõi đời (Je m'ouvrais pour la première fois à la tendre indifférence du monde. A. Camus, L'étranger). Julien Sorel tìm được tình yêu chân chính nơi bà Renal... Kỳ cục thay, con đường văn học xã hội chủ nghĩa hình như đi ngược lại. Từ thành công (những miêu tả cuộc đời thực của từng cá nhân, những tình cảm bà con, lối xóm...) đến thất bại (chủ nghĩa cộng sản như một giải đáp thỏa đáng nhất về một cõi thực chưa hề hiện hữu).

Không giống như "Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh", đây là một cuốn tiểu thuyết về một điều gì hơn cả chiến tranh. Một cuốn sách về chuyện viết, về tuổi trẻ mất mát, nó cũng còn là một câu chuyện tình đẹp, nghẹn ngào (Lời giới thiệu của Geoff Dyer trên tờ Independent, cho bản dịch tiếng Anh của Nỗi Buồn)

Về kỹ thuật viết, Nỗi Buồn là một hồi ức lộn xộn một cách hết sức tự nhiên, như tình trạng "da beo" của cuộc chiến. Người đọc có thể nhảy vô bất cứ đoạn nào, và lập tức toàn bộ cuốn sách phơi mở, bầy tỏ. Chất thơ của hồi tưởng, kỷ niệm, ở ngay cả những đoạn tàn nhẫn, khi viết về pháo bầy, bom trải thảm... Tác giả nhận diện về đứa con tinh thần của ông: "Đây chỉ là một sáng tác dựa trên cảm hứng, chỉ đạo của sự rối bời. Tôi không muốn nói sự điên rồ". Sartre khi đọc Âm Thanh Và Cuồng Nộ của Faulkner, nói, đây là một kỹ thuật của sự hỗn độn, và ông khẳng định: Kỹ thuật tiểu thuyết luôn quy chiếu (renvoyer) về một siêu hình học của tiểu thuyết gia. Với Faulkner, đây là một siêu hình học về thời gian.

Đọc Nỗi Buồn, độc giả cũng có thể mường tượng ra trục thời gian của cuốn truyện, của chuyện tình đẹp, nghẹn ngào, là chuyến tầu định mệnh, khi Kiên đi vào Nam chiến đấu, và Phương chạy theo, rồi "tai nạn" xảy ra. Và đây mới chính là ý nghĩa của cuốn truyện, của Nỗi Buồn: Kiên có thể tha thứ cho cuộc chiến, nhưng không thể tha thứ cho cuộc tình. Độc giả nên nhớ, cuốn truyện lúc đầu có tên "Thân phận tình yêu". Toàn chuyện, mọi hồi tưởng chiến tranh đều đi kèm một hồi tưởng của cuộc tình, của tai nạn, kèm theo một ký ức đau đớn về một lần đã để lỡ: "Chẳng còn đêm nào như đêm nay đâu. Anh muốn hiến đời mình cho sự nghiệp gì đó, còn em quyết định sẽ phung phí đời mình, sẽ hủy diệt nó, trong cuộc loạn ly này".

Hai cái tang, hai nghiệp dĩ trong làng văn

Trong hai tháng đầu năm 1997, làng văn Việt Nam đã có hai cái tang lớn: nhà thơ Trần Dần qua đời tại Hà nội hôm 17 tháng 1, hưởng thọ 73 tuổi, và nhà văn Duyên Anh qua đời tại Paris hôm 6 tháng 2, hưởng thọ 62 tuổi. Hai người cầm bút, một Bắc một Nam đi hai con đường khác nhau, nhưng cùng chung một nghiệp dĩ nặng nề của văn chương. Cái nghiệp của Duyên Anh, đã có bài viết của nhà văn Đỗ Tiến Đức. Xin nói riêng cái nghiệp của Trần Dần.

Trần Dần là một trong những người cầm bút chủ chốt của nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm thời sau hiệp định Genève ở Miền Bắc, nhóm qui tụ được những văn nghệ sĩ uy tín thời bấy giờ để chống lại chủ trương khống chế đàn áp tự do tưởng và sáng tạo của chính quyền cộng sản. Những người trong nhóm đều tham dự hết mình vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, như Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Trương Tửu, Trần Dần, Phùng Quán, Nguyễn Mạnh Tường, Như Mai, Văn Cao, Bùi Quang Đoài, Tạ Hữu Thiện... Phong trào này bị đàn áp thô bạo, nhiều người bị tù đày, quản thúc, bị cấm đoán không được phổ biến tác phẩm ở bất cứ cơ quan truyền thông nào. Nhưng bi thảm nhất là qua bàn tay của Nhà nước, nhiều người đã bị chính những bạn văn của mình (hầu hết là những nhà văn nhà thơ nổi tiếng) thoá mạ, phỉ báng, vu khống, với những lời lẽ mà đọc lại lúc nào cũng thấy lợm giọng. Chưa bao giờ cái liêm sỉ của trí thức văn nghệ sĩ Việt Nam bị thử thách nặng nề cho bằng thời kỳ khủng bố Nhân Văn-Giai Phẩm thời thập niên 50. Nạn nhân bị tước đoạt quyền sống, quyền làm người đã đành. Những cây bút lên tiếng mạ lị bạn mình bị mất hết phẩm cách, bằng chứng trên giấy trắng mực đen còn mãi đó. Trần Dần mới mất đầu năm nay, nhưng phẩm cách của nhiều người viết văn đồng thời của ông đã "tạ thế" từ lâu.

Nhà văn Kinh Dương Vương có kể lại chuyến ra thăm Hà nội khi anh còn ở trong nước. Trước khi đến thăm Trần Dần, anh nghe bạn bè nói rằng từ hồi Nhân Văn, Trần Dần lặng lẽ chịu đựng nghiệp dĩ khắc nghiệt của đời văn, ngồi yên một chỗ suốt mấy mươi năm đến nỗi cái bóng của ông in trên tường thành dấu. Kinh Dương Vương không tin. Sau khi gặp nhà thơ, anh thấy quả đúng như thế. Ánh nắng dọi vào Trần Dần, in vào bức tường vôi, để lại một hình dáng người ngồi màu sáng trong khi phần tường còn lại bị ẩm mốc có mầu sậm loang lổ. Thế ngồi khắc khổ thầm lặng ấy là hình tượng của thân phận văn nghệ sĩ dưới chế độ Miền Bắc, đáng cho các nhà điêu khắc nặn tượng.

HỘP THƯ

Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Trung Việt Bookstore Montréal Canada, Phan Ngọc Minh Frankfurt Germany, Đào Quang Mỹ Norway, Bùi Diễm Âu Laguna Niguel CA, LeChi Do Plano TX, Tôn Thất Ân Medford MA, Đào Kỳ Lân Arlington TX, Trương Quỳnh Ly Kanata Canada, Nguyễn Khắc Hoạch Anaheim CA, Lê Hữu Chất Van Nuys CA, Quách B. Nhung Kent WA, Nguyễn Do Kinh San Diego CA, Vũ Quỳnh Hương San Jose CA, Hung Phan Tacoma WA, Huynh thi Hạnh DDS Westminster CA, Hoài Ziang Duy Falls Church VA, Ngô Kỳ Phong Montreal Canada, Nguyễn Đăng Võ Olympia WA, Trần Huy Bích Carson CA, John C. Diep Boynton Beach FL Ngô Minh Hằng, Paramus NJ, Ngày Nay Bookstore Houston TX, Đỗ Bá Hạnh Olympia WA, Vạn Giả Quebec Canada, Thu Phạm L.A. CA,, Hoàng Ngọc Khôi Toronto Canada, Thu Doan Plano TX, Lê Thủy Trường Westminster CA, Nguyễn thị Diệu Anh Australia, Châu thị Quỳng Hương Australia, Dương Cẩm Vân Australia, Dương Vĩng Khương Australia, La Thạch Hà Australia, Trần Thế Đức Australia, Lê Hữu Nghĩa Australia, Nguyễn văn Tạ Australia, Phạm Chi Australia, Nguyễn Hữu Sâm Australia, Thuận & Rick Y Rochester MN, Nguyễn thị Ngọc Dung Australia, Nguyễn H. Lân Seattle WA, Lâm Chương Dorchester MA, Trương văn Hùng Paramount CA, Rev. Thích Minh Đức Redwood City CA, Lê Trung Định Atascadero CA, Fung Ngo Oakland CA, Rev. Đinh Công Huỳnh Philadelphia , Nguyễn Quý Đức SF CA, Võ Đình Royal Palm Beach FL, Hồ Sĩ Hùng San Jose CALưu Thiện Huệ, Nguyễn thị Vị (anh Thọ trao lại), Trần văn Phê St Paul MN, Dr Hoa Nguyen Ottawa Canada, Dương Phước Luyến West Palm Beach FL, Nguyễn văn Nga Metairie LA, Hân Nguyễn Philadelphia PA, Ngọc Tâm Lexington KY, Lai thị Nghĩa Fairoaks CA, Ecole Francaise d'Extreme Orient, Bib Nat. de France, Phan Thanh Vân Dallas TX, Tưởng Năng Tiến San Jose CA, Nguyễn Khánh Hòa New Orleans LA, Nicole Barry Newcastle WA, Anh Ho Jan Jose CA, Phan thị Trọng Tuyến France, Vũ Nam Gomaringen Germany, Ngô Nhựt Tân Gloucester Canada, Đinh Cường (đổi địa chỉ), Tôn thất Quỳnh Tiêu Richardson TX, Nguyễn Minh Đức Montréal Canada, Nguyễn thị Thu Thảo San Diego CA, Vivian Nguyễn Milpitas CA,Nguyễn Dũng Tiến Fort Lauderdale FL, Trương thị Mỹ Nam Australia, Library of Congress

D.C., Phạm văn Minh Australia, Hồ Đăng Định Renton WA, Liên Châu San Jose CA, Nguyễn Đức Thanh Emporia KS, Hanh Nguyen Fairfax VA, Minh Vo New Orleans LA, Phuong Nguyen Garland TX, Đặng Hiền Fountain Valley CA, Nguyễn N. Thanh Simi Valley CA.

● **Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:**

Năm bài ngũ ngôn gửi từ Garden Grove CA, Tuyệt nhiên gửi từ Fountain Valley CA, Thời điểm Nguyễn Du viết Truyện Kiều gửi từ Toronto Canada, Chuyện tình cờ gửi từ Worcester, MA, Cái Văn, Cái Vẽ và Cái Đẹp gửi từ Ryl Palm Beach FL Một cái Tết quê nhà gửi từ Anaheim CA, Đôi mắt bên kia gửi từ Westminster CA, Hẹn một ngày về, Mai tôi chết, Nói với những người bạn đồng minh, Thân cỏ mục, Tình thầm, Ba mươi ngày giỗ mẹ gửi từ Paramus NJ, Mưa bay chiều đông gửi từ Beaverton OR, Đọc lại Hoàng Hạc Lâu gửi từ Memphis TN, Trong vườn tôi hoa phù dung đã nở gửi từ Del City OK, Đám cưới, Tâm thần gửi từ San Francisco CA, Xiêu lệch trụ, Tường chắn âm gửi từ San Gabriel CA, Người đàn bà ngồi chờ một mình, gửi từ Montreal Canada, Mùa đông, Máy trợ thính gửi từ Issaquah WA, Chút hương kỷ niệm gửi từ The Netherlands, Từ phương pháp tiếp cận đến việc lý giải sự xuất hiện một lưu phái văn học gửi từ Frankfurt Germany, Những nhánh sông buồn, Mùa xuân ta chúc gì nhau, Lá thư xuân gửi từ Paramus NJ, Hắn, Để trả lời một bức thư, Đòi lại trái tim gửi từ San Jose CA, Nhân đọc bài chữ i và y, gửi từ Bergen Norway, Cái Tết Nô-en đầu-tiên của tôi tại Mĩ gửi từ SF CA, Mẹ gửi từ Atlanta GA, Vấn nạn của Bill gửi từ Portland OR, Phạm Duy người nghệ sĩ tự do gửi từ London, Gửi, Cái bát gửi từ Lindberg Germany, Sông về tới bến gửi từ Roxboro QUE Canada, Mưa buổi sáng trên xa lộ phía Nam gửi từ Westminster CA, Phỏng vấn nhà văn Tạ Tỵ gửi từ Westminster CA, Bài đưa biệt...Và núi gửi từ Sacramento CA, Đêm huyễn mộng gửi từ Gauting Germany, Bổ túc bài Lộc trại...gửi từ Germany, Khúc hát dung hòa gửi từ Orlando FL, Chuồn chuồn và Cóc gửi từ S.F. CA, Ôi Paris...gửi từ Royal Palm Beach FL, Dòng sông và tôi gửi từ F.V. CA, Chết, Chôn...gửi từ Garden Grove CA, Điều kỳ diệu trong sương mù, Mưa gửi từ Garden Grove CA, Dòng sông và Tôi gửi từ F.V. CA, Sinh nhật của thằng Tú, Hắn, Tiên học lễ gửi từ Norway, Mây bay qua gửi từ Dorchester MA, Đào Uyên Minh thơ chọn dịch gửi từ Cherry Hill NJ, Triết lý dân tộc qua tục ngữ gửi từ Paris France, Mưa gửi từ Emporia KS, Bốn mùa gửi từ Garden Grove CA, ở lại cùng cây cỏ gửi từ Middleburg FL, Southeast Asia Archives Newsletter UCI Thị Lộ

gửi từ Atlanta GA

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại. Xin cảm tạ quí văn hữu đã kèm theo diskette để tránh lỗi chính tả ngoài ý muốn của tác giả. Hiện nay Văn Học đang dùng nhu liệu VNU (Windows), và để tránh những sai sót khi lên trang, xin quý bạn gửi kèm bản in thử với diskette, và save bài trong diskette dưới dạng text only (saved as text only). Điều vô cùng quan trọng là xin quí bạn ghi rõ nhu liệu các bạn dùng trên nhãn diskette để tránh khó khăn cho Tòa soạn.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

📖 ***Tháng Giêng tháng Bảy buồn như nhau***, tập truyện đầu tay của Hoàng Nga, Làng Văn xuất bản, sách dày 206 trang, giá 12 Mỹ kim. Sách gồm 14 truyện ngắn đặc sắc của một cây bút nữ từng được bạn đọc Văn Học yêu mến. Từ khi Trần Vũ cho in "Ngôi nhà sau lưng văn miếu" năm 1990, đây là tập truyện đầu tay vào loại xuất sắc của văn chương hải ngoại. Truyện nào của Hoàng Nga cũng hay, tác giả có tài kể những chuyện bình thường trong đời sống gia đình với một giọng văn thông minh, tinh nghịch, lôi cuốn người đọc một cách tự nhiên, nhưng đọc xong truyện Hoàng Nga lúc nào cũng có một dư vị buồn man mác. Ngòi bút của Hoàng Nga linh hoạt nhất trong những chuyện lấy nhân vật là đàn bà, và qua đời sống những nhân vật nữ này, hiển hiện cả một thời đại. Một tác phẩm cần đọc.

Sách hiện có bán tại các hiệu sách qua nhà phát hành Làng Văn, Canada.

📖 ***Cò đùm***, tập truyện ngắn của Doãn Quốc Sỹ, Văn Nghệ xuất bản, Thay lời Tựa của Hoàng Khởi Phong, bìa của Khánh Trường, sách dày 140 trang, giá 8 Mỹ kim. Hoàng Khởi Phong cho rằng tác giả không cố ý làm văn chương, chỉ muốn dùng văn chương ghi lại những chiêm nghiệm của ông về thăng trầm của lịch sử, như cách lấy ngón tay chỉ mặt trăng, và yêu cầu bạn đọc nên chú ý tới mặt trăng, ngón tay chỉ là phương tiện. Nhận định của người viết tựa có lẽ không chính xác cho nội dung toàn tập truyện. Nhất là truyện Cò Đùm. Đây là một truyện tiêu biểu cho nhân cách tinh thần và văn phong Doãn Quốc Sỹ, giống như "Chiếc chiếu hoa cạp điều". Muốn có sách xin liên lạc nhà xuất bản Văn Nghệ.

📖 ***Đường mây trên đất hoa,*** của

Đạt và Nguyên Phong phóng tác, Văn Nghệ xuất bản, giá 13 Mỹ kim.

Nhà xuất bản giới thiệu như sau về tác giả: "Ngài đã chứng kiến năm triều đại Mãn Thanh, cuộc chiến tranh Nha phiến, chiến tranh Trung Nhật, hoà ước Nam kinh, cách mạng Tân Hợi, cuộc nổi dậy của Thái Bình Thiên Quốc và Nghĩa Hoà Đoàn. Ngài đã trải qua những nội ưu, ngoại hạn của thời thành lập Trung Hoa Dân Quốc, Nam Bắc chiến tranh, Ngũ Tứ vận động. Ngài đã chia sẻ những khổ đau kinh hoàng của dân chúng trong thế chiến thứ nhất, thứ hai, cũng như những cuộc tranh chấp giữa các phe phái quân phiệt, các đảng phái như Quốc Dân đảng, Cộng sản đảng...Bất chấp mọi khó khăn trở ngại và tình hình chính trị xáo trộn, ngài vẫn ung dung hoằng pháp, xây dựng hàng chục cảnh chùa, trùng tu hằng trăm tháp tổ, dạy dỗ hàng nghìn tăng chúng, truyền giới cho hàng trăm nghìn người..."

Tác phẩm tu học của một đại sư Trung Hoa từng trải qua nhiều thăng trầm như chúng ta, nên rất cần thiết cho các Phật tử.

📖 ***Nửa đời còn lại***, tác phẩm cuối cùng của nhà văn, nhà khảo cổ Vương Hồng Sển, bìa của Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản, sách in đẹp, dày 440 trang, giá 18 Mỹ kim. Giống như lối viết của "Hơn nửa đời hư", tác phẩm này cũng có cách kể chuyện cà kê mộc mạc, dí dỏm và sâu sắc, là văn phong đặc biệt miền nam của Vương Hồng Sển. Liên lạc nhà xuất bản Văn Nghệ để có đủ bộ tác phẩm của Vương Hồng Sển xuất bản tại hải ngoại.

📖 ***Chỉ là hư không***, tác phẩm thứ tư được xuất bản của nhà văn Trần Sỹ Lâm (sau Hoài niệm 1989, Nỗi buồn sau lưng 1992, Cùng một màu áo 1995), Đông Văn xuất bản, sách dày 210 trang, giá 12 Mỹ kim. Tác phẩm là một tuyển tập 13 truyện ngắn mà theo nhận xét của nhà văn Bùi Bích Hà trong Lời Bạt, "nhân vật chính của 13 truyện ngắn ấy đều là những người phụ nữ Huế, dưới nhiều nhân dáng khác nhau nhưng cùng có chung một thân phận, gánh chịu nhiều bất hạnh trong chiến tranh, trong tình phụ, trong các định chế xã hội khắc nghiệt thời đại họ". Về văn phong, Bùi Bích Hà so sánh tác giả như "một người làm vườn, yêu thiên nhiên và vẻ đẹp, đi nhặt những đóa hoa tàn rụng quanh gốc cây, đặt bông hoa lên tay nhìn ngắm ngậm ngùi". Sách do nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành.

📖 ***Việt Nam, ngày tôi trở về,*** tiểu luận của Lê thị Thấm Vân, Anh Thư xuất bản, sách dày 110 trang, in đẹp, giá 8 Mỹ kim. Đây là những ghi nhận của Lê Thị Thấm Vân trong chuyến trở về thăm quê hương, và vì là một cây bút trẻ trưởng thành ở Hoa Kỳ, nhờ không

mang nặng những ám ảnh của quá khứ nên ghi nhận của Thấm Vân có những nét độc đáo riêng.

Muốn mua sách xin liên lạc Trần Mạnh

P.O. Box 360923, Milpitas CA 95035, USA

📖 ***Về Bắc***, tập truyện ngắn của Lập Phương, Mõ xuất bản, sách dày 274 trang, giá 10 Mỹ kim. Lập Phương là một tác giả trẻ sinh trưởng và lớn lên ở Miền Bắc, gia đình thuộc thành phần chịu nhiều ngược đãi của chế độ nên đã vượt biên và định cư ở Hoa Kỳ. Kinh nghiệm sống đó giúp Lập Phương viết ra tác phẩm đầu tay này. Trần Kiêm Đoàn nhận xét như sau về truyện Lập Phương trong lời Tựa: "Từ những mảnh vụn của đời sống, đến nnhững hình ảnh đặc trưng, nhất là nghệ thuật mô tả và nghệ thuật sử dụng từ, Lập Phương đã đưa người đọc về lại Miền Bắc, một miền Bắc với trùng trùng cảm xúc ai oán của nhiều thế hệ, khi trên từng thể xác và giữa mỗi tâm hồn mang đầy thương tích chiến tranh". Sách hiện có bày bán tại các hiệu sách.

📖 ***Mặt trời, lá và em***, thi tập của Thái Thụy Vy, Sông Phố xuất bản, tranh bìa Đinh Cường, phụ bản tranh Thái Tuấn, Phạm Cơ, Minh Hoàng, Nguyễn Trọng Khôi, Nguyên Khai, bạt của Phạm Lệ Thúy, thơ in mực tím trên nền giấy vân thật đẹp. Tác phẩm thứ tư được xuất bản của Thái Thụy Vy (sau Nụ hôn loài lan tím dại 1992, Vũ điệu loài lan tím hoang 1994, Hoa tím niềm riêng 1995.). Rõ ràng thi sĩ là người say mê màu tím, nên thơ trong tập là thơ tình thơ mộng, như màu tím học trò. Muốn có tập thơ liên lạc phone (703) 534-0724.

📖 ***Sau cuộc đổi đời***, tập truyện của Dương Tiến Đình, tác giả tự xuất bản, tựa của nhà văn Nguyễn Tấn Hưng, Bạt của nhà văn Đạt Thạnh, sách dày 224 trang. Tập truyện gồm 12 truyện ngắn viết về những cảnh cười ra nước mắt của Miền Nam sau 1975, viết bằng một lối văn đơn giản dễ hiểu, không cầu kỳ rắc rối, nhưng đọc rất hấp hẫn. Nội dung truyện có ý hướng chống cộng được viết khéo kể khéo nên không nặng nề chất tuyên truyền. Sách tặng không đề giá bán và địa chỉ liên lạc để mua.

Tìm mua tại các hiệu sách:
Tháng Giêng tháng Bảy buồn như nhau
Tập truyện đầu tay của nhà văn Hoàng Nga
Làng Văn xuất bản

Tìm mua những tác phẩm giá trị do Thanh Văn xuất bản:

VẾT XƯỚC ĐẦU ĐỜI
tập truyện ngắn của
Trần Doãn Nho
Sách dày 251 trang, giá 12 Mỹ kim

VĂN, SỬ, Y, DƯỢC TRONG TRUYỆN CHƯỞNG KIM DUNG
biên khảo của
Trần văn Tích
Sách dày 214 trang, giá 12 Mỹ kim

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT
của Thiền sư Tây Tạng Sogyal Rinpoche
Bản Việt dịch của Trí Hải
Sách dày 436 trang, giá 18 Mỹ kim

MARIE SẾN
truyện dài của Phạm thị Hoài
Sách dày 160 trang, giá 10 Mỹ kim

SÓNG TRÔI
Tập truyện của Ngụ Thuyết
Sách dày 240 trang, giá 12 Mỹ kim

NHỮNG BÀI DÃ SỬ VIỆT
Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường
Sách dày 430 trang, giá 18 Mỹ kim

Liên lạc Nhà Phát hành Văn Nghệ
P O Box 2301, Westminster CA 92683
Phone: (714) 527-5761

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Đã phát hành khắp nơi:

Dưa Cà Mắm Muối
Tập truyện của Hà Thúc Sinh.
Gồm 12 truyện ngắn, dày 114 trang, giá 6.00 Mỹ Kim

Về
Tập truyện của Hà Thúc Sinh.
Gồm 9 truyện ngắn, dày 130 trang, giá 7.00 Mỹ Kim.

Lời Của Quá Khứ
Tập truyện của Khế Iêm.
Gồm 9 truyện ngắn, dày 120 trang, giá 7.00 Mỹ Kim.

Sống Và Viết
Tùy bút của Võ Phiến,
Sách dày 170 trang, giá 10.00 Mỹ Kim.

Người Đàn Bà Sau Tấm Quảng Cáo
Tập truyện của Hoàng Thị Bích Ti
Gồm 10 truyện ngắn, dày 130 trang, giá 8.00 Mỹ Kim

Dấu Quê
Thơ Khế Iêm, giá 7.00 Mỹ Kim

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc
nhà phát hành VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301 Wesminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 527-5761

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____Apt.____

Thành phố _____Tiểu Bang_____Zip_____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn____năm, từ số____tháng____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Van Hoc. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT

SOGYAL RINPOCHE

TRÍ HẢI dịch

Tạng Thư Sống-Chết không những là một tuyệt tác về tâm linh mà còn là một sách dẫn, một cẩm nang, sách tham khảo, và một nguồn cảm hứng thiêng liêng. "Trong một thời đại cực kỳ nguy hiểm như ngày nay, khi nhiều người trong chúng ta đang tìm kiếm sự hướng đạo minh triết và những giải đáp soi sáng cho ta về cách sống cuộc đời mình và cách đối mặt với cái chết, thì tác phẩm này đang cống hiến một sự hướng đạo như thế, một vài giải đáp như thế. Nó đã được viết ra để gợi cảm hứng cho người đọc khởi sự cuộc hành trình tiến về giác ngộ, để thành những "sứ giả hòa bình" theo như tác giả gọi, những người làm việc với trí tuệ và tình yêu thương, để trực tiếp góp phần vào sự cứu vãn tương lai nhân loại.

Sách có bán tại các tiệm sách, hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301, Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 527-5761

VĂN NGHỆ

NXB VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone: (714) 527-5761

SÁCH MỚI 1996

• **Viết Cho Mẹ và Quốc Hội** (tái bản)	hồi ký chính trị *Nguyễn Văn Trấn*	**20 MK**
• **Thư Gửi Bạn Ta I** (tái bản)	*Bùi Bảo Trúc*	**16 MK**
• **Lý Luận và Phê Bình, 20 Năm Văn Học Việt Ngoài Nước**	*Bùi Vĩnh Phúc*	**27 MK**
• **Cấu Trúc Thơ**	*Thụy Khuê*	**13 MK**
• **Thư Gửi Bạn Ta II**	*Bùi Bảo Trúc*	**16 MK**
• **Thơ v.v... và v.v...**	*Nguyễn Hưng Quốc*	**14 MK**
• **Tử Tù Tự Xử Lý Nội Bộ**	hồi ký *Trần Thư*	**15 MK**
• **Về Vùng Chiến Tuyến**	hồi ký *Lê Xuân Nhuận*	**15 MK**
• **Mặt Trận Ở Sài Gòn**	truyện ngắn *Ngô Thế Vinh*	**12 MK**

SÁCH PHÁT HÀNH

• **Tạng Thư Sống Chết**	*Sogyal Rinpoche*, Trí Hải dịch	**18 MK**
• **Marie Sến**	truyện *Phạm Thị Hoài*	**10 MK**
• **Hồi Ký Ngoài Văn Chương**	hồi ký *Thế Phong*	**13 MK**
• **Nguyễn Du: Đại Thi Hào Dân Tộc**	*Phạm Công Thiện*	**18 MK**
• **Em Ơi Biết Đâu Tìm**	truyện *Kiệt Tấn*	**12 MK**
• **Một Bông Hồng Cho Cha**	truyện *Võ Hồng*	**7 MK**
• **Hoa Trôi Trên Sóng Nước**	*Nguyên Phong*	**13 MK**

* Ngoài Hoa Kỳ xin thêm 2 MK cho sách giá dưới 18 MK, thêm 3 MK cho sách trên 20 MK.
* Xin liên lạc Văn Nghệ để nhận Thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản.

Giá:$4.00